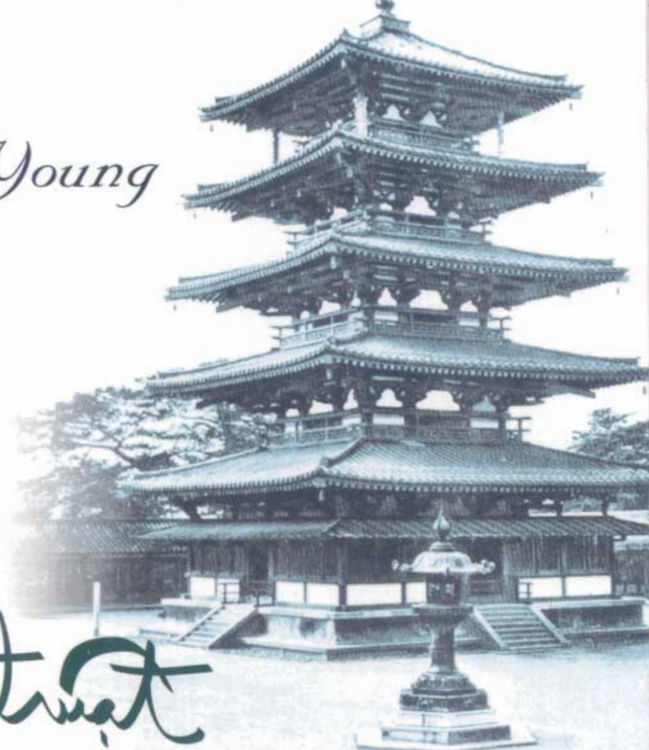
David
& Michiko Young



Nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản





NHÀ XUẤT BẢN MỸ THUẬT

David & Michiko Young

Nghệ thuật KIẾN TRÚC NHẬT BẢN

Người dịch: Lưu Văn Hy





Nhà xuất bản Mỹ thuật

Lời giới thiệu

Trong suốt chiều dài lịch sử, kiến trúc Nhật Bản đã phát triển theo nhiều phong cách đa dạng và độc đáo. "***Nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản***" là một cái nhìn tổng quát về nghệ thuật kiến trúc Nhật bản trong bối cảnh văn hóa và lịch sử từ cổ đại đến ngày nay. Tác giả trình bày, dẫn chúng và lý giải kèm theo những hình ảnh, biểu đồ minh họa từ chỗ ở buổi đầu là hầm hố đến lâu đài, nhà ở, phòng trà; sau đó là đền chùa Phật giáo, các điện Thờ Thần đạo, các nhà hát và thành quách... Tất cả đều bắt nguồn từ những cấu trúc từ thời tiền sử cho đến những biệt thự, cao ốc đầy đủ tiện nghi tân kỳ và hiện đại vào cuối thế kỷ 20.

Sự đan xen những phong cách kiến trúc suốt 12.000 năm được phân tích đầy dủ để nêu bật những thay đổi chính yếu trong nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản. Chặng đường dài thay đổi được tạo ra từ nhiều yếu tố: sự thâm nhập của văn hóa Phật giáo từ Triều Tiên và Trung Hoa, sự ảnh hưởng của kiến trúc bản địa, sự phát triển của chế độ phong kiến, ảnh hưởng văn hóa phương Tây và sự thích ứng hài hòa của phong cách kiến trúc thế giới thể hiện ở những cao ốc hiện đại.

Thông qua tất cả những thay đổi này, phong cách kiến trúc truyền thống , vốn bị kềm chế, đã phát triển trong sự tương phản rõ ràng để cuối cùng dẫn đến một phong cách truyền thống cởi mở hơn, phản ánh đầy đủ những đặc trưng căn bản đa dạng của nền văn hóa Nhật Bản.

Phát triển của kiến trúc truyền thống Nhật Bản



Tháp canh ở Yoshinogari, làng Yagoi, Kyushu được tái tạo.

Kiến trúc truyền thống Nhật Bản có thể được sắp xếp tổ chức thành các nhóm phổ hệ chính trên cơ sở các nguồn gốc lịch sử và những ảnh hưởng về phong cách nghệ thuật. Nhóm quan trọng nhất chủ yếu bao gồm các loại lâu đài, nhà ở và phòng trà bắt nguồn từ những cấu trúc có từ thời tiền sử. Những nhóm chính khác là những nơi ở của người bình dân được lấy mẫu từ các cấu trúc hầm hố thời tiền sử, những đền chùa Phật giáo, các điện thờ Thần đạo, các nhà hát, và những thành quách. Biểu đồ dưới đây được đơn giản hóa hầu nhấn mạnh các khuynh hướng chính.

CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ

THỜI (JŌMON) (Thằng Văn)

10000-300 Tr. CN.

THỜI YAYOI

300 Tr. CN.-300 CN.

THỜI GÒ ĐỐNG

300-710 (chồng chéo với các giai đoạn sau này)



Togudo ở Đền Ginkakuji, Tây Kinh.



THỜI NARA (Nại Lương)

710-794

THỜI HEIAN (Bình An)

794-1185

Đền thờ Thần đạo Yasaka, Tây Kinh (Kyoto)

THỜI ASUKA

538-645

THỜI HAKUHO

645-710



Đền Todaiji, thời Nara.



THỜI KAMAKURA (Liêm Thương)

1185-1333

Lâu đài Osaka, Osaka



Các cấu trúc có từ thời tiền sử.

Kura.

Nhà ở của các thủ lĩnh thời tiền sử.

Các lầu đài thời đầu lịch sử.

Khu nhà lớn thời Shinden.

Hoàng cung ở Tây Kinh

Kinkakuji

THỜI MUROMACHI (Thất Điền)

1333 -1573

Các dinh thự kiểu Shoin

Trà thất Shoin

Ginkakuji

THỜI MOMOYAMA (Đào Sơn)

1573 -1600

Trà thất Sõan

Nhà ở kiểu Sukiya

THỜI EDO

1600 -1868

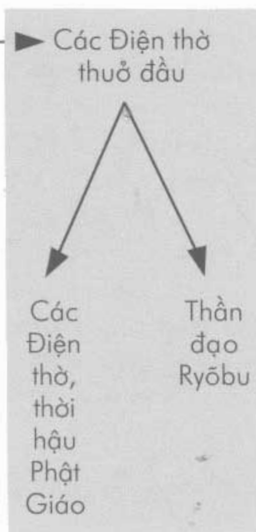
Lâu đài tách biệt Katsura

Nhà ở hiện đại thời kỳ đầu

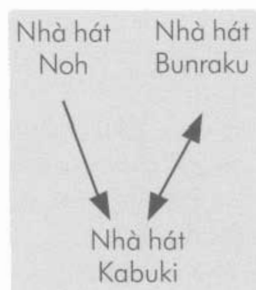
THỜI MEIJI (Minh Trị)

1868 -1912

Hoàng cung Đông Kinh







Thành quách

CÁC PHẦN VĂN BẢN. CÁC NỀN VĂN HÓA THỜI KỲ TIỀN- PHẬT GIÁO

Các ảnh hưởng từ Triều Tiên và Trung Hoa.

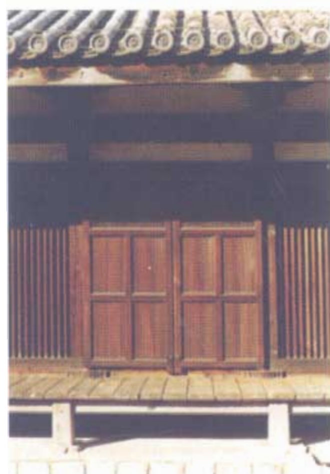
Phát triển bản sắc văn hóa.

Võ sĩ đạo.

Tập quyền.

Nhật Bản buổi giao thời.

Những nguyên tắc cơ bản của thuật kiến trúc Nhật Bản



Sở thích gỗ của người Nhật được minh họa ở sảnh đường Zenshitsu của đền Gangōji, thành phố Nara.

Nhiều phong cách kiến trúc đã phát triển suốt chiều dài lịch sử Nhật Bản. Tuy thế, có vài nguyên tắc cơ bản có thể là đáng quan tâm, nhưng sự thể phức tạp được trình bày ở những trang tiếp theo. Một số trong những nguyên tắc cơ bản này nói lên các giá trị cốt lõi đã ảnh hưởng như thế nào đến việc chọn các vật liệu, kỹ thuật và mẫu thiết kế xây dựng. Những nguyên tắc khác nhấn mạnh các quá trình văn hóa như mối quan hệ giữa sự dung dị và hoa mỹ cùng niềm say mê bảo tồn quá khứ.

Sở thích các vật liệu và khung cảnh tự nhiên

Kiến trúc truyền thống Nhật Bản có đặc điểm là sở thích các vật liệu tự nhiên, đặc biệt là gỗ. Vì gỗ có thể truyền dẫn hơi thở nên nó phù hợp với khí hậu của Nhật Bản. Gỗ hấp thu độ ẩm trong những tháng ẩm ướt và nhả hơi ẩm khi không khí khô. Với sự bảo dưỡng đúng mức và tu sửa theo định kỳ, các cấu trúc cột và xà có thể kéo dài cả ngàn năm. Những vật liệu xây dựng tự nhiên khác thường là tranh, vỏ cây, và đất sét được dùng để lợp mái, còn đá được dùng làm bệ đỡ cột, lót nền nhà và néo các dàn mái rộng. Kết hợp với việc sử dụng các vật liệu tự nhiên là sở thích những đường nét thẳng, không đối xứng, dung dị về thiết kế, và giảm nhẹ, được minh họa bằng các điện thờ Thần đạo thời tiền-Phật giáo, các điền trang, các trà thất với nội thất hiện đại trang nhã.

Còn có sở thích về khung cảnh tự nhiên. Sau khi Phật giáo được truyền bá từ lục địa, sự cân đối của các khu chùa chiền Trung Hoa sớm

nhường chỗ cho các chùa chiền trên núi có cách bố trí bất cân xứng.

Dung dị và hoa mỹ

Tuy nhiên, còn có một khía cạnh khác của nền văn hóa Nhật Bản không được biết đến rõ ràng-cảm tính về màu sắc hoa mỹ và tính phức tạp của hình dáng-trái với truyền thống hạn hẹp với tính đơn giản và không cân đối. Điều này được minh họa bằng các điện thờ, chùa chiền, và lăng tẩm theo phong cách Trung Hoa ở Nikko. Các dinh thự như thế có đặc điểm là sự tương phản mạnh giữa các cột màu đỏ son và các bức tường trát vữa màu trắng, những đồ trang trí trau chuốt, những đường cong, cân xứng, khuôn mẫu kiểu dáng dựa theo tự nhiên. Cả truyền thống dung dị và hoa mỹ được ưa chuộng tùy thời và nơi chốn, tùy theo cơ hội. Thí dụ, các lễ đài được thiết kế để gây ấn tượng thường loè loẹt hơn kiến trúc nhà ở, nơi có chủ đích là mang lại bầu không khí trang nhã và thoải mái.

Sự quan tâm đến chi tiết

Bất kể những trường hợp dù là dung dị hay hoa mỹ, các kiến trúc sư, nhà thầu, và thợ thủ công Nhật rất chú ý tới tiểu tiết. Cả khi ấn tượng toàn diện của tòa nhà là giản dị, nhất là khi được ngắm từ xa, nhưng khi quan sát cận cảnh người ta thường phát hiện tòa nhà có nhiều



Thuật khắc gỗ trên phần dưới cửa, cũng như các trước tác kim loại giúp tôn tạo cây cột kế bên, cả hai phần cổng của đền Higashi Honganji ở Tây Kinh, minh hoạ sự quan tâm đến chi tiết là tiêu biểu của nhiều tòa nhà truyền thống.



Sau hai lần bị hoả hoạn, đại sảnh (daibutsuden) của ngôi đền Tōdaiji ở Nara nhỏ hơn nhiều so với lúc đầu. Hiện nó vẫn là toà nhà bằng gỗ một mái lớn nhất thế giới, bên trong có một tượng Phật thật lớn.

chi tiết làm gia tăng sự thú vị. Việc quan tâm tới tiểu tiết tác động cả các nét đặc trưng của kỹ thuật và thiết kế. Thí dụ, về mặt kỹ thuật, phần gỗ phức tạp theo kết cấu truyền thống khiến nó như thể không dùng tới đinh và để khi tu sửa định kỳ có thể tháo dỡ ra được. Về mặt thiết kế, những cột chống mái chìa khớp vào nhau của ngôi chùa Phật giáo có thể khá phức tạp. Tuy nhiên, mẫu mã cơ bản của các rầm chìa được lặp đi lặp lại để tạo nhịp thị giác sao cho nó thật hòa hợp.

Ảnh hưởng bản địa và nước ngoài

Qua nhiều thời kỳ khác nhau, xã hội Nhật bị tràn ngập những ảnh

hưởng văn hóa của nước ngoài. Vào thời đầu, những ảnh hưởng này chủ yếu là từ Triều Tiên và Trung Hoa; gần đây hơn, hầu hết là từ châu Âu và Mỹ. Trong cả hai trường hợp, người Nhật đón nhận các ảnh hưởng của nước ngoài và tìm cách mô phỏng những gì mà họ thấy là mang dáng dấp văn hóa hơn. Rốt cuộc, khi sự đáp ứng đã khắc sâu, những ảnh hưởng nước ngoài được đồng hóa và tạo thành một bộ phận của truyền thống Nhật, có khi còn bị các nền văn hóa nước ngoài áp đảo. Nhưng người Nhật được tiếng là khéo pha trộn những ảnh hưởng khác nhau thành những phong cách mới để diễn tả các giá trị và sở thích thẩm mỹ cơ bản của Nhật.

Bảo tồn quá khứ

Nỗ lực đáng kể được dùng để bảo tồn các tòa nhà cổ. Việc này đòi hỏi cách xử lý những lợi thế và những nhược điểm của gỗ, vật liệu xây dựng phổ biến nhất theo truyền thống ở Nhật Bản. Gỗ dễ sử dung, có thể tạo thành nhiều hình dáng khác nhau, và có thể được dùng để tạo kết cấu nhằm kháng lại những trận động đất. Nhược điểm chính của gỗ là nó dễ bị mục và cháy. Người Nhật có nhiều cách xử lý các nhược điểm này.

Đổi mới thường xuyên gồm cả tập tục xây cất lại theo định kỳ, được kết hợp với các điện thờ Thần đạo thời kỳ đầu, hơn kém giống bản gốc của tòa nhà, sau khi tòa nhà cũ đã đổ. Điển hình nhất của việc này là Ise Jingū, điện thờ quan trọng nhất trong các điện thờ hoàng gia. Việc tân tạo thường kỳ có khi thái quá do quá quan tâm đến tình trạng hư hại, vì lẽ có khi những cây cột được chôn trực tiếp xuống đất mà những điện thờ thời đầu thường làm, thế nhưng chúng vẫn đứng vững cho đến khi tòa nhà được tháo dỡ và xây mới.

Một thông lệ chung trong truyền thống Nhật Bản là Tái Chế vật liệu, như việc sử dụng gỗ và ngói lợp của những ngôi đền bị sập, bị lửa thiêu rụi hoặc chiến tranh tàn phá theo một cách riêng, hay có khi là cố ý giật sập để xây dựng hoặc tu sửa lại. Thí dụ, ngói được phát minh tại Trung Hoa khoảng 4.000 năm trước, nhưng những loại ngói cũ rõ ràng không được sử dụng lại. Thế nhưng, ở Nhật Bản, ngói của các ngôi đền, dinh thự bị tháo dỡ thường được thu hồi và dùng để làm những tòa nhà mới thường liên



Chính sảnh và Thiền sảnh của đền Gangōji. Ngói màu sặc sỡ rất đẹp này được các thợ thủ công Triều Tiên làm vào Thời Asuka là những viên ngói cổ xưa nhất ở Nhật. Những viên ngói gần đây hơn được sử dụng ở đường dốc mái liền kề bên phải có màu sắc đồng nhất hơn.

quan đến những lần dời đô trong thời kỳ đầu.

Bảo tồn là thói quen thực hiện các bước để cứu vãn những bộ phận kiến trúc đang mục nát, và gia cố các kết cấu đang có nguy cơ dễ sập. Thí dụ, ngôi Chùa năm tầng Honmonji ở Đông Kinh được xây dựng từ năm 1608. Sau 400 năm, ngôi chùa đã phát sinh một số sự cố nghiêm trọng. Các rầm chìa của mái hiên gie ra đang bị võ do sức nặng của mái và phần đáy của nhiều cột ở tầng trệt đã bị mục. Cứ sự thường thì tất cả những phần này sẽ được thay thế. Thế nhưng, vì sợ rằng ngôi chùa sẽ mất đi giá trị văn hóa của nó nếu làm như thế, nên các phần bị tổn hại của ngôi chùa được bơm sợi carbon. Nhờ cách này, 70 phần trăm những phần hư hại được bảo tồn.

Tương phản với việc bảo tồn, tân tạo bao gồm việc sửa đổi cấu trúc để làm cho nó phù hợp kiểu dáng đương thời hoặc để nó có thể đáp ứng các nhu cầu của chức năng tu chỉnh. Một trong những thí dụ thú vị nhất của việc tân tạo là trường hợp của Higashi Chōshūden, dinh thự được xây dựng hồi đầu thế kỷ thứ VII (Thời Nại Lương) dành cho những người làm việc cho chính phủ trong cung điện Heijōkyō. Dinh thự này đã được tân tạo như một ngôi đền khoảng năm 760 khi được chuyển thành một Giảng đường của ngôi đền Tōshōdaiji ở Nara. Trong quá trình tân tạo, độ dốc của mái được tăng thêm và hình dáng được thay đổi. Thêm nữa, các nhịp giữa các cột được xây kín bằng những bức tường,

cửa ra vào và cửa sổ để làm cho nó giống với những ngôi đền khác cùng thời. Giảng đường này lại được tân tạo lần nữa hồi thế kỷ XIII cho nó hợp thời hơn.

Trong việc *phục chế*, những phần của cấu trúc đã bị tàn phá do các lực thiên nhiên, thí dụ như hỏa hoạn hoặc bị hư hại qua thời gian mà không thể cứu vãn, sẽ được thay thế. Nói tiếp chuyện của ngôi đền Toshodaji ở trên, khi mà vào năm 2000 người ta quyết định phục chế khu Chính sảnh, một mô hình theo tỉ lệ thu nhỏ 1/10 được dựng lên với những kích thước chính xác theo từng phần của ngôi đền. Dàn khung chính của sảnh bao gồm 20.000 phần cài vào nhau rất khóp giống như bảng đồ chơi ráp nối khổng lồ, không sử dụng đinh nên có thể tháo rời nó ra mà không gây hư hại gì nhiều. Từng mảnh gỗ được tháo rời đều được ghi chú rõ vị trí lúc đầu của nó, và được tái tạo khi cần.

Thông thường thì, không còn gì để bảo tồn, tân tạo hoặc phục chế. *Sự tái thiết* ám chỉ nhu cầu tái dựng một cấu trúc không còn tồn tại, hoặc thay thế những phần của một cấu trúc đã bị biến hư hại. Thí dụ, vào năm 1967, đền Yakushiji ở Nara khởi sự một chương trình tái thiết quy mô về huy hoàng của Thời Nại Lương nguyên thủy. Dự án đầu tiên là khôi phục lại Chính sảnh đã bị tàn phá vài thế kỷ trước. Không còn có những bản vẽ về ngôi đền, nhưng may là ngôi đền còn giữ tư liệu của Thời Heian mô tả khu liên hợp gốc của nó. Trên cơ sở này và chứng cứ khác, như sự khai quật khảo cổ của khu vực gốc, và sau chín năm cất công, Chính sảnh đã được tái thiết đúng vị trí gốc của nó.

Hiện trạng và chức năng

Đã nhiều thế kỷ, Nhật Bản là một xã hội tôn ti, nhấn mạnh đặc biệt thân thế, uy quyền, và quyền lực. Những sự khác biệt về phong cách kiến trúc nói lên chất liệu khác nhau về phẩm chất. Ở một chừng



Cận cảnh của cây cột của đền Hōryūji, gần Nara, cho thấy một phương pháp bảo tồn: cắt bỏ miếng gỗ bị mục và thay nó bằng một miếng mới cùng chất liệu.



Tái tạo Chính sảnh ngôi đền Yakushiji ở Nara được hoàn tất năm 1976, sau khi đã bị tàn phá hàng thế kỷ trước đó, trên cơ sở chứng cứ khảo cổ, tư liệu Thời Bình An, và một ngôi chùa còn lại trên mặt nền.

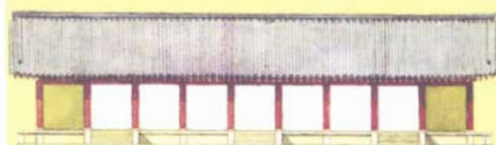
mục nào đó, lịch sử kiến trúc truyền thống Nhật có thể được xét dưới dạng tương phản giữa kiến trúc của thành phần ưu tú và kiến trúc của quần chúng. Kiến trúc của thành phần ưu tú được minh họa bằng các cung điện và biệt thự cùng với các đền chùa và điện thờ do những người cầm quyền bảo trợ. Kiến trúc quần chúng là nhà của ở nông trại và các cửa hiệu của thương nhân. Tuy nhiên, hai truyền thống này không thể hoán chuyển. Đôi khi chúng sát nhập với nhau, như trong trường hợp của một phú nông có cả phòng theo đúng phong cách Shoin, liên kết với những khu sang trọng, trong nông trang của ông ta.

Những khác biệt về phong cách kiến trúc cũng có liên quan với những khác biệt về chức năng. Vì thế phong cách của điện thờ Thần đạo và chùa chiền Phật giáo hoàn toàn khác nhau, mặc cho chúng đều là các công thự tôn giáo. Thế nhưng, chúng ta không nên quá nhấn mạnh những khác biệt này. Kiến trúc Thần đạo và Phật giáo thường ảnh hưởng nhau, và đã có thời hai tôn giáo này còn kết hợp, tạo thành phong cách kiến trúc tôn giáo chiết trung.

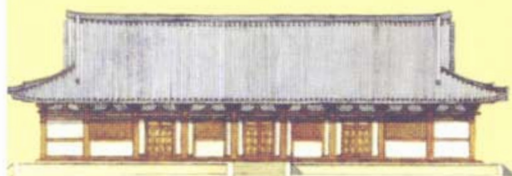
Cấu trúc cho thấy cụ thể nhất tình trạng và chức năng là *cổng*. Các loại cổng có ý nghĩa thiết thực để hạn chế lối vào các khoảng đất trống. Chúng cũng có ý nghĩa biểu tượng trong đó thiết kế, kích thước, và vật liệu của chúng biểu thị điều gì đó về sự giàu sang và quyền lực của chủ nhân của chúng hoặc của người đi vào. Sau đây là một vài thí dụ diễn giải.

Torii là cổng không có cánh của đánh dấu lối vào khu điện thờ Thần đạo. Theo nghĩa đen, *torii* có nghĩa là "nơi các chú chim ở". Một số học giả ám chỉ rằng lúc đầu *torii* có thể là nơi những con chim thiêng đậu, giống như những con gà đóng vai trò trong thần thoại nổi tiếng về nữ thần mặt trời, tổ mẫu của hoàng tộc. Bất kể nguồn gốc của *torii*, chức năng chính của chúng là phân chia tuyến đường giữa thế giới trần tục bên ngoài và không gian linh thiêng bên trong nơi thần minh (kami) ngự trị. *Torii* được làm bằng gỗ, đá, hay kim loại và đôi khi được sơn màu đỏ. Kích thước của chúng khác nhau, có thể nhỏ như những torii ở lối vào điện thờ của nhà hàng xóm, hay đồ sộ như đường vào của khu vực điện thờ. Sau khi Phật giáo được du nhập

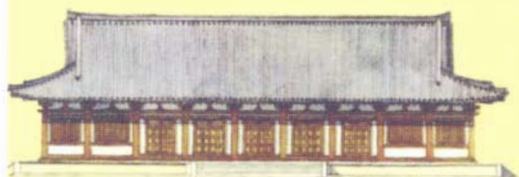
Các thí dụ về sự tân tạo: Giảng đường ở Đền Toshodaiji ở Nara phải dời đi và được dựng lại.



Mô hình Higashi Chōshūden (trụ sở của chính quyền) thế kỷ VIII, tại lâu đài Heijōkō. Mô hình này đặt ở viện Bảo tàng Lâu đài Heijō ở Nara.



Mô hình Higashi Chōshūden sau khi đã được dời đến đền Tōshōdaiji vào thế kỷ thứ VIII và được ráp lại thành Giảng đường. Mô hình được đặt ở viện Bảo tàng Lâu đài Heijo ở Nara.



Giảng đường ngày nay.







Không có một thiết kế theo bộ các cổng vườn và chúng có thể được làm bằng những vật liệu khác nhau.

vào, nhiều điện thờ chính chọn cổng theo mẫu của Phật giáo, giữ lại một hoặc vài *torii* làm lối vào.

Các đền chùa thời kỳ đầu ở Nhật Bản được dựa vào tập quán rào giậu những dinh thự quan trọng có cổng ở hướng nam của Trung Hoa. Có ba loại cổng đền cơ bản. Thứ nhất, loại cổng một tầng đơn, có thể được kết cấu với những kích thước khác nhau và có thể thay đổi khá nhiều về độ phức tạp các đồ trang hoàng. Thí dụ, *karamon* là cổng một tầng đơn tương đối nhỏ có mái cong theo phong cách Trung Hoa và các đồ trang hoàng lộng lẫy. Thứ hai, *rōmon* là cổng hai tầng với mái đơn. Ba là, *nijūmon* là cổng hai tầng có mái đôi. Rōmon và nijūmon thường có các vị thần bảo hộ trong các hốc ở hai bên lối vào.

Lúc đầu *nijūmon* được sử dụng ở các khu đền chùa rộng rãi Thời Nại Lương như Todaiji và Yakushiji, nhưng cũng tiêu biểu của thời Jodo sau này và các Thiền viện và tu viện. *Rōmon* được sử dụng cho cả hai loại đền chùa và cho nhiều điện thờ chính thời hậu-Phật giáo, một sự mô phỏng của *nijūmon* có mái bên trên tầng thứ nhất được thay bằng bao lơn đơn giản. Sự chọn lựa loại cổng nào tùy thuộc vào tình trạng và chức năng của ngôi đền.

Một thí dụ rõ về việc sử dụng các loại cổng biểu trưng quyền lực là cổng samurai. Tướng quân Tokugawa thứ ba, Iemitsu, quy định rằng mọi đại chủ (daimyo) được sắp xếp để yết kiến tướng quân theo nghi thức (onari) tại dinh thự của

Các loại cổng chùa và điện thờ

Tầm quan trọng của chùa chiền và điện thờ thường được biểu thị bằng kích thước và sự phức tạp của các cổng, có ba loại cổng cơ bản: cổng một tầng đơn, cổng hai tầng với mái đơn, và cổng hai tầng với mái đôi.



Nõmon: tám hoặc mười hai cột, hai tầng, hai mái, thí dụ đền Chionin, thành phố Tây Kinh.



Munemon: hai cột, một tầng, thí dụ đền Enshơji, quận Nara.



Shikyakumon: bốn cột, một tầng, thí dụ đền Enryakuji, quận Shiga.



Yatsuashimon: tám cột, một tầng, thí dụ đền Ishiyamadera, quận Shiga.



õmon: tám hoặc mười hai cột, hai tầng, một mái, thí dụ đền Tơdaji, thành phố Nara.

họ ở Edo, được chuẩn bị cho dịp này các tiện nghi đặc biệt, quan trọng nhất cái cổng tinh xảo được gọi là *onarimon*.

Hiện không còn cái cổng Edo *onarimon* nào nữa, nhưng phong cách của nó lấy làm mẫu cho karamon của đền Nishi Honganji ở Tây Kinh. Lúc đầu cổng sứ giả nhà vua ở lâu đài Momoyama của Hideyoshi tại Fushimi, cổng này được dời đến Nishi Honganji khi lâu đài của Hideyoshi bị phá hủy. Năm 1632 nó được xây lại nhân cuộc thăm viếng của Iemitsu. Hoàng đế tuân theo một phong tục tương tư. Khi nhà vua sắp xếp chương trình thăm viếng một ngôi đền hay cung điện, hoặc phái sứ giả nhân danh ông ta, người ta phải chuẩn bị những tiện nghi đặc biệt, kể cả cổng chào.

Điện thờ, chùa chiền, và các cổng samurai phần lớn mang tính biểu tượng, tương phản với những cổng lâu đài thường mang ý nghĩa rất thiết thực về mặt phòng thủ. Nhiều lâu đài đã được xây dựng dưới Thời Đào Sơn (1573-1600) khi Nhật đang trong tiến trình hợp nhất về mặt quân sự. Nếu một kẻ xâm phạm nào tính chuyện vượt qua hào, hắn phải băng qua cổng chính (Ōtemon) và lần theo dãy hành lang rối rắm gồm nhiều cổng và những ngõ cụt. Có ba loại cổng lâu đài cơ bản. Loại đầu, *koraimon* (cổng theo phong cách Triều Tiên), mái đầu hồi tựa lên những cây cột. Loại thứ hai, *uzumimon* (cổng được gắn vào), được xây trực tiếp vào các bức tường của lâu đài, còn loại thứ ba, *yaguramon*, là cấu trúc bằng gỗ có mái hình tháp - và - đầu hồi tựa trên tường bằng đá. Những cổng *uzumimon*, cơ bản có những lỗ ở trong tường, có thể được gắn bằng đất và sỏi, còn những cổng *yaguramon* có thể được chặn bằng những cánh cổng nặng bằng gỗ có những thanh ngang bằng sắt. Cổng chính vừa là để phòng vệ vừa mang tính biểu tượng mà kích cỡ cũng như kết cấu của nó nói lên tầm ảnh hưởng và sự giàu sang của đại chủ.

Dưới Thời Edo, các thường dân thường không được xây cổng cho nhà riêng. Khi các công dân trung lưu bắt đầu xây cổng cho nhà riêng của họ dưới thời Minh Trị, họ thường xây những cái mái lớn cân đối thật ấn tượng theo kiểu truyền thống. Vào những năm gần đây, người ta có khuynh hướng xây những ngôi nhà thông thoáng và



Cổng màu đỏ son khổng lồ của điện thờ Itsukushima, trên đảo Miyajima, dường như nổi trên mặt nước. Cấu trúc hiện nay, được đỡ bằng bốn "chân," cao 16 mét có niên đại từ năm 1875.

thuận lợi. Một khu có tường bao quanh với cái cổng làm lối vào, thế nhưng vẫn mang dáng dấp bình dân. Những ngôi nhà theo phong cách truyền thống, và cả một số ngôi nhà hiện đại, có những khu vườn nhỏ, thường được bố trí cách ra bởi hàng rào tạm và cái cổng làm lối vào. Mục đích của khu vườn và cổng không hẳn để gây ấn tượng gì cho người khác cho bằng mang lại vẻ riêng biệt và thư thả trong một thế giới đầy bận rộn.

Các nền văn hóa tiền-Phật giáo



1. Đỉnh phía nam của Sakhalin.
2. Làng Shiraoi Ainu và Bảo tàng viện
3. Khu Sannai.
4. Khu Phế tích Fudōdō.
5. Điện thờ Ise.
6. Vùng Kinki.
   Vùng Yamato.
   Lkegami-sone.
   Lăng mộ của Nintoku.
7. Điện thờ Izumo.
8. Khu Yoshinogari Yayoi.

Vào thời tiền sử, tộc dân tới Nhật từ những vùng khác nhau của châu Á. Khởi đầu họ là những người săn bắt và hái lượm, rồi sau đó các cư dân thuở đầu này phát triển nghề gốm, canh nông, ổn cư lâu dài, và càng ngày càng điêu luyện về thuật kiến trúc. Họ được tổ chức thành các thị tộc, một trong những thị tộc dần dần thống trị và thiết lập nhà nước Yamato và dòng dõi hoàng gia ấy hiện còn trị vì.

Thời tiền - đồ gốm (?–10.000 trước Công nguyên)

Trong cuối thời Băng hà (kỷ Pleistocene), phần lớn nước trong các đại dương đóng thành băng, vì thế mực nước biển trên toàn thế giới thấp xuống. Có lúc trước cuối




Nhà nằm sát đất (*Heichi Jūkyo*) trong đó các cây sào được uốn vòng tới đỉnh và được lợp bằng rạ, vừa là tường vừa là mái, nền đất là nền nhà.

kỷ Pleistocene, khi mà mực nước biển còn thấp, việc tới các đảo Kyushu và Hokkaido còn dễ dàng, những nhóm tộc dân khác nhau từ lục địa châu Á gồm những dân săn bắt và hái lượm đã vào Nhật Bản. Một số tới miền nam Nhật qua bán đảo Triều Tiên; số khác vào miền bắc Nhật từ quần đảo Sakhalin; và số khác nữa từ phía nam có thể tới thẳng đây bằng thuyền bè.

Vì thế dân Nhật không phải là tộc người đồng chủng như nhiều người nghĩ. Những cư dân thuở đầu tiên thuộc thời Đồ Đá cũ này đã có trong tay nhiều loại công cụ bằng đá tinh xảo nhưng chưa có đồ gốm và chưa có nền nông nghiệp ổn định. Người ta biết rất ít về sự xuất hiện và lối sống của họ, mặc dù bằng chứng khảo cổ đang được tích lũy dần.

Thời Thằng Văn (10.000–300 trước Công nguyên)

Khoảng 12.000 năm trước đây, khi thời Băng hà chấm dứt, khí hậu ấm lại và mực nước biển dâng cao, phân cắt Nhật Bản khỏi lục địa. Nền văn hóa mới được khai sinh ở những vùng rừng lan toả nhanh, và người ta bắt đầu biết sử dụng đồ gốm. Những con người của thời



Nhà trên mặt đất phẳng được tái dựng ở khu tiền sử Ikegami-sone, quận Osaka, mái rạ được đỡ trên các bức tường có những cây cột được phủ bằng tranh.

đồ gốm này được gọi là Thời Thằng Văn, do thói quen tạo hoa văn cuộn vòng ép lên bề mặt ẩm của những chiếc bình mới làm của họ, một số loại bình thì hữu dụng trong khi những thứ khác có hình thù quá sức kỳ quái. Con người Thời Thằng Văn vẫn săn bắt và theo lối sống của tổ tiên của họ, được bổ sung thêm thuật làm vườn ở quy mô nhỏ, bao gồm việc gieo trồng một số loại ngũ cốc. Chứng cứ gần đây thừa nhận rằng vào cuối Thời Thằng Văn, dân cư trong các vùng ôn đới của Nhật có thể đã kinh qua một nền nông nghiệp lúa nước ở một quy mô nhỏ.



Nhà cửa trên đất phẳng, như cấu trúc tạm này, được sử dụng cho tới gần đây làm nơi ngăn cách theo lễ nghi đối với mẹ và con nhỏ.

Nhà cửa của Thời Thằng Văn có thể được phân thành những loại khác nhau. Theo hệ thống phân loại, *heichi jukyo* (nhà cửa trên nền đất phẳng), lúc đầu được phát triển trong thời tiền-đồ gốm, là những cấu trúc đơn giản, nền đất được coi như nền nhà; *tateana jūkyo* (nhà cửa dạng hang) là nhà có mái hoặc tường liền với mái, kết cấu của chúng là hình tròn hay hình chữ nhật; và *hottatebashira tatemono* (các dinh thự có cột chôn xuống đất), dạng nhà cửa, dinh thự lớn hơn có nền và mái được chống đỡ bằng dàn cột-với-xà, cột chôn thẳng xuống đất chứ không tựa lên các tảng đá như thời sau này. Đôi khi nền của thời sau này là nền đất phẳng (*hiraya tatemono*) nhưng cũng có khi được nâng cao lên (*takayuka*), như trong trường hợp các nhà kho hay vọng gác.

Nhà cửa dạng hang thường không thích hợp với những vùng ẩm ướt hoặc những nơi mà hệ thống thoát nước thiếu thốn. Thế nhưng, dưới những điều kiện phù hợp, nhà dạng hang giúp chống lại giá rét khi đông về và nắng nóng lúc hè sang.

Những cấu trúc trên mặt bằng tạm thời, nhà cửa dạng hang, và các cấu trúc được nâng nền vẫn hữu dụng trong thời Yayoi và vẫn tồn tại suốt dòng lịch sử. Cho tới gần đây, người ta vẫn cho rằng kho lẫm có nền được nâng cao đã được phát triển lần đầu trong thời kỳ Yayoi. Tuy nhiên, những phát hiện gần đây nhất lại cho thấy nhà dạng kho lẫm xuất hiện sớm hơn cả Thời Thằng Văn.

Thời Yayoi (300 trước Công nguyên–300 Công nguyên)

Khoảng năm 300 trước Công nguyên, hoặc sớm hơn đôi chút, tộc người mới và những ảnh hưởng văn hóa đến từ bán đảo Triều Tiên, đưa nghề luyện kim, nền nông nghiệp lúa nước quy mô lớn dựa vào sự dẫn

thủy nhập điền, đồ gốm được tạo bằng bàn xoay. Lúc đầu được tập trung ở phía bắc Kyushu, thoạt tiên, dường như tộc người Thời Yayoi đánh nhau với những người bản địa Thời Thằng Văn, nhưng cuối cùng đã hòa lẫn và lai giống với họ. Sự pha trộn này tạo nên nền tảng cho tộc người và văn hóa Nhật Bản ngày nay. Nhiều nét riêng của nền văn hóa Nhật có niên đại từ tộc người Wa, tộc người được các trình thuật lịch sử Trung Hoa lúc đầu gọi như thế. Một số học giả cho rằng tộc người Ainu, chỉ được phát hiện gần đây ở Hokkaido và Sakhalin, có thể là hậu duệ của một nhánh phía bắc của tộc người Thời Thằng Văn tránh được sự pha trộn tự nhiên và văn hóa với tộc người Thời Yayoi. Tuy nhiên, nguồn gốc của tộc người Ainu vẫn còn là một vấn đề đang tranh cãi.

Sự thịnh vượng ngày càng gia tăng là do cách sống mới, với nền nông nghiệp lúa nước thâm canh, đã tạo nên những nét độc đáo về của cải và cơ cấu giai cấp chớm hiện. Cuối cùng, sự gia tăng dân số và phân tầng xã hội đã tạo thành hơn trăm tiểu quốc nằm dưới sự cai quản của nhiều thị tộc được biết đến là *uji*. Thủ lãnh của thị tộc là lãnh đạo cả đời và đạo.

Thời Gò đống Lăng mộ (300–710 Công nguyên)

Vào khoảng năm 300 Công nguyên, như là một hoặc nhiều thị tộc của Thời Yayoi nắm được địa vị ưu thế hơn các thị tộc khác, nên vào khoảng giữa thế kỷ thứ VI đã dựng nên chuỗi triều đại vua chúa đã đưa tới sự cực thịnh là Nhà nước Yamato. Bang quốc Yamato, được định vị ở vùng quanh những thành phố Nara, Tây Kinh, và Osaka (khu



Nhà được nâng cao để bảo vệ lúa gạo, cuối cùng đã phát triển thành các điện thờ Thần đạo. Theo mẫu ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Nhật.

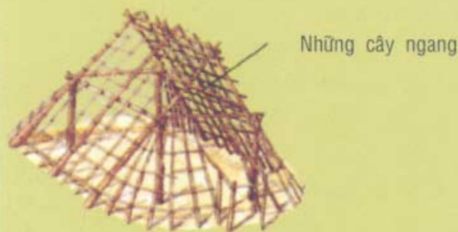
kinki), đã cai quản một vùng rộng lớn, trải từ phía tây Kyushu tới phía đông Kanto. Hoàng gia Nhật hiện nay được kể là triều đại hoàng gia lâu đời nhất thế giới, từ thời bang quốc Yamato.

Thời Gò đống Lăng mộ, tên gọi được phát xuất từ tục chôn cất các vua chúa và quan quân trong các lăng mộ bằng đá được phủ thành những gò lớn, kéo dài từ khỏang năm 300 Công nguyên (hoặc trước đó đôi chút) cho đến khỏang năm 710. Nó chồng chéo với sự du nhập của Phật giáo hồi giữa thế kỷ thứ VI. Được du nhập từ Trung Hoa và Triều Tiên, Phật giáo được coi là nền văn minh tiến bộ của lục địa, vì thế đã chấm dứt kỷ nguyên tiền sử. Tuy nhiên, thời Gò đống Lăng mộ còn kéo dài hơn kém 200 năm nữa.

Nhà ở dạng hang









Nhà ở dạng hang được cất lên bằng cách đào một hố có chiều sâu khoảng một mét và các cọc chống dàn khung hình chữ nhật để tạo các sườn dốc. Người ta lợp rơm lên để gia cố các cạnh, để các lỗ hổng ở đỉnh để thông khói.

Tái dựng các khu định cư Thời Thằng Văn và Yayoi





Phía ngoài và trong của một nhà dạng hang lớn được dùng để cất giữ hoa màu ở khu Phế tích Fudōdō Thời Thằng Văn.

Việc tái dựng quá khứ rất phổ biến ở Nhật. Người Nhật rất quan tâm về cội nguồn của họ và rất muốn đi tới những nơi hẻo lánh để thăm những khu khảo cổ. Chính quyền đáp ứng theo mức độ khác nhau bằng cách đầu tư mạnh vào việc tái dựng những tòa nhà và những nét kiến trúc đặc trưng ở những địa điểm thời tiền sử, quan trọng nhất là những nơi được xác định là khu Phế tích Lịch sử Quốc gia.

Khu Phế tích Sannai Maruyama

Khu Phế tích (Iseki) Sannai Maruyama ở quận Aomori là địa điểm của một ngôi làng Thời Thằng Văn đã tồn tại khoảng 1.500 năm, từ năm 3500 tới 2000 trước Công nguyên. Những phát hiện ở Sannai Maruyama đã làm thay đổi ý kiến của các học giả về các cộng đồng thời Thằng Văn. Trái với những gì người ta tin tưởng trước đây cho rằng tộc người thời Thằng Văn có lối sống nguyên sơ dựa vào việc săn bắt động vật, nhà cửa ở Sannai Maruyama đã ổn định ở một nơi trong một thời gian dài, trồng trọt một số cây lương thực như hạt dẻ, mua các loại hàng hóa được đưa tới bằng thuyền bè đến từ các vùng khác nhau của Nhật, chôn cất người chết, và sống hiếu hòa với xóm



Lỗ thông khói trên mái của căn nhà dạng hang ở khu Phế tích Fudōdō.

giềng. Cho đến giờ, việc tái dựng đã hoàn tất được một ngôi nhà lớn và năm nhà dạng hang nhỏ, và ngôi nhà có nền được tôn cao, và một ngôi nhà có các cột được chôn xuống đất (có thể được dùng làm vọng gác), có khi có mái. Ủy ban chuyên viên từ các lĩnh vực kiến trúc, khảo cổ và dân tộc học đang tiếp tục nghiên cứu cách tiến hành việc tái dựng.

Khu Phế tích Fudōdō

Nằm ở góc đông bắc của Quận Toyama, Fudōdō có niên đại khoảng năm 3000 trước Công nguyên. Những khai quật bắt đầu từ năm 1973 và cho đến nay đã phát hiện 19 địa điểm nhà ở, chín hố sâu dường như được sử dụng để cất giữ lương thực, và nhiều bình bằng đất và đá. Nổi tiếng đặc biệt là chứng cứ về ngôi nhà dạng hang rất lớn hình bầu dục, khuôn khổ 8 x 17 mét nằm giữa khu định cư. Nó lớn hơn những ngôi nhà bình thường bốn đến năm lần, có bốn cấu trúc bằng đá để nấu nướng, và người ta cho rằng đây là nơi tụ họp. Đến nay nhà hội này và hai ngôi nhà khác đã được tái dựng.



Yoshinogari là một khu vực rộng lớn thời Yayoi bao gồm hai vùng nhỏ hơn dành cho những công trình xây dựng quan trọng nhất, một nằm ở phía bắc và một nằm ở phía nam. Hình mô tả ở đây là những nhà cửa được tái dựng ở khu phía nam vào năm 1986. Chúng được bao bọc bởi một hàng rào nằm trên đỉnh bức tường bằng đất và cái hào. Có lối vào ở hai đầu và các tháp canh ở hai bên. Các nhà kho được nâng cao và nhiều nhà dạng hang nằm bên ngoài khu tường rào.

Khu Phế tích Yoshinogari

Yoshinogari, thuộc Quận Saga, Kyushu, nằm trên một ngọn đồi thấp, hai mặt được bao quanh bởi một con sông. Những khai quật, khởi vào năm 1986, đã phát hiện các khu dân cư trải dài toàn thời Yayoi (300 trước Công nguyên-300 Công nguyên). Vào khoảng thời gian muộn hơn giữa thời Yayoi, một khu định cư quy mô lớn có hào vây bọc. Những khai quật đã phát hiện nhiều bộ hài cốt được chôn cất trong các bình gốm và một nền văn hóa quan trọng phong phú, gồm các đồ dùng bằng đồng thau và những chuỗi hạt bằng thủy tinh. Cả các bộ hài cốt và các phế tích vật chất cho thấy nguồn gốc Triều Tiên.



Ngôi nhà dài ở Sannai Maruyama

Các nhà khảo cổ học đã phát hiện khu phế tích gồm 800 ngôi nhà dạng hang và 120 ngôi nhà có cột-và-xà ở Sannai Maruyama. Ngôi nhà dài mà ta thấy ở đây, dựa vào mô hình tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Nhật, là ngôi nhà dạng hang lớn nhất. Vì kích cỡ của nó, người ta tin rằng đây là ngôi nhà công cộng được dùng để hội họp hoặc tổ chức lễ hội. Dàn mái đồ sộ của nó được tựa trên các bức tường, không như hầu hết ngôi nhà dạng hang nhỏ có mái tựa thẳng lên mặt đất.

Vào khoảng cuối Thời Yayoi, Yoshinogari có hai khu vực nhỏ hơn nằm trong một vùng lớn, được phân cách bằng các hào và hàng rào. Những ngôi nhà quan trọng nhất được cất ở những khu vực nhỏ hơn này, một nằm ở phía nam và một nằm ở phía bắc. Năm 1986, người ta cho tái dựng hai tháp canh và ba căn nhà dạng hang ở khu vực có rào ở phía nam, và cả hai nhà khi được nâng nền ở phía tây của khu vực có rào này.

Việc tái dựng khu vực có rào ở phía bắc được tiến hành từ năm 1999. Khu vực này có vài khu nhà, có lẽ là của vị thủ lĩnh, gồm một nhà dạng hang và vài ngôi nhà được tôn nền, trong đó có một nhà lớn được cho là điện thờ thuở đầu. Những ngôi nhà được tôn nền khác là các tháp canh, kho lẫm, và một nhà được vị tộc trưởng dùng để ở, sinh hoạt chính trị, tôn giáo và lễ hội-một hình thức dinh thự thuở đầu. Tuy nhiên, có lẽ khó xây nhà bếp trên nền cao, vì thế việc nấu nướng được bố trí ở nhà dạng hang. Vào thời sau này, những phương pháp mới đã giúp người ta có thể làm nhà bếp trên những ngôi nhà được tôn nền.

Phải thừa nhận sự thể đây là khu định cư lớn nhất có hào bao quanh của thời Yayoi, và nó được phát triển thành một bộ phận chủ yếu khi có Nhà nước Yamato, Yoshinogari được xác định là khu Phế tích Lịch sử Quốc gia Đặc biệt.

Khu Phế tích Ikegami-sone

Địa điểm của Thời Yayoi này nằm ở Quận Osaka, toạ lạc trên một ngọn đồi thấp được bao quanh bằng cái hào, với những con sông (nay không còn nữa) chảy tới phía đông và tây. Cũng như ở Yoshinogari, một khu tường rào nhỏ hơn được dành cho vị thủ lĩnh, và cả những khu xưởng chế các dụng



Hình bên trái: *Iegata haniwa* (mô hình nhà bằng đất sét) được tìm thấy ở khu Saitobaru, Quận Miyazaki.

Hình bên phải: Bình thời Yayoi ở Bảo tàng Văn hóa Quận Osaka của khu Karako Quận Nara, mô tả một cấu trúc vươn cao.





Nhà lễ hội ở Ikegami-sone được tái dựng ở khu Yayoi. Các thành phần của ngôi nhà được buộc chặt lại với nhau (xem hình bên trên phía phải), là những ngôi nhà thường thấy vào thời tiền sử và sau này là nhà ở các nông trang. Vì các sợi dây có thể co giãn, các ngôi nhà này có thể di động lúc bão tố nên không gây tổn hại nghiêm trọng. Kế bên là một ngôi nhà được lợp khá tốt, được làm bằng cây long não được đục rỗng, có lẽ được sử dụng cử hành nghi lễ tẩy uế được nối với ngôi nhà lớn. Những hình này có được nhờ Thành phố Izumi cung cấp.

cụ bằng đá và những loại hàng hóa khác. Ikegami-sone đã là một nơi định cư trong suốt Thời Yayoi, từ năm 300 trước Công nguyên tới năm 300 Công nguyên.

Cuộc khai quật quy mô lớn được thực hiện giữa các năm 1969 và 1971. Năm 1994, người ta đã tìm thấy tàn tích của một tòa nhà lớn khoảng 6,9x19,2 mét với khu vực nền chừng 130 mét vuông, Những phần của 17 cây cột còn nằm dưới đất. Việc sử dụng các phương pháp ghi niên đại hiện đại đã xác định rằng một trong những cột này đã được cắt vào năm 52 trước Công nguyên, khoảng giữa Thời Yayoi. Cho đến nay, người ta đã tái dựng một căn nhà dạng hang và nhà có cột-và-xà.

Nét đặc trưng nổi bật của ngôi nhà này là sử dụng các cột dày ở đầu chịu dàn mái treo lớn. Không như hầu hết kho lẫm được nâng cao của thời Yayoi, ngôi nhà này sử dụng các đầu cột theo kiểu dáng của các điện thờ Thần đạo, như những điện thờ ở Ise và Izumo, sẽ được bàn tới trong phần kế tiếp. Trên thực tế, nhà lễ hội ở Ikegami-sone có thể là một điện thờ thuở đầu.



Một điện thờ được tái dựng từ khu có tường rào ở phía bắc Yoshinogari. Như những nhà kho được nâng cao, điện thờ này được dựng trên những cây cột được chôn xuống đất. Có thể nó có những nét đặc trưng của các điện thờ Thần đạo sau này, như các hàng hiên bao quanh không gian nội thất. Thật khó biết được nó có hai tầng theo sự tái dựng này hay một tầng, như các điện thờ sau này, chẳng hạn các điện thờ ở Ise.

Thay đổi quan niệm

Từ lâu người ta nghĩ rằng tộc người Thời Thằng Văn sinh sống giản dị bằng nghề săn bắt và hái lượm trước khi biết trồng trọt, sống trong những ngôi làng nhỏ chỉ có chừng dăm hay sáu ngôi nhà dung dị, sử dụng các dụng cụ bằng đá, và sống nhờ vào thịt lợn rừng, hươu nai, sò ốc hoang dã và hạt dẻ. Trái lại, người ta tin rằng người Thời Yayoi đã mang theo họ từ lục địa một nền văn hóa tinh tế hơn nhiều, bao gồm những hình thức kiến trúc tiên tiến.

Mặc dù có một số sự thật chắc chắn về sự khái quát này, không nên quá nhấn mạnh nét đặc trưng giữa hai nền văn hóa. Những phát hiện gần đây cho thấy mặc dù những ngôi làng Thời Yayoi đã được củng cố vững chắc thêm và

cho thấy mức độ phân tầng xã hội mạnh hơn, những ngôi làng Thời Thằng Văn đôi khi còn lớn, đa dạng, và tồn tại lâu qua nhiều giai đoạn thời gian. Hơn nữa, người Thời Thằng Văn đã dùng thuyền để đi khá xa, biết buôn bán với những vùng cách xa như Hokkaido và phía tây Honshu. Các loại hàng hóa nhập khẩu gồm có ngọc bích và các dụng cụ bằng đá vỏ chai, cá, và nhựa đường. Nhựa đường được trộn với đất sét để làm các loại đồ dùng và trang trí các bức tượng nhỏ bằng đất sét. Người Thời Thằng Văn còn trồng cây hạt dẻ và có kinh nghiệm trong việc trồng các hoa màu khác. Một trong những phát hiện thú vị nhất là có sự liên tục đáng kể giữa thuật kiến trúc của Thời Thằng Văn và Yayoi.

Chứng cứ được được sử dụng trong việc tái dựng

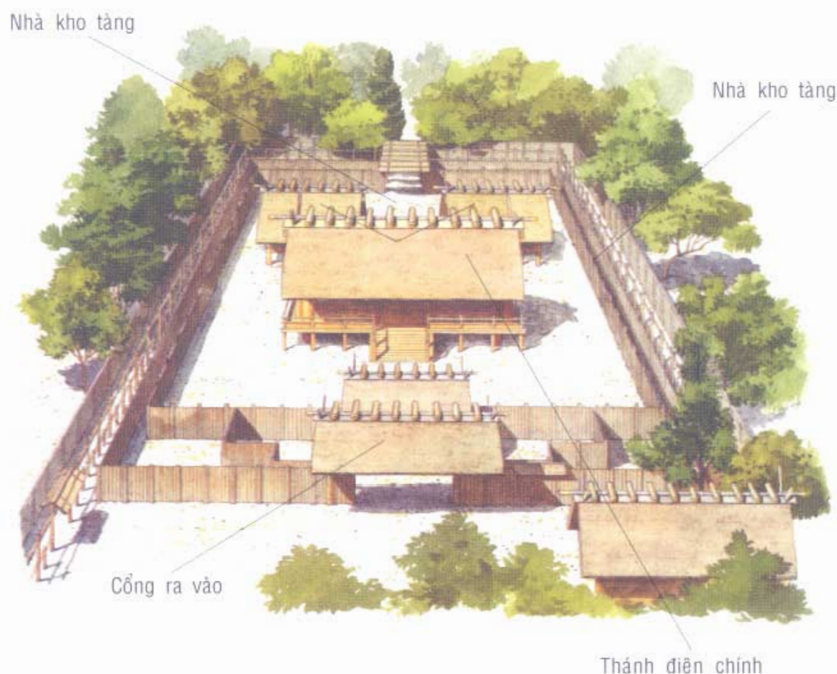
Việc tái dựng những thứ mà nhà cửa trông giống như ở Yoshinogari và những địa điểm tiền sử khác có liên quan với sự phỏng đoán có cơ sở được dựa trên chứng cứ khảo cổ, các thiết kế trên những tấm gương và những cái chuông bằng đồng thau, các thiết kế trên những cái bình bằng đất nung, và các mô hình bằng nhà cửa đất sét *(haniwa)* được tìm thấy trong các vòng tròn đồng tâm trên những sườn dốc của các gò lăng mộ. Các đầu mối có thể có được từ chứng cứ dân tộc học cùng thời như những điện thờ Thần đạo được tái thiết định kỳ qua nhiều thế kỷ, những phương pháp xây dựng được dùng để xây những ngôi nhà nông trang của những thế kỷ xưa, những cấu trúc tạm thời đã được sử dụng cho đến gần đây cho các mục đích khác nhau như tái chế, và các mẫu kiến trúc vẫn tìm được ở những nơi khác nữa của châu Á mà các du dân đã đưa vào Nhật trong thời tiền sử. Việc xem xét các loại dữ liệu khác nhau này đòi hỏi sự kết hợp làm việc thật cao.



Các nhà khảo cổ làm việc tại khu Yoshinogari thuộc thời Yayoi ở Kyushu.

Các đại điện ở Ise

Tầm quan trọng của kiến trúc điện thờ ở Ise là chỗ chúng là mẫu ban đầu của một số nguyên tắc cơ bản về kiến trúc mà giờ được coi là tiêu biểu của Nhật, như việc sử dụng tranh để lợp, gỗ không sơn dùng làm xà và tường, dựng thành cấu trúc trên các cột gỗ, và làm cho nó thích hợp với môi trường tự nhiên. Nói về các điện thờ cổ ở Nhật, Ise Jingū là điện thờ quan trọng nhất.



Khu nhà cửa chính (nhìn từ phía nam) của Naiū dành cho Nam thần ở Ise bao gồm một thánh điện và hai kho báu được bao bọc bằng dãy hàng rào. Quên sót trong hình vẽ là chái nhỏ để che những người tham dự lễ hội khi được cử hành bên ngoài cổng vào thánh điện. Về phía tây của khu này là một mảnh sân được trải sỏi trắng nơi xây dựng Naiū mới khi các cấu trúc hiện nay được tháo dỡ.

Thần đạo

Tộc trưởng trong thời tiền sử cũng là người đứng đầu tôn giáo mà sau này được gọi là Thần đạo, Đạo của các Thần. Thần Đạo đặt cơ sở niềm tin cho rằng có thần lực trong thiên nhiên (Kami) lan toả khắp muôn sự nhưng tập trung mạnh ở một số thứ như thác nước, cây cối, động vật, con người, hồn thiêng của tổ tiên, và cả các đồ tạo tác của con người. Thường thì, các điện thờ Thần đạo nằm gần khung cảnh thiên nhiên, như một ngọn núi thiêng, nơi tập trung nhiều thần lực. Từ kami cũng được dùng để chỉ các vị thần huyền thoại như Amaterasu-Omikami, nữ thần mặt trời, mà theo truyền thuyết bà là tổ mẫu của hoàng tộc.

Mặc cho bản chất trừu tượng của thần minh, những tập trung đặc biệt quyền lực mang những đặc điểm của từng vị thần mà ngôi đền được xây để cung hiến cho vị thần đó. Vì thế, khi người ta viếng đền, họ tỏ lòng tôn kính vị thần riêng biệt chứ không phải là thần lực trừu tượng.

Các buổi lễ của Thần đạo được tổ chức xoay quanh khái niệm về sự thanh tẩy. Máu, sự chết và bệnh tật là những điều rất ô uế và phải được tẩy uế nếu một người muốn hiệp thông với thần thánh. Các nghi thức có thể chỉ đơn giản như rửa tay và miệng trong chậu đặt ở trước nơi cầu nguyện của điện thờ, hoặc có thể phức tạp như khi tham dự nghi lễ đầy đủ được một thầy tế cử hành, có cả nhạc và vũ điệu truyền thống do các thiếu nữ đền thánh trình diễn.



Chi tiết của một cuộn tranh của Ikebe Gishò mô tả chuyến viếng thăm điện thờ nam thần ở Ise của Hoàng đế Taisho ngày 14 tháng Mười Một 1916, bốn năm sau khi ông lên ngôi. Đoàn người đang đi qua *cổng điện thờ* và những cổng lợp tranh dẫn vào khu phức hợp chính của điện thờ.

Các điện thờ thời tiền-Phật giáo

Có ba loại kiến trúc điện thờ chính từ thời tiền-Phật giáo là các phong cách Taisha, Sumiyoshi và

Shimmei. Tiêu biểu của phong cách Taisha là Điện thờ Izumo ở Quận Shimane. Trong thời tiền sử, đền Izumo toạ lạc trên nền cao có bậc thang dẫn lên. Theo các trình thuật còn lưu lại về ngôi đền, ngôi nhà gốc cao 96 mét, sau này giảm xuống còn 48 mét, và cuối cùng chỉ còn 8 mét, vì ngôi đền thường sụp đổ mà không rõ nguyên do. Kan-ari Matsuri, lễ hội dành cho các thần của Thần đạo, hàng năm thường được tổ chức tại Izumo từ ngày 11 đến ngày 17 tháng Mười. Vì không có các thần ở những ngôi đền khác trong suốt thời kỳ này, tháng Mười được gọi là *Kannazuki* (tháng không có thần) ở những nơi khác của Nhật.

Tiêu biểu của phong cách Sumiyoshi là Đền Sumiyoshi ở thành phố Osaka, bao gồm cấu trúc lối vào bốn đầu hồi nhìn ra biển. Các Đại Điện ở Ise, trên Bán đảo Kii, Quận Mie, tiêu biểu phong cách Shimmei.

Bối cảnh Ise

Có hai khu điện thờ, cách nhau vài cây số, phần bên trong hay Naikū được cung hiến cho nữ thần mặt trời, và phần ngoài đền hay Gekū được cung hiến cho nữ thần lương thực, Toyo-Uke Omikami.

Mặc dù có vài khác biệt nhỏ, phong cách nội và ngoại thất hầu như đồng nhất. Được gọi chung là Điện thờ Ise, những ngôi đền tọa lạc trong khu rừng tuyết tùng xa xưa. Mặc dù phần trong và



Điện thờ Izumo thời tiền-Phật giáo, cao 48 mét, theo mô hình Trường Trung học Công nghiệp Koyama, nhờ vào bức hoạ còn giữ tại Điện thờ Izumo và theo nghiên cứu của Fukuyama Toshio, một sử gia về kiến trúc.

ngoài được cách biệt khỏi thế giới với dây rào ngăn đừng để quá nhiều người đi vào, những nét chính của kiến trúc có thể thấy được ở nhiều ngôi nhà phụ trợ ở hai khu phức hợp này. Về cơ bản, những ngôi nhà này có nguồn gốc từ những nhà kho được nâng nền của thời tiền sử được thay đổi dần và thêm phần tinh hảo theo các cấu trúc hết sức tinh tế của thế giới.



Nội thất của đền Takachiho ở Kyushu nơi Ninigi-no-Mikoto, cháu trai của nữ thần mặt trời, được cho là đã giáng trần xuống ngọn núi bên cạnh. Trên bàn thờ là một chiếc gương tiêu biểu một trong ba biểu tượng của thần quyền (hai biểu tượng khác là thanh gươm và châu báu) được đón nhận tự tay nữ thần mặt trời.

Hồ sơ "lịch sử"

Theo truyền thống, xưa kia, trong Thời của các Thần, Ninigi-no-mikoto, cháu trai của nữ thần mặt trời Amaterasu-Omikami, được bà nội tặng cho cái gương soi và phái xuống cai trị đất nước Nhật. Bà nội của ngài đã thông báo cho ngài biết rằng chiếc gương soi sẽ được sử dụng như một biểu tượng về sự hiện diện của bà. Ninigi đã lấy một nữ thần xinh đẹp làm vợ, nhưng khi ngài từ chối lấy người chị xấu xí và lớn tuổi, người cha đã nguyền rủa dòng dõi Ninigi vì thế cuộc sống của họ ngắn ngủi. Như thế tộc người đã ra đời. Các hoàng đế kế vị đã cất giữ chiếc gương thiêng của Ninigi trong lâu đài của họ, nơi nó được tôn thờ như sự hiện thân của nữ thần Mặt trời. Đã có lúc vào cuối thế kỷ thứ III Công nguyên, trong suốt những năm cuối cùng của thời Yayoi, Suinin, hoàng đế thứ XI đã cho xây một điện thờ cố định để thờ chiếc gương soi và đã sai công chúa Toyo-sukiiri hime-no-mikoto phụng sự nữ thần mặt trời như tiêu biểu của hoàng gia. Chiếc gương soi vẫn là vật thờ phượng trung tâm ở nhiều điện thờ Thần đạo trên khắp nước Nhật, và nữ tế chính của Ise Jingū là "nữ pháp sư cả" (princess-shaman) trong truyền thống cổ xưa.

Chính điện ở Naikū



Chính điện ở Naiku là ngôi nhà hình chữ nhật được tôn nền, ba gian rộng kể bên hai gian sâu, được làm bằng cây bách của Nhật (hinoki) lấy từ khu rừng tồn trữ sâu trong dãy núi. Gỗ không sơn dần dần thay đổi màu qua chu kỳ 20 năm của nó, từ màu nâu vàng thành màu xám. Có lẽ nét ấn tượng nhất là một dàn mái rộng được lợp bằng cuống của cây sậy núi. Chóp mái được hai cây cột đứng chơ vơ được chôn xuống đất đỡ lấy theo phong cách *hottatebashira* được sử dụng ở những nhà kho được nâng cao của thời Thằng Văn và Yayoi trước đó. Các bức tường cũng nằm trên những cây cột nặng đỡ nền được nâng cao, bao quanh là dãy hành lang có lan can. Cây cột thiêng đứng ngay dưới giữa nền, trên nó là chiếc gương thiêng được cất giữ trong cái hộp nằm trên giá. Lối vào nằm giữa của một trong những cạnh hông dài, phong cách có tên là *hirairi*. Để tránh sự mất cân đối, mái rạ thu hẹp lại trên đỉnh mái, cây cột lớn đỡ cây đòn nóc. Ở mỗi một đầu mái, các cột bắt chéo và kéo dài tạo hình *chigi* (hình chạm đầu mái tòe ra). Nó giúp đường dốc bên ngoài mái cân bằng. Được đặt vắt qua đòn nóc là dãy móc dài sít nhau-Naikū có mười móc còn Gekū có chín móc, cho thấy sự khác nhau về hiện trạng của chúng. Những móc mảnh, dài trải từ các đầu hồi, mỗi bên đòn xóc có bốn móc, được gọi là *muchikake*.

Chương trình tái thiết

Cứ 20 năm các điện thờ được tái thiết, một chủ trương khởi xướng từ thời Hoàng đế Temmu năm 685, qua một thế kỷ sau khi Phật giáo được chính thức du nhập và sự xâm nhập của văn hóa Trung Hoa. Có lẽ là để kháng lại các ảnh hưởng đang gia tăng nên chương trình tái thiết đã được mở ra. Trong khi nhiều điện thờ khác đang nhanh chóng sử dụng những đặc điểm Trung Hoa, như dàn mái cong và gỗ được sơn phết, phong cách Shimmei với những đường nét thẳng và sử dụng những vật liệu tự nhiên vẫn được duy trì ở Ise. Tuy nhiên, một số nét đặc trưng, như đồ đạc kim loại, nhà quay về hướng bắc-nam, và thiết

kế cổng, hình như do ảnh hưởng của lục địa.

Chương trình tái thiết đòi hỏi nguồn kinh phí lớn, phải có thời gian vì liên can đến việc thay thế 65 cấu trúc và gần 16.000 đồ tạo tác để hoàn thiện nó. Nó cần các toán thợ mộc, thợ lợp, thợ chạm khắc, thợ kim khí, thợ dệt, và thợ thủ công. Chương trình tái thiết khởi sự 12 năm sau khi hoàn tất một chương trình trước đó và mất 8 năm để hoàn thiện. Nó được đi kèm với 32 nghi thức chính-bắt đầu bằng việc cưa đốn gần 14.000 cây bách hay cây tuyết tùng Nhật, những cây trong khu rừng bảo tồn hoàng gia trong dãy núi Kiso ở Quận Nagano. Cây được thả trôi theo dòng sông để tới khu xây dựng Ise Jingū, nơi các thợ mộc là những tăng sĩ dùng các công cụ và trình tự cổ để bắt đầu tạo các xà gỗ dùng vào ngôi đền mới. Việc lợp mái cần khoảng 25.000 bó sậy núi (kaya).

Những tòa nhà chính được dựng trên các lô đất kế cận, nơi đã tháo dỡ các nhà cũ có từ 20 năm trước. Giữa từng lô đất trống là tòa nhà bằng gỗ thu nhỏ được đánh dấu bằng cây bách điểm dựng "cột chính" ngay giữa ngôi đền mới. Những tòa nhà mới được xây này



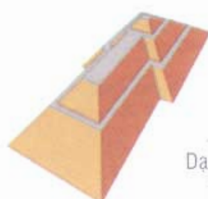
Bức họa đoàn hành hương đến Ise. Những đoàn hành hương thế này rất phổ biến trong thời Edo vì việc đi lại an toàn và người dân có nhiều tiền hơn những thời kỳ trước đó. Tỉ như, năm 1830, trong sáu tháng có tới 4.600.000 người tới viếng Ise. Đôi khi, những người không thể tham dự cuộc hành hương đã gửi những con chó của họ cho những người bạn hoặc những người bà con thân thuộc để các tăng sĩ chúc phúc. Minh hoạ trên đây là một tiểu tiết trích ra từ bức tranh cuộn của Tanaka Ekishin, được cất giữ tại Bảo tàng Jingū Chōkokan gần Ise Jingū. Hình sử dụng được sự cho phép của Bảo tàng Jingū Chōkokan.

phải giống hệt ngôi đền cũ. Sau khi đã được các tăng sĩ xác nhận, ngôi đền cũ đã được giật sập và vật liệu của chúng được phân phát cho các điện thờ phụ khắp Nhật Bản. Phương pháp này bảo đảm việc chuyển giao trung thực kiểu dáng cũ. Mặc dù đã từng có vài lầm lẫn trong chương trình tái thiết này, các điện thờ ở Ise Jingū đã được tái thiết lần thứ 61 vào năm 1993.

Các gò lăng mộ



Dạng lỗ khóa



Dạng vuông hai đầu



Dạng vuông



Dạng tròn



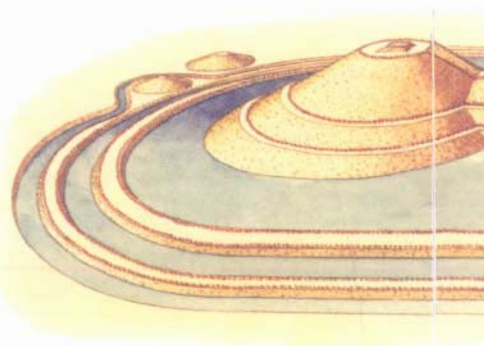
Dạng sò

Một số gò là những nền bán nguyệt hay vuông ở chỗ giao nhau của phần đầu và phần cổ. Nó được xem xét thử nền ấy có thể làm bàn thờ được không.

Vào cuối thời Yayoi, các gò đất để chôn cất được xây dựng khắp nơi theo nhiều phong cách khác nhau. Khỏang năm 300 Công nguyên, quyền lực Nhà nước Yamato mạnh dần được biểu thị bằng sự tập trung các gò lăng mộ đúng tiêu chuẩn ở khu Kinki quanh Nara. Kiểu thông thường nhất gồm một hầm mộ bằng đá được gắn vào một ngọn đồi nhân tạo, đôi khi được bao bọc bằng một hay vài cái hào.

Nguồn gốc lịch sử

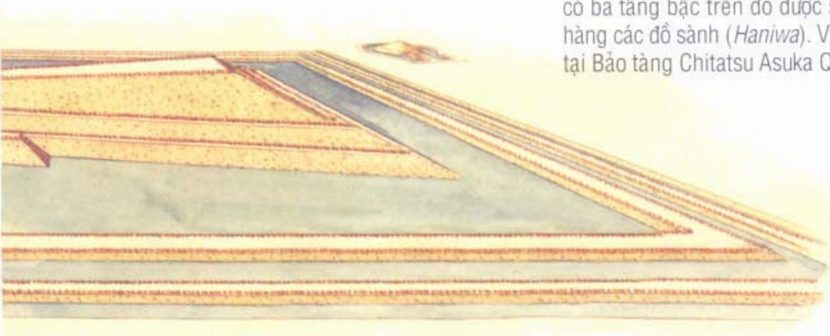
Theo các trình thuật cổ của Trung Hoa, Nhật Bản gồm các bang xung đột hồi khỏang thế kỷ thứ II Công nguyên. Cuối cùng, hơn 30 đơn vị chính trị này hình thành một liên minh với bang quốc mạnh



là Yamataikoku và đã chọn Himiko là nữ pháp sư cả đứng đầu tộc người Wa (Nhật Bản). Khi bà ta mất đi, các bang đã nỗ lực tìm ra những cách để duy trì sự hợp nhất mà nữ pháp sư cả Himiko đã dày công nuôi dưỡng, gồm sự chuẩn hóa các gò lăng mộ, đặc biệt trong khu vực quanh Nara, trung tâm của bang quốc Yamato. Ở phía tây Nhật Bản, những gò rộng lớn dạng lỗ khóa đã được xây dựng cho các tộc trưởng, với các đồ táng như những chiếc gương, đồ trang sức và các đồ dùng bằng sắt đã được chôn theo cùng người chết. Vào thế kỷ thứ VI, gò lăng mộ được thu nhỏ lại, nhưng số gò nhỏ nhiều thêm để chôn cất người dân thường. Khỏang thế kỷ thứ VII, vì những ảnh hưởng mới của lục địa, sự bộc lộ quyền lực đã đổi từ các gò lăng mộ sang các chùa chiền Phật giáo và các thủ phủ tráng lệ.

Việc xây dựng

Đôi khi các ngọn đồi tự nhiên được sửa để làm gò chôn cất. Tuy nhiên, thường thì phải xây dựng. Các hào được đào xung quanh và lớp đất được dùng để đắp thành một ngọn đồi nhân tạo ở giữa. Hầu hết hào đều khô ráo, nhưng cũng có khi được xả nước đầy. Ngoài việc cung cấp đất, các hào còn để phân biệt các gò với những ngọn đồi tự nhiên. Một ngôi làng bên cạnh làm chỗ ở cho những người chuyên xây lăng mộ, và cả những xưởng chế các đồ táng, nhà kho để giữ những thứ đã làm ra. Người ta đánh giá gò lăng mộ lớn nhất là Nintokuryō, được xây ở thành phố Sakai, Quận Osaka, ngốn



Gò lăng mộ của Hoàng đế Nintoku, gò lớn nhất Nhật Bản. Bao quanh bởi ba cái hào, gò có ba tầng bậc trên đó được sắp xếp thẳng hàng các đồ sành (*Haniwa*). Vẽ theo mô hình tại Bảo tàng Chitatsu Asuka Quận Osaka.





Hình bên trái: Khu lịch sử đặc biệt Ishibutai thế kỷ thứ VII ở làng Asuka gần Nara. Ishibutai là hầm mộ đá lớn nhất ở Nhật Bản. Một trong những tảng đá nặng khoảng 75 tấn. Tảng đá này có lẽ trùm cả gò lăng mộ. Người ta không biết phần phía trên của gò được dỡ đi khi nào.

Hình bên phải: Các gò lăng mộ của vua chúa, như gò lăng mộ Unebi ở Quận Nara, nơi an táng vị hoàng đế huyền thoại Jimmu đầu tiên, được giữ gìn tốt và được đánh dấu bằng loại cổng *torii* (Cổng Thần đạo).

đến 6,8 triệu ngày công kéo dài suốt gần 16 năm để hoàn tất. Sau khi gò được làm xong, bề mặt được phủ đá và dựng các đồ sành.

Có nguồn gốc là những bình gốm có chân thời Yayoi, đồ sành lúc đầu là những hình trụ được đặt thành những vòng quanh khu trung tâm ở đỉnh lăng mộ. Vào cuối thế kỷ thứ IV, những khối hình trụ này được biến đổi thành những hình nhân. Và vào thế kỷ thứ VI, ngoài các hình nhân còn có chim gà, động vật, cá, điện đài như thật.

Các phần chính của một gò lăng mộ là quan tài (được làm bằng gỗ, đá, hay đất nung) để bảo vệ thi hài, một huyệt đá để bảo vệ hòm, bùn đất được đắp thành gò để bảo vệ huyệt đá. Có hai loại huyệt chính: huyệt dạng hốc, thường dành cho một quan tài, và huyệt dạng hang dành cho hai hoặc hơn hai quan tài. Trong trường hợp loại huyệt hốc, quan tài đá được đưa lên đỉnh gò và đặt thi hài vào. Sau nghi thức an táng, hòm được được hạ xuống huyệt, nằm gần đỉnh gò. Huyệt

được bít bằng những tảng đá trần rồi phủ đất lên. Trong huyệt hang, cửa bên được nối với một lối đi dẫn ra bên ngoài gò. Cả cửa và lối đi được xây bằng đá.

Các mộ phần thường được xếp thẳng hàng theo các hướng chính, và trong huyệt đá có khi được trang trí các hình người hầu, vợ hay chồng, hoặc những con chim và động vật thần thoại theo các nguyên tắc cơ bản về vũ trụ học của Trung Hoa và Triều Tiên.

Kích thước và hình dáng

Các gò lăng mộ có những hình dáng và kích thước khác nhau. Cơ bản nhất là hình tròn, vuông và lỗ khóa. Cũng có những hình dáng khác như đầu vuông hoặc tròn với thân là hình chữ nhật. Phần lớn lăng mộ hình tròn và vuông có chu vi không quá 60 mét, trong khi lăng mộ dạng lỗ khóa có khi chiếm trên 400 mét chiều dài. Các cạnh của gò được đắp cao và có những hình bằng sành đặt theo hàng lối. Một số gò nhỏ hơn chỉ có tầng bậc, trong khi những gò lớn có đến năm tầng bậc, gồm một một khu vực phẳng trên đỉnh gò. Gò lớn nhất, Nintokuryō, như đã được nói tới ở trên, dài tới 486 mét và cao 30 mét. Chỉ cao bằng một phần năm lăng mộ kim tự tháp Ai Cập, nhưng bề mặt đất lại lớn gấp năm lần. Các gò thường được bao bọc bằng những cái hào, một số hào tồn tại đến ngày nay.



Các sườn dốc của những gò lăng mộ thường được phủ bằng những tảng đá hay cỏ giữa các tầng bậc đồ sành.

Nhà cửa của tộc người Ainu



Hình chụp đầu tiên của Kinoshita Seizō, cho thấy đây là cặp vợ chồng tộc người Ainu trong y phục cổ truyền trước ngôi nhà của họ.

Cho tới gần đây, tộc người Ainu, dân bản địa thuộc phía bắc Nhật Bản, sinh sống ở những khu định cư nhỏ, theo mùa (kotan), nằm ở những vùng thu hoạch thực phẩm. Chẳng hạn, vào mùa xuân họ sống dọc theo bờ biển nơi họ có thể bắt cá và vớt rong biển; vào mùa hè họ sống trong vùng rừng núi nơi họ có thể săn bắt thú và hái các loại rau quả dại; còn vào mùa đông họ sống ở những thung lũng để tránh gió và tuyết.

Nhà ở truyền thống

Các loại nhà ở đơn giản nhất là kashi. Nó gồm một giá ba chân, bên hông được phủ bằng cành cây và các tấm chiếu đan. Nó đủ rộng để làm chỗ ở cho một gia đình bốn hoặc năm người. Khi cần thêm phòng, người ta đặt cây xà giữa hai bộ giá ba chân và che chắn bên hông lại để tạo thêm một gian (kucha) cho mươi người ở.

Nhà truyền thống của tộc người Ainu có lối vào nhà kho được ráp liền với phòng lớn. Ngôi nhà được trình bày ở đây dựa trên một mô hình ở Bảo tàng Dân tộc Quốc gia, Osaka.



Một *chise*, ngôi nhà lớn hơn có dàn mái trên những bức tường, có thể đứng thẳng người, nấu nướng, và làm những công việc khác trong nhà.

Đi từ lối vào để vào nhà, người ta thấy ngay một phòng lớn có những cửa sổ và nền nhà bằng đất, ở giữa là một hốc lò được phủ chiếu hai bên. Ở một bên căn phòng là một khu được đắp cao để đặt đồ đạc như những cái hộp sơn mài và những đồ thánh làm bằng gỗ được bào nhẵn (*inaw*). Cung tên được treo trên các đòn tay nhà ám khói. Theo truyền thống, ngôi nhà lớn được dựng ở bờ sông, để các đồ thánh day mặt ngược dòng sông nơi người ta tin là chỗ cư ngụ của thần thánh. Ngôi nhà lớn có tuổi thọ trên dưới mươi năm, tùy theo vật liệu và cách bảo trì.

Ngôi nhà lớn trong hình ở trang này có tường và mái bằng những bó sậy hay cỏ tranh được bện vào các cây sào nằm ngang với khung chính. Các lỗ thoát khói nằm trên đỉnh nóc. Nóc nhà được kẹp bằng những sào gỗ được buộc xà nhà. Bên tay trái của ngôi nhà chính là hai nhà cầu, một dành cho nam và một dành cho nữ. Bên phải là cái cũi gấu được nuôi lớn để hạ thịt vào các lễ hội lớn của người Ainu. Người

ta ăn thịt của nó còn sọ để trang trí và được tôn kính. Bên phải cái cũi gấu là một nhà kho nhỏ được nâng cao, gọi lại vọng gác Thời Thằng Văn. Khu đất phía trước là vườn, phía sau đó là giàn phơi. Rau ăn với cá hồi hay thịt thú như nai.

Những ngôi nhà mùa đông được gọi là *toi-chise*, "nhà bằng bùn đất" được xây bằng cách dựng thẳng mái trên hố và phủ nó bằng đất để giữ nhiệt. Loại nhà này được thấy ở Sakhalin khoảng cuối năm 1946. Nhà cửa ở những ngôi làng mùa xuân và mùa hè được xây bằng những vật liệu kém chắc chắn hơn, chẳng hạn bằng cách trát vách.

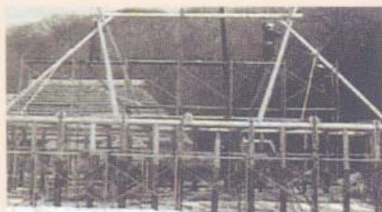
Văn hóa truyền thống suy vi

Lối sống truyền thống của người Ainu tiếp tục cho đến khoảng cuối của Thời Edo (1868). Năm 1899, chính quyền ban hành Luật Bảo tồn Tộc người Ainu ở Hokkaido, khuyến khích người Ainu sinh sống trong những ngôi làng cố định và cầy cấy. Tuy nhiên, vì không sẵn đất, từ thế kỷ XV người Nhật (Wa-jin) đã di dân tới Hokkaido. Những luật cấm các phong tục truyền thống và thông lệ hái lượm dẫn đến tình trạng suy văn hóa và ngôn ngữ truyền thống, và cũng hạ thấp tiêu chuẩn sống của dân Nhật nói chung.

Trong thế kỷ XX, chính quyền Quận Hokkaido đã lập các chương trình về nhà ở cho người Ainu, nhưng nhà quá nhỏ và được xây cẩu thả nên người Ainu thích sống trong những căn nhà theo lối truyền thống cạnh bên những ngôi nhà mà chính quyền xây. Năm 1997, Quốc hội thông qua luật mới ủng hộ việc nghiên cứu văn hóa Ainu và nâng đỡ việc bảo tồn ngôn ngữ, phong tục, và truyền thống của người Ainu. Luật này được coi là luật sẽ cải thiên tình cảnh của người Ainu. Những lãnh đạo tộc người Ainu đang nỗ lực khôi phục nền văn hóa truyền thống bằng cách dạy ngôn ngữ và các phong tục truyền thống Ainu cho lớp trẻ. Tuy thế, chỉ một it người cao tuổi có được kiến thức này nên công cuộc có thể mai một và kết quả không chắc chắn.

Có khoảng 24 ngôi nhà lớn được tái dựng ở Hokkaido, và ba ngôi nhà ở những khu vực khác. Tuy nhiên, hiện chẳng ngôi nhà nào có người tới ở. Lối sống hiện nay của người Ainu không mấy khác với lối sống của đa số dân chúng.

Cấu trúc nhà lớn









Nhà lớn xây ở Shiraoi năm 1996. Nền và tường của ngôi nhà hoàn thiện được phủ bằng những tấm thảm. Các xà mái còn trơ ra. Kệ trên tường để cất giữ các đồ cúng tế. Dụng cụ làm lệch tia lửa treo trên hốc bếp kín đáo.

Khi ngôi nhà lớn ở Bảo tàng Ainu tại Shiraoi, Hokkaido bị cháy rụi vào năm 1996, ban quản lý viện bảo tàng đảm nhận việc tái dựng bằng cách sử dụng các nguyên tắc xây dựng truyền thống mà họ học được từ những người lớn tuổi qua nhiều năm tháng. Trước hết, những cột thẳng đứng được chôn xuống đất, và những đòn tay được ráp tới đỉnh để tạo ra các bức tường. Những xà trần được dùng để liên kết tường hai bên làm cho sườn nhà vững chắc. Đối với mái, hai giá ba chân được dựng thẳng tới đỉnh khung nhà và nối kết với đòn nóc, còn những cây sào được buộc ngang những cái xà. Mái lợp xong được phủ lưới đánh cá, và những bó sậy gối lên được buộc thẳng vào khung mái, bắt đầu từ hàng đáy. Những bó sậy ở hàng đỉnh được bẻ cong trên chóp và phủ thêm những bó sậy nhỏ để tạo hình dạng mái. Những cây sào dọc nhỏ được buộc ở bên ngoài các cột tường thẳng, níu các bó sậy lại thành tường. Những cây sào nhỏ hơn được buộc dọc lên các bó sậy để giữ chúng yên vị. Các lỗ cửa sổ được cắt sao cho vừa những tấm đậy được kéo bằng những sợi dây từ bên trong để đóng kín chúng lại.

Những ảnh hưởng từ Triều Tiên và Trung Hoa





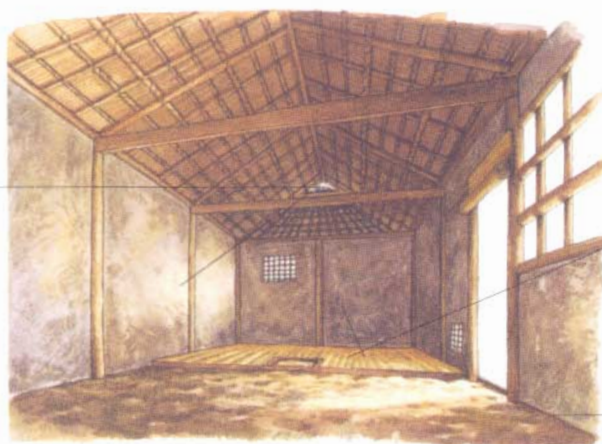
Phật giáo được du nhập vào Nhật hồi thế kỷ thứ VI từ bang quốc Triều Tiên của Paekche. Tôn giáo mới mẻ và tinh tế này đã được Triều đình Yamato đón nhận như một cách để giúp gia tăng sự tập trung quyền hành. Tiếp theo là sự rộ nở của nền kiến trúc đình chùa lộng lẫy, đầy dẫy tượng và những tác phẩm nghệ thuật khác, đua nhau mọc lên cả người trong nước lẫn ngoài nước.

Thời Asuka (538–645)

Theo niên đại truyền thống thì Phật giáo du nhập vào Nhật là năm 538, mặc dầu có nhiều tài liệu ghi chép là năm 552. Giai



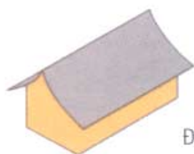
Nhà kho ở Tōdaiji, từ Thời Nại Lương, có những thanh gỗ hình tam giác giãn ra vào mùa hè để tránh ẩm ướt và co lại vào mùa đông để thông khí.



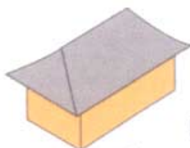
đoạn giữa thời này và cuộc Cải cách Taika năm 645 được gọi là Thời Asuka. Nó có tên này theo tên của vùng Asuka gần Nara, khu trở thành kinh đô thực sự đầu tiên. Trong Thời Asuka, Nhật Bản đã biến đổi hoàn toàn khi trải qua ảnh hưởng của nền văn minh lục địa.

Vào lúc Phật giáo du nhập vào Nhật Bản, tranh luận dấy lên giữa các thị tộc Mononobe và Soga liên quan đến chuyện liệu tôn giáo mới có được chính thức thừa nhận hay Thần đạo có giữ được ưu thế của mình không. Cuộc tranh luận này diễn ra vào lúc Nhật Bản đã và đang tiến nhanh từ liên minh các thị tộc có ảnh hưởng thành một quốc gia dưới chính quyền tập quyền của Nhà nước Yamato. Thị tộc Soga, có hướng thừa nhận Phật giáo, đã thắng thế và Triều đình Yamato quyết định dùng Phật giáo như một công cụ chính trị để giúp củng cố quyền lực của họ.

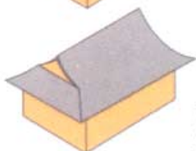
Thái tử Shōtoku, người đã được Nữ hoàng Suiko bổ nhiệm làm Nhiếp chính năm 593, quan tâm tới những mặt tôn giáo và triết lý của Phật giáo hơn là dùng nó như một công cụ chính trị. Ông đã trở thành một tín đồ sùng đạo và đã tích cực làm cho tôn giáo mới này phát triển. Dưới sự bảo trợ của ông, số đông thợ thủ công Triều Tiên



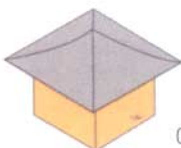
Đầu hồi



Mép bờ



Mép bờ và đầu hồi



Chóp kim tháp



Chóp bát giác

Những loại mái thông dụng nhất được dùng ở Nhật. Các điện thờ thời tiền-Phật giáo sử dụng mái có đầu hồi, trong khi loại mái mép bờ-và-đầu hồi đã trở thành thông dụng sau khi du nhập thuật kiến trúc Phật giáo vào Nhật hồi thế kỷ thứ VI.

tới Nhật để xây những ngôi chùa Phật giáo và trang hoàng bằng những nét chạm khắc, tranh tượng và những đồ nghệ thuật trang trí. Ông đã xây hai khu phức hợp chính là chùa Hōryūji gần Nara và chùa Shitennōji ở thành phố Osaka hiện nay.

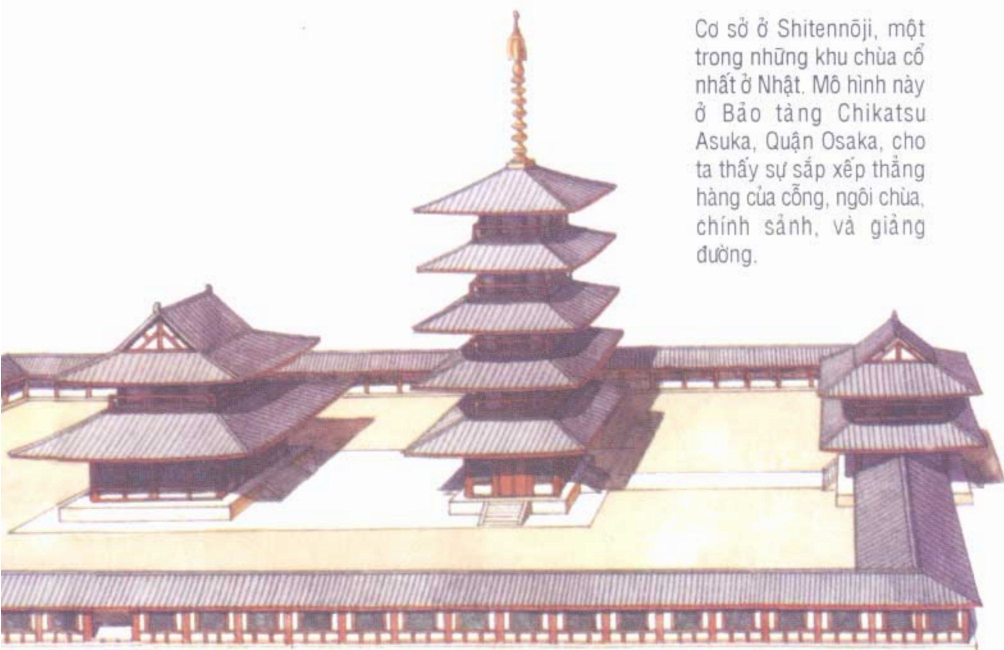
Tuy nhiên, ngôi chùa đầu tiên là Hōkōji, sau này được gọi là Asukadera (*tera* hoặc *dera* có nghĩa là "chùa") theo tên vùng mà ngôi chùa tọa lạc. Ngôi chùa đã được xây dựng vào năm 596 do Soga-no-Umako, với sự hỗ trợ của vua Triều Tiên là Paekche. Hầu hết dinh thự được dời đến Nara vào năm 718 và được đặt lại tên là Gangōji, nhưng đồ thờ chính, bức tượng Phật lịch sử (Shaka), vẫn để lại. Mặc dù bị tổn hại nặng và do tu sửa kém, hình tượng vẫn được chú trọng vì là tượng Phật đầu tiên ở Nhật Bản.



Thời kỳ Hakuhō (645–710)

Cuộc Cải cách Taika năm 645 lập chính quyền trung ương với cơ cấu lập pháp dựa trên mô hình Trung Hoa đời nhà Đường. Sự bang giao chính thức với Trung Hoa được thiết lập lần đầu tiên và hai triều đình trao đổi các đại diện ngoại giao. Thuật kiến trúc Phật giáo, các loại hình nghệ thuật và thủ công đã lan từ kinh đô tới các tỉnh thành, và văn học rộ nở, mà bằng chứng là tuyển tập 4.400 bài thơ, Manyōshu (Mãn Diệp tập).

Trong thời đầu, mỗi khi Hoàng đế băng hà, kinh đô thường được di dời đi nơi khác. Năm 694, Hoàng đế Temmu quyết định xây dựng kinh đô cố định ở Fujiwarakyō (Kyō có nghĩa là kinh đô), nằm dịch về phía bắc Asuka. Kinh thành bảy năm này là kinh đô thực sự đầu tiên ở Nhật Bản, với những con đường dẫn tới quảng trường vuông vức, như phong tục của Trung Hoa. Tuy nhiên, những thay đổi về hoàn cảnh chính trị và kinh tế khiến nó nhất thiết biến thành chính quyền



Cơ sở ở Shitennōji, một trong những khu chùa cổ nhất ở Nhật. Mô hình này ở Bảo tàng Chikatsu Asuka, Quận Osaka, cho ta thấy sự sắp xếp thẳng hàng của cổng, ngôi chùa, chính sảnh, và giảng đường.

quan liêu. Vì không gian của Fujiwarakyō hẹp, năm 710 kinh đô đã được dời tới Heijōkyō (Nara ngày nay) theo lệnh của Hoàng đế Genmei.

Thời Nại Lương (710–794)

Mặc cho một vài di dời tới lui giữa Heijōkyō và những nơi khác, Heijōkyō vẫn là kinh đô trong 74 năm cho đến khi dời đô tới Nagaokakyō năm 784. Với sự ủng hộ của triều đình, các giáo phái chính của Phật giáo đã thiết lập trụ sở chính ở Nara, như Yakushiji và Kōfukuji. Hoàng đế Shōmu, người ủng hộ Phật giáo hết mình, ra chiếu chỉ cho phép mỗi tỉnh xây chùa và tu viện nữ, và xây Todaiji, ngôi chùa chính, ở Nara. Một số đồ dùng hàng ngày của Hoàng đế Shōmu được bảo tồn trong kho Shōsōin, kho tàng hoàng gia ở Nara, một trong vài dinh thự còn tồn tại từ Thời Nại Lương. Sự rộ nở nền kiến trúc và các loại hình nghệ thuật trong Thời Nại Lương đánh dấu đỉnh cao của văn hóa Phật giáo tại Nhật. Nó cũng ghi dấu sự trưởng thành ở Nhật thành một nước văn minh, đủ mạnh để bảo đảm sự ổn định ở một mức nào đó.

Kiến trúc nhà ở

Từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ VIII được gọi giai đoạn du nhập Phật giáo và phong cách kiến trúc kinh thành theo Trung Hoa. Tuy thế, như đã mô tả ở trên, vẫn có những phát triển bản địa, trước hết trong lĩnh vực kiến trúc nhà ở. Những ngôi nhà trung bình có thể là *hotattebashira* (các cột được chôn xuống đất), mái tranh hoặc dàn mái ván được đè xuống bằng đá. Đầu Thời Asuka, các lâu đài, đình chùa và nhà cửa của giới quý tộc được xây dựng do sưu cao thuế nặng và công lao động cưỡng bức. Nhà dạng hang nhỏ hơn là của nông dân nghèo hèn.

Tuy nhiên, nhờ kỹ thuật, người ta đã có thể làm những ngôi nhà chỉ cần dàn cột bên trong đỡ dàn mái và chỉ tựa vào những cây cột ở tường bên ngoài. Nhưng rồi mọi ngôi nhà dạng hang bị loại bỏ hết, nhường chỗ cho những ngôi nhà vuông vức hai gian trên nền đất, trong đó có một gian để nấu nướng, và một gian nền đất phủ bằng rơm và chiếu làm nơi ăn, ngủ. Thiết kế cơ bản này vẫn còn thấy ở một số nhà nông trại truyền thống (minka).



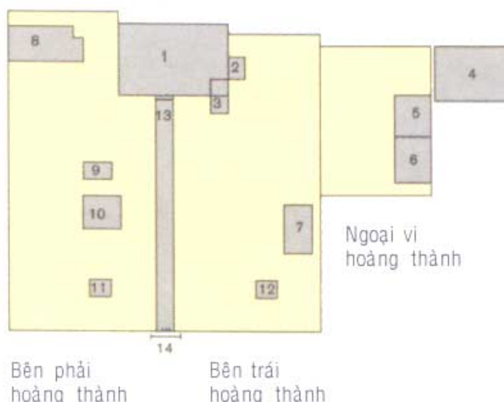
Mô hình ngói lợp mái có trang trí được dùng ở góc mái của đền Daigokuden thứ hai. Ngói này được gọi là *onigawara* (ngói mặt quỷ). Mặt ngói ở đây là mặt quỷ lành có nhiệm vụ xua đuổi các quỷ dữ gây hỏa hoạn, sấm chớp, gió và các tai ương khác cho tòa nhà.

Heijõkyõ: Kinh thành đầu tiên

Các kinh thành thuở đầu là những thứ tạm thời được di dời khi nhà vua băng hà. Do cần biểu dương quyền lực của Triều đình Yamato, Hoàng đế Genmei quyết định dời đô từ Fujiwarakyō, gần Asuka, tới Heijōkyō, vị trí được đánh giá là lý tưởng theo các nguyên tắc địa lý Trung Hoa. Cuộc dời đô này đã hoàn tất trong vòng có hai năm, thuận tiện vì chỉ cần tháo dỡ dinh thự hiện có và gỗ ván được dùng lại.

Sơ đồ hoàng thành Heijõkyõ.

1. Khu cung điện.
2. Biệt điện **Fujiwara-no-fuhito** (khu **Hokkeji**).
3. Biệt điện **Nagaya-ō**
4. Đền **Tōdaiji**
5. Đền **Kōfukuji**
6. Đền **Gangōji**.
7. Đền **Daianji**.
8. Đền **Saidaiji**.
9. Đền **Tōshodaiji**.
10. Đền **Yakushiji**.
11. Chợ phía Tây.
12. Chợ phía Đông.
13. Cổng **Suzakumon**.
14. Cổng **Rajōmon**.





Chi tiết từ một mô hình ở Nara Bunkazai Kenkyūjo (Viện Nghiên cứu Tài sản Văn hóa Quốc gia Nara) thuộc biệt điện Nagayaō, Giáo trưởng khu vực bên Trái thời đầu Nại Lương. Nagayaō đã là dạng đầu tiên của phong cách Shinden, phong cách phổ biến của Thời Bình An sau này. Nền của nó đã được nâng cao bao quanh bằng một hành lang cao ráo, và cấu trúc cột-và-xà (các cột chính được chôn sâu xuống đất) để làm cửa. Hầu hết nhà cửa đều có mái ván hoặc vỏ cây nhưng cũng có khi là ngói.

Thành phố

Năm 708, khi hoàng đế quyết định dời đô tới Heijōkyō, dân sống trong khu vực phải được tái định cư. Người ta phải san phẳng những ngọn đồi và lấp đầy các thung lũng, với bao nhiêu việc phải làm nên phải huy động công sức của các nông dân. Công việc khó nhọc khiến nhiều người tìm cách trốn. Heijōkyō, được thiết kế theo mô hình của kinh thành Trường An của Trung Hoa, chiếm cả một khu vực 5,9 cây số từ đông sang tây và 4,8 cây số từ bắc tới nam, 1,2 cây số vuông được dành cho cung điện. Về vật liệu xây dựng, họ đã chuyển

Daigokudenin đầu tiên (sân trong của hoàng thành) ở Heiōkyō dựa theo mô hình Bunkazai Kenkyūjo ở Nara. Daigokuden đầu tiên này được tháo dỡ và định vị trở lại khi kinh thành được di dời tạm vào năm 740. Lúc kinh thành được di dời về lại Heijōkyō năm 745, Daigokuden thứ hai đã được xây về phía đông của Daigokuden thứ nhất.



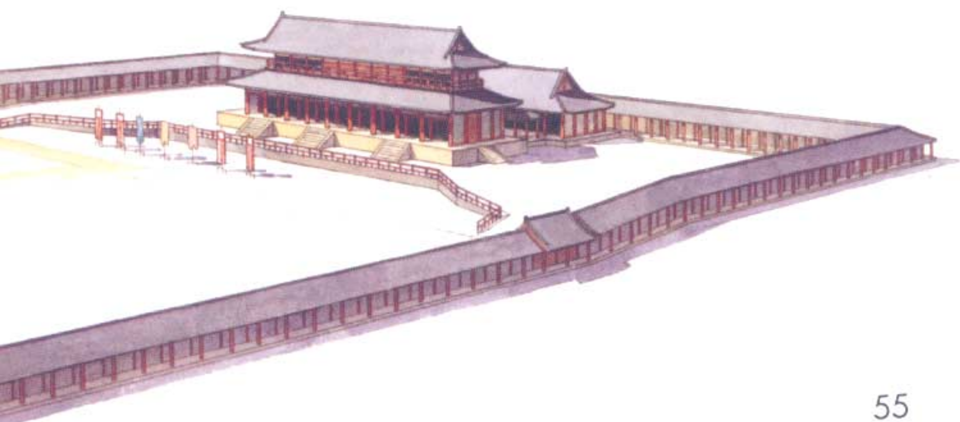
gỗ ván, ngói từ cung điện Fujiwara, bổ sung thêm gỗ của các quận phụ cận trên các bè gỗ thả xuôi sông tới thành Kizu gần đó. Đá được khai thác ở Nijōzan, ngọn núi gần thành phố Nara ngày nay, ngói lợp được sản xuất ở các lò gần kinh đô mới.

Heijōkyō là một thành phố có sức chứa khoảng 100.000 dân. Thành phố được chia ra thành những ô vuông, có những con đường chạy từ bắc xuống nam và các đại lộ chạy từ đông sang tây. Heijōkyū, khu cung điện, được đặt ở đầu phía bắc kinh thành, giống ở Trường An, kinh đô Trung Hoa đời nhà Đường, có hàng rào cao 5 mét. Con đường chính Suzaku Ōji của kinh thành rộng tới 74 mét, chạy từ Suzakumon, cổng chính của kinh thành tới Rajōmon, cổng phía nam của kinh thành. Ngoại vi kinh thành là các chùa chiền, nhà cửa, còn phía đông và tây là những khu chợ. Buôn bán chỉ được phép ở những khu chợ này, do chính quyền kiểm soát. Hàng hóa được chuyển theo những con kênh và con sông Akishino chảy qua khu chợ phía tây.

Ngoại trừ một vài lần di dời tạm tới những thành phố khác, Heijōkyō đã từng là kinh đô của Nhật Bản trong vòng 74 năm cho đến khi dời đô về Nagaokakyō vào năm 784 và sau đó tới Heiankyō (Tây Kinh) vào năm 794, kinh đô tồn tại cả ngàn năm.

Cung điện

Các tòa nhà chính trong khu vực hoàng thành là Daigokuden là nơi diễn ra các sự kiện quốc gia như các lễ phong vương và những buổi tiếp kiến các sứ thần nước ngoài, và các Chōdōin (các quan chức nhà nước). Những tòa nhà này theo



phong cách Trung Hoa, nền được nâng cao, một số được phủ bằng gạch hay đá. Các cột chống mái được sơn màu đỏ son. Một số gian giữa các hàng cột không xây trong khi có những gian được xây kín.

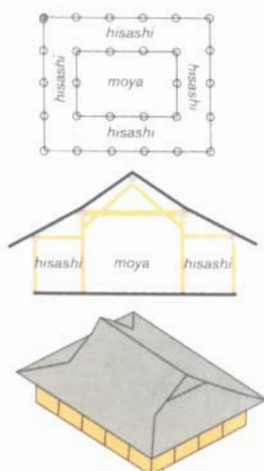
Về phía bắc Daigokuden, bên trong khu tường rào là Dairi, khu sinh sống của vua. Mặc dù có ít thông tin chi tiết về những biệt điện quý phái của thời này, dường như chúng được xây dựng theo phong cách bản địa Nhật Bản, gồm khu vực trung tâm rộng và phân cách (*moya*), phần bít kín bằng tường hay cửa có lối đi lên hành lang cao, có khi có mái riêng được gọi là *hisashi*. Nền được nâng cao hay lát ván, mái bằng vỏ cây có thể có mép bờ hay mép bờ-và-đầu hồi. Các cột chính được chôn xuống đất theo mẫu của hottatebashira được dùng từ thời tiền sử, chứ không đặt trên tảng đá. Nhà của các quan lại phát triển thành các biệt điện theo phong cách Shinden của Thời Bình An sau này.

Fujiwara-no-Fuhito, Giáo trưởng đầy quyền uy của khu bên Phải là người trông coi việc dời đô từ Fujiwarakyō tới Heijōkyō. Ông lo toan việc thu xếp cho cháu trai Obito-no-Ōji (sau này là Nhật hoàng Shōmu), lên ngôi và mở rộng quyền hành ở Fujiwara, Cung điện Obito-no-Ōji được xây dựng ở phần phía đông của hoàng thành, dinh thự rộng lớn của Fujiwara-no-Fuhito được xây dựng kế khu vực này ở phía đông, nhưng nằm bên ngoài tường thành.

Cơ cấu giai cấp

Những quan lại triều đình được tổ chức thành tám cấp. Năm cấp đầu chỉ có khỏang 150 người, được coi là xem là hàng quý tộc, hiện trạng được chiếu theo thân thế. Khỏang 10.000 quan lại thuộc ba cấp dưới, và 10.000 vị không có đẳng cấp. Đất đai đã được cấp tùy theo cấp, từ 2.451 mẫu Anh (chō) dành cho cấp cao nhất, tới 250 mét vuông dành cho nhưng vị không thuộc cấp nào. Các quan lại cấp thấp và thường dân sống trong những căn nhà phố thì tương tự các nhà nông trại (minka), gồm nhà dạng hang và một hay hai nhà khác được dùng làm cơ xưởng hay nhà kho. Chuyện này không kéo dài đến Thời Bình An sau đó khi mà các nhà phố đô thị, được gọi là *machiya*, được phát triển dành cho các thương nhân và thợ thủ công.

Hõryũji: Ngôi chùa hiện tồn cổ kính nhất



Các cấu trúc Phật giáo sử dụng kỹ thuật cột-và-rầm trong đó mái chìa của mái được thả đà nổi trên hành lang bằng những rầm chìa tựa vào rầm đỡ. Nội thất của toà nhà (*moya*) gồm một số gian khác thường và sâu bằng khoảng hai gian. Bao quanh *moya* là những khu vực rộng bằng một gian được gọi là *hisashi*.

Hõryũji là ngôi chùa quan trọng nhất ở Nhật Bản, vì sự cổ kính, vẻ đẹp, và sự nguyên vẹn về kiến trúc của nó. Những tàn tích hiện còn khác từ các ngôi chùa thuở đầu của Nhật Bản gồm những tòa nhà đơn, hay những thành phần của các tòa nhà. Ở Hõryũji, hầu như toàn bộ khu chùa được bảo tồn và bảo trì tốt, giúp ta hiểu sâu sắc các nguyên tắc cơ bản của thuật kiến trúc Phật giáo lục địa thời đầu lịch sử.

Những cách tân thuật kiến trúc Phật giáo

Phật giáo, với các học thuyết cao nhã của nó cùng sự hấp dẫn chung, là bước khởi đầu cơ bản từ sự phụng thờ tự nhiên khá giản đơn của Thần đạo; về cơ bản kiến trúc của nó lại khác biệt. Trước hết, thuật kiến trúc Phật giáo Trung Hoa dựa trên các nguyên tắc vũ trụ học, đòi hỏi cách bố trí khu chùa chiền nghiêm nhặt, thường cân đối, có tường bao quanh và lối vào có cổng. Trái lại, các điện thờ Thần đạo lúc đầu miễn sao phù hợp với thiên nhiên. Thứ nữa, chùa chiền Phật giáo lúc đầu rất phức tạp và trang hoàng kỹ. Các tòa nhà thường được dựng trên bậc đài bằng đất. Những cục đá tảng được chôn một phần dưới nền đá hay đất nện, làm đế chịu những cây cột lớn để đỡ dàn mái ngói đồ sộ với dàn rầm phức tạp. Cột được sơn màu đỏ son, và khỏang không gian giữa các cột được bít bằng những

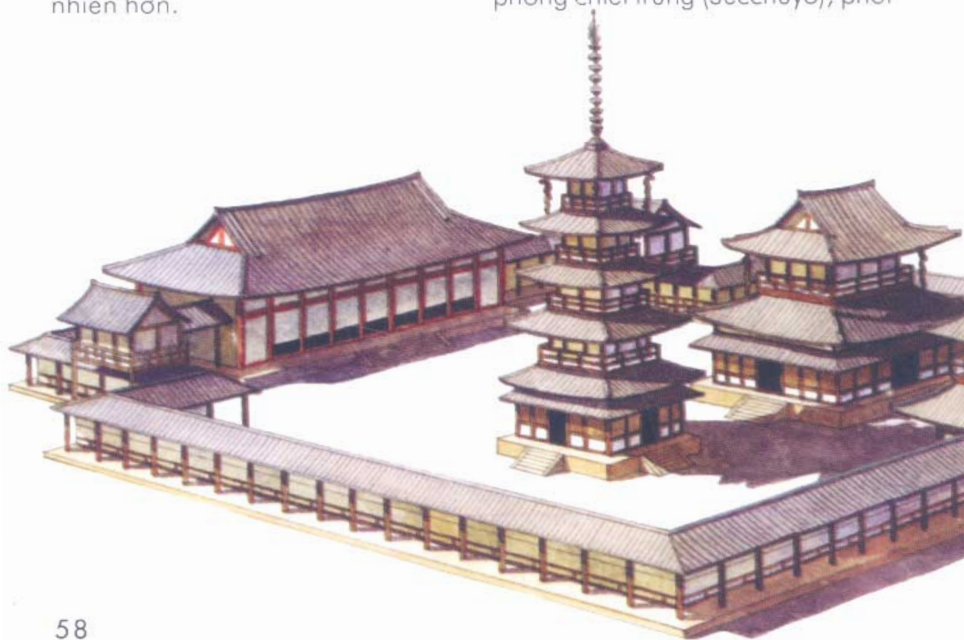
bức tường được quét vôi trắng. Nội thất được trang trí rất kỹ và thường có một bàn thờ lộng lẫy.

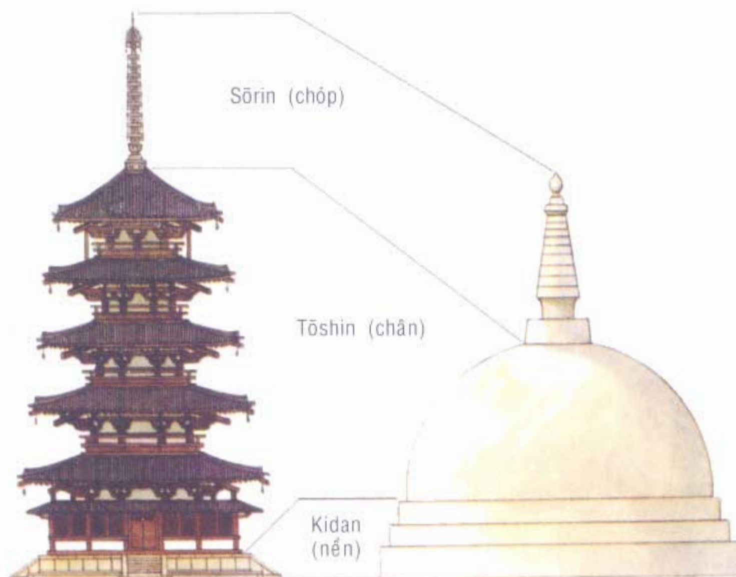
Trái lại, các điện thờ Thần đạo rất đơn giản về thiết kế cơ bản. Dàn mái rộng nhưng được lợp bằng rạ hay vỏ cây nên không quá nặng để phải cần dàn cột chịu lực phức tạp. Các cột thường được chôn thẳng xuống đất, gỗ để mộc không sơn phết. Nội thất mộc mạc.

Với thời gian, các phong cách kiến trúc được du nhập và bản địa ảnh hưởng nhau, để rồi nhiều điện thờ Thần đạo phức tạp thêm, trong khi các chùa chiền Phật giáo lại theo hướng dung dị và hợp thiên nhiên hơn.

Bốn loại chùa chuẩn

Các kỹ thuật xây dựng nguyên thủy được đưa vào từ Triều Tiên và Trung Hoa được thay đổi để thích hợp với môi trường khác biệt của Nhật Bản, như các mộng chắc chắn để tòa nhà chịu được những cơn động đất và bão táp. Những sự cải thiện ban đầu này làm nên phong cách Nhật Bản (Wayō). Những phong cách sau đó gồm phong cách Đại Phật (Daibutsuyo hoặc Tenjikuyō), được du nhập vào Nhật Bản do tăng sĩ Chōgen hồi thế kỷ XII, phong cách Thiền (Zenshūyō hoặc Karayō), cũng được du nhập hồi thế kỷ XII, và phong chiết trung (Secchūyō), phối







Khu vực phía tây

Khu vực phía tây Hōryūji gồm cổng trong, tháp, và Chính Điện, Giảng đường nằm kế bên. Chính Điện là một toà nhà có hai lầu, rộng chín gian. Khoảng không gian trung tâm (*moya*), ba gian theo chiều rộng và hai gian theo chiều sâu, có bàn thờ với các ảnh tượng. Cả tháp và Chính Điện đều có mái kín ở tầng nhất, cho ta cảm giác có thêm một tầng nữa. Các mái lợp kín bao phủ phía ngoài các chái (hisashi), được thêm vào trong thời Nại Lương làm cho không gian rộng thêm. Chỗ nhô ra của các mái hiên ở cái tháp năm tầng, cũng như khu vực và chiều cao của các mặt nền, được chia đều để tạo ấn tượng thon nhọn cho ta cảm giác phong nhã và ổn định. Tòa nhà được xây dựng bằng cây bách Nhật (hinoki).

CÁC TỪ THƯỜNG GẶP

Hondō

Chính sảnh, đôi khi được gọi là Kim sảnh, nơi đặt các tượng Phật

Kaisandō hoặc Sōshidō

Sảnh của vị Sáng lập

Kōdō

Giảng đường

Buttō

Tháp

Mon

Cổng

CÁC THUẬT NGỮ ĐƯỢC CÁC GIÁO PHÁI RIÊNG SỬ DỤNG

Kondō trong Shōtokushū

Shingon, Hossō và các giáo phái khác

Chūdō ở Tendai

Butsuden trong Thiền

Amidadō trong Jōdo-Shinshū

Taishidō hoặc Goeidō trong Jōdo Shinshū

Hattō trong Thiền

Kanjōdō trong Phật giáo Mật Tông

Ninaidō trong Tendai

Ghi chú:

Có ba phong cách tháp chính:

Hōtō: một tầng có vòm

Tahōtō: hai tầng có vòm

Tijūtō : ba, năm,bảy, hoặc nhiều tầng hơn không có vòm



Tương phản với các toà nhà truyền thống Nhật Bản có các cột được chôn xuống đất, chùa Phật giáo chỉ chôn một phần tảng đá móng đỡ cột để cột hơi cao hơn mặt đất, như thế cột không bị thấm nước.

hợp các nét tiêu biểu của ba phong cách trên.

Lịch sử chùa Hōryūji

Do Thái tử Shōtoku xây năm 607, năm 670 nó bị cháy và sau vài năm đã được xây lại. Trong khu phức hợp ban đầu, Chính sảnh nằm thẳng hàng sau tháp. Khi được xây lại, tháp lại nằm bên trái Chính sảnh, phá vỡ sự cân đối nguyên thủy. Hōryūji bao gồm Khu phía Tây, nơi có các tòa nhà chính, và Khu phía Đông có Vọng sảnh (Yume-dono) được xây năm 739 làm nơi an nghỉ của Thái tử Shōtoku, và Denpōdō do vợ ông xây làm nơi để ở. Sau này nó là mẫu dinh thự giá trị của Thời Nại Lương. Qua năm tháng, những tòa nhà khác được xây thêm.

Chùa chiền thời Nại Lương



Tháp phía Đông của chùa Yakushiji, được xây cất năm 730, là một trong vài chùa còn tồn tại từ Thời Nại Lương. Những mái hiên ở giữa làm cho toà nhà ba tầng có vẻ là sáu tầng.

Khi dời đô đến Heijōkyō vào năm 710, phần lớn giáo phái Phật giáo cũng đi theo. Thêm vào còn có bảy ngôi chùa lớn của Thời Nại Lương, được nhà nước ủng hộ, nhiều đền chùa tư nhân do các quý tộc xây cất. So sánh với nền kiến trúc của thời trước, chùa chiền thời Nại Lương, chịu ảnh hưởng của Trung Hoa đời nhà Đường, đường bệ hơn.

Chùa chiền được nhà nước bảo trợ

Hoàng đế Shōmu, người bảo trợ nhiệt thành Phật giáo, đã lập Todaiji là trung tâm của hệ thống quốc gia các tu viện nam (kokubunji) và nữ (kokubunniji). Todaiji là nơi đặt một tượng Phật bằng đồng lớn, cao 17 mét, huy động gần 10 phần trăm dân chúng với tổng số ngày công là 1.665.000 ngày để hoàn tất. Vào năm 752, mười ngàn tăng sĩ và chức sắc từ nhiều miền thuộc châu Á, từ những vùng xa tận Ba Tư, đã tụ tập về Nara để tham dự lễ Khai Nhãn. Một tăng sĩ Ấn Độ nổi tiếng đã tô vẽ đôi mắt cho pho tượng.

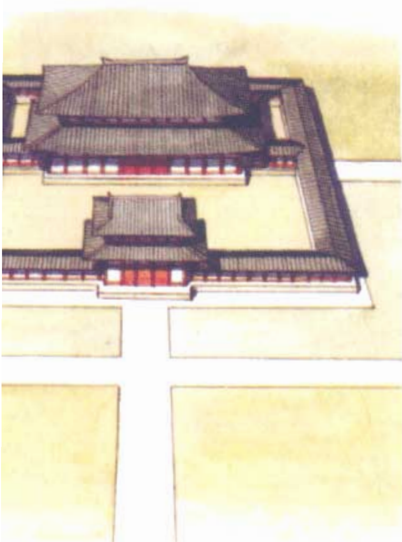


Lễ hội này biểu tượng việc Phật giáo đã trở thành vững chắc ở Nhật, và Miền Đất Mặt Trời Mọc giờ đây là một quốc gia sẵn sàng đóng góp phần mình vào nền văn hóa và chính trị châu Á.

Heijōkyō là các trung tâm của bảy ngôi chùa lớn cấp Quốc gia của Nara. Hōryūji (được xây cất lại trước năm 710), Kōfukuji (được dời từ Asuka về vào năm 710), Daianji (được gọi là Daikandaiji khi được dời tới Heijōkyō năm 710 và được đặt lại tên là Daianji năm 745), Gangōji (được dời từ Asuka vào năm 718), Yakushiji (được dời từ Fujiwarakyō năm 718), Tōdaiji (được



Sangatsudō, trên nền của Tōdaiji, gồm hai toà nhà thời đầu có mái bình thường (theo phong cách Narabidō hoặc "cạnh kề cạnh"). Mặc dù không cân đối như các chùa chiền cổ điển, hiệu ứng tổng thể dễ chịu.



Tái dựng chùa Tōdaiji nguyên thuỷ thời Nại Lương, dựa trên mô hình của Chính sảnh hiện hành, nó vẫn là toà nhà bằng gỗ một mái lớn nhất thế giới, mặc dù chỉ còn bằng hai phần ba so với kích thước của bản gốc.

khánh thành năm 752), và Saidaiji (được xây cất năm 765). Một số trong những ngôi chùa cấp quốc gia này đã là trung tâm của sáu giáo phái chính được du nhập từ Trung Hoa, được gọi là Lục Tông Nara. Có điều triết lý của cả sáu giáo phái này quá cao siêu nên không phổ biến ở Nhật, vì thế chúng không thể đứng độc lập được.

Kế bên Todaiji, ngôi chùa quan trọng nhất trong bảy ngôi chùa lớn của Nara là Gangōji, đã được đề cập ở trên.. Nguyên thủy ngôi chùa này được gọi tên là Hōkōji, khi dời về Nara được đổi tên là Gangōji. Nó nhanh chóng trở thành trung tâm đón nhận các ý tưởng mới từ Trung Hoa và truyền bá tư tưởng Phật giáo khắp nước Nhật. Theo hệ thống đẳng cấp nhà nước ban hành năm 749, Gangōji nhận được 2.000 *chōbu* đất, chỉ đứng sau Todaiji là ngôi chùa nhận được 4.000 chōbu. Các chùa Yakushiji, Kōfukuji và Daianji, mỗi nơi nhận 1.000 chōbu, và Hōryūji nhận 500. Một chobu xấp xỉ 39.600 hecta đất ruộng, mục

đích để hỗ trợ nhà chùa. Mãi năm 764 Saidaiji mới xây nên không được hưởng sự bảo trợ ban đầu này.

Một ngôi chùa quan trọng khác của Thời Nại Lương nhưng không được nhà nước bảo trợ là Tōshōdaiji, người sáng lập nó là nhà sư Trung Hoa nổi tiếng tên là Ganjin, được Hoàng đế Shōmu thỉnh qua Nhật để thuyết pháp. Ganjin đã nhận lời nhưng phải mất sáu lần cố gắng mới vượt biển được. Trong suốt 12 năm cố gắng ấy, nhiều đệ tử của ông đã chết ngoài biển khơi, còn Ganjin đã mất thị lực. Năm 754 ông đến được Nara, vì mù nên ông phải sờ soạng tìm cây cột của ngôi chùa Todaiji, nơi ông đứng để giảng thuyết Phật pháp cho Hoàng đế Shōmu người đã lui về ở ẩn, nhường ngôi lại cho Nữ hoàng Kōken. Năm 759 Ganjin rời chùa Todaiji để cất chùa Tōshōdaiji, trụ ở đó bốn năm rồi qua đời. Hai trong những tòa nhà ban đầu của Tōshōdaiji là Chính sảnh và Giảng đường vẫn tồn tại đến nay, biến nó thành nơi có nền kiến trúc Phật giáo quan trọng nhất, ngoài Hōryūji, có niên đại từ những thời đầu lịch sử.

TÓM TẮT CÁC DI TÍCH HIỆN TỒN TỪ NHỮNG NGÔI CHÙA ĐẦU Ở NARA

Những ngôi chùa sớm nhất ở Nhật Bản hầu như đã bị tàn phá gần hết, được tái chế, hoặc tu sửa. Vì thế khó giống ngôi chùa gốc. Sau đây là bảng tóm tắt những gì còn lại ở Nara, theo thứ tự niên đại.

1- Gỗ được dùng để xây cất Asukadera, ngôi chùa đầu tiên ở Nhật Bản (596) được bảo tồn trong Thiền sảnh (Zenshitsu) chùa Gangōji, được tái dựng ngay sau khi chùa bị cháy năm 1451.

2- Hōryūji bị cháy năm 670 và được tái dựng vào khoảng 40 năm sau. Nó có những tòa nhà bằng gỗ lâu đời nhất thế giới.

3- Tháp Hōkiji ba tầng, đôi khi còn được gọi là Hokkiji (hoàn tất năm 706).

4- Tháp phía Đông Yakushiji (730).

5- Chính sảnh, lúc đầu là nhà ăn, của Shin-Yakushiji (747).

6- Cổng Tegai, Shōsōin, và là một phần của Sangatsudō (hoặc Hokkedō) ở Tōdaji (khoảng năm 748).

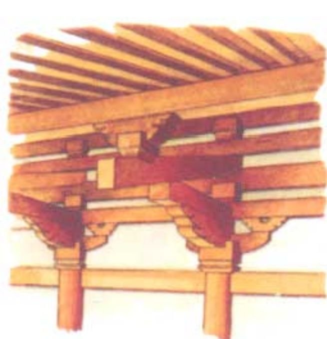
7- Chính sảnh và Giảng đường của Tōshōdaiji. Niên đại của Chính sảnh sớm hơn nhưng không chắc chắn. Giảng đường, lúc đầu là một phần của cung điện Heijōkyō, được dời tới Tōshōdaiji năm 763 và được tái tạo hồi thế kỷ XIII. Cũng ở đó còn có hai nhà kho bằng gỗ.

8- Tháp nhỏ trong kho báu của Tu viện Gokurakubō ở Gangōji (cuối của thế kỷ thứ VIII).

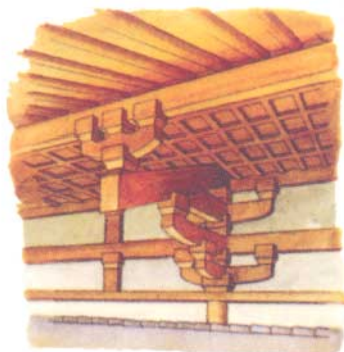
Tiến triển của các phong cách chùa chiền

Giữa thời gian khai sinh chùa Asukadera năm 596 và lễ khánh thành chùa Tōdaiji năm 752, có một vài thay đổi quan trọng trong thuật kiến trúc và cách bài trí chùa Phật giáo. Trước hết, kích thước Chính sảnh và tháp lớn hơn. Thứ hai, tháp được dời ra ngoại vi. Thứ ba, mái phức tạp, lớn, và nặng hơn.





Ngàm mái hiên của Chính sảnh Hōryūji



Ngàm mái hiên của tháp Yakushiji

Các điện thờ Thần đạo thời hậu-Phật giáo





Phong cách Nagare, loại thông thường nhất của điện thờ thời hậu-Phật giáo. Lối vào nằm ở bên dài, như theo phong cách Shimmei, nhưng mái được nới rộng trên các bậc thang đến để che cho những người tới thờ cúng. Tòa nhà của hình chụp phía dưới là Điện thờ Ujigami ở Uji, gần Tây Kinh..

Khi Phật giáo được thừa nhận chính thức như là quốc giáo hồi thế kỷ thứ VII, các niềm tin bản xứ, các lề thói, và văn hóa thiết yếu liên quan với Đạo của Thần được gọi là Thần đạo. Các điện thờ Thần đạo không thể hỗ trợ nhưng đã chịu ảnh hưởng tôn giáo mới mạnh hơn. Những gì được đưa vào thuật kiến trúc Thần đạo thì gồm mái cong, gỗ sơn màu đỏ son, trang trí bằng kim loại, và các khỏang không gian đặc biệt dành cho việc thờ phụng.

Phân loại điện thờ

Các điện thờ Thần đạo có thể được phân làm bốn loại phụ thuộc vào loại của Chính sảnh, nơi có vật thánh biểu trưng thần thánh (kami). Trước hết, loại cơ bản nhất, là các ngôi đền không Chính sảnh nào cả. Thần được thờ ở loại điện thờ này cư ngụ nơi các sự vật tự nhiên, vì thế không cần nơi ở nhân tạo. Loại thứ hai gồm các phong cách Tiền- Phật giáo đã đề cập ở phần trước, như các phong cách Sumiyoshi, Izumo và Shimmei.

Loại thứ ba gồm các phong cách được bắt nguồn sau khi Phật giáo được du nhập nên chịu ảnh hưởng mạnh thuật kiến trúc Phật giáo. Các thí dụ của loại này là phong cách Kasuga (tiêu biểu là





Phong cách Kasuga, loại phổ biến thứ hai. Lối vào ở cuối, nhưng mái phân cách che các bậc thang. Các toà nhà ở hình bên trái ở Chùa Enjōji trong Quận Nara được dời từ Điện thờ Kasuga ở Nara hồi đầu thế kỷ XIII khi Điện thờ Kasuga được làm lại.

điện thờ Kasuga ở Nara), phong cách Nagare (tiêu biểu là điện thờ Ujigami ở Uji), phong cách Hie (tiêu biểu là điện thờ Hiyoshi ở Quận Shiga), và phong cách Hachiman (tiêu biểu là điện thờ Usa Jingū ở Quận Oita).

Loại thứ tư được biết đến là Gūji, một phối hợp của điện thờ và chùa chiền nơi thờ các vị thánh (người được phong thần). Trước hết, loại điện thờ này là điện thờ Kitano Tenmangū ở thành phố Tây Kinh, được xây cất năm 947 để làm nguôi lòng thần Sugawara Michizane, một cận thần bị kẻ thù vu oan giá họa và bị đày đi Kyushu. Một thí dụ khác là điện thờ Nikkō Tōshōgū, nơi Tokugawa Ieyasu, tướng quân Tokugawa đầu tiên được thờ cúng. Ieyasu được thờ như người canh giữ bình nguyên Kanto.

Sự tiến hóa của các phong cách Điện thờ

Những không gian thánh thiêng đầu tiên là những mảng rừng sạch thoáng, phủ sỏi trắng, được chuẩn bị để thần "giáng hạ." Các hiện tượng tự nhiên như Núi Phú Sĩ và Thác Nachi đã là nơi thần ngự. Đôi khi các hang động cũng là những điện thờ tự nhiên. Ngay cả ngày nay, người ta cũng có thể thấy những hang động có đá chồng chất lên để thờ thần.

CÁC YẾU TỐ THÔNG THƯỜNG DÀNH CHO MỌI ĐIỆN THỜ, TRỪ LOẠI THỨ NHẤT

Thuật ngữ	Giải thích
sandõ	Lối vào điện thờ, thẳng hàng với cây cối trồng hay đèn lồng.
torii	Cổng Thần đạo.
kaki	Tường, rào, hay hành lang được sử dụng để phân biệt khu vực thánh và thế giới bên ngoài.
shimenawa	Dây tượng trưng cho *Kekkai*, vạch đường giữa sự thanh khiết và sự không thanh khiết.
suibansha	Bồn chậu chứa nước để tẩy uế miệng và tay theo nghi thức trước khi bước vào bên trong điện thờ.
komainu, shishi	Những bức tượng sư tử, chó đá hoặc lân đá canh giữ điện thờ.
honden	Chính sảnh, hoặc *thần* sảnh, nơi *thần* ngự, người phàm không vào được.
haiden	Nguyện sảnh nơi người ta cầu nguyện và phụng tự.

Ghi chú:

Một số loại điện thờ có *chigi* (các đầu mái chéo nhau) và *katsuogi* (các cây sào đặt ngang trên qua nóc để giữ nóc. Số *katsuogi* trên mái nói lên địa vị của điện thờ – càng nhiều *katsuogi* vị thế của điện thờ càng cao.

Các điện thờ đầu tiên đã có liên quan với những thị bộ tộc đặc biệt và được tạo dáng theo nơi sinh sống của vị thủ lĩnh (như ở Izumo) hoặc các nhà kho được nâng cao (như ở Ise). Tòa nhà chính cất giữ trân trọng vị thần đặc biệt được biểu tượng bằng một vật thánh thiêng như một thanh gươm, viên đá quý, hay chiếc gương. Không có chỗ cho những người đến thờ cúng trong những chỗ thánh thiêng nhất.

Sau khi Phật giáo được du nhập người ta mới xây cất những chỗ cho những người tới thờ cúng trong các điện thờ Thần đạo, bằng cách nói rộng mái làm sảnh thờ riêng (Honden/Haiden). Sau đó các tòa nhà khác được thêm vào, như bệ để cử hành nghi thức thánh.

Cuối cùng, các niềm tin và thông lệ Thần đạo đã được thiết lập rộng khắp trong dân chúng, và các điện thờ được dựng lên ở mỗi làng và tỉnh thành để thờ vị thần bảo hộ cho dân. Ngay cả trong nhà tư cũng có những điện thờ nhỏ-một kệ thờ chính



Kashihara Jingū, một thí dụ của thuật kiến trúc Điện thờ Quốc gia, với các toà nhà uy nghi của nó, có các hành lang bao bọc và các khu vực rộng được trải sỏi, gợi nhớ Cung điện nhà vua ở Tây Kinh. Kashihara Jingū được cung hiến cho vị hoàng đế huyền thoại đầu tiên, jimmu, gò lăng mộ của ông ta ở gần đó.

của Thần đạo (kamidana) để đặt những đồ thờ, và những điện thờ đặc biệt cho những nơi riêng của ngôi nhà, như điện thờ dành thần bếp. Vào những dịp đặc biệt, như khi gieo trồng lúa hoặc vụ gặt, vị thần địa phương thường được rước trên điện thờ từ làng tới những cánh đồng lúa, sau đó lại được rước về lại điện thờ cố định.

Trong nhiều trường hợp, niềm tin và lề thói của Thần đạo và Phật giáo được hoà hợp. Sau thời kỳ Khôi phục Minh Trị năm 1868, các điện thờ và chùa chiền đã được tách riêng ra. Tất cả điện thờ được yêu cầu gia nhập hiệp hội quốc gia, đứng đầu là Ise *Jingū*. Đền thờ Thần đạo mới cấp quốc gia này được cung hiến để tôn vinh Hoàng đế và Quốc gia Nhật, đã xây cất nhiều điện thờ Thần đạo mới theo phong cách Shimmei, được gọi là *jingū* thay cho tên thông thường là *Jinja*. Các điện thờ như Meiji Jingū ở Đông Kinh và Kashihara Jingū ở Quận Nara được xây cất thật tráng lệ và được trang hoàng bằng hoa cúc hoàng gia. Sau Thế chiến II, Thần đạo quốc gia đã bị hủy bỏ và nhà nước và tôn giáo đã được tách riêng theo đúng luật pháp.



Cổng vào Điện thờ Kamigamo ở Tây Kinh. Rõ ràng là chịu ảnh hưởng của chùa chiền Phật giáo. Cổng *torii* đơn giản và hàng rào của các điện thờ thời tiền-Phật giáo đã được thay thế bằng cổng nhiều tầng và bao quanh là dãy hành lang. Màu đỏ son cũng do ảnh hưởng Phật giáo.

Phát triển bản sắc văn hóa



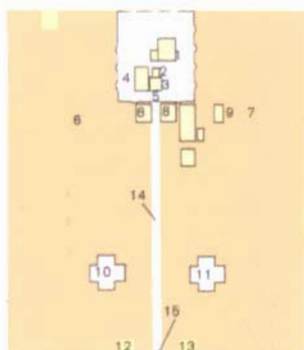


1. Heiankyō (Tây Kinh)
2. Đền Enryakuji (núi Hiei)
3. Hồ Biwa.
4. Đền Onjōji (Ōtsu)
5. Đền Byōdō (Uji)
6. Heijōkyō (Nara)
7. Đền Jōruriji
8. Đền Murōji (Nara).
9. Điện thờ Tanzanjinja.
10. Đền Konpusenji (núi Yoshino).
11. Đền Kongōbuji (núi Kōya).
12. Đền Kannonji.
13. Đền Chūsonji.
14. Điện thờ Usa Hachiman.

Thời Bình An (794-1185) đã bắt đầu khi kinh đô được dời từ Heijōkyō (Nara) tới Heiankyō (nay là Kyoto), phần nào thoát khỏi ảnh hưởng của chùa chiền Phật giáo hùng mạnh ở kinh đô trước kia. Văn hóa của Trung Hoa đời nhà Đường tiếp tục thống trị một thời gian, nhưng cuối cùng Nhật Bản đã giảm bớt sự tiếp xúc với lục địa và đã đồng hóa những gì đã học được, để sản sinh một văn hóa riêng.

Kinh đô mới

Kinh đô được di dời từ Heijōkyō (Nara) tới Nagaokakyō năm 784, và sau đó tới Heiankyō (Tây Kinh) năm 794, nơi nó đã định đô trên một ngàn năm. Tây Kinh đã có mọi yêu cầu, theo các nguyên tắc phong thủy của Trung Hoa, để có một thiên đàng trên trái đất, một dòng sông (sông Kamogawa) ở phía đông (nơi ở của Seiryū, long thần) cung cấp nước uống tinh khiết; một con đường (đường Sanyōdō) ở phía tây (nơi ở của Byakko, bạch hổ thần) mang đến lương thực; một khối nước (hồ Oruga) ở phía nam (nơi ở của



Sơ đồ bố trí của Heiankyō, kinh đô của Nhật bản 794-1868.

1. Dairi (hoàng thành nơi sinh sống của hoàng đế)
2. Daigokuden (đại sảnh đường nhà nước)
3. Chōdōin (nơi bàn công việc nhà nước)
4. Burakuin (nơi tổ chức lễ nhà nước)
5. Cổng Suzakumon.
6. Quận Ukyō.
7. Quận Sakyō.
8. Các văn phòng làm việc cấp quận.
9. Dinh thự, biệt thự Tōsanjōden.
10. Khu chợ phía Tây.
11. Khu chợ Phía Đông.
12. Ngôi đền Saiji (đền phía Tây).
13. Ngôi đền Tōji (đền phía Đông).
14. Đại lộ Suzaku
15. Cổng Rajōmon.

Suzaku, (thần phượng hoàng màu đỏ son), mang ánh dương tới; một ngọn núi (núi Funaoka) ở phía bắc (nơi ở của Genbu, thần rắn cuộn mình quanh con rùa) để che chở. Người ta thấy hình vẽ của bốn vị thần này ở những gò lăng mộ. Hệ thống cơ bản này không chỉ được dùng để chọn nơi xây dựng kinh thành mà cả nơi để xây lâu đài từ đầu Thời Đào Sơn (1573-1600).

Phác thảo của kinh đô mới tựa như ở Heijōkyō. Nó được sắp xếp thành mô hình kẻ ô, 5,5km từ bắc xuống nam và 4,7km từ đông sang tây, chung quanh có hào bao bọc. Ở phía bắc là đất cung điện nhà vua, trong vùng phụ cận lâu đài Nijō ngày nay. Chu vi của toàn khu là 1,4km và 1,2km, có 14 cổng, và vài khu phức hợp-nơi ở của vua, những phòng ốc dành cho các thành viên hoàng tộc và các cung tần mỹ nữ, các sảnh nghi lễ, các sảnh triều kiến. Cổng chính trông ra con lộ lớn Suzaku Ōji, cùng tên với con đường trung tâm ở Heiōkyō. Con đường này nối cung điện với



Đại sảnh đầu tiên của nhà nước (Daigokuden) tại Heiankyō đã bị cháy năm 876 và năm 1058. Điện thờ Heian ở Tây Kinh, được xây cất vào năm 1895 để kỷ niệm lần thứ 1.100 ngày dời đô tới Tây Kinh, tái xây cất lại lần thứ ba năm 1072, Đại sảnh này thu lại còn hai phần ba so với lúc đầu.

lối vào chính của thành phố về hướng nam, cổng Rajōmon, nằm bên sườn ngôi Đền Tōji ở phía đông và Đền Saiji ở phía tây. Đền Saiji không còn, nhưng Đền Tōji vẫn nguyên vị. Tháp của nó là tháp lớn nhất ở Nhật Bản, vẫn át hẳn cảnh quan thành phố. Cạnh khu cung điện là các biệt điện của giới quý tộc, các công sở. Thành phố còn có những loại dinh thự khác như điện thờ Thần đạo, các khu chợ búa, và nhà cửa phố thị (machiya) là nơi ăn ở của các thợ thủ công, những người buôn bán lẻ. Dân số của kinh thành khỏang nửa triệu người.

Các hình thức mới của Phật giáo

Trong đầu Thời Bình An, Saichō và Kūkai, hai nhà sư đã được tu học tại Trung Hoa, về lại Nhật, mang theo Mật giáo, truyền giảng giáo lý huyền bí. Niềm tin và lề thói này đem lại sự kích thích mạnh cho nghệ thuật Phật giáo Thời Bình An, rõ nét nhất là thuật khắc tượng thần, tranh vẽ, và các linh phù (các biểu đồ hình tượng về thần thánh và vũ trụ). Cuối Thời Bình An, Phật Giáo Adi-đà được du nhập từ Trung Hoa. Nó lôi cuốn cả các thường dân và giới quý tộc, vì nếu muốn đạt niết bàn chỉ cần kêu tên Adi-đà Phật. Những người tôn thờ Adi-đà Phật đã xây những sảnh cực lạc để tạo cảnh niết bàn ngay ở dưới thế.

Nở rộ văn hóa bản địa

Hậu bán Thời Bình An được gọi là kỷ nguyên Fujiwara-thời mà văn hóa Nhật phát triển dần bản sắc của nó. Một số yếu tố đã tạo thuận lợi cho việc này, như sự đình chỉ những trao đổi chính thức với Trung Hoa vào cuối thế kỷ thứ IX. Một yếu tố nữa là các công thổ mà Triều đình Yamato tịch thu của các thị tộc cạnh tranh nhau ngày càng nằm trong tay nhà chùa và giới quý tộc được miễn thuế. Khi nguồn thuế cạn kiệt, việc nước bị đình trệ.

Các thành viên của triều đình dùng thời gian để theo đuổi nghệ thuật, thi ca và sự lãng mạn. Nền văn hóa tao nhã của giai đoạn này được diễn đạt qua các lý tưởng thẩm mỹ *miyabi* (sự thanh lịch và tao nhã rất mực) và *mono no aware* (nhận thức sâu thẳm về cái đẹp tự nhiên nhất thời). Những phát triển văn hóa bản địa diễn ra trong các lĩnh vực văn chương nhờ phát minh ra chữ viết Nhật (Kana) thay cho cách diễn đạt bằng chữ viết Trung Hoa. Một trong những phát triển quan trọng nhất trong nền kiến trúc là phong cách xây dựng các biệt điện được hoàn thiện từ Thời Nại Lương.



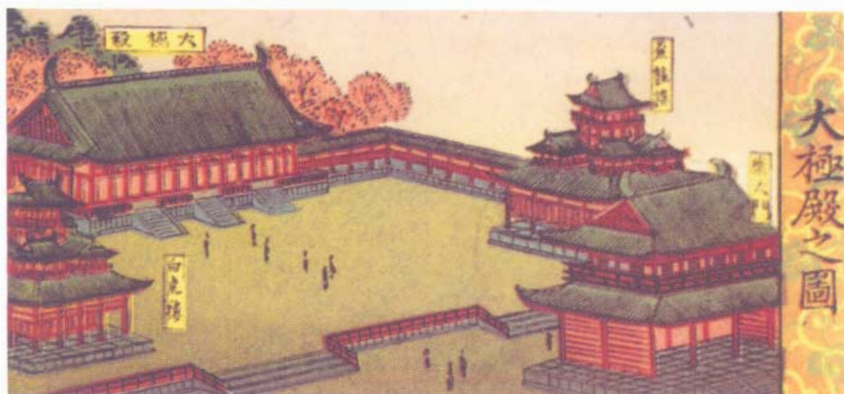
Tháp Tōji, nguyên thuỷ được xây cất là một trong những ngôi đền chùa được nhà nước bảo trợ lúc Heiankyō đã trở thành kinh đô. Tōji đã bị thiêu rụi trong cuộc nổi loạn của nông dân năm 1486 nhưng được tái thiết theo kiểu mẫu gốc năm 1644.

Những cách tân dàn mái

Những đình chùa trong thành thị thời Bình An đã kinh qua những phương pháp mái ngói mới. Ở Trung Hoa, những dàn mái ngói rộng tạo được là nhờ sử dụng rui xà dày nhưng ngắn gối lên nhau nằm ngay trên các đòn tay. Đất sét

được thêm vào bên trên các chỗ ráp nối vừa để gia cố vừa tạo mặt phẳng cong. Phương pháp này cho thấy là không thích hợp với Nhật Bản nơi mà đôi khi những trận mưa lớn thường thấm ẩm vào ngói lợp làm ướt sẫm đất sét. Vì phải mất một thời gian dài để đất sét khô lại, độ ẩm làm các đòn tay mau mục. Một vấn đề khác nữa là những trận động đất thường làm nứt vỡ đất sét.

Người Nhật đã giải quyết vấn đề này bằng cách làm bộ đòn tay đôi có miếng đỡ dày chịu lực, nằm trên các đòn tay chạy thẳng góc với nó. Những miếng ngói nằm ở bộ đòn tay trên, có liên quan với "những đòn tay ngầm bên dưới." Vì các tay đòn tay khuất chịu ít lực hơn nên không cần cây lớn để dễ tạo độ cong. Hệ thống này không chỉ loại bỏ nhu cầu hỗn hợp đòn tay và đất sét mà còn giúp các đòn tay ngầm tạo được độ dốc ở một góc khác biệt từ những đòn tay thấp hơn–tạo được cả dáng vẻ bên trong cũng như bên ngoài. Kỹ thuật mới này cho ta linh hoạt khi thiết kế. Nó cũng hữu dụng để nối hai tòa nhà hay hai khu riêng biệt của một tòa nhà lại với nhau. (như bên trong và bên ngoài một thánh điện), từng căn với từng dàn mái riêng, nhưng ở ngoài chỉ thấy một dàn mái.



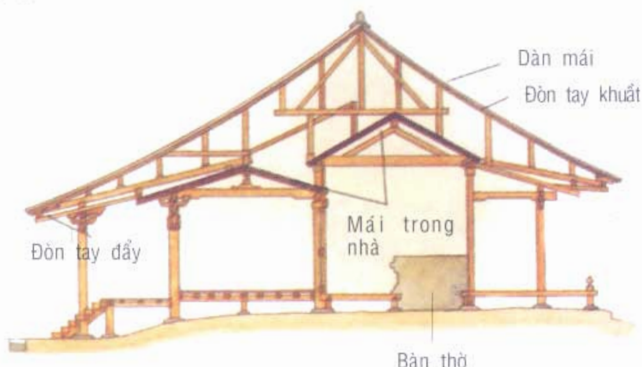
Thạch bản (tranh khắc đá) năm 1896 của Motoharu mô tả Đại sảnh Daigokuden, đại sảnh quốc gia trong cung điện được xây cất trong Thời Nại Lương.

Khu vực làm việc, được trình bày không có mặt trước làm cho lối đi thông suốt từ trước ra sau. Nó bao gồm cả nhà bếp và nhà kho cất giữ củi và rau quả. Hình vẽ này dựa theo mô hình ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Nhật.

Bên trái: Khối nhà (chō) *machiya* tiêu biểu là một khu phức hợp gồm một vài *machiya* được sắp xếp xung quanh một khoảnh sân chung.

Cửa hàng và nơi ở của dân buôn

Có ít thông tin về *machiya* Thời Bình An nhưng phim ảnh về Thời Thất Điển ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Nhật mà ta thấy ở hình bên trái cho thấy loại nhà này có dàn mái lợp bằng ván và được dằn bằng những tảng đá, nền sàn nhà bằng đất được chia thành các khu làm việc và các khu sinh hoạt có trải thảm. Cửa hàng, sát với đường, có mặt nền được nâng cao làm chỗ cho khách hàng ngồi.



Hệ thống mái kép được phát minh ở Nhật thường xuyên được sử dụng trong các toà nhà theo phong cách Wayō để tạo chính điện trong và ngoài, mỗi cái có mái riêng.

Cung điện và biệt điện

Nét đặc trưng của các biệt thự theo phong cách Shinden Thời Bình An là chính sảnh (shinden) được nối với những tòa nhà phụ bằng những hành lang dài có mái che. Toàn bộ khu vực được xây tường bao quanh, có những sân trong khác nhau được bố trí quanh một sân lớn gồm hồ có ốc đảo với cây cầu nhỏ để tới đó. Dù nay không còn khu biệt thự thuở đầu nào, phong cách ấy đã ảnh hưởng thuật kiến trúc cung điện đình chùa, và cả nhà cửa sau này.

Những nét đặc trưng của kiến trúc

Phong cách Shinden bắt nguồn từ Thời Nại Lương và đạt sự chín muồi vào cuối Thời Bình An. Các nét cơ bản được tái dựng từ những cuộn tranh và các di chỉ khai quật khảo cổ. Kích thước lô đất trung bình của các biệt thự trong kinh thành là một khối (khỏang 120 thước vuông), mặc dù có một vài trường hợp, như gia đình Fujiwara quyền lực từng là quan Nhiếp chính

Một trong những cảnh được mô tả trong cuộn tranh Các Nghi Thức và Lễ Hội Hàng Năm cho thấy Tōsanjōden, dinh thự của gia đình Fujiwara thế lực trong Thời Bình An. Tōsanjōden, một điển hình của khu biệt thự theo phong cách Shinden, chiếm cứ hai khu phố bắc tới nam, có tường đất bao quanh. Tòa nhà chính, *chính sảnh*, bao gồm một khu trung tâm, 4x11 mét, được vây quanh bằng những mái hiên. Các hành lang nối chính sảnh với những toà nhà khác ở phía bắc, đông, và tây. Ở phía nam là khu vườn rộng được dùng để tổ chức lễ hội, cũng có một cái ao được dòng suối trên cao nằm ở phía đông bắc cung cấp nước. Hình vẽ ở đây dựa vào mô hình ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Nhật.



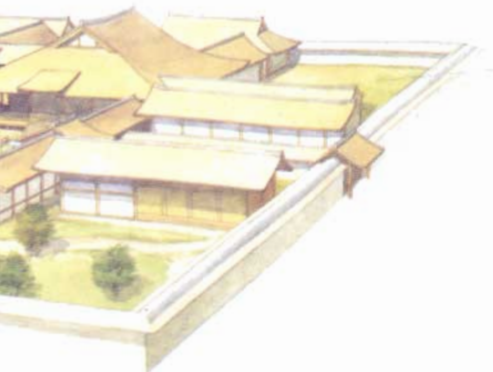
vào cuối Thời Bình An, là có khu biệt điện rộng lớn. Các tòa nhà của khu biệt thự theo phong cách Shinden là những khu nhà một tầng gồm một khu vực chính (moya) và những khu ngoại vi (hisashi), được cất trên những cột gỗ chôn xuống đất, và được bao quanh bằng những hành lang bằng gỗ có bậc thang để lên xuống. Nền và mặt hiên bằng gỗ không sơn và mái được lợp bằng ván, tựa như sở thích bản xứ từ thời tiền sử. Tuy nhiên, còn có những nét đặc trưng khác chịu ảnh hưởng của các nguyên tắc lục địa là những nguyên tắc được dùng trong các ngôi đền chùa Phật giáo. Tỉ như các biệt thự theo theo phong cách Shinden thừa nhận dàn mái mép bờ-và-đầu hồi và toàn khu vực có tường đất lợp ngói bao quanh.

Mặt tiền của các tòa nhà có những cánh cửa chóp bản lề bằng gỗ (shitomido) để có thể nâng phần nửa trên lên và tháo phần nửa dưới khi điều kiện thời tiết cho phép. Nội thất giản dị nhưng thanh lịch. Có một vài vách ngăn bên trong nội thất. Người ta ngồi trên những nệm rơm, sau này là những tấm thảm (tatami), trải trên nền nhà. Khu riêng tư được ngăn bằng những cửa lùa hay mành cuốn có vẽ những bức họa nổi tiếng.



Kogosho (có nghĩa là "tiểu điện" chủ yếu được dùng làm sảnh lễ nghi dành cho thái tử. Kiến trúc chuyển tiếp giữa phong cách Shinden và Shoin. Tòa nhà trong hình này là một thạch bản năm 1896 của Motoharu, toà nhà này bị cháy vào năm 1954 và được tái thiết năm 1958.

Shinden (chính sảnh) là nơi sinh hoạt của các thành viên của gia đình, các thê thiếp, và gia nhân. Sân trong của chính sảnh dùng làm nơi tổ chức lễ hội và vui chơi.







Hình bên trái: Nhìn qua lối vào phía tây, tới sân trong của sảnh lễ nghi, với lối vào phía nam nằm bên phải. Cả hai cổng và các hành lang đều có mái ngói, còn các đồ gỗ được sơn màu đỏ son.

Hình bên phải: Hàng hiên phía đông của Seiryōden, khu dành riêng cho hoàng đế. Đàng sau hình nộm của hoàng đế người ta có thể thấy chiếc chiếu đơn bằng rơm nơi vua ngồi suốt ngày. Những toà nhà như thế thật thanh lịch nhưng lạnh lẽo vào mùa đông khi mà nội thất được phân cách với bên ngoài chỉ bằng những tấm mành cuộn và những vách ngăn có thể tháo rời.

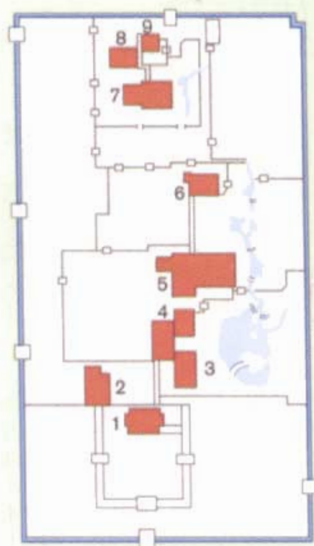
Cung điện Tây Kinh

Cung điện nguyên thuỷ ở Tây Kinh được cho là cung điện duy nhất của thế giới được làm bằng gỗ, từng bị hư hại nhiều lần do hỏa hoạn. Sau vụ hỏa hoạn năm 1177, Daigokuken (Đại sảnh Quốc gia) không được xây dựng lại. Lúc đầu, mọi lễ nghi quốc gia được cử hành tại Daigokuden, nhưng vì ngày càng nhiều lễ nghi nên được dời qua Shishinden (Sảnh Lễ nghi). Qua hàng trăm năm sau đó, vị trí của kinh thành được thay đổi vài lần, thường vì chiến tranh và hỏa hoạn, thay vì xây dựng lại, hệ thống cung điện được phát triển thành khu nhà ở của giới quý tộc cao cấp.

Năm 1331, triều đình ổn định trên địa điểm cung điện hiện nay, cách khu cung điện cũ khỏang 2 cây số về phía đông. Nhưng rồi nó cũng bị hỏa hoạn thiêu rụi. Năm 1790, nó được tái thiết, dựa trên nghiên cứu lịch sử do Uramatsu Kozen hướng dẫn, theo phong cách nguyên thuỷ của Thời Bình An, dù chỉ tái dựng những khu nội điện theo nguyên gốc. Vì thiếu kinh phí nên cung điện mới giản dị nhưng thật giá trị-biểu tượng thuộc sở thích của vua. Năm 1854, một lần nữa một phần cung điện lại bị cháy. Năm 1855 khu phức hợp được xây lại, sử dụng những bảng thiết kế được chuẩn bị cho cung điện trước đó.

Một khu hình chữ nhật khoảng 10,8 mẫu Anh được bao bọc bằng tường đất lợp ngói, dài gần 455 thước và rộng 277 thước. Năm dải trắng trên tường biểu thị uy thế của nhà vua. Những dải tương tự trên những bức tường của những đình chùa hay điện thờ ngụ ý sự bảo trợ của vua. Tường của cung điện được cắt ngang bởi vài cổng chính và 14 lối thoát an toàn. Cổng phía nam chỉ dành cho vua, cổng phía đông chỉ dành cho hoàng hậu và thứ phi sử dụng. Tường phía tây có ba cổng, một dành cho các quan còn hai cái kia dành cho khách. Theo truyền thống, cổng phía bắc dành cho các thê thiếp của vua và các nữ tì của họ. Góc đông bắc xúi quẩy được đánh dấu bằng một cái hốc khoét trong tường có con khỉ mặc quần áo như một tăng sĩ Thần đạo canh giữ.

Bên trong khu phức hợp là 18 tòa nhà được ráp nối bằng những hành lang có mái lợp, tạo thành những sân trong nhỏ, những khu vườn có suối, những hòn đảo, những cây cầu, những tảng đá, và cây cỏ theo phong cách Shinden. Cấu trúc chính là Shishinden, tòa nhà được dùng vào những dịp lễ



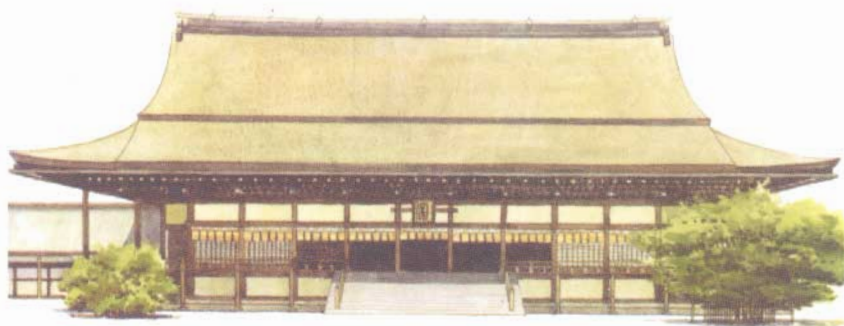
Bố trí đơn giản Cung điện

Được tái thiết năm 1855 sau khi lại bị cháy, cung điện hiện nay ở Tây Kinh nhỏ hơn nhiều so với cung điện lúc đầu được xây vào Thời Bình An. Ngày nay, cung điện chỉ được sử dụng cho lễ đăng quang các tân hoàng đế.

1- Shishinden (sảnh đường quốc gia)
2- Seiryōden (lúc đầu là chỗ ở của hoàng đế, sau này được dùng làm sảnh lễ nghi)
3- Kogosho (tiểu điện)
4- Ogakumonjo (sảnh nghiên cứu)
5- Otsunegūten (nơi hoàng đế sinh sống)
6- Ohanagoten (nơi thái tử sinh sống)
7- Kōgō Otsunegoten (nơi hoàng hậu sinh hoạt)
8- Wakamiyagoten và Himemiyagoten (nơi sinh sống của các con vua)
9- Higyosha (nơi hoàng hậu sinh sống)

hội. Giống như tòa nhà chính của những khu biệt thự khác theo phong cách Shinden, nó có nền cao và về cơ bản có khu trung tâm rộng thoáng có mái kín được gắn vào bốn bên theo phong cách *hisashi*. Tòa nhà được vây bọc bằng hàng hiên có rào chắn thấp. Dàn mái lộng lẫy của Shishinden là những tấm ván bằng gỗ bách dày 30 xentimét. Mười tám bậc cấp trước Shishinden tượng trưng cho 18 đẳng cấp triều đình được thừa nhận. Shishinden quay ra cái sân lót đá lớn, nơi tổ chức các lễ hội và những buổi vũ hội. Một tòa nhà khác là Seiryōden, khu sinh sống của hoàng đế. Giữa nó là khu vực cấm, Nurigome, nơi hoàng đế ngủ nghỉ và cất giữ những đồ quý giá.

Cung điện của vua được dời tới Đông Kinh hồi đầu Thời Minh Trị. Lần di dời ấy đã bỏ lại những ngôi nhà của các thân nhân nhà vua và của các nhà quý tộc để rồi hư hỏng dần. Những khu ấy cuối cùng được biến thành khu thượng uyển Kyoto, khu vực có cây cối thật đẹp bên ngoài tường thành, mang lại sự yên tĩnh cho người dân sống ở Kyoto.



Shishinden, toà nhà chính cung điện nhà vua, nơi tổ chức các lễ hội quan trọng của quốc gia. Lễ đăng quang của tân hoàng đế vẫn tổ chức ở đây. Shishinden là tiêu biểu của thuật kiến trúc theo phong cách Shinden có nền được nâng cao và mái ván bằng gỗ bách nguy nga. Mười tám bậc cấp trước Shishinden tượng trưng cho 18 đẳng cấp triều đình được thừa nhận. Khoảng trống rải sỏi trắng được cào bằng rất mỹ thuật ở phía trước là khoảng không gian thánh thiêng–giống như khoảng không gian ở các điện thờ hoàng gia.

Ngày nay, Cung điện cũ ở Tây Kinh chỉ được dùng tổ chức lễ đăng quang của những tân hoàng đế. Một ngôi nhà mở dành cho quần chúng được tổ chức hai lần mỗi năm, một lần vào mùa xuân và một lần vào mùa thu. Những cuộc viếng thăm riêng có thể đăng ký trước với văn phòng Đại diện Hoàng gia đặt ở khu cung điện.

Ảnh hưởng lên nền kiến trúc sau này

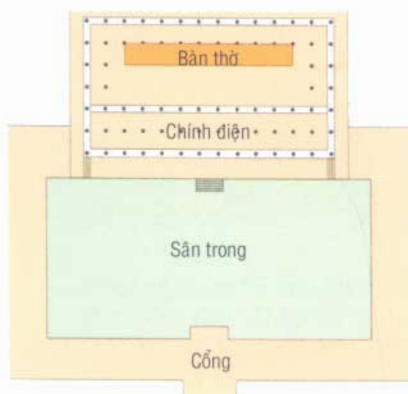
Mặc dù những biệt thự theo phong cách Shinden thuở đầu không còn, phong cách này có tầm ảnh hưởng quan trọng không chỉ với Cung điện Kyoto, mà còn lên nhiều hình thức kiến trúc khác nữa, gồm các lâu đài samurai Thời Liêm Thương, các đình chùa cũ Thời Thất Điền (như Kinkakuji, ngôi chùa của Sảnh Vàng ở Tây Kinh), và một số khu chùa Phật giáo Thời Edo (như Chùa Ninnaji ở Tây Kinh và Chùa Enmanin, bộ phần của khu Chùa Onjōji ở Ōtsu, Quận Shiga). Tuy nhiên, có lẽ quan trọng nhất là ảnh hưởng của phong cách Shinden lên phong cách Shoin được dùng khi tháo dỡ các tòa nhà của Thời Edo, như Katsura Rikyū ở Tây Kinh-tiền thân của nền kiến trúc nhà ở thời đầu hiện đại.



Ogakumonjo, tòa nhà ở Cung điện Gosho được sử dụng để học tập, các buổi ngâm thơ và những cuộc tập họp khác.

Những nét đặc trưng của phong cách Shinden có một ảnh hưởng lớn nhất lên nền kiến trúc sau này là khỏang không gian giữa rộng thoáng (moya) được bao quanh bằng những khu ngoại biên (hisashi), và sự sử dụng những vách ngăn phòng có thể di chuyển được hơn là những bức tường bên trong cố định-nói lên tính linh hoạt, trong đó không gian bên trong có thể được phân chia theo nhiều cách tùy theo dịp. Những nét quan trọng khác là những nền gỗ được nâng cao (*takayuka*) và mái ván. Mái phân biệt thuật kiến trúc cung điện và nhà ở với chùa chiền Phật giáo theo phong cách Trung Hoa.

Chùa chiền trên núi



Tòa nhà đầu tiên được xây cất tại Enryakuji là Konponchūdō, nằm ở nơi Saichō xây cất một nhà chòi thiền định năm 788, trước khi ông lên đường sang Trung Hoa, Konponchūdō nhỏ (rộng khoảng 9 mét), mái lợp bằng ván cây bách. Cuối cùng toà nhà được nới rộng bao quanh hai phần: phần ngoài (raidō hoặc gejin) cho những người tới thờ cúng, và phần trong lõm vào (*naijin*) có bàn thờ và các ảnh tượng chính. Phần naijin có nền đá thấp hơn nền gỗ của *raidō* 3 mét. Bị Oda Nobunaga phá năm 1571, Konponchūdō được xây lại vào năm 1642.

Các giáo phái Mật giáo Thời Bình An, Thiên thai tông (Tendai) và Chân ngôn tông (Shingon), đã xây cất nhiều đền chùa của họ trên núi tạo sự yên tịnh cho việc học tập và thiền định. Đây là sự chuyển hướng từ nhiệm vụ chủ yếu là nghi lễ của các tu viện lớn theo phong cách Trung Hoa ở Nara. Bối cảnh núi đồi cũng cần sự chuyển hướng theo những cách khác, như bỏ cách bài trí cân đối và những bức tường vây kín của những đền chùa đô thị ban đầu.

Ảnh hưởng thị hiếu bản xứ

Như đã bàn ở trên, văn hóa Trung Hoa và Triều Tiên đã có tác động mạnh lên Nhật Bản. Phật giáo, với triết học tinh tế và kỹ thuật kiến trúc tiên tiến của nó, đã được tầng lớp có học của Nhật Thời Asuka và Nại Lương háo hức đón nhận. Dẫu thế, các tiêu chuẩn thị hiếu bản xứ, điển hình ở các đền chùa ở Ise, bắt đầu có ảnh hưởng các đền chùa Phật giáo, bắt đầu với Hōryūri trong Thời Asuka và đã đạt độ chín muồi nơi những đền chùa trên núi của Thời Bình An. Sự ảnh hưởng của các tiêu chuẩn thị hiếu bản xứ lên các đền chùa trên núi có thể được tóm tắt như sau:

- Sơ đồ mặt đất không đều địa thế nhấp nhô nên việc bài trí các tòa nhà không cân đối.

• Sử dụng nhiều vật liệu thiên nhiên hơn, như mái lợp bằng vỏ cây bách hơn là bằng ngói.

• Nhạy cảm với môi trường thiên nhiên hơn, như việc sắp đặt nhà cửa giữa cây cối chứ không tìm cách phát quang chúng.

• Chuộng phong cách đền chùa Trung Hoa hơn, với những dàn mái ngói đồ sộ.

Những ngôi chùa Mật giáo tiêu biểu của Thời Bình An này là Chùa Enryakuji trên núi Hiei, gần Kyoto; Chùa Kongōbuji trên núi Kōya, gần thành phố Wakayama ngày nay; đền điện Murōji, nằm ở khu núi đồi tuyệt đẹp ở phía nam Nara.



Được dời từ đền Onjōji năm 1595 sau khi khu phức hợp Núi Hiei đã bị tàn phá năm 1571, Shakadō là Chính sảnh của khu phía Tây của đền Enryakuji trên Núi Hiei, gần Kyoto. Mái mép bờ-và-đầu hồi, cột sơn đỏ, và tường quét vôi trắng của nó là chịu ảnh hưởng phong cách đời nhà Đường Trung Hoa. Tuy thế, mái của nó được lợp bằng ván thay vì bằng ngói và có bối cảnh thật tự nhiên.

Núi Hiei

Năm 804, Saichō được hoàng đế phái đến một tu viện trứ danh ở Trung Hoa, nằm trên ngọn thánh sơn Thiên thai, để nghiên cứu giáo huấn của Liên Hoa Kinh (Lotus Sutra, kinh thánh của Ấn Độ) nhưng cũng chịu ảnh hưởng Lão giáo Trung Hoa. Thiên thai tông, như tên gọi ở Nhật, đã dạy rằng sự tuyệt đối vốn có trong mọi hiện tượng và sự giác ngộ đến từ sự kết hợp với việc nghiên cứu các bản kinh, sự hành đạo và chiêm nghiệm. Khi từ Trung Hoa về, Liên Hoa Tông của Saichō đã được thêm vào danh sách của sáu tông phái ở Nara được nhà nước chính thức thừa nhận và bảo trợ.

Saichō, sau khi qua đời được gọi là Dengyō Daishi, đã thành lập trung tâm Phật giáo Thiên Thai-Chùa Enryakuji trên núi Hiei, phía đông bắc Tây Kinh để trấn giữ hướng xúi quẩy ấy. Từ lâu Chùa Enryakuji đã là một học viện Phật giáo uy tín nhất ở Nhật, đã đào tạo những những người sáng lập tông phái Jōdo, Jōdo Shin,

Nichiren, Sōtō và Rinzai Zen trong số những tông phái khác. Lúc cực thịnh, nó có tới khỏang 300 ngôi chùa, với hàng ngàn "tăng sĩ chiến binh" từng bố ráp Tây Kinh để gây áp lực chính trị. Năm 1571, Oda Nobunaga, một trong những đại tướng quân đã thống nhất Nhật Bản vào Thời Đào Sơn (1573-1600), phá Chùa Enryakuji và thảm sát hầu như hết mọi người trên ngọn núi thánh. Nay Chùa Enryakuji bị thu hẹp nhiều chỉ còn khỏang 30 tòa nhà, được tổ chức lại thành ba khu: Tōdō, Saitō và Yokawa.

Núi Kōya

Khi Kūkai (sau khi qua đời được gọi là Kōbō Daishi) đang học ở Trung Hoa, ông đã chịu ảnh hưởng bởi hình thức Phật giáo trong đó Maha-Vairocana (Dainichi Nyorai của người Nhật) là một Đức Phật Hoàn Vũ từ đó các đức Phật khác phát sinh. Có bốn nguồn phát sinh chính tương ứng bốn hướng chính. Nguồn quan trọng nhất ở Nhật sau này là Adi-đà Phật, Chủ Nguồn Sáng Vô Hạn (Phật của phương Tây).

Khi Kūkai từ Trung Hoa về, ông đã thành lập hai trung tâm ở Chùa Tōji ở Tây Kinh và Chùa Kongōbuji trên núi Kōya. Kūkai gọi tông phái mới nầy là Chân Ngôn tông (có nghĩa là "lời chân thật"). Chân Ngôn tông được biết đến là "Mật giáo" vì giáo lý bí truyền của nó không thể diễn giải ngôn từ được, mà gắn với những câu thần chú mang tính biểu tượng.



Tháp theo phong cách Tahōtō (tháp được trang trí bằng nhiều đá quý) được tạo lập cho Thiên Thai và Chân Ngôn phái. Khu bán cầu ở tầng nhất na ná Bảo tháp Ấn Độ, được bao bọc bằng những khu phụ có mái phủ kín (*mokoshi*) cả bốn mặt, vì thế tạo nên khu nền vuông vức. Tháp ở hình này là tháp ở Chùa Ishiyamadera trong Quận Shiga.

Chùa Murõji

Cho đến gần đây Núi Kōya dành riêng cho phụ nữ, vì thế Murõji còn có một tên gọi khác là Nyonin Koya, có nghĩa là "núi Koya dành cho nữ giới". Không như các đền chùa lớn khác của Nara, nhà cửa nằm rải rác trên sườn núi, được xây cất trên bất cứ đâu tương đối phẳng, không có khái niệm về một khu phức hợp được phân ranh rõ ràng, được bao quanh bằng một tường rào, nhưng nhiều khu rừng tự nhiên được bảo tồn.



Kondō (Chính sảnh của Murõji, được xây cất trong thời Bình An đầu, có mái mép bờ lợp ván và thích hợp với sườn núi đá đỡ hàng hiên bằng gỗ. Rừng bách tự nhiên nằm ở phía sau.

Bố trí Murõji.

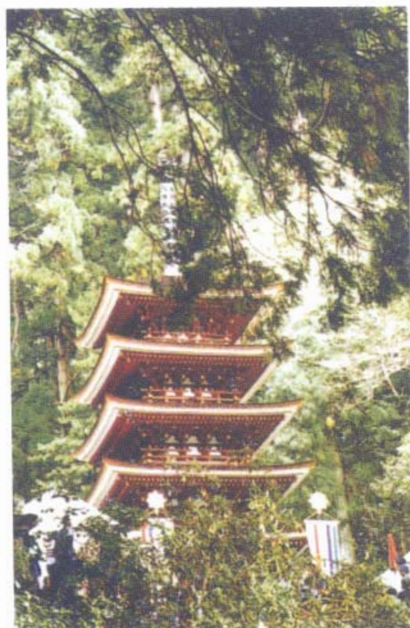
1- Tháp năm tầng.

2- Hondõ (Chính sảnh thứ nhất)

3- Kondō (Chính sảnh thứ hai).

Những nét kiến trúc đặc trưng của Mật giáo

Các giáo phái Mật giáo nhấn mạnh sự khai tâm dần cho các tín đồ. Vì thế, Giảng đường được chia thành hai khu riêng, khu ngoài dành cho những người tập tu, và chính điện bên trong dành cho những ai đã được thụ giáo. Khu trong gồm bàn thờ, đàng sau là các ảnh tượng. Khu trong và khu ngoài đều có mái riêng, được tụ vào mái mép bờ-và đầu hồi có mái phủ cả hai, dùng hệ thống mái đôi như đã mô tả ở trên. Nền gỗ được nâng cao thay cho nền bằng đá lát như trước đây. Mái hiên được nới thêm bằng cách dùng các mút chìa để che các bậc gỗ trước lối vào. Các mái được lợp ván hay vỏ cây thay ngói. Cuối cùng, như đã nói ở trên, không có sự bố trí cân đối mà tùy theo bối cảnh núi đồi tự nhiên, trên những chỗ nào được thấy là phẳng. Nó làm thay đổi dần kiến trúc theo phong cách nhà Đường để thay bằng phong cách Nhật Bản (Wayō).



Được xây cất theo phong cách Nhật Bản, tháp cao 16 mét năm tầng ở Murōji, là tháp nhỏ nhất ở Nhật, nhưng là một trong những tháp đẹp nhất.



Sơn phết tùy theo tiết trời mặt ngoài Kondō để tạo lớp bóng, một sở thích của người Nhật.

Sảnh Cực lạc

Theo như lời sấm xưa của Phật giáo, thế giới sẽ vào thời tăm tối (mappō), bắt đầu vào năm 1051, trong suốt thời kỳ này thật khó có thể đạt giác ngộ bằng những việc thiện, sự chiêm nghiệm, và lễ nghi. Con đường duy nhất để được cứu độ là qua niềm tin của mình vào A-di đà Phật. Vào cuối Thời kỳ Bình An, "các sảnh cực lạc" được cung hiến cho A-di đà Phật được xây khắp nước Nhật.

Lai lịch lời sấm

Mappō có nghĩa là "đầu cuối của luật" (pháp-dharma), phần đầu thời gian 1.500 năm sau khi Đức Phật lịch sử viên tịch, khi lời dạy của ngài mất quyền lực và xã hội trở nên suy đồi. Thời Bình An đã dường như ứng nghiệm lời sấm. Sự suy đồi xem chừng ở khắp nơi, lan cả vào các tu viện Phật giáo, các sư sãi ham mê của cải, quyền lực, và lạc thú hơn những giá trị tinh thần. Nhà sư Kūya đã đi khắp nước Nhật giảng thuyết về hạnh phúc của cõi trời và sự ghê rợn của âm ty, còn nhà sư Genshin giảng giải về sự thờ cúng A-di đà Phật,



Thạch bản năm 1896 của Motoharu vẽ Sảnh của vị Sáng lập ở Chùa Higashi Honganji tại Tây Kinh.

Phật của Nguồn Sáng Bất Tận, bảo đảm sự tái sinh trong Jōdo, Cõi Thanh Tịnh (Pure Land) cho những ai thành tâm kêu cầu danh của ngài qua việc niệm câu "Nam mô A-di đà Phật" (Namu Amida Butsu).

Việc này nói lên tầm quan trọng của ân huệ hơn là sức mình, chuẩn bị cho sự phát triển những giáo phái khác nhau của Tịnh Độ tông sau này. Trước hết là Jōdo-shu do Hōnen Shonin (1133-1212) sáng lập. Trung tâm của Jōdo-shū là Chùa Chionin ở Tây Kinh, được xây cất năm 1234. Đồ đệ chính của Hōnen là Shinran Shōnin (1173–1262), người sáng lập Jōdo Shinshkū (Chân Tông của Tịnh độ



Sảnh Phượng hoàng (Hōōdō) ở Byōdōin. Những đường cong mềm mại của dàn mái là nhờ phương pháp xây dựng mái kép, đã được nói tới ở trên. Ấn tượng toàn cảnh càng thanh thóat hơn làm xiên góc các cột, các rầm chìa mái hiên, và các rui mè. Màu đỏ gốc của gỗ và những trang trí nội thất lộng lẫy đã giảm đi nhiều do thời gian. Người ta đang phục hồi phần nội thất theo điều kiện ban đầu của nó.

tông). Lời dạy của Kuya và Genshin được mọi người ưa chuộng và các quý tộc triều đình bắt đầu xây những sảnh cực lạc riêng trong khuôn viên của họ. Các sảnh này tọa lạc ở một khu vườn và ao hồ theo phong cách Shinden. Mục đích để chiêm nghiệm Cõi Thanh Tịnh (Cõi Tây Phương) trên trái đất. Những lời giảng dạy này cũng lan tới vùng quê, và các gia đình quyền thế cũng xây các Sảnh A-di đà theo sảnh ở Kyoto.

Byōdōin

Năm 1052, Fujiwara-no-Yorimichi, con trai của quan Nhiếp chính quyền thế Michinaga, đã biến biệt thự gia đình của ông ở Uji, nam Tây Kinh, thành ngôi chùa danh tiếng Byōdōin, rồi một năm





Cách bài trí của Byōdōin, được tạo hình giống Phượng hoàng, có sảnh trung tâm ở giữa và các hành lang ở hai bên và phía sau.

sau đó ông bắt đầu tiến hành xây Hōōdō (sảnh Phượng hoàng), sảnh cực lạc được cung hiến để thờ A-di đà. Những tòa nhà khác đã bị Kusunoki Masashige, người theo Hoàng đế Go-Daigo, người đã dấy binh làm phản mạc phủ Kamakura nhưng thất bại, đốt cháy năm 1336. Ngày nay, chỉ còn Hōōdō, một điển hình cổ xưa nhất về sảnh cực lạc, và Kannondō (được cung hiến cho Kannon, nữ thần từ tâm). Sảnh Phượng hoàng có tượng A-di đà mạ vàng ngồi thiền dưới cái lọng lộng lẫy, bao quanh là các nhạc công của thiên đình khắc bằng gỗ thật sắc sảo. Cấu trúc được thiết kế như phượng hoàng được cách điệu, với những hành lang giống như cánh ở hai bên và đuôi ở phía sau. Ấn tượng chung mang lại nét đẹp của phong cách Fujiwara tao nhã. Sảnh Phượng hoàng nằm ở phía tây của ao để các thành viên của gia đình Fujiwara có thể ngồi ngắm Sảnh A-di đà và mường tượng về sự tái sinh ở Cõi Trời Tây.

Jōruriji

Chùa Jōruriji, ở Quận Kyoto, gồm một cái ao có tháp ở phía đông và sảnh cực lạc ở phía tây.



Tháp ba tầng (được khôi phục vào Thời Liêm Thương) nằm bên kia ao của Sảnh A-di đà tại Jōruriji.

Tháp được dời từ ngôi chùa ở Kyoto năm 1178, biểu trưng Cõi Trời Tây của Yakushi Nyorai (Phật chữa bệnh), Sảnh cực lạc, được xây cất năm 1107 nhưng đã được tháo dỡ và dời đến vị trí ngày nay vào năm 1157, biểu trưng Cõi Trời Tây của A-di đà Phật. Nó cất giữ chín pho tượng A-di đà, mỗi pho tượng biểu trưng một trong chín giai đoạn của Niết bàn. Có một tiểu đảo ở giữa ao biểu trưng cõi đời này, nằm giữa Cõi Trời Đông và Tây. Sự phối hợp mang tính tượng trưng và nét đẹp tự gợi lên cõi huyền bí giúp tín đồ trải nghiệm cả cảnh trời và đất. Việc xây cất các sảnh cực lạc với chín A-di đà Phật thường thấy ở giai đoạn sau của Thời Bình An, nhưng Jōruriji là sảnh duy nhất còn lại.



Cách bố trí của Jōruriji, có đất, được tiêu biểu bằng đảo, nằm giữa là Cõi Trời Tây, được tiêu biểu bằng Sảnh A-di đà bên trái, và Cõi Trời Đông, được tiêu biểu bằng tháp bên phải.

Chūsonji

Một trong vài sảnh cực lạc từ Thời Bình An còn lại là Konjikidō của Chūsonji, ngôi chùa thế kỷ thứ IX do nhà sư Ennin ở Hiraizumi phía bắc Nhật Bản xây, lúc đầu là một tiền đồn quân sự. Fujiwara-no-Kiyohira, người đứng đầu nhánh phía bắc của dòng họ Fujiwara, quyết định biến Hiraizumi thành kinh đô của ông ta, mô phỏng theo Tây Kinh. Ông xây lại Chūsonji, gồm trên 40 tòa nhà và tháp, nhưng nay chỉ còn lại Konjikidō và Kyōzō.

Konjikidō là Tiểu Sảnh A-di đà (18 thuớc vuông) có niên đại từ năm 1124. Toàn bộ nội thất được mạ vàng lá và được coi là một trong điển hình về tay nghề của thời đó.

Sảnh cực lạc gần đây hơn

Chùa Nishi Honganji, trung tâm của giáo phái Jōdo Shinshū do Shinran sáng lập, lúc đầu là lăng mộ do con gái của ông tạo dựng để tỏ lòng tôn kính ông. Năm 1591, Toyotomi Hideyoshi đã cấp



Sảnh A-di đà ở Nishi Honganji kích thước 37x42 mét và chiều cao khoảng 29 mét. Tòa nhà có một *gejin* rộng (khu hội họp) đủ chỗ cho nhiều người tới thờ cúng.



Bên trong Sảnh A-di đà ở Nishi Hongaji. Trên bàn thờ là một tượng A-di đà, bên cạnh là bảy Giáo trưởng của Ấn Độ, Trung Hoa, và Nhật Bản. Đồ bằng gỗ trong *gejin* không sơn, nhưng đồ gỗ ở *naijin* (khu bàn thờ) được dát vàng lá, sơn mài đen, và nhiều màu sắc. Sự tương phản phóng đại vẻ huy hoàng của Cõi Trời Tây, được tiêu biểu bằng *naijin*.

cho chùa một khu đất rộng gần nhà ga xe lửa hiện nay ở Kyoto. Các tòa nhà ban đầu được xây cất ở địa điểm này đã bị nhà sư của Chùa Enryakuji trên núi Hiei đốt năm 1617. Sảnh của vị Sáng lập đã được xây lại vào năm 1636 và việc khôi phục Sảnh A-di đà đã được hoàn tất vào năm 1760. Cả hai được liệt vào Tài sản Văn hóa Quan trọng.

Hai bệ đài Noh, đình Hiunkaku Flying Cloud (cùng với Kinkakuji và Ginkakuji, là một trong ba đình nổi tiếng nhất ở Nhật), và Cổng Karamon được cho là có từ Lâu đài Fushimi của Hideyoshi, đã bị Tokugawa Ieyasu phá hủy. Phần lớn khu chùa xác định là khu Di sản Văn hóa Thế giới.

Ngày nay, có hai chùa Honganji ở Kyoto-Nishi Honganji gốc (Honganji phía tây), đã mô tả bên trên, và đền Higashi Honganji (Honganji phía đông), đều được thiết lập gần năm 1602 với sự cổ vũ của tướng quân Tokugawa Ieyasu, người đã kinh sợ quyền lực vô biên của tông phái nguyên thủy và muốn nó bị chia cắt. Sảnh A-di đà ở Higashi Honganji được xây cất vào năm 1895.

Hợp nhất nền kiến trúc Thần đạo và Phật giáo



Kannonji, Chùa của Phật giáo Thiên Thai ở Quận Shiga. Phía trước cửa chính của chùa là cái cổng được sử dụng để báo cho biết đây là nhà của *thần* (điện thờ Thần đạo). Cái cổng được gióng lên bằng cách kéo một sợi dây, Đây là điển hình của sự dung hòa tôn giáo.

Sự du nhập Phật giáo đã đặt ra vấn đề là làm thế nào dung hoà tôn giáo mới này với các niềm tin của Thần đạo bản xứ. Giải pháp tham vọng nhất là học thuyết cho rằng các thần của Thần đạo là những hiện thân của các Phật và Bồ tát. Sự hợp nhất các thần đôi khi đi kèm với các chức năng thầy tế và cả các tòa nhà tôn giáo.

Mối quan hệ cộng sinh

Sự ảnh hưởng lẫn nhau của thuật kiến trúc Thần đạo và Phật giáo đã được ghi nhận. Tỉ như, nhiều Điện thờ Thần đạo chấp nhận các cấu trúc Phật giáo, như cổng hai tầng, sảnh riêng cho người tới thờ cúng, những hành lang nối nhau, và gỗ sơn màu đỏ son. Ngược lại, nhiều chùa Phật giáo, đã chuyển theo hướng thị hiếu bản xứ hơn, có đặc điểm là sự không đối xứng, sử dụng nhiều hơn vật liệu tự nhiên, và thích nghi với môi trường thiên nhiên. Tuy nhiên, những phát triển sau này còn ảnh hưởng nhau cả về thuyết chiết trung tôn giáo–sự hoà hợp các niềm tin và lề thói của Thần đạo và Phật giáo.

Thuyết chiết trung có nhiều hình thức khác nhau. Một thói quen thường thấy vào những ngày đầu của Phật giáo ở Nhật là xoa dịu các thần địa phương sợ bị quấy nhiễu vì đã xâm nhập một tôn giáo mớ vào lãnh địa của họ, và để lôi cuốn vị thần địa phương chở che các đình chùa Phật giáo. Vì thế các chùa Phật giáo được xây gần điện thờ Thần đạo hoặc xây điện thờ Thần đạo trên nền của chùa Phật giáo. Đáp lại, các thầy tế Phật giáo ra tay cứu giúp thần của Thần đạo vì họ cho rằng những vị này cũng không tự thoát khỏi vòng sinh và tái sinh bất tận. Sự cứu giúp là bằng cách xây chùa chiền Phật giáo trong khu điện thờ của Thần đạo và bằng cách đọc kinh Phật trước điện thờ Thần đạo.

Sánh đôi các thần của Thần đạo và Phật giáo

Một trong những người đầu tiên đề xướng sự hòa hợp tôn giáo ở Nhật là En-no-Gyōja (sinh hồi thế kỷ thứ VII), người đã đoan chắc rằng



Cách bố trí của Kitano Tenmangū

1- Điện thờ Tenmangū
2- Sảnh Phật
3- Sảnh Kinh
4- Tháp theo phong cách Tahōtō



Thạch bản năm 1896 của Motoharu mô tả cổng Thần đạo trước lối vào điện thờ Kitano Tenmangū.

Một số toà nhà ở Điện thờ Thần đạo Kitano Tenmangū của Kyoto năm 1757, cho thấy các tòa nhà của Phật giáo như tháp theo phong cách Tahōtō, Sảnh Phật, Sảnh Kinh, và khu chính sảnh. Điện thờ vẫn tồn tại, nhưng các cấu trúc Phật giáo đã bị bỏ. Hình này dựa trên mô hình ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Nhật.



thần của những ngọn núi khác nhau ở Nhật là hiện thân thật sự của đức Phật hoàn vũ. Vị sáng lập Chân Ngôn tông, Kūkai, đã hệ thống hóa khái niệm này hồi thế kỷ thứ IX và phát triển học thuyết Thần đạo Ryōbu, nghĩa là "Thần đạo lưỡng diện". Theo niềm tin của Chân Ngôn tông thì vũ trụ dù là Một song có hai chiều kích. Chiều kích hiện tượng là địa hạt của những sự vật có thể trải nghiệm được bằng ngũ quan. Đằng sau chiều kích này là lĩnh vực tự thể (noumenal) có thể trải nghiệm được theo cách thần bí qua các lễ nghi thích hợp. Các nhà thần học của Chân Ngôn tông coi các thần của Thần đạo tương đối cụ thể vì họ cư trú trong các vật thể hoặc hữu thể thuộc thế giới hiện

tượng, cũng như sự hiện thân của của các thần Phật giáo thường biểu trưng trừu tượng hơn và có những đặc tính siêu hình.

Phối hợp các chức năng tôn giáo

Từ thế kỷ XIII đến XIX, về thực tế cũng như lý thuyết, sự phối hợp hai tôn giái không còn là bất thường. Tỉ như các đồ thờ cúng của Thần đạo và Phật giáo được dùng chung trong cùng đền thờ, và các hoạt động lễ nghi được một thầy tế củ hành. Trong những trường hợp như thế này, người ta hầu như không thể phân biệt hai tôn giáo. Rốt cuộc thuyết dung hợp tôn giáo này được nhiều người chấp nhận và vẫn có ảnh hưởng tới Thời Phục hưng Minh Trị năm 1868, khi hai tôn giáo bị phân cách và Thần đạo trở thành Quốc giáo mà nhiệm vụ chính của nó là củng cố chủ nghĩa dân tộc. Mặc cho sự phân cách gượng ép này, hiện nay nhiều điện thờ và chùa chiền vẫn cho thấy các dấu tích của sự hoà hợp tôn giáo này.

Điện thờ Hachiman

Một thí dụ thú vị về sự hoà hợp tôn giáo là Điện thờ Usa Hachiman ở Kyushu. Thần chiến tranh, Hachiman, vị thần tự biểu tỏ mình ra lần đầu năm 571 mà các thầy tế Thần đạo Ryōbu cho là hiện thân của A-di đà Phật chẳng lạ gì khi Điện thờ Usa Hachiman dần kết hợp nhiều nét đặc trưng của Phật giáo, như một tháp chuông và hồ sen, những dấu tích của Phật giáo.



Điện thờ Yashima, trên nền của ngôi chùa Tōji ở Tây Kinh, minh hoạ cho sự sát nhập các điện thờ Thần đạo trong các khu chùa Phật giáo, thói quen đến nay vẫn còn.

Võ sĩ đạo (Đạo của Chiến binh)



1- Lâu đài Himeiji.
2- Chùa Kakurinji (thành phố Kakogawa).
3- Osaka
4- Heijōkyō (Nara).
5- Lâu đài Fushimi của Hideyoshi.
6- Heiankyō (Tây Kinh).
7- Chùa Onjōji (Ōtsu).
8- Lâu đài Azuchi của Nabunaga.
9- Inuyama.
10- Ichijōdani.
11- Eiheiji.
12- Kanazawa.
13- Kamakura.
14- Edo.

Về cuối Thời Bình An, một loạt cuộc chiến xảy ra giữa các thị tộc Taira và Minamoto mà kết quả sau cùng chiến thắng đã thuộc về Minamoto. Kiên quyết thoát khỏi sự ảnh hưởng nền văn hóa suy tàn Tây Kinh, Minamoto đã thiết lập chế độ mạc phủ quân sự ở Kamakura và đặt nền tảng cho xã hội phong kiến được chi phối bởi các nguyên tắc của *Võ sĩ đạo* (Bushido)

Thời Liêm Thương (1185-1333)

Dưới tân chế độ quân sự Thời Liêm Thương (Kamakura), do Minamoto Yoritomo, một võ sĩ (bushi) của đẳng cấp quân nhân (samurai), thành lập và đã trở thành tầng lớp lãnh đạo. Một hệ thống đẳng cấp được thiết lập trong đó quản gia thuộc đẳng cấp quân nhân chịu trung thành với đại chủ thị tộc của họ, người mà (giờ đây) nằm dưới quyền của tướng quân, chỉ huy tối cao quân sự. Tướng quân nhận sự bổ nhiệm từ hoàng đế, người (nay) chỉ nắm quyền tượng trưng. Hệ thống quân sự của chính quyền được gọi là *bakufu*.

Trái với việc coi trọng nét đẹp thanh nhã, tế nhị, đặc điểm của Triều đình Tây Kinh, tầng lớp quân nhân mới này coi trọng sự bình dị, sức mạnh và tính thực tế. Yoritomo xây cất lại các đền chùa Tōdaiji và Kōfukuji ở Nara, đã bị thiêu rụi trong cuộc chiến tranh của các thị tộc vào cuối Thời Bình An. Việc xây cất lại Tōdaiji mất 20 năm và cần tới một số thợ mộc và thợ thủ công.

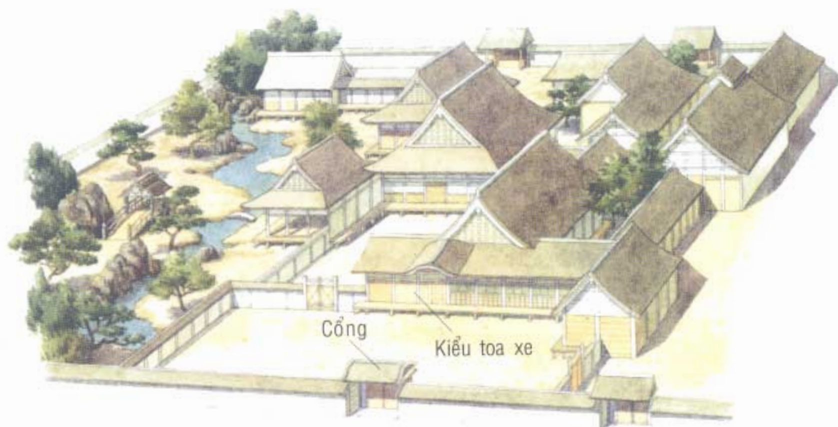
Tình trạng hỗn loạn vào lúc đầu Thời Liêm Thương đã tạo ra giáo phái Phật giáo "Tịnh Độ" mới như Jōdo, phát triển từ Phật giáo A-di đà của Thời Bình An trước đó. Các nhà sư Nhật còn qua Trung Hoa để học Phật giáo Thiền. Cuối Thời Liêm Thương họ đã đưa Thiền về Nhật, đóng góp nhiều vào nền văn hóa samurai trong Thời Thất Điền sau đó.

Chế độ mạc phủ Kamakura đã chịu thử thách nặng khi quân Mông Cổ hai lần đưa hạm đội để cố chinh phục Nhật Bản. Cả hai lần, hạm đội hải quân của Mông Cổ đều bị đánh bật khỏi bờ biển Kyushu do bão táp mà người Nhật gọi là thần phong (kamikaze).. Giá của việc xây cất các công sự ở Kyushu đã góp phần vào việc suy sụp của thị tộc Minamoto nhưng lại đem lại sự thành công cho thị tộc Ashikaga, thị tộc đã dời kinh đô tới Muromachi

Nhà cửa của Đẳng cấp Quân nhân (Samurai)

Chẳng còn vết tích gì về nhà cửa của đẳng cấp quân nhân từ Thời Liêm Thương. Nhưng theo khảo cổ, nhà cửa của họ nằm trên vùng đất phẳng hoặc thoai thoải ở chân đồi. Nhà cửa của họ thường có tường và hào bao quanh. Hào quan trọng không chỉ để phòng thủ, mà còn là chỗ chứa nước để tưới tiêu vùng nông nghiệp chung quanh. Tranh cuộn này cho thấy nhà của một quân nhân làm việc cho chính quyền thời đó. Toà nhà chính (Omoya) dành cho chủ và được nối với những toà nhà khác theo phong cách Shinden. Sự khác biệt chính là các toà nhà theo phong cách Shinden thường được lợp bằng vỏ cây bách, trong khi nhà ở đây lợp vừa bằng rơm và ván. Có vài nhà phụ dành cho các quản gia, làm nơi nấu nướng, chuồng gia súc, và kẻ hầu người hạ. Ngoài ra còn có một khu vườn rau.





Khu biệt thự Hosokawa như trong tranh của bức trướng thế kỷ XVI ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Nhật tả cảnh đường phố trong và xung quanh Kyoto. Dòng họ Hosokawa là chư hầu thế tập của các tướng quân Thời Thất Điền (Ashikaga). Khu biệt thự Hosokawa tiêu biểu sự mô phỏng thuật kiến trúc theo phong cách Shinden, thói quen của đẳng cấp quân nhân cấp cao thời ấy. Sự sắp xếp chéo ba toà nhà chính thì tương tự cách của phong cách Shoin được phát triển sau này.

thuộc Tây Kinh. Như vậy, Tây Kinh là kinh độ của cả triều đình nhà vua và mạc phủ quân sự.

Thời Thất Điền (Ashikaga) (1333-1573)

Phật giáo Thiền lôi cuốn tầng lớp chiến binh vì nó nhấn mạnh nhận thức trực giác (trực quan) và sự diễn đạt thẩm mỹ hơn là những niềm tin và thói quen bí truyền. Thiền kích khích, hoặc hỗ trợ, nhiều hình thức nghệ thuật như ngành hội họa mực đen (suiboku), thư pháp, cắm hoa, trà đạo, thuật vườn cảnh, kịch Noh, và võ thuật. Thành thạo một loại hình nghệ thuật là biết cách rèn tập tâm trí và thể xác, mang lại lợi ích cho chiến binh.

Phật giáo Thiền cũng ảnh hưởng nền kiến trúc thời ấy. Nó đưa vào những nguyên tắc mới về việc xây dựng đền chùa của Trung Hoa và tác động mạnh lên sự phát triển nhà cửa của đẳng cấp quân nhân. Tuy nhiên, thành tựu kiến trúc hoàn thiện là sáng tạo trà thất, mộc mạc, tự nhiên và giảm nhẹ, được mô tả bằng các thuật ngữ như *wabi* và *sabi*, nhấn mạnh nét đẹp của trà đạo.

Những tiêu biểu khác của nền kiến trúc Thời Thất Điền là những biệt thự nổi tiếng, Kinkakuji (ngôi chùa có sảnh bàng vàng) và Ginkakuji (ngôi chùa có sảnh bằng bạc), ở Tây Kinh. Cuối cùng, chế độ mạc phủ Thời Thất Điền mất quyền hành đối với các thị tộc khác và hơn một thập niên chinh chiến (Cuộc Chiến Ōnin) xảy ra sau đó đã gây ra sự tàn phá lớn và làm kiệt quệ triều đình.

Thời Đào Sơn (1573-1600)

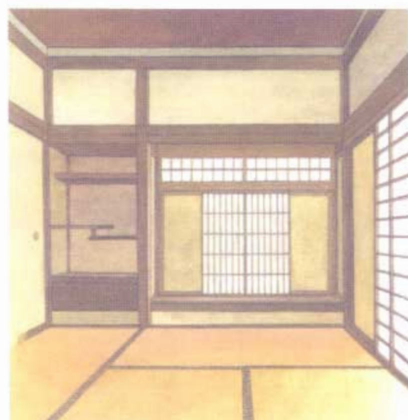
Nhật Bản đã tái thống nhất nhờ ba đại tướng quân. Năm 1573, Oda Nobunaga đánh bại tướng quân Ashikaga để nắm quyền kiểm soát vùng trung Nhật Bản. Ông ta xây cất một lâu đài quan trọng đầu tiên của Nhật bản, lâu đài Azuchijō, trên bờ hồ Biwa, gần Tây Kinh. Phía ngoài sặc sỡ của nó phù hợp với sự giàu sang bên trong của nó. Azuchijō bị cháy rụi năm 1582, năm mà tướng quân Nobunaga bị sát hại. Mặc cho sự tồn tại ngắn ngủi của nó, lâu đài của Nobunaga đã ảnh hưởng mạnh lên những lâu đài sau này.

Sau cái chết của Nobunaga, tướng quân Toyotomi Hideyoshi nắm quyền và duy trì sự thống nhất quân đội. Có thể do thân thế nông dân hèn mọn của ông Tướng quân Hideyoshi đã ngông cuồng phô trương sự xa hoa quá đáng như thế, như Lâu đài Fushimi lộng lẫy ở phía nam Tây Kinh (bị cháy năm 1600), hay Lâu đài Osaka, một trong những pháo đài lớn ngày ấy. Sau khi ông qua đời năm 1598, con trai của ông đã bị tướng quân Tokugawa Ieyasu đánh bại năm 1600, và kinh đô được dời tới Edo (nay là Đông Kinh). Việc dời đô này đã đánh dấu sự bắt đầu Thời Edo (hoặc Tokugawa) với khoảng 250 năm hòa bình và yên ổn, cũng là thời cô lập khỏi phương Tây.



Mô hình lâu đài Azuchi của Nobugana dựa trên các sơ đồ nền phát xuất từ các tư liệu khác nhau của Thời Naitō Masa. Mô hình mà bản vẽ này đưa vào là vật sở hữu của Văn phòng Tỉnh Azuchi, Quận Shiga

Những nguyên tắc mới trong thuật kiến trúc nhà cửa



Phòng học của Yoshimasa, tướng quân thứ tám Thời Thất Điền, nằm tại Tōgudō của Ginkakuji ở Tây Kinh, cuối phòng có bàn và kệ gắn liền, là căn phòng theo phong cách Shoin cổ xưa nhất ở Nhật hiện còn. Bàn gắn liền có cửa lùa bằng giấy (Shōji) nằm phía sau. Phòng học được gọi là Dōjinsai.

Thuật kiến trúc nhà cửa tiền hiện đại có cội nguồn ở phong cách Shoin Thời Thất Điền, dần dần tách khỏi phong cách Shinden của những khu biệt thự Thời Bình An. Những căn phòng theo phong cách Shoin, được sử dụng làm nơi học tập trong những khu sinh hoạt của các tu viện, hoặc dành làm nơi giải trí các khách trong những biệt thự của các tướng quân, gồm những nét đặc trưng như góc lõm vào (tokonoma), có bàn gắn liền, các kệ so le, và cửa nẻo để trang trí.

Nhà cửa của tăng sĩ

Hiểu rằng các khu sinh hoạt của tăng sĩ quan trọng như nhà cửa của



Phòng Kachōden ở Shōrenin, ngôi chùa của Thiên Thai tông ở Tây Kinh, là căn phòng theo phong cách Shoin tiêu biểu. *Góc lõm* nằm giữa các kệ so le ở bên trái và bàn giấy gắn liền ở bức tường xa hơn. Căn phòng được phân cách khỏi khu vực kế cận bằng cái đố cửa được chạm khắc công phu.



Biệt thự Seisonkaku ở Kanazawa, toà nhà hai tầng có dàn mái mép bờ do Maeda Nariyasu, *đại chủ* Kaga thứ mười ba, xây cho mẹ của ông làm nơi dưỡng già. Ekken-no-Ma (phòng ngủ của khách) ở tầng nhất có đủ nét đặc trưng của căn phòng theo phong cách Shoin chuẩn: góc lõm, bàn gắn liền, kệ so le, và cửa nẻo để trang trí, Nó cũng có phần nền được nâng cao và đố cửa sắc sảo. Hình chụp của Seisonkaku.

giới quý tộc, đẳng cấp quân nhân nhằm hiểu về thuật kiến trúc nhà ở của Nhật. Trong Thời Asuka và Nại Lương, các khu sinh hoạt của những tăng sĩ Phật giáo thường được xây cất theo hình chữ U cân xứng, ngay sau một trong những tòa nhà chính của khu chùa. Trong Thời Bình An, kiến trúc Phật giáo lục địa đã chịu ảnh hưởng thị hiếu Nhật Bản, thích sự bất cân xứng và sự bài trí tự nhiên. Vì thế, các tăng sĩ đã bắt đầu xây cất khu sinh hoạt của họ ở những khu kín đáo hơn trên khu đất của chùa. Vì phần lớn tăng sĩ xuất thân từ những gia đình quyền quý, họ thích lối kiến trúc theo phong cách Shinden được dùng cho những biệt thự của giai cấp quý tộc.

Vào cuối Thời Bình An và Liêm Thương chứng kiến sự du nhập của những tông phái Phật giáo mới đã thu hút các tăng sĩ thuộc giới bình dân nhiều hơn, họ không có khả năng xây cất nhà cửa theo phong cách Shinden mà đã sinh sống trong những khu nhà theo phong cách Shoin dung dị hơn. Theo nghĩa đen, shoin có nghĩa là "thư phòng."

Nhiều tướng quân Thời Thất Điền đã trở thành các tăng sĩ sau khi từ giã chức vụ tướng quân. Những biệt thự an trí của họ, như Kinkakuji và Ginkakuji, đã thừa nhận khái niệm chung về khu sinh sống của tu viện, gồm có một vài sảnh đường thờ Phật và một vài căn nhà theo phong cách Shinden. Những tòa nhà này thường được hợp chung với một căn phòng theo phong cách Shoin, được dùng làm chốn học tập hoặc nơi vui thú cùng khách khứa.

Những nét đặc trưng về kiến trúc

Thêm vào với bốn nét đặc trưng cơ bản của phong cách Shoin (hốc lõm âm tường, giá kệ, bàn giấy và cửa nẻo để trang trí), không nhất thiết mọi phòng giống nhau, căn phòng theo phong cách Shoin bao gồm những tấm thảm tatami trên tường đối nhau, xiên góc với những cột vuông, tường cong vòm và hay bọc kín, những bức màn kéo (fusuma) được dùng để ngăn không gian bên trong, những cửa lùa lưới gỗ được phủ bằng giấy lúa trong suốt (shōji), và những cánh cửa nặng bằng gỗ (amado) có thể đóng lại vào ban đêm hay khi tiết trời khắc nghiệt.

Sau này, những căn phòng theo phong cách Shoin chuẩn hơn được phát triển làm nơi tiếp những vị khách quan trọng. Nền ở cuối phòng được nâng cao, có .một sàn nền nổi nằm cuối căn phòng, có một góc lõm và những giá kệ được đặt so le, nơi chủ và khách ngồi. Những căn phòng theo phong cách Shoin chuẩn thường được các tu viện trưởng hay các tướng quân sử dụng. Dưới Thời Edo, phong cách Shoin làm phát sinh phong cách Sukiya, với nhiều biến cách khác nhau được thêm thắt vào cho phù hợp thị hiếu riêng của chủ.

Những tòa nhà theo phong cách Shoin xưa nhất còn tồn tại

Một kiến trúc duy nhất theo phong cách Shoin còn tồn tại từ Thời Thất Điền là Tōgudō ở Chùa Ginkakuji. Chùa Daigoji ở Tây Kinh có một tòa nhà được xây cất năm 1598 mà nhìn từ bên ngoài trông



Sảnh tiếp khách Ōhiroma toà nhà quan trọng nhất trong Cung điện Ninomaru, nằm trên nền của lâu đài Nijō ở Tây Kinh, có một góc lõm rộng ở cuối phòng, với các dàn kệ so le và các cửa nẻo để trang trí nằm bên phải. Bên trái của góc lõm là một bàn giấy được gắn liền. Phần nền được nâng cao là nơi tướng quân tiếp khách.

giống cấu trúc theo phong cách Shinden nhưng nội thất lại theo phong cách Shoin.

Những tòa nhà nổi tiếng theo phong cách Shoin đầu Thời Edo là các sảnh tiếp khách của hai chùa phụ của Thiên Thai tông, Onjōji, trong thành phố Ōtsu, Quận Shiga. Một trong những tòa nhà này có đủ bốn nét đặc trưng cơ bản của phong cách Shoin: góc lõm, kệ so le, bàn gắn liền, cà cửa để trang trí. Phần lớn phòng theo phong cách Shoin chỉ có hai hoặc ba nét đặc trưng này.

Những điển hình quan trọng khác của Thời Edo là hai căn phòng theo phong cách Shoin ở Chùa Nishi Honganji, Tây Kinh, và hai phòng ở cung điện Ninomaru, được xây cất trên nền của Lâu đài Nijō do Iemitsu, tướng quân Tokugawa thứ ba, dùng làm nơi tiếp hoàng đế năm 1626.

Sự tồn tại và phổ biến của phong cách Shoin

Cuối cùng thuật kiến trúc theo phong cách Shoin được những người quyền quý tùy địa vị xã hội thừa nhận. Nó còn được áp dụng cho các lâu đài và đền chùa quan trọng, những phòng ốc hay tòa nhà theo phong cách Shoin đã được kết hợp vào các biệt thự của các dòng họ Samurai, và cả những phú nông. Ngày nay, phòng ốc và nhà cửa theo phong cách Shoin vẫn được xây dựng, trước hết để tìm lại thời huy hoàng xa xưa. Lý do chính khiến phong cách Shoin tiếp tục tồn tại vì nó đạt đến mức tao nhã hoàn hảo khó bị vượt qua. Nó còn đặc biệt quan trọng vì ảnh hưởng của nó lên nền kiến trúc nhà của thời đầu cận đại.



Chinh sảnh của chùa Ninnaji ở Tây Kinh, được thành lập Hoàng đế Uda thành lập năm 888, được xây lại năm 1911 theo phong cách hỗn hợp Shinden và Shoin. Căn phòng Ichi-no-ma trong *chính sảnh* là một căn phòng theo phong cách Shoin chuẩn, nơi tu viện trưởng ngồi tiếp khách.

Chùa Kinkakuji và Ginkakugi



Thạch bản năm 1896 của Motoharu mô tả Chùa Kinkakuji.

Thời Thất Điền (1333-1573) là thời Vàng son của văn hóa nhuốm Thiền. Hai trong những điển hình rõ nét nhất của thuật kiến trúc Thời Thất Điền là Kinkakuji và Ginkakuji ở Tây Kinh, được các tướng quân thứ III và VIII Triều Ashikaga xây để làm nhà ở riêng. Sau khi chủ nhân của chúng qua đời, cả hai được biến thành chùa của Thiền tông.

Lịch sử của Kinkakuji (Sảnh Vàng)

Không có những tài liệu về những khu nhà cửa của các tướng quân trong Thời Liêm Thương. Vì đẳng cấp quân nhân chưa có văn hóa hay phong cách kiến trúc riêng của họ, có lẽ các tướng quân đầu tiên đã vay mượn phong cách Shinden của giới quý tộc. Trong Thời Ashikaga sau đó, các biệt thự của tướng quân vẫn được xây cất theo phong cách Shinden, có một tòa nhà chính được nối kết với một vài nhà phụ có hành lang có mái.

Cách bài trí Chùa Kinkakuji.

1- Sảnh vàng

2- Hõjo

3- Kuri

4- Trà thất Sekkatei



Năm 1397, tướng quân thứ ba Yoshimitsu Triều Ashikaga nhường quyền lại cho con trai để chuyên tâm vào đạo giáo và nghệ thuật, khởi xây Kitayamaden (Biệt thự Bắc Sơn) trên nền ngôi dinh thự đổ nát của một gia đình quý tộc xưa ở Tây Kinh. Biệt thự mới này gồm vài tòa nhà và một sảnh dát vàng theo phong cách Shinden, từ khi đó đã được gọi tên là Kinkaku (Sảnh Vàng). Theo các tài liệu, Yoshimitsu và vợ của ông đã dùng dinh thự ở phía bắc theo phong cách Shiden này làm nhà riêng, còn dinh thự ở phía nam làm nơi vui thú với khách khứa. Vào thời đó, người ta có nhu cầu xây khu họp mặt và giải trí nên đã phát sinh một phong cách nhà cửa mới, *kaisho* phụ họa với các tòa nhà và Sảnh Vàng theo phong cách Shinden. Những cuộc hội họp chính thức được tổ chức ở một trong những tòa nhà này, sau đó những người tham dự ra kaisho xem những sưu tầm nghệ thuật của tướng quân để thư giãn. Những tòa nhà được sắp xếp quanh khu vườn có chỗ du thuyền và tản bộ lung linh bóng Sảnh Vàng hòa lẫn với cảnh đồi núi nằm chếch về phía tây và bắc Tây Kinh. Khi xây xong biệt thự năm 1408, Yoshimitsu tổ chức một đại tiệc kéo dài vài ngày, có sự tham dự của hoàng đế và đoàn tùy tùng.

Sau khi Yoshimitsu qua đời, biệt thự đã được biến thành ngôi chùa của Thiền tông Lâm Tế là Rokuonji. Phần lớn tòa nhà đã bị phá hủy trong những cuộc chiến tranh triền miên, chỉ còn duy nhất sảnh vàng còn tồn tại. Ngày nay, người ta quen gọi Rokuonji là Kinkakuji, chùa có Sảnh Vàng. Năm 1950 sảnh này bị một tăng sĩ hóa cuồng đốt cháy, nhưng được xây lại đúng nguyên



Sảnh Vàng ở Kinkakuji là sự góp phần chiết trung của ba phong cách kiến trúc khác nhau: Shinden, samurai, và Thiền. Việc sử dụng dồi dào lá vàng được cân đối với độ cong thanh tú của các mái hiên gie ra và việc sử dụng mái ván để tạo vẻ duyên dáng cho toà nhà, kết hợp nét bản xứ với những ảnh hưởng Trung Hoa một cách thật tài tình. Vẻ đẹp của nó được gia tăng nhờ cái ao và khu vườn tản bộ được bài trí trong đó.



Đền Kuri mới được xây lại ở Kinkakuji là tiêu biểu của khu sinh hoạt được xây cất cho các tăng sĩ trong phần lớn ngôi chùa của Thiền tông. Mái dốc có móc giữ ngói và ống thông khói (*kemuri-dashi*) cho khu nhà bếp.

bản vào năm 1955. Năm 1987, người ta ốp lên mái lớp lá vàng dày gấp năm lần lớp ban đầu và phục hồi những bức tranh trên trần. Chùa được xếp hạng Khu Di sản Văn hóa Thế giới năm 1994.

Kiến trúc Kinkakuji

Kinkaku là sảnh ba tầng bao gồm ba phong cách kiến trúc được nhào trộn khéo léo trong một tòa nhà. Tầng nhất là cung điện theo phong cách Shinden, gồm một không gian thoáng có những hiên hè phía ngoài dưới các mái gie ra. Các bức tường được làm chủ yếu bằng những cánh cửa chóp hai phần có bản lề. Nửa bên dưới có thể tháo ra được, và nửa trên có thể nâng lên và móc vào mặt dưới vòm nằm bên trên để lấy ánh sáng và không khí. Nền tầng dưới được để tự nhiên tạo tương phản với nền vàng của hai tầng trên. Tầng hai, được cho là theo phong cách samurai, là một sảnh thờ Phật với các cửa lùa bằng gỗ và dàn cửa sổ có rèm có thể tháo ra được, có tượng Kannon, nữ thần từ bi. Tầng ba theo phong cách Thiền, có những cửa sổ chóp nhọn và cánh cửa ván ô. Phản ảnh thuyết chiết trung tôn giáo của Yoshimitsu, nơi đây có đặt tượng A-di đà Phật và



Cách bài trí Ginkakuji.

1- Sảnh Bạc

2- Tōgudō

3- Kōgetsudai (vườn hình nón trải sỏi).

Vùng xung quanh Ginkakuji tuyệt đẹp được gợi hứng bằng khu vườn ở đền Saihōji, người ta quen gọi là Đền Rêu (Kokedera), nằm ở phía tây Kyoto.

25 bồ tát. Theo phong cách Jōdo. Mái hình tháp được lợp bằng ván, trên đỉnh là con phượng hoàng bằng kim loại mạ vàng.

Lịch sử của Ginkakuji (Sảnh Bạc)

Yoshimasa, tướng quân thứ tám Thời Ashikaga, đã cố gắng làm sống lại thời vàng son của ông nội là Yoshimitsu của ông, người đã xây đền Kinkakuji. Yoshimasa đã mất tám năm để xây Higashiyamaden (có nghĩa biệt thự Đông Sơn), ban đầu có 12 tòa nhà, gồm Sảnh thờ Kannon (sảnh thường được gọi là Ginkaku, Đền Bạc), Tōgudō, và một tòa nhà để vui vầy với khách khứa (kaisho). Việc xây dựng bị ngưng lại khi Yoshimasa qua đời năm 1490, trước khi hoàn tất Chính Sảnh Kannon. Vì thế tòa nhà chưa được dát bạc, như bản thiết kế gốc. Higashiyamaden là cái nôi của cái gọi là nền văn hóa Higashimaya kể từ lúc Yoshimasa ham mê các loại hình nghệ thuật như thuật cắm hoa, trà đạo, kōdō (Cách dâng hương), và những loại hình nghệ thuật. Như trong trường hợp của Kinkakuji, sau khi Yoshimasa qua đời, biệt thự được biến thành ngôi chùa của Thiền tông với tên gọi là Jishōji. Trong Thời Edo, Jishōji đã được gọi là Ginkakuji, Sảnh Bạc. Qua thời gian, phần lớn



Sảnh Kannon (Sảnh Bạc) ở Ginkakuji là một cấu trúc hai tầng được xây theo cảm hứng của Sảnh Vàng.Những tương đồng có thể nhận thấy nơi các tỉ lệ chung, đường hiên gie ra, dùng ván bìa để lợp, những khoảng trống chữ nhật ở tầng nhất, những cửa sổ đỉnh chóp (*katōmado*) ở tầng trên, các hành lang có lan can thanh nhã. Dù toà nhà chưa bao giờ được dát lá Bạc như bản gốc đã dự định, nó vẫn có nét quyến rũ riêng. Nhiều người Nhật yêu thích nó hơn Kinkakuji vì sự hài hoà thực sự của nó với môi trường xung quanh. Nó là một biểu tượng phù hợp của các giá trị thẩm mỹ *wabi* và *sabi* được phát triển ở trà đạo mà tướng quân thứ tám rất chuộng.

tòa nhà bị hư hại hoặc để bị hư hỏng cho tới cuối cùng chỉ còn Sảnh Kannon và Tōgudō.. Chính sảnh được thêm vào giữa Thời Edo và một tòa nhà theo phong cách Shoin được xây cất năm 1993.

Kiến trúc Ginkakuji

Sảnh Kannon là một dinh thự hai tầng, tầng trệt theo phong cách Shoin, nơi Yoshimasa dùng làm thiền sảnh, còn tầng trên là sảnh thờ có tường ván ô, những cửa sổ đỉnh chóp và những cánh cửa lùa bằng giấy. Nó có tượng Kannon, nữ thần từ bi, mạ vàng.

Tōgudō, được xây cất năm 1485, có một phòng đặt bàn thờ bằng gỗ nền mà lúc đầu có tượng A-di đà Phật, và ba phòng trải thảm tatami. Một trong ba phòng ấy là phòng theo phong cách Shoin lâu đời nhất ở Nhật hiện vẫn còn. Nó được coi là nguyên mẫu của phong cách Sōan (" lều cỏ"). Những phòng nhỏ như những phòng tatami này là những phòng mới sau này có kích cỡ chuẩn theo phong cách Shinden của các nhà quý tộc cao cấp. Phản ảnh thuyết chiết trung của Yoshimasa, Tōgudō, có tượng A-di đà Phật, có khu vườn tản bộ theo Thiền được tạo quanh cái ao.



Nét đặc trưng ấn tượng của khu vườn ở Ginkakuji là khu được trải sỏi thật tuyệt hảo được gọi là Kōgetsudai, hay "Đài vọng nguyệt."



Tōgudō ở Ginkakuji là tòa nhà một tầng với dàn mái mép bờ-đầu hồi bằng vỏ cây bách Nhật. Sảnh Bạc và Tōgudō, mộc mạc hơn nhiều so với sảnh ở Kinkakuji. Đã được xác định là Kho báu Quốc gia.

Trà Đạo

Phong cách uống trà có những bước khởi đầu khiêm tốn. Lúc đầu trà được các nhà sư Phật giáo dùng để giúp họ tỉnh táo khi thiền. Sau đó, trà được các nhà quý tộc sử dụng như cách thưởng thức cầu kỳ. Đầu Thời Liêm Thương, việc uống trà đã phát triển theo nghi thức tinh tế với những trường phái khác nhau. Kiến trúc kết hợp với Trà đạo (chanoyu hoặc sadō) tiếp tục làm cho ảnh hưởng của nó được cảm nhận.

Phát triển phong cách uống trà

Nghi thức uống trà có thể được tổ chức trong một căn phòng đặc biệt của một tòa nhà, như nhà riêng, cung điện, đền chùa, hay lâu đài, hoặc tòa nhà được xây



Trà thất Jo-an



Trà thất Jo-an trong Sân Uraku, thành phố Inuyama, là Trà thất cấp Quốc gia do Oda Uraku, đệ tử của Sen-no-Rikyū xây năm 1618. Trà thất này được xây theo phong cách "lều cỏ" Sōan. Mặc dù nó rất nhỏ, có thể nhận ra thiên tài của Uraku trong những nét đặc trưng như những lỗ hổng cửa sổ được phủ bằng những nan tre dựng đứng để cho ánh sáng và không khí lọt vào, phần thấp hơn của tường được dán các tấm lịch cũ, một cái cọc tự nhiên ở góc lò. Những nét thú vị khác là cánh cửa kéo, bức tường tam giác kề góc lõm (không lộ ra trong hình bên dưới),



Trà thất Sekkatei ở Chùa Kinkakuji, Tây Kinh, được Kanamori Sōwa xây, bậc thầy Trà đạo trong Thời Edo. Phía trước của trà thất là cái đèn lồng đá (thạch đăng) và chậu rửa tay bằng đá mà tướng quân Ashikaga Yoshimasa, người sáng lập Gingakuji, coi là các báu vật.

dành riêng cho mục đích này. Ở đây, thuật ngữ "trà thất" được sử dụng để chỉ cả hai loại.

Trong Thời Liêm Thương, việc uống Trà đã được Phật giáo Thiền mới được du nhập từ Trung Hoa tán thành. Thiền tông đã tạo nhiều ảnh hưởng lên sự phát triển Trà đạo trong các Thời Thất Điền và Đào Sơn. Người đã tạo ảnh hưởng mạnh nhất lên sự biến đổi này thành một nghi thức thẩm mỹ tinh tế với những ý nghĩa triết lý và tôn giáo sâu xa là Sen-no-Rikyū (1521-91), bậc thầy về phong cách uống trà của nhà lãnh đạo quân sự Nobunaga, và cả người kế nhiệm của ông là Hideyoshi.

Sen-no-Rikyū thích sự dung dị, coi trọng những khái niệm thẩm mỹ của sabi (nước bóng trên gỗ) và wabi (những gì là đơn giản, tự nhiên và còn dang dở). Những phẩm chất này được biểu lộ trong bối cảnh khu vườn tĩnh lặng, sự mộc mạc của trà thất và sử dụng những vật liệu tư nhiên, những bình trà bình thường, phong cách bình dị, không cầu kỳ. Người ta nói rằng trà thất của Rikyū ngày càng nhỏ đi khi mà Lâu đài Osaka của Hideyoshi ngày càng lớn hơn lên. Một hàm ý phê phán thị hiếu phô trương của vị đại tướng quân.

Lịch sử sau này của phong cách uống trà

Nghi thức uống trà đã được truyền lại cho ba người bà con của Sen-no-Rikyū, kể cả người con trai riêng của ông, mỗi người khởi xướng một phong cách uống trà khác nhau nhưng đều nhấn mạnh sự dung dị và không kiểu cách, dùng trà thất theo phong cách Sōan (lều cỏ), nhỏ và đơn giản. Rikyū còn có bảy đệ tử khác, chủ yếu là những samurai của Hideyoshi, họ xây trà thất của họ theo phong cách Shoin. Những trà thất theo phong cách Shoin, thích hợp với nguồn gốc quý tộc của họ, đều rộng hơn và ít mộc mạc hơn. Vào đầu Thời Edo, hai phong cách này thừa nhận những nét đặc trưng của nhau.

Những nét chung của các trà thất

Có sự khác nhau về cảm hứng lúc đầu về kiến trúc trà thất theo phong cách Sōan, nhưng phần lớn sử gia nhất trí rằng một ảnh huởng là nhà nông trại Nhật, với những vật liệu tự nhiên và một bầu không khí thư thái, dung dị. Tất nhiên, những nét đặc trưng vay mượn từ nhà nông trại được xử trí lại để đạt hiệu quả thẩm mỹ phù hợp. Trà thất cũng chịu ảnh huởng bởi kiến trúc theo phong cách Shoin.

Trà thất được tạo bằng hai yếu tố chính: chính tòa nhà và khu vườn của nó. Để vào tòa nhà có khi phải qua "cánh cửa kéo" thấp, lúc đầu được thiết kế để ngăn không cho samurai mang gươm vào, ý để nói lên rằng mọi người ngồi trong trà thất bình đẳng như nhau. Bên trong được trải thảm tatami làm chỗ ngồi cho khách tham dự, có một góc lõm để treo tranh cuộn và cắm hoa, và một hoặc hai phòng trước để chuẩn bị. Kích thước lớn nhỏ tùy theo loại



Shōdenin, nhà lớn theo phong cách Shoin, nằm kề trà thất Jo-an nơi Uraku sinh sống và uống trà với khách. Toà nhà có vài phòng trải thảm rộng, được phân cách bằng những cánh cửa lùa. Phía sau lò, ở lưng chừng phần thấp của bức hình là góc lõm. Một nhà có kích cỡ thế này đủ cho một số khách đông.

nghi thức, Trước thời của Sen-no-Rikyū, tường được trát bùn và dán giấy trắng. Sau thời Rikyū, tường thường trát bùn, đôi khi được sơn màu bột trà xanh hoặc màu đỏ trộn với vỏ sò đỏ hoặc vỏ trấu trộn với bùn. Phần thấp hơn của tường trát bùn được phủ mặt bằng giấy Nhật hoặc ván để tường không vấy bẩn. Các cửa sổ gồm các lỗ khoét có kích thước và hình thể khác nhau được phủ bằng các vật liệu như những nan tre hoặc giấy gạo của Nhật. Những cây cột tự nhiên sử dụng trong nội thất đều được cạo vỏ và thường được sơn bằng thuốc nhuộm đỏ pha với bồ hóng để làm dịu cảnh quan, màu sẫm phụ thêm vào để tạo vẻ đẹp của các trà cụ.

Khu vườn kế cận thường được chia thành hai khu bằng những cái cổng. Khu thứ nhất có mái che làm nhà nghỉ chân cho khách trong khi chờ. Khu vực thứ hai làm chỗ ngồi, có bồn nước để rửa tay, và các tảng đá làm bậc đá để khách bước lên. Khu vực thứ hai cũng có những thạch đăng và những cây kiểng hoặc các lùm cây.

Những khu vườn của trà thất

Khu vườn là một thành phần của một trà thất. Mục tiêu của chúng là để chuẩn bị tham dự buổi trà đạo trong một bối cảnh trang nghiêm tự nhiên. Sau khi bước qua cổng vào khu vườn, khách ngồi chờ trong khu vực có mái che. Khi chủ nhà mời vào, khách tham dự rửa tay và súc miệng ở bồn nước bằng đá và tiến vào trà thất theo những bậc đá trong vườn, dừng chân trên những tảng đá lớn hơn một giây lát để bình tâm. Họ đi chân không ngay lối vào, trước khi cúi mình bước qua một "cổng kéo." Những nét đặc trưng này được minh hoạ bằng những hình chụp tại trà thất Urakuen ở Inuyama, Quận Aichi, ở đó Jo-an (trà thất nhỏ theo phong cách Sōan) và Shōdenin (toà nhà lớn theo phong cách Shoin), cũng như một vài dinh thự, nhà ở khác, được định vị sau khi di dời đến đó vào năm 1970.





1. Con đường lát đá dẫn vào Trà Thất Jo-an.



2. Cổng Kayamon được xây cất bằng những cây sào chống dàn mái lợp phủ bằng cỏ rơm, trên đỉnh của dàn mái lợp là dàn khung xương bằng tre và gỗ nhỏ được thiết kế để ghìm giữ các bó cỏ rơm vào đúng vị trí không bung xệch.



Trà thất Jo-an



5. Khu lối vào trà thất Gen-an, nơi tháo giày, dép trước khi vào trà thất qua một cái cổng kéo. Ở hình phía trên và bên trái cửa là một cái giá treo mà xưa kia các samurai treo kiếm của họ, phía trên cửa là một khoảng hở mắt cáo được đan bằng tre có thể điều chỉnh bằng một cửa sổ lùa có khung bằng gỗ được che bằng giấy gạo.



4. Khối đá làm chậu rửa (*Tsukubai*), nước được dẫn qua một ống tre rỗng ruột.



3. Phòng chờ đợi (*machiali*) có cái ghế dài trong gian phòng có tường trát bùn, mặt trong phủ giấy gạo để bảo vệ áo quần của khách.

Đền chùa thời phong kiến



Chi tiết Cổng Nandaimon ở Tōdaiji, trình bày hệ thống ngoàm nhiều tầng.

Cổng Nandaimon ở Tōdaiji. Sau khi bị cháy năm 1180, nó đã được Chōgen, người đã nghiên cứu kiến trúc theo phong cách Daibutsuyō của Trung Hoa, xây lại năm 1181.



Các đền chùa Phật giáo Thời Nại Lương dựa vào các nguyên mẫu của Triều Tiên và Trung Hoa, nhưng sau này không còn như thế. Trong Thời Bình An, Phật giáo A-di đà đã phát sinh các giáo phái và các phong cách kiến trúc. Trong Thời Liêm Thương, những phong cách Đại Phật và Thiền được du nhập từ Trung Hoa đời nhà Tống. Những yếu tố kết hợp chiết trung từ cả hai và từ những giai đoạn đầu.

Phong cách Nhật Bản (Wayō)

Những kỹ thuật xây cất ban đầu được mang về từ Triều Tiên và Trung Hoa đã được thay đổi cho phù hợp môi trường khác biệt ở Nhật Bản. Một trong những cải thiện chính là những củng cố các khớp nối làm cho tòa nhà chịu được những cơn động đất và nhụng trận cuồng phong hơn. Những cải tiến ban đầu cũng như những cách tân về thiết kế, như hệ thống mái kép, tạo nên phong cách Nhật Bản.

Phong cách Đại Phật

Daibutsuyō (phong cách Đại Phật) được tăng sĩ Chōgen, người đã nghiên cứu các kỹ thuật xây cất

đời nhà Tống ở Trung Hoa, ứng dụng để xây lại Chùa Todaiji, khởi từ năm 1181, sau Thời Nại Lương ngôi chùa bị cháy trước đó một năm. Đại Nam Môn (Nandaimon) ở Todaiji từ thời của Chōgen vẫn còn. Nét chính của kỹ thuật mới là dùng vài lớp ngàm để đỡ dàn mái lớn. Những cái ngàm được ăn sâu vào cột và được gia cố bằng các kèo bên xuyên qua giữa cột và kéo dài hết chiều dài của tòa nhà. Dù kỹ thuật này hiệu quả và cho ta cảm giác đơn giản, nó đòi hỏi phải đục những cái lỗ ở cột. Kỹ thuật này làm yếu cấu trúc nên những thời sau này không sử dụng nữa. Khu phức hợp Todaiji đã được xây lại vào Thời Liêm Thương và sau một lần bị hỏa hoạn khoảng năm 1700. Đại sảnh (Daibutsuden), hiện nay dù chỉ còn hai phần ba so với ban đầu của nó, vẫn là tòa nhà bằng gỗ một mái lớn nhất thế giới.

Phong cách Thiền

Phong cách Trung Hoa (Zenshūyō, hoặc Karayō) được phát triển vào đời nhà Tống ở Trung Hoa và đã được hai Thiền sư là Myōan Eisai (1141-1215) và Eihei Dōgen (1200-56) du nhập vào Nhật trong Thời Liêm Thương. Chùa chiền theo phong cách Thiền Thời Liêm Thương hiện còn lại rất ít. Tuy nhiên, những ngôi chùa được xây lại thường rất trung thực với bản gốc.

Những nét phân biệt của phong cách Thiền thường là: Các cột, được xiên gốc ở hai đầu, chân cột nằm trên tảng đá được đẽo gọt (soban), tựa vào tảng đá nền. Những cột và xà vuông, thường được sơn màu đỏ son, mảnh hơn so với cột của những phong cách trước đó. Các ngàm của mái hiên không chỉ nằm trên cột, như phong cách Nhật và Đại Phật, mà còn nằm ở những khoảng giữa các cột. Cửa ra vào và cửa sổ thường có chóp. Phần lớn tòa nhà theo phong cách Thiền có mái mép bờ-đầu hồi (irimoya), kín (mokoshi) bên dưới cho ta có cảm giác là tòa nhà hai tầng. Lúc đầu, mái được lợp ngói theo phong cách Trung Hoa. Sau này ngói được thay bằng ván hay rơm.

Bản thiết kế của một tu viện Thiền là một tổng thể cân xứng, các tòa nhà chính được bố trí ở trục trung tâm. Lúc đầu, những tòa nhà theo phong cách Thiền được nối kết bằng những hành lang có mái che tạo thành vài sân trong-sự sắp xếp này còn thấy ở Chùa Eiheiji, một trong những trung tâm của Thiền tông Sōtō.

Eiheiji

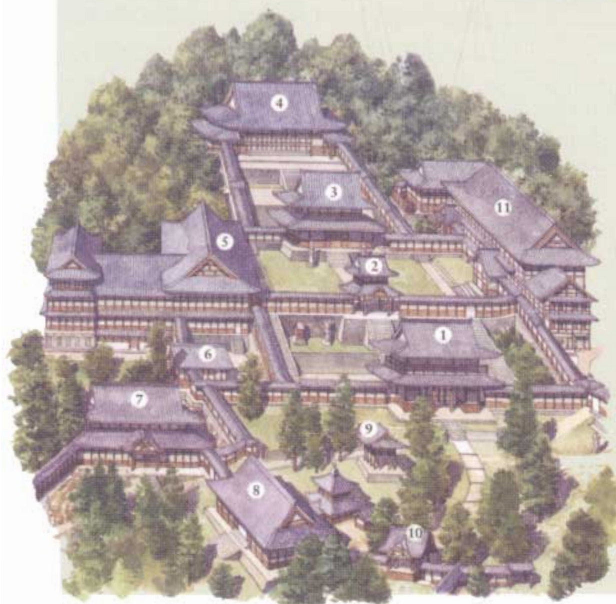
Cách bố trí của phần lớn toà nhà quan trọng nhất ở Eiheiji, một trong hai trung tâm của Phật giáo Thiền Sōtō, Quận Fukui. Các toà nhà chính, trên trục trung tâm, được nối kết với các toà nhà ở cả hai bên bằng các hành lang có mái tạo thành những sân trong đa dạng trải lên các sườn đồi tới Pháp sảnh nằm trên đỉnh đồi. Khu phức hợp này được rừng bao bọc và hợp với nhiều cây thông do vị sáng lập và những người kế nhiệm trồng hàng trăm năm trước. Theo bản vẽ ở Eiheiji.



Các ngàm mái hiên của Phật đường ở Eiheiji được đặt sát nhau đến kỳ lạ.



Những hành lang có mái với những dãy bậc thang dài nối kết đến trên dưới 70 toà nhà của Tu viện Eiheiji.



1- Cổng chính (sanmon)
2- Cổng Chūjakumo
3- Phật đường (Butsuden)
4- Pháp sảnh (Hattō)
5- Sảnh dành cho các tăng sĩ (sōdō)
6- Phòng vệ sinh (tosu)
7- Sảnh tiếp tân (sanshōkaku)
8- Sảnh tưởng niệm (shidoden)
9- Tháp chuông (shōrō)
10- Cổng dành cho vua (chokushimon)
11- Bếp (daikuin)



Cổng Sanmon ở Chùa Tōfukuji, Tây Kinh là một điển hình của phong cách chiết trung. Các cột đều tròn, như ở phong cách Đại Phật, tương phản với các cột vuông, mảnh hơn của phong cách Thiền thuần tuý. Mặt khác, Cổng Sanmon có hệ thống đỡ mái hiên của phong cách Thiền: các ngàm nằm trên cột và các ngoàm giữa cột nằm trên các xà ngang, ngoàm giữa các trụ cột lại đặt trên các xà rầm nằm ngang. Điều nầy tương phản với phong cách thuần túy Phật giáo Đại thừa trong đó các bản lề đòn tay có ngàm luôn thẳng hàng với các trụ cột.

Phong cách chiết trung

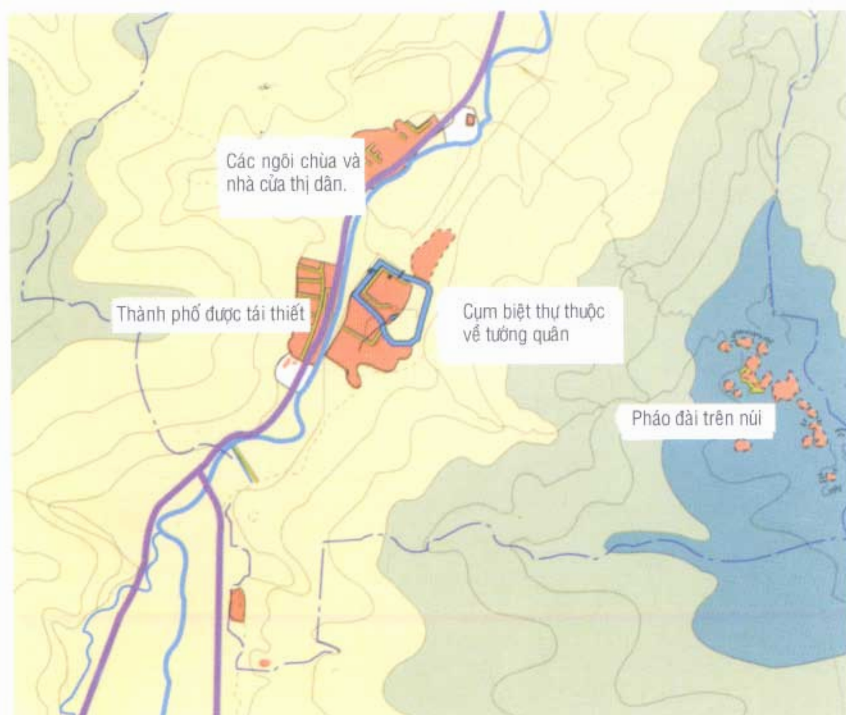
Cuối Thời Liêm Thương, các loại phong cách khác nhau đã bắt đầu thừa nhận những nét đặc trưng của nhau để tạo thành cái được gọi là Secchūyō hoặc phong cách chiết trung. Điển hình của phong cách chiết trung là Cổng Sanmon ở Chùa Tōfukuji, Tây Kinh, một trong những chùa lớn của Thiền tông được hoàn thành năm 1255 nhưng đã bị cháy ba lần hồi thế kỷ XIV. Cổng Sanmon, là một cổng chính cổ xưa nhất ở Nhật còn tồn tại, được xây lại năm 1405, phối hợp phong cách Thiền và Đại Phật. Phong cách chiết trung còn được sử dụng cho đến nay.

Khu Lịch sử Ichijōdani

Người ta biết nhiều về các lâu đài Momoyama, nhưng biết ít về các phố thị thời trung cổ mọc lên xung quanh chúng. Khu Lịch sử Ichijōdani ở Quận Fukui là nơi duy nhất còn giữ lại phố thị lâu đài bị cháy năm 1573 sau khi đại chủ Asakura thua trong cuộc chiến tranh chống lại Oda Nobunaga, người đã tiến hành công cuộc thống nhất đất nước.

Xác nhận là Khu Lịch sử

Khi Ichijōdani bị cháy, tàn tích của phố thị bị phủ lớp tro bụi. Từ lâu người ta đã biết sự tồn tại của nó, và năm 1930 chính quyền Nhật đã xác nhận nó là Khu Lịch sử đặc



biệt và là một Thắng cảnh. Nỗ lực từ năm 1967 nhằm khai quật và khảo sát khu vực. Năm 1971, chính phủ Nhật đã mở rộng khu bảo vệ tới 278 mẫu và thiết lập nó là công viên lịch sử để quần chúng tới tham quan. Chỉ một phần khu vực được khai quật. Công việc sẽ còn được tiếp tục.

Lịch sử

Vào cuối Thời Thất Điền (1333-1573) và tiếp tục vào Thời Đào Sơn (1573-1600), phong trào nơi các nông dân, thương buôn, và chiến binh nhằm bảo vệ và nâng cấp những nơi mà họ quan tâm. Cùng lúc, các đại chủ, như gia đình Asakura, cho xây những pháo đài để nới rộng lãnh thổ của họ và tổ chức chặt các samurai dưới quyền của họ. Khỏang năm 1450, đại chủ Asakura thứ nhất bắt đầu cai trị khu vực Ichijōdani. Đại chủ Asakura thứ năm đã bị tướng quân Oda Nobunaga, người đã phóng hỏa để thiêu rụi toàn khu vực, đánh bại.

Nghiên cứu khảo cổ gần đây cho thấy rằng gia đình Asakura đã xây "thành phố" ở Ichijōdani theo một bản thiết kế chính. Họ ra lệnh cho những người nắm giữ những vai trò quan trọng sống tại Ichijōdani, một mặt củng cố an ninh, một mặt rút bớt chiến binh ra khỏi các lãnh thổ riêng của họ, nơi họ đang bận gây dựng quyền lực trên lãnh thổ của họ. Ichijōdani được những ngọn đồi hai bên hông bảo bọc. Hào và những ụ đất được tạo ở hai bên còn lại. Những con đường rộng từ 2 tới 8 mét xuyên qua khu vực và những dãy nhà hai bên (lối chừng 40 tòa nhà), cùng một nhà kho và các cửa hàng dành cho các chiến binh, các thương nhân và các thợ thủ công. Lúc bấy giờ, hệ thống giai cấp phong kiến tuy chưa được xác định rõ và một số chiến binh vẫn được thuê làm việc ở nông trại buôn bán.

Gia đình Asakura sinh sống trong những khu phức hợp kề bên dòng sông Ichijōdani ở chân núi Ichijō, trên đó là lâu đài của họ Khu biệt thự của Asakura có hào và tường đất, có chòi canh ở các góc bao quanh, trừ hông phía sau đã có những ngọn đồi. Có 17 tòa nhà bên trong tường rào. Tòa nhà thứ nhất sau khi bước vào từ cổng trước là nơi các quản gia ở, và kế đó là khu phức hợp chính, bao gồm sảnh khách (shuden), khu sinh hoạt của gia đình (tsune-goten), và



Nhà phố thị (*machiya*) nằm bên đường ở Ichijōdani được xây lại. Ngôi nhà bên tay phải có các cửa sổ có song gỗ có mái che để bảo vệ cửa nằm ở cuối đầu hồi (phong cách *tsumairi*). Cửa sổ chính của ngôi nhà kế bên được bảo vệ bằng tấm sập (*tsukiagedo*), có thể dùng cây sào để đóng hay mở. Cả hai ngôi nhà này đều có mái ván được dằn bằng những tảng đá. Nội thất của ngôi nhà gồm hai khu: khu nền đất và khu phủ ván được nâng cao.



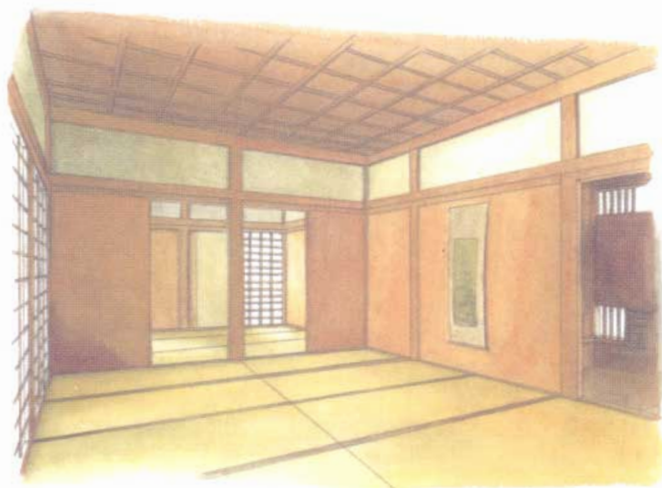
Cấu trúc tường, cửa sổ và mái bên trong nhà.



Nhà vệ sinh bên ngoài ở vườn sau của nhà phố thị.

các phòng khách. Khu nhà ở là một tòa nhà lớn. Chuồng gia súc và những khu nhà phụ nằm dọc theo tường phía bắc. Nó còn có một khu vườn có đá xếp và hồ nước.

Những khai quật đã tìm thấy hơn 1.500.000 hiện vật gốm, những thứ dùng hàng ngày và những thứ dùng khi uống trà và để cắm hoa. Và cả những thứ được nhập từ Trung Hoa. Gia đình Asakura cũng có nơi để thợ thủ công làm ra những đồ dùng như đồng tiền, tràng hạt, và súng ống.



Nội thất nhà của một samurai ở Ichijōdani. So với *machiya*, nhà của samurai rộng hơn. Khu vực nhà bếp có nền gỗ hơn là bằng đất, còn khu sinh sống có tường lót thảm hơn là ván. Sân trong ở phía sau cũng rộng, thường có các công trình phụ như chuồng gia súc, bếp rời, nhà kho, và khu cho các gia nhân.

Tái dựng khu dinh thự

Nhằm bảo tồn nhiều đồ tạo tác khảo cổ và làm cho công chúng dễ hiểu những phát hiện của cuộc nghiên cứu, người ta tái dựng một vài tòa nhà ở Ichijōdani, gồm nhà cửa của các samurai (buke yashiki) và nhà phố thị (machiya) dọc theo đoạn đường dài 200 mét chạy từ bắc xuống nam, băng qua dòng sông Ichijōdani từ khu nhà của Asakura. Khu phức hợp của các samurai gồm những ngôi nhà lớn có tường đất bao quanh, cổng quay ra đường. Trái lại, những ngôi nhà nhỏ của thường dân (machiya) là những ngôi nhà giản dị rộng chừng 6 mét và sâu 12--15 mét. Một số được xây theo phong cách *hirairi* (cổng nằm ở cạnh dài, song song với mép mái), và một số theo phong cách *tsumairi* (cổng nằm ở cuối đầu hồi). Phần lớn nhà phố thị quay thẳng ra đường, nhà kho và nhà vệ sinh nằm ở sau. Nền nhà bằng đất, riêng khu sinh sống có nền được nâng cao.



Cây cầu bắc ngang hào bao quanh khu biệt thự Asakura. Biệt thự này được bao quanh bằng tường đất có mái ngói. Cổng này là từ đầu Thời Edo.



Khu biệt thự Asakura được khai quật một phần, cổng vào ở đàng xa.

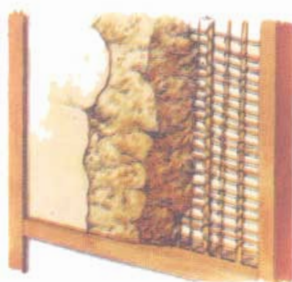
Tái dựng một phần khu biệt thự Asakura, dựa vào mô hình của Bảo tàng Khu Lịch sử Ichijōdani Asakura. Khu biệt thự này có 17 toà nhà, phần lớn được xây theo phong cách Shinden, có nền nâng cao, các hàng hiên, mái được lợp bằng ván hay bìa cây, và những hành lang nối tiếp nhau.

Tái dựng Khu Lịch sử

Dựa vào những sự kiện có sẵn, sự chính xác là yêu cầu quan trọng nhất để tái dựng những toà nhà hiện không còn. Tuy nhiên, vẫn có một số phải luận ra.

Các chứng tích khảo cổ

Trong một số trường hợp, các sử gia có thể xác định kích thước và hình thể của các tòa nhà ở khu Ichijōdani từ các chứng tích khảo cổ. Tỉ như sự sắp đặt các tảng đá nền và những dấu vết do cột để lại trên đá. Các mảnh vật liệu xây dựng, như gỗ xẻ, vữa, và kim loại, được tìm thấy cùng với những đồ trang trí, dụng cụ, và nhiều đồ tạo tác. Đôi khi sự thiếu một số vật liệu nào đó lại có ý nghĩa. Chẳng hạn nhờ thế mà người ta xác định được rằng ở Ichijōdani chưa dùng ngói vì không tìm thấy ngói.



Cấu trúc tường của tòa nhà. Sau khi cột và xà được lắp ráp xong, khoảng trống giữa các cột được lấp kín bằng những mảnh gỗ và tre được buộc lại với nhau để tạo thành hàng phên mắt cáo, sau đó được phủ bùn trộn rơm lên cả hai bên (trát vách), và cuối cùng được phủ bằng vải hay vữa.



Mảnh ván của ngưỡng cửa có rãnh để kéo cánh cửa.

Đồ trang trí bằng kim loại tiêu biểu và tay cầm ở cửa.





Các loại chứng tích khác

Thông tin chi tiết hơn buộc phải luận ra trên cơ sở của những toà nhà của thời đó hiện còn tồn tại, bao gồm nhà cửa của giới quý tộc như Sảnh Tōgudō ở Chùa Ginkakuji, Tây Kinh (1485) và những khu sinh hoạt của các trưởng tế ở Daisenin, ngôi chùa phụ của Thiền viện Daitokuji ở Tây Kinh (1513), và những ngôi nhà của tầng lớp trung lưu, như ngôi nhà của gia đình Hakogi ở Quận Hyōgo (cuối Thời Thất Điền) và gia đình Furui ở Quận Hyōgo (cũng cuối Thời Thất Điền). Một số tấm bình phong xếp Rakuchū-Rakugai-zu từ Thời Đào Sơn, mô tả quang cảnh đường phố trong và xung quanh Tây Kinh, cũng mang lại thông tin hữu ích. Những vật liệu tham chiếu này đem lại những manh mối giá trị như kích thước và sự sắp xếp cột và xà cũng như cách giằng buộc chúng lại với nhau.

Các bản thiết kế được trình cho uỷ ban tái thiết và sau khi bàn thảo lâu và xem xét kỹ, sơ đồ thiết kế sau cùng được chuẩn bị bằng cách sử dụng các đồ họa vi tính. Kế đến, ủy ban chọn các thợ mộc có kinh nghiệm về phục hồi các toà nhà cổ, cho đi tham quan thực địa và thu thập các vật liệu xây dựng và các dụng cụ của Thời Thất Điền. Cuối cùng, các thợ mộc dùng những công cụ và phương pháp xưa để tái dựng chúng.

Lâu đài và Văn hóa lâu đài



Lâu đài Hirosaki ở Quận Aomori, được xây lại năm 1810, là một trong những lâu đài nhỏ nhất ở Nhật Bản.

Lâu đài Matsumoto ở Quận Nagano, được xây năm 1596, là một trong mười hai lâu đài còn lại ở Nhật.



Chiến tranh triền miên suốt những năm tháng nhiễu nhương của chế độ phong kiến tản quyền dẫn đến sự lan rộng văn hoá lâu đài và đạt đỉnh cao của nó vào Thời Đào Sơn (1573-1600). Trong Thời Edo kế tiếp (1600-1868), các lâu đài được chỉnh đốn nghiêm ngặt, và trong Thời Minh Trị (1868-1912), nhiều lâu đài bị phá huỷ. Thế chiến II càng có nhiều lâu đài bị bỏ phế. Ngày nay, chỉ còn tồn tại khoảng 12 lâu đài gốc.

Các lâu đài Thời Đào Sơn

Mặc dù không còn nữa, lâu đài của Nobunaga ở Azuchi và của Hideyoshi tại Momoyama đã nổi danh trong giai đoạn Nhật Bản thống nhất nhờ ba lãnh tụ quân sự: Oda Nobunaga, Toyotomi Hideyoshi và Tokugawa Ieyasu. Việc xác định giai đoạn này là Thời Azuchi-Momoyama (thường được viết tắt là Momoyama) phù hợp theo tầm quan trọng của các lâu đài là các trung tâm của một loại văn hóa đô thị mới đặc biệt kết hợp với sự phát triển của các đô thị lâu đài. Mặc dù một vài lâu đài, như Marugame, Bicchū- Matsuyama,

Kochi, Hirosaki và Matsuyama được xây cất vào Thời Edo, trong nền văn hoá lâu đài chung đạt đỉnh cao của nó vào Thời Đào Sơn, sau đó suy yếu dần do sự hợp nhất.

Các loại lâu đài

Có bốn loại lâu đài cơ bản. Các lâu đài trên đỉnh núi (yamashiro), nơi chúng được bảo vệ bằng địa hình lởm chởm cũng như sự ngại ngần của người Nhật khi muốn tấn công nơi cư trú của những người sống hoà mình với thiên nhiên. Vì chúng chỉ được dùng trong thời chiến, các lâu đài này thường nhỏ, bán-cố định, thiếu sự gia cố nền. Tiêu biểu của loại lâu đài trên núi là Lâu đài Maruoka ở Fukui, được xây năm 1576. Một vài lâu đài trên núi như Lâu đài Kururi ở Quận Chiba, được tái thiết phần lớn bằng các vật liệu hiện đại, kháng lửa như các khối bê tông.

Các lâu đài trên khu đất bằng của núi (hirayamajiro), được xây trên ngọn đồi hoặc cao nguyên nằm giữa lãnh địa của các tướng công, gồm nhà ở cho họ và các quân gia. Vì thiếu sự bảo bọc của thiên nhiên nên chúng cần được gia cố như tường phải bằng đá, có hào, và ụ đất. Những lâu đài thuộc loại này là Lâu đài Hikone ở Quận Shiga (được xây năm 1606), Lâu đài Himeji ở Quận Hyogo (được xây năm 1609), Lâu đài Inuyama ở Quận Aichi (được xây năm 1601 và được mở rộng thêm năm 1602), Lâu đài Hirosaki ở Quận Aomori (được xây lại năm 1810). Lâu đài Kumamoto ở Quận Kumamoto, Kyushu, cũng được xây lại theo phong cách này.

Các lâu đài trên bình nguyên (hirajiro) thường là các trung tâm hành chính. Vì thế những trù liệu an ninh rất bảo đảm. Điển hình là Lâu đài Matsumoto ở Quận Nagano (được xây năm 1596). Về mặt kỹ thuật, Lâu đài Nijō ở Tây Kinh do tướng quân Tokugawa Ieyasu xây khoảng năm 1602, là một lâu đài ở bình nguyên, dù thực sự nó giống biệt thự được gia cố tốt. Cung điện Ninomaru và khu vườn được thêm vào năm 1626, nhân chuyến thăm của hoàng đế. Mặc dù tháp canh không còn, cung điện vẫn tồn tại-một điển hình hiếm hoi về kiến trúc cung điện Thời Edo.

Các lâu đài nước (mizushiro) nhô một phần thân của lâu đài khỏi hồ nước. Tiêu biểu của loại lâu đài này là Lâu đài Azuchi, do tướng quân Oda Nobunaga xây năm 1579, quanh Hồ Biwa, cái hồ lớn nhất ở Nhật.

Lâu đài Himeji

Lâu đài Himeji, được khắp nơi ca ngợi là lâu đài đẹp nhất ở Nhật, được phát triển từ một pháo đài được nhà cai trị Harima xây năm 1333. Năm 1581, tướng quân Toyotomi Hideyoshi tu sửa nó thành một lâu đài, được sử dụng làm căn cứ điều hành cuộc chiến chống lại quân thù ở phía tây của đất nước. Năm 1601, Ikeda Terumasa, con rể của Tokugawa Ieyasu, chuyển vào lâu đài và ở lại tại đó tám năm, thay tháp canh ban đầu bằng những toà nhà hiện nay và nới rộng khu lâu đài với ba cái hào. Nghiên cứu cho thấy rằng một số vật liệu từ các tòa nhà gốc của Hideyoshi được sử dụng trong cấu trúc hiện nay. Năm 1993, Lâu đài Himeji đã được thừa nhận là Khu Di sản Thế giới.



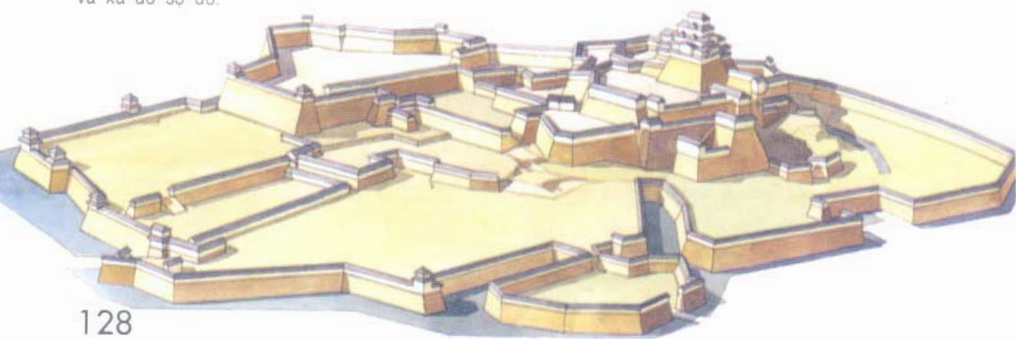


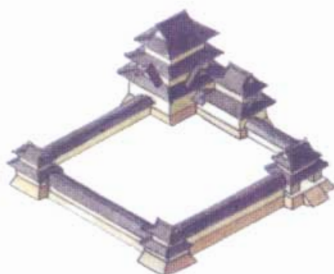
Một phần do tỉ lệ duyên dáng của nó, kích thước của Lâu đài Himeji không biểu hiện rõ trong ảnh chụp. Một số phối cảnh dựa trên các tỉ lệ ấn tượng của lâu đài được một trong các tác giả đứng ở nền đá của tháp canh cung cấp.



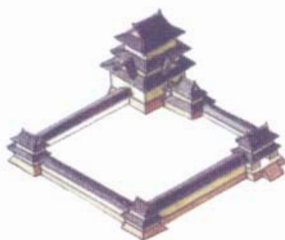
Nội thất mờ ảo của một trong năm tầng của Lâu đài Himeji. Bốn hành lang bao quanh phần giữa trống trải. Trần được hệ thống cột và xà đồ sộ đỡ.

Cách bài trí của Lâu đài Himeji. Lâu đài tọa lạc trên ngọn đồi dốc thẳng ở phía sau và nghiêng về phía đồng bằng ở trước. Khu vực nghiêng được nhiều bức tường và hào bảo vệ. Ngày nay chỉ còn lại một cái hào, Vẽ theo mô hình của Bảo tàng Lâu đài Himeji.

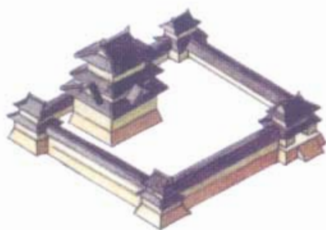




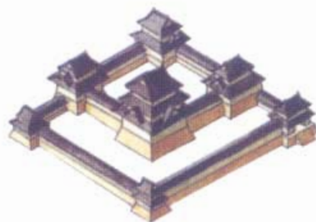
Các tháp canh lớn và nhỏ của lâu đài ở một góc của hàng rào trung tâm



Tháp canh bên trong tường rào. Tháp canh và tháp nhỏ ở một góc



Tháp canh bên trong tường rào.



Tháp canh chính và các tháp canh phụ ở góc trong của tường rào phụ

Tháp canh chính của lâu đài và các tháp phụ có thể được thay đổi theo nhiều cách khác nhau. Những hình ở đây là những sơ đồ thường thấy nhất.

Việc xây dựng lâu đài

Phần quan trọng nhất của một lâu đài là tòa nhà nhiều tầng nơi chủ và các quản gia sống. Tháp canh được xây ở đỉnh của nhà ở của samurai, có khung bằng gỗ, như phần lớn dạng kiến trúc khác của Nhật. Lúc đầu tường bằng gỗ nhưng sau được trát vữa và quét vôi trắng. Mặc dù vữa và ngói bảo vệ tháp canh khỏi tên lửa gây cháy, chúng khá mỏng manh so với những lâu đài của châu Âu được xây bằng đá và gạch. Trong nhiều trường hợp, chức năng chính của lâu đài là biểu tượng quyền lực của tướng công và làm nơi sang trọng để ăn ở và vui chơi. Các Lâu Đài được trang trí bằng những tấm bình



Lâu đài Inuyama ở Quận Aichi là một lâu đài tư duy nhất còn tồn tại ở Nhật, khá nhỏ so với lâu đài Himeji, nhưng nó hết sức cân đối.

phong được các họa sĩ danh tiếng vẽ và làm nổi bật những căn phòng rộng lớn, thường được xây theo phong cách Shoin.

Sự phòng thủ chính không chỉ nhờ tháp canh mà còn nhờ các cái hào, ao, và tường tạo thành một mê cung mê lộ hành lang và sân khiến những kẻ tấn công phải cất công tìm lối vào. Nếu chúng vào được lâu đài, chúng phải đối mặt với một khối đá cao mà tháp canh được xây trên đó. Những lổ khoét tròn, vuông, chữ nhật trên các bức tường thành để lính canh bắn tên và súng hỏa mai hoặc ném đá và đổ dầu hay nước sôi lên những kẻ tấn công. Cả trong và ngoài tường thành được củng cố thêm bằng những tháp nhỏ, thiết kế tương tự một tháp canh, có một vài lối thoát khi cần. Một số lâu đài như Himeji và Osaka, quả là đáng sợ, vậy mà vẫn có thể bị những kẻ thù mạnh và quả cảm tấn công. Lâu đài Osaka từng bị đánh phá nhiều lần và được xây lại.

Cổng là điểm yếu nhất trong các công sự của lâu đài. Một cách để giảm sự yếu kém này là xây hệ thống cổng kép, trong đó cổng thứ nhất mở vào một sân vuông. Còn cổng thứ hai nằm bên góc phải của cổng thứ nhất. Cổng thứ hai có hai tầng có lính ở tầng trên để họ có thể bắn tên hoặc phóng hỏa lên những kẻ tấn công ở bên dưới sân.

Đôi khi người ta đắp các công sự bằng đất trước cổng chính để ngụy trang nó với bên ngoài. Nó giúp binh lính thoát ra mà những kẻ tấn công không biết rằng cổng đã mở.



Được khôi phục gần đây, Lâu đài Osaka chứa các đồ tạo tác và trình bày những gì có liên quan với Toyotomi Hideyoshi và những cuộc chinh phục của binh lính của ông. Dù cấu trúc bằng bê tông nhỏ hơn bản gốc, nó vẫn thật ấn tượng.



Chi tiết của các cửa sổ ở mái tại Lâu đài Osaka. Nằm bên dưới dàn mái cong chìa ra là các đồ trang trí đầu hồi sắc sảo làm khung cho các cửa trổ hình chữ nhật được che chắn.

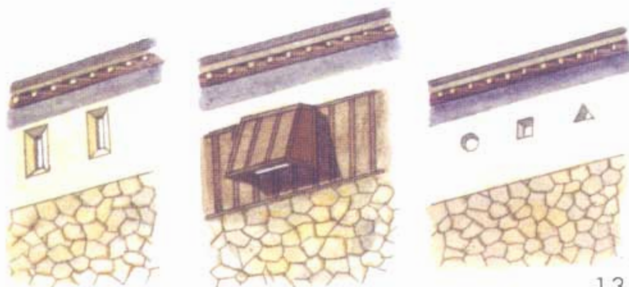


Tường đá gốc và các đá nền tháp canh ở Lâu đài Osaka chứng tỏ sự chính xác của đá, một số rất lớn được cắt và ráp lại với nhau.

Lâu đài Osaka

Lâu đài Osaka do Hieyoshi xây năm 1583 trên những tàn tích của Ishiyama Hongaji, trung tâm của tông phái Ikko của Phật giáo Jōdo Shinshū. Nó bị thiêu rụi trong trận chiến chống lại tướng quân Tokugawa năm 1615, được xây lại năm 1625, nhưng lại bị thiêu rụi khi nhóm trung thành của tướng quân Tokugawa rút lui lúc ông ta bị thất bại trong cuộc Khôi phục Minh Trị năm 1868. Lâu đài hiện nay được xây lại năm 1931. Những cấu trúc gốc còn nguyên ở Lâu đài Osaka bao gồm Cổng Ōtemon, năm tháp nhỏ được xây ở những phần khác nhau của các bức tường đá gốc, vài kho vũ khí, và nhà có giếng. Tảng đá lớn nhất được sử dụng trên tường thành hơn 59 mét vuông và nặng 130 tấn. Những cái hào rộng 70-90 mét và tường thành cao 20 mét cho thấy sự đồ sộ của lâu đài gốc. Lâu đài được đặt trong công viên đầy cây cối.

Các lỗ châu mai, những chỗ để ném đá, và bắn tên ở bên ngoài tường thành và các tường của tháp canh để bắn vào kẻ thù.





1- Edo
2- Nikkō
3- Ngôi nhà của dòng họ Kawakami (Toyama)
4- Làng Ogimachi
5- Takayama
6- Các thành phố trụ cột Tsumago và Magome
7- Điện thờ Kunōsan (Shizuoka)
8- Thành phố trụ cột Yoshida
9- Thành phố trụ cột Narumi
10- Tây Kinh
11- Osaka
12- Ngôi nhà của dòng họ Yoshimura (thành phố Habikino, Quận Osaka)
13- Nara
14- Asuka
15- Murōji
16- Đảo Awaji
17- Kurashiki

Tập quyền

Tướng quân Tokugawa Ieyasu đã hoàn tất công cuộc thống nhất Nhật Bản, thành lập hệ thống phong kiến tập quyền, và dời kinh đô quân sự của ông ta về Edo (sau này được đổi tên là Đông Kinh) để khởi đầu 250 năm tương đối hòa bình và cô lập. Các samurai nằm ở hàng đầu của thứ bậc xã hội, nhưng cuối cùng các thương nhân giành được sự kiểm soát của cải, và lần đầu tiên trong lịch sử Nhật Bản người dân thường đã trở thành những người lãnh đạo những phát triển văn hóa mới.

Lịch sử

Thời Edo (Tokugawa) (1600-1868) không dễ phân chia thành những kỷ nguyên chính trị. Nhìn chung, ba tướng quân Tokugawa đầu tiên, khởi đầu là Tokugawa Ieyasu, đã hệ thống các chính sách cơ bản của chế độ mới, được dự tính để chấm dứt sự đổ máu làm tiêu biểu cho xã hội Nhật khá lâu. Để hoàn thành mục tiêu này, họ đã tán thành sự phối hợp tinh thần võ sĩ đạo (*bushidō*) và triết lý Khổng Tử mang lại lý tưởng cơ bản cho hệ thống giai cấp xã hội chặt chẽ,

mà đẳng cấp quân nhân (bushi) đứng đầu, sau đó là nông dân, thợ thủ công, và thương nhân. Các thương nhân được xếp cuối cùng vì họ bị coi là giai cấp phi-sản xuất.

Chế độ mạc phủ Tokugawa đã có nhiều phương cách bảo đảm sự cai trị, như việc nắm giữ một phần tư đất đai, trực tiếp cai trị phần lớn thành phố chính, và thiết lập hệ thống con tin là yêu cầu các địa chủ phải dời gia đình tới Edo. Những cuộc nổi loạn bị đàn áp dã man.

Sau cái chết của tướng quân Tokugawa thứ ba là Iemitsu, chế độ mạc phủ ngày càng bảo thủ. Thiếu hụt tiền và đối mặt với sự bất mãn ngày càng tăng của các nông dân và các thị tộc lạnh nhạt, chế độ Edo ít nhiều gì không thích hợp với giai cấp thương buôn mà càng lúc nó càng phụ thuộc về mặt tài chính. Nhiều người dân, kể cả các trí thức, ngày càng thấy rằng Nhật Bản đang là nước tụt hậu và muốn đổi mới để giao tiếp với thế giới bên ngoài. Đối mặt với sự phô trương sức mạnh từ phương Tây, tiêu biểu là cuộc viếng thăm của pháo hạm Commodore Perry năm 1853, cuối cùng cơ cấu phong kiến đã lung lay, báo hiệu cuộc Khôi phục Minh Trị năm 1868.

Các thành phố khác trong Thời Edo

Ngoài Edo, một trong những thành phố lớn nhất thế giới hồi thế kỷ XVIII, còn có những thành phố lớn khác. Kyoto vẫn là kinh đô của vua với số dân khoảng 410.000 người năm 1634. Nó nổi tiếng nhờ những sản phẩm mỹ thuật và thủ công chất lượng cao. Cuối Thời Edo, khi những người trung lưu được phép đi lại thoải mái hơn, Tây Kinh đã trở thành điểm du lịch quan trọng.

Osaka, cũng có số dân cỡ như thế, và là một thành phố công nghiệp sản xuất nhiều mặt hàng thiết yếu cho đời sống hàng ngày, kể cả quần áo, các mặt hàng kim loại, dầu, rượu saké, và thuốc men,



Nhà phố Thời Edo (ngôi nhà trước đây của gia đình Kawakami) là một nhà phố thị xưa nhất ở Quận Toyama còn tồn tại.



Tranh khắc gỗ (mộc bản) của Hiroshige mô tả khu phố thị Narumi trên con đường Tōkaidō. Cả hai ngôi nhà đều sử dụng các loại ngói *sangawara buki*.



Các loại ngói cơ bản: *hongawara buki* (loại ngói cong ráp chắc lên đường nối giữa hai miếng hơi cong); *sangawara buki* (các phần tròn và cong kết hợp tạo độ bền cao hơn).

được sản xuất từ các nguyên vật liệu được nhập từ những nơi khác của Nhật Bản. Osaka cũng là "nhà bếp" cho cả nước. Gạo ở các nơi được chở bằng thuyền bè tới Osaka; đường, muối được nhập vào từ miền tây nước Nhật. Vì thế Osaka đã trở thành cảng chính và là trung tâm tài chính quan trọng.

Các tỉnh thành địa phương

Chế độ phong kiến tập quyền đã dấy lên một vài phát triển mới ảnh hưởng trực tiếp nền kiến trúc của thời đó. Tỉ như, các thành phố trụ cột mọc lên dọc theo những con lộ chính dẫn vào kinh đô. Nổi tiếng nhất là Đường Tōkaidō, một trong những chính lộ giữa Kyoto và Edo. Các thành phố này tuy nhỏ nhưng là nơi trú ngụ qua đêm cho các địa chủ và các quản gia của họ khi lui tới Edo.

Các phố thị này, như Tsumago và Magome trên con lộ Nakasendō còn giữ lại được những tòa nhà Thời Edo, trở thành các điểm du lịch bình dân ở Nhật hiện nay.

Các khu phố lâu đài, như Kanazawa, đã được dựng nên để đáp ứng nhu cầu của các tướng công, chúng được quy hoạch nhằm bảo đảm an ninh. Những khu phố của các samurai được lập nên xung quanh các lâu đài làm vành đai bảo vệ. Những khu dành cho giới bình dân và tầng lớp thương nhân nằm bên ngoài thành phố. Trong thời chiến, "những vành đai phòng thủ" này hay bị đốt cháy, hoặc do kẻ thù hay do chính các tướng công.

Những loại phố thị khác trong Thời Edo gồm các trung tâm hành chính địa phương như Takayama, được coi là trung tâm dành cho những đại diện của tướng quân; những thành phố cảng như Sakai và Nagasaki; các phố thị như Uji và Yamada đã phát triển xung quanh các đền chùa và các điện thờ Thần đạo; và các phố thị mỏ như Aikawa.

Nét đặc trưng của các phố thị địa phương là sự gia tăng nhanh các nhà kho (*kura*)-những khu nhà lớn phân cách để đề phòng hỏa hoạn.

Các làng quê

Trong nỗ lực kiểm soát các vùng quê, cũng như các thành phố lớn và các thành thị, chế độ mạc phủ Tokugawa đã thiết lập hệ thống đẳng cấp trong đó các nông dân làm chủ cơ ngơi của họ có nhiệm vụ đóng thuế bằng lúa gạo, dựa trên sản lượng của loại đất. Trưởng làng là một nông dân có uy tín. Những nông dân nào không có đất đai sẽ làm việc cho những chủ đất và được hưởng một vài quyền lợi.

Cuối cùng, nhiều khu nhà của vùng quê được chuyển vào các lãnh địa, họ làm việc bán thời gian hay toàn thời gian, bao gồm việc sản xuất hoặc bán hàng. Sự sắp xếp thường thấy nhất là khu sinh sống rộng hơn các thời trước và kỹ thuật xây dựng tinh vi hơn. Một số nông dân giàu lên có thể xây những ngôi nhà sang trọng có những nét của phong cách Shoin theo thị hiếu của giới thượng lưu phố thị. Tất nhiên có sự biến đổi đáng kể về phong cách xây dựng tùy theo vùng.

Edo: Kinh đô thời phong kiến

Edo, thủ đô quân sự của các tướng quân Tokugawa trong gần 250 năm, thường bị tàn phá do hỏa hoạn, nhưng luôn khôi phục lại. Vào cuối của thế kỷ XVII, Edo đã là một trong những thành phố lớn nhất thế giới và là trung tâm của giai cấp thương nhân phát đạt có ảnh hưởng mạnh lên nền văn hóa Nhật Bản.

Lịch sử

Có nhiều ý kiến khác nhau về vị trí chính xác của Edo ban đầu, nhiều người nghĩ đến nghĩa "cửa vịnh." Vị thế chiến lược của nó đã thôi thúc một samurai, Edo Shirō Shigetsugu, xây cất biệt thự của ông ta, Edo Yakata, đâu khoảng thế kỷ XII (Thời Liêm Thương). Năm 1457, Ōta



Mộc bản "Edo Nihonbashi," của Hokusai trong loạt 36 bức vẽ cảnh Núi Phú Sĩ, mô tả khu vực cầu Nihonbashi, một khu vực của Edo. Được xây năm 1603, Nihonbashi đã là trung tâm không chỉ của Edo mà còn cho tòan nước Nhật. Năm tuyến đường chính của Nhật (Tōkkaidō, Nakasendō, Nikkō-dōchū, Ōshū-dōchū và Kōchū dōchū) đều bắt đầu từ đây. Các nhà kho trong bức tranh này là của những người buôn bán sỉ gỗ bach Nhật. Cả Lâu đài Edo và núi Phú Sĩ nằm ở phía xa.

Dōkan, quân gia cao cấp của tướng công địa phương, đã xây Lâu đài Edo trên khu đất của Edo Yakata. Lâu đài này đã sang tay vài lần sau khi Dōkan bị sát hại năm 1486.

Năm 1590 Tokugawa Ieyasu dời về lâu đài này lúc ông còn là thuộc cấp của đại tướng quân Toyotomi Hideyoshi. Ieyasu thấy đây là vị thế thuận lợi dù tự thân lâu đài không đủ độ rộng để làm chỗ ở cho một tướng quân có tham vọng cai trị toàn đất nước. Ieyasu nhận trách nhiệm phát triển Edo để ông ta có thể sớm dời về đây. Dự án đầu tiên là đào một con kênh từ vịnh tới lâu đài để chuyển vật liệu cần thiết để tái thiết lâu đài và làm hào xung quanh. Lâu đài Edo là lâu đài lớn nhất thế giới với vòng tường ngoài dài 16 cây số, dày 5 mét, có 11 cổng. Mê cung của hào và tường bên trong lâu đài biến nó thành nơi bất khả xâm phạm.

Sau khi Ieyasu trở thành tướng quân năm 1603, ông ta đã thực hiện một dự án nhiều tham vọng hơn để phát triển Edo. Ông cho xẻ dọc những rặng núi và lấy đất lấp một phần vịnh, buộc các địa chủ cung cấp lực lượng lao động cần thiết. Những con đường thiết yếu trong vùng như Tōkaidō và Nakasendō, được thiết lập để chuyển hàng hóa tới Edo. Có người nói rằng những con đường này được thiết kế để tôn tạo cảnh quan cho Ngọn Phú Sĩ và Tsukuba cũng như cho Lâu đài Edo, nhưng những cân nhắc thực tiễn hơn là tạo ưu thế cho những con đường và dòng sông hiện có. Phần trung tâm của Edo dựa vào sự bố trí mạng lưới của Kyoto, thiết kế đô thị có nét đặc trưng của Trung Hoa đời nhà Đường trong Thời Nại Lương.

Dự án lớn được hoàn thành năm 1637 khi tướng quân Tokugawa thứ ba, Iemitsu, đã hoàn tất việc tái thiết Lâu đài Edo và vùng xung quanh Quận Honmaru. Những tranh cuộn (Edo-zu *Byōbu*) mô tả những cảnh sinh động của đầu Thời Edo, như lâu đài, nhà ở của các samurai bao quanh nó, khu phố thị, và chùa chiền. Dân số ở Edo đã tăng nhanh, chủ yếu do sự lui tới của các địa chủ về để phục dịch tướng quân.

Hỏa hoạn thảm khốc năm 1657 khiến Edo chỉ còn lại 60 phần trăm (gồm Lâu đài Edo) và làm chết khoảng 100.000 người, đã thôi thúc chính quyền phong kiến tạo các bản đồ của khu vực và triển khai dự án tái thiết đầy tham vọng, trong đó có cả những biện pháp phòng cháy.



Các mặt nền của Cung điện hiện nay



Các mặt nền của Lâu đài Edo

Lâu đài Edo

Sau cuộc Khôi phục Minh Trị năm 1868, hoàng đế dời từ Kyoto tới Edo. Cung điện mới được xây năm 1888 đã bị tàn tàn phá trong Thế chiến II. Khu phức hợp cung điện hiện nay được hoàn tất năm 1968.

Các mặt nền của Lâu đài Edo

1- Tháp canh lâu đài
2- Dinh thự của tướng quân (honmaru)
3- Tường rào phía Tây (Nishi-no-maru): được xây thêm
4- Vườn Fukiage có ao (để chữa cháy)
5- Cổng Tayasumon

Các mặt nền của cung điện hiện nay

1- Cung điện mới
2- Vườn phía Đông (mở cho công chúng)
3- Công viên Kita no-maru (mở cho công chúng)
4- Sảnh Võ thuật Nhật (Nihon Budōkan)
5- Cổng Tayasumon

Edo mới

Lâu đài Edo được xây lại một phần và thành phố Edo đã được mở rộng hơn. Người ta ước tính năm 1693 nó có khoảng 350.000 thường dân và 600.000–700.000 samurai, khiến Edo lớn rộng hơn so với Luân Đôn hay Ba Lê. Một số thương nhân mới giàu lên đã xây những khu nhà ở ba tầng rộng lớn trên vùng ban đầu của Thời Edo, nhưng sau bị chính quyền hạn chế bớt sự phô trương như thế. Dân chúng được phép, có khi được khuyến khích, xây những ngôi nhà mái ngói và những nhà kho chống hỏa hoạn (kura). Mái ngói ít tốn kém hơn mái chống lửa của loại ngói sangawara. Vì thế kura đã được xây ở khắp nơi, một phần là các biểu tượng của địa vị xã hội.

Văn hóa Edo

Cuối cùng, Edo đã phát triển thế giới động đặc trưng của nó (ukiyo). Đây đã là văn hóa của chủ nghĩa khoái lạc nhằm mua vui cho giai cấp thương nhân ngày càng giàu có. Cuộc sống vui thú ở quận Yoshiwara thuộc Edo thường là chủ đề của những bức tranh vẽ cảnh những gái điếm hạng sang mỹ miều và các kịch sĩ Kabuki.



Chi tiết từ tấm bình phong thế kỷ XVII ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Nhật, mô tả tháp canh chính của lâu đài và phần cung điện chung quanh (Honmaru), nơi tướng quân sinh sống. Các tòa nhà của cung điện tựa như Cung điện Ninomaru hiện tồn trên nền của Lâu đài Nijō ở Tây Kinh.

Edo đã sản sinh phong cách kiến trúc đặc trưng, ngoài lâu đài ban đầu to lớn. Tuy nhiên, chế độ mạc phủ Tokugawa đã để lại dấu ấn trên nền kiến trúc Nhật Bản, với khu lăng tẩm ở Nikkō để tưởng nhớ tướng quân thứ nhất và thứ ba. Những điện thờ hoa mỹ này phù hợp thị hiếu thẩm mỹ của các nhà cai trị phong kiến thích phô trương.

Hậu quả của hơn 90 vụ hỏa hoạn nghiêm trọng, vụ động đất Kanto năm 1923 và những trận bom lửa hồi Thế chiến II, nay còn rất ít dấu vết của nền kiến trúc thời Edo.

Takayama: thành phố hành chính



Bức tranh cắt đoạn (*kiri-e*) của Yoshimoto Norihito, họa sĩ đương thời, mô tả giao lộ nổi tiếng ở Quận Sanmachi thuộc Takayama.

Trong Thời Nara, các làng mạc của vùng Hida (nay là Quận Gifu) đã không có khả năng nộp thuế vì ruộng vườn quá cằn cỗi. Thay vì đóng thuế, mỗi làng bị trưng dụng mười người thợ đưa tới Nara để giúp xây kinh đô mới. Chẳng lạ gì, nhờ vậy các thợ mộc vùng Hida nổi tiếng nhờ có tay nghề cao. Những tác phẩm thủ công của họ được bảo tồn trong thành phố cổ của tỉnh ở Takayama, thành phố sầm uất kết hợp cổ kim. Takayama đã thấy trước để bảo toàn khu vực rộng lớn của nền kiến trúc truyền thống là Quận Sanmachi, hàng năm thu hút hàng triệu du khách đến tham quan những ngôi nhà, cửa hàng, quán rượu saké, và những đền chùa truyền thống.

Lịch sử của Takayama

Trong phần lớn trường hợp, các lãnh địa của tỉnh nằm dưới sự kiểm soát của một địa



Lúc đầu được xây vào năm 1615, tòa nhà hành chính của Takayama (*jinya*) đã được tái thiết năm 1816. Tựa như một cung điện cỡ nhỏ, các tòa nhà của khu hành chính có tường cao bao quanh, lối vào là một cái cổng uy nghi.

chủ địa phương, người đã thề hứa trung thành với tướng quân ở Edo, dưới quyền thống sứ do tướng quân bổ nhiệm. Khu hành chính như thế được gọi là *jinya*. Mặc dù đã có tới 60 *jinya* chính và phụ trong thời kỳ Edo, *jinya* của Takayama là khu duy nhất còn tồn tại đến nay.

Theo các truyền thuyết địa phương, khi Minamoto Yoritomo đã tiêu diệt thị tộc Taira và tự xưng là tướng quân đầu tiên của Nhật Bản, các thành viên còn sống sót của thị tộc Taira đã trốn tới Quận Hida, nơi mà một số đã ổn cư tại Takayama. Người ta bảo rằng họ bị lôi kéo đến Takayama vì nó rất giống với Tây Kinh, quê nhà của họ, với cảnh núi non và những con sông chảy qua đó. Takayama được gọi là một "Tiểu Tây Kinh."

Vào thế kỷ XVI, Takayama đã trở thành tổng hành dinh của Kanamori Nagachika, vị tướng phục vụ dưới quyền của chỉ huy quân sự Nhật Bản Toyotomi Hideyoshi. Phù hợp với các nguyên tắc bói đất của Trung Hoa, lâu đài của Kanamori được xây trên chỗ xuất phát giữa hai con sông, một ngọn đồi ở phía Bắc và tập trung các đền chùa và điện thờ ở phía đông bắc đem lại sự che chở. Dòng họ Kanamori đã cai trị sáu thế hệ, trong suốt thời gian đó các tổ chức chính trị, kinh tế và văn hóa đã được nâng ngang tầm với thủ đô, và Takayama đã phát triển thành trung tâm hành chính khu vực.

Năm 1692, vì tướng quân muốn giành nguồn cây gỗ và khoáng sản của vùng này, ông đã nắm quyền cai trị trực tiếp Takayama và đưa dòng họ Kanamori tới Tohoku (phía đông bắc Nhật Bản). Lâu đài đã bị phá và biệt thự của cô con gái của tộc trưởng thứ ba của thị tộc Kanamori đã được tu sửa thành khu hành chính của vị thống sứ mới, Ina Henjurō Tadaatsu.

Tadaatsu và 24 người kế nhiệm đã là những người nho nhã của của Edo có đầu óc thẩm mỹ. Vì đam mê thật sự của họ là văn hóa truyền thống hơn là chính trị, Takayama đã trở nên nổi tiếng nhờ các loại hình nghệ thuật và thủ công. Nó vẫn là trung tâm hành chính tỉnh của Hida cho tới cuộc Khôi phục Minh Trị năm 1868, vào lúc cơ cấu phong kiến xóa bỏ.

Các thương nhân của Takayama

Là trung tâm hành chính của quận, Takayama đã thu hút nhiều dân chúng, như các thương nhân,

thợ thủ công, và sớm phát triển thành thành phố lớn và trù phú nhất trong quận. Nhiều người mới đến đã bắt đầu công ăn việc làm của họ, làm ra các sản phẩm như rượu saké và miso, buôn bán gạo và thuốc lá, cho vay tiền. Một số gia đình, như gia đình Kusakabe và Yoshijima, từ lâu đã là những gia đình giàu có của quận, đã đóng góp nhiều vào các hoạt động văn hóa và nghệ thuật. Nói cách khác, mặc cho sự thể là giới thương buôn bị xếp hạng thấp hơn các thợ thủ công và nông dân theo lý tưởng của Khổng giáo được chế độ mạc phủ tán thành, về mặt tài chính và xã hội các quan chức chính phủ và thương nhân trở nên phụ thuộc lẫn nhau.

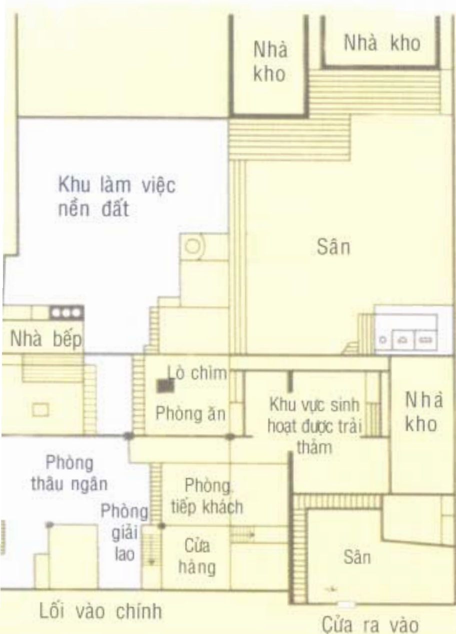
Nhà cửa của thương nhân

Mặc cho các gia đình thương nhân giàu có, hệ thống cấp bậc chính thức vẫn được duy trì. Vì thế nhà cửa gần trung tâm thành phố không được phép có hai tầng, cấm cư dân nhìn từ trên cao xuống các khu hành chính hay các samurai đang đi trên đường. Chính quyền không cấm các thương nhân xây biệt thự một tầng. Tiêu biểu của loại nhà này là nhà của Yoshijima có từ giữa Thời Edo.



Mộc bản của Tosa Mitsuoki tả cảnh làm việc của các thợ mộc.

Gia đình Yoshijima đã đến Takayama năm 1784 và từ đó đã sản xuất rượu saké. Giống như những thương nhân giàu có khác, gia đình Yoshijima đã xây cất một nơi ăn ở, sinh sống hợp với sự quy định phong kiến về kích cỡ ngôi nhà cho giới thương nhân. Khi ngôi nhà bị cháy năm 1905 (Thời Minh Trị), nó đã được cất lại do một thợ mộc nổi tiếng ở Hida là Nishida Isaburo theo phong cách phản ảnh chính xác hơn sự giàu sang của gia đình Yoshijima. Ngôi nhà được làm lại có cấu trúc mái đồ sộ nhưng thêm tầng hai ở vài nơi. Ngôi nhà này được coi là tiêu biểu nhà cửa Nhật truyền thống, nơi được nhiều du khách đến thăm khi tới Takayama. Nó được xác nhận là Tài sản Văn hóa Quan trọng.



Cách bài trí bên trong ngôi nhà Yoshijima. Một cửa hàng bán rượu saké và một phòng thâu ngân, cũng như nhà bếp và phòng nghỉ ở phía trước khu nhà, có mái che. Các nhà kho và khu sinh hoạt của gia đình ở nửa sau của ngôi nhà. Các phòng được sắp xếp chung quanh hai cái sân.



Lò nấu bằng củi làm bằng gạch trong nhà bếp của ngôi nhà Yoshijima.



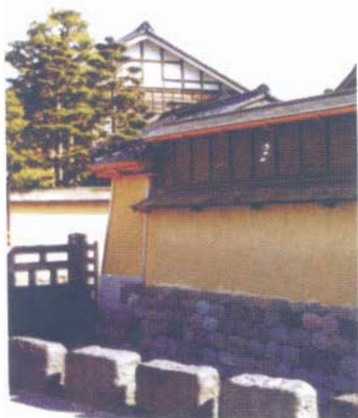
Phòng ăn của ngôi nhà Yoshijima, có lò chìm (*irori*) để đun nước.



Ngôi nhà Yoshijima

Những tấm ván màu sẫm thẳng đứng bọc hầu hết ngôi nhà cân đối với màu shoji trắng và các khu vực trát vữa, một số nằm theo chiều ngang vững chắc. Nhìn từ bên ngoài ta có cảm giác nó là ngôi nhà hai tầng, nhưng thực ra chỉ có một tầng nằm kế con đường, phần trên là các thanh xà lợp mái. Sự sắp xếp này làm cho ngôi nhà có vẻ nguy nga, đồng thời thích hợp với sự quy định của Thời Edo là nhà của thương nhân không được có tầng gác quay ra đường. Phần sau nhà, nơi gia đình sinh sống, có hai tầng được trang bị lộng lẫy, phản ảnh sự giàu có của gia đình.

Kanazawa: Phố Lâu đài



Nhà cửa của các samurai nằm dọc theo một trong những con kênh xưa được đào để dẫn nước tới khu vườn Kenrokuen và lâu đài.

Các khu phố Lâu đài là các trung tâm hành chính, thương mại, và văn hóa của thời phong kiến. Nằm bên Biển Nhật Bản, Kanazawa là Phố Lâu đài của thị tộc Maeda và là thành phố lớn đứng hàng thứ tư của Nhật Bản trong Thời Edo. Ít bị bỏ bom tập trung hồi Thế chiến II, Kanazawa có nền kiến trúc quan trọng về mặt lịch sử hơn phần lớn thành phố khác, cũng là một trong ba khu vườn quan trọng nhất ở Nhật, Kenrokuen.

Tháp nhỏ Hishiyagura của lâu đài Kanazawa được trang bị các thứ phòng thủ như các khe để ném đá và bắn súng hoả mai.





Cổng và tường của một ngôi nhà của samurai xưa ở Quận Nagamachi thuộc Kanazawa. Một số cổng cũ như trong hình này, những cửa sổ nhỏ, nơi trước đây có lính gác.

Chức năng của Phố thị Lâu đài

Trong thời kỳ phong kiến tản quyền (các Thời Liêm Thương, Thất Điền, và Đào Sơn), Nhật Bản thiếu một nhà nước tập quyền hữu hiệu. Vì thế, các đại chủ địa phương đã xây các lâu đài và kiểm soát nhiều lãnh thổ mà họ che chở cho. Họ làm luật, thu thuế, và tìm cách phát triển việc buôn bán và văn hóa nội bộ. Các thành thị phát triển nhanh quanh các lâu đài phục dịch nhu cầu và tham vọng của các đại chủ và các quản gia samurai của họ. Với thời gian, các phố lâu đài thường trở thành các trung tâm thương mại và văn hóa quan trọng dưới quyền của họ. Sau khi thiết lập sự thống nhất đất nước dưới chế độ mạc phủ Tokugawa năm 1600, phần lớn đại chủ tiếp tục được quyền kiểm soát phần nào trên lãnh thổ của họ, nhưng họ phải thề hứa trung thành với Edo và chấp nhận chịu những hạn chế và yêu cầu của nó. Phần nào được tương đối tự trị, các thành thị như Kanazawa phát đạt cho tới khi hệ thống phong kiến suy vi do cuộc Khôi phục Minh Trị năm 1868.

Lịch sử

Năm 1546, một tông phái Phật giáo đã thiết lập chế độ chuyên quyền ở khu Kaga (giờ là Quận Ishikawa), với ngôi chùa chính trên khu đất mà sau này trở thành Lâu đài Kanazawa. Khu vực này phát đạt nhưng cuối cùng đã bị Maeda Toshiie, người nắm quyền nhân danh Toyotomi Hideyoshi, chinh phục năm 1583. Lâu đài của Maeda được xây trên ngọn đồi nằm giữa hai con sông, và phố thị Kanazawa phát triển xung quanh nó. Sau khi Hideyoshi qua đời, thị tộc Maeda liên minh với Tokugawa Ieyasu và tham gia trận chiến Sekigahara năm 1600, trong trận chiến ấy Ieyasu đã đánh bại kẻ thù cuối cùng của ông để hoàn tất nhiệm vụ thống nhất Nhật Bản. Vì thế Maeda Toshiie được thưởng công một lãnh địa (kể cả Ishikawa) rộng lớn làm ra nhiều lúa gạo, trở thành một trong những thị tộc giàu nhất ở Nhật.

Thị tộc Maeda đã dùng tiền thuế dồi dào ấy để bảo trợ nghệ thuật và văn hóa truyền thống. Vì thế, Kanazawa trở thành nổi tiếng về



Cổng Sanmon của Tentokuin, ngôi chùa của Thiền tông Sōtō ở Kanazawa. Tentokuin được *đại chủ* Maeda thứ ba thành lập năm 1623 dành cho người vợ đã quá vãng. Tất cả tòa nhà gốc bị cháy năm 1671 trừ Cổng Sanmon.

trà đạo, kịch Noh, vải lụa, gốm sứ Kutani-yaki và các đồ thủ công mỹ nghệ khác. Kanazawa còn là khu samurai rộng, quận phát triển các trò giải trí, có nhiều ca kỹ, và hai khu chùa chiền. Sau khi chế độ phong kiến suy sụp lúc xảy ra cuộc Khôi phục Minh Trị, nhiều samurai của Kanazawa thấy mình thất nghiệp, và các thợ thủ công, các ca kỹ không còn đất sống. Hậu quả là Kanazawa dần dần chìm vào quên lãng. Ngày nay, Kanazawa lấy lại được ít nhiều sự phồn vinh trước đây của nó và là điểm du lịch quan trọng.

Tàn tích của lâu đài

Vì sự ràng buộc chặt chẽ của nó với Hideyoshi và sau đó với chế độ mạc phủ Tokugawa mới, lâu đài Maeda không bao giờ được củng cố vững mạnh. Nó đã bị thiêu rụi năm 1881, chỉ để lại phức hợp Cổng Ishikawamon (tám tòa nhà, kể cả cổng sau, được xây quanh khu có tường rào) và Ngôi nhà Dài, được sử dụng làm kho vũ khí. Cổng



Mộc bản của Toyonobu Thời Edo mô tả nội thất của một nhà ca kỹ. Những nhà ca kỹ này được gọi nhẹ đi là các "trà quán," được thành lập trong các khu thuộc "thế giới thả nổi" của các thành phố chính và các thành thị thuộc vùng quan trọng như Kanazawa.

được lợp bằng ngói chì đã bạc trắng vì thời tiết. Ngôi nhà Dài, được xây năm 1858, là ngôi nhà hai tầng dài tới 48 mét trên đỉnh tường ngoài của lâu đài.

Các khu samurai và giải trí

Nằm gần Lâu đài Kanazawa, khu Nagamachi còn giữ lại những con đường cụt ngoằn ngoèo và những con kênh Thời Edo, được làm để đẩy lùi những cuộc xâm nhập. Nhà của các samurai bao quanh những bức tường bằng đất cao. Kích thước của chúng được xác định do địa vị của gia đình. Ngày nay, nhiều nhà của samurai đã được thay thế bằng những ngôi nhà hiện đại chỉ giữ lại những cái cổng samurai xưa cũ.

Hai khu vực được tách bằng khu giải trí Kaga của chính quyền phong kiến Thời Edo. Ở Higashi Chaya-Machi, một trong hai khu này, những con đường đầy nhà của có những cửa sổ che rèm (koshi) và những bức tường bên trong được sơn phết loè loẹt. Vào Thời Edo, những khu phố này đầy các samurai và thương nhân giàu có tới đây để nghe các kỹ nữ biểu diễn những nghệ thuật truyền thống, như ca múa, ngâm thơ và chơi đàn *koto* (một loại đàn harp của Nhật) và đàn *shamisen* (đàn ba dây).

Những khu đền chùa và buôn bán

Tất cả Phố Lâu đài đều có ít nhất một ngôi chùa được coi là tuyến đầu phòng thủ. Kanazawa có hai khu vực đền chùa: khu Teramachi, có 70 ngôi chùa nằm trên bờ tây con sông Saigawa, và khu Utatsuyama, có 50 ngôi chùa nằm ở bờ phía đông sông Asanogawa. Những đường phố chính đầy các cửa hàng bán lẻ, và sau những con đường là nhà của của thợ thủ công, có các khu buôn bán được gọi bằng tên, như Phố Hàng Muối. Ngày nay, Kanazawa trở lại là trung tâm hàng thủ công.

Vườn Kenrokuen và Biệt thự Seisonkaku

Kenrokuen, một trong ba khu vườn nổi tiếng nhất ở Nhật, được bố trí quanh cái ao rộng được dẫn nước vào từ những con kênh xa hàng cây số. Khu vườn nối với Seisonkaku, biệt thự nguy nga có tường dát vàng và xà sơn son được xây dành cho thân mẫu của tướng công Maeda mười ba, nói lên sự giàu sang của dòng họ Maeda.

Ogimachi: làng trang trại



Nhà theo phong cách Gasshō trong Ogimachi.

Những ngôi nhà trong làng Ogimachi có những dàn mái lợp bằng rơm dốc được gọi là Gasshō theo kiểu ("bàn tay chắp lại cầu nguyện"). Nó phổ biến ở vùng dọc theo con sông Shōgawa nằm sâu trong rặng núi của Quận Gifu, Làng Ogimachi có một truyền thống xa xưa hàng trăm năm trước. Vào lúc bấy giờ, hầu hết nông trang của người Nhật đều được lợp bện bằng rơm, nhưng nay chỉ còn lại một vài nhà như thế.

Lịch sử của Ogimachi

Mặc dù người dân sinh sống ở vùng này được gọi là Shirakawa-gō, từ cuối Thời Thằng Văn, khoảng



Bố trí hình thể

Tất cả, trừ hai nhà theo phong cách Gasshō, quay về hướng bắc và nam. Điều này giúp những mái lớn dốc hứng được lượng mặt trời, chủ yếu để giữ cho mái khô, giảm ảnh hưởng của gió thổi hướng bắc và nam dọc theo sông. Nhà vệ sinh nằm vào cuối ngôi nhà và bàn thờ Phật ở phần cuối khác, gần tường, để có thể mang đi khi hỏa hoạn. Việc sắp đặt nhà vệ sinh và bàn thờ trong những căn nhà kề nhau phải đảo chiều nhau để nhà vệ sinh không bao giờ đối mặt với bàn thờ.

10.000 năm trước, người ta biết ít về cuộc sống ở Ogimachi trước đó trước thế kỷ XII. Vào thế kỷ XV, thị tộc Uchigashima xâm nhập vùng này và xây một lâu đài, nay không còn nữa, nằm trên ngọn đồi cạnh Ogimachi. Chế độ mạc phủ Edo nắm quyền cai trị trực tiếp Ogimachi hồi thế kỷ XVII, nhưng một phần lãnh thổ vẫn chịu sự kiểm soát của ngôi chùa Phật giáo Jōdo-Shin, Shōrenji.

Trước năm 1600, làng có khoảng 50 ngôi nhà, vào giữa Thời Minh Trị đã tăng trên 100 nóc gia. Sau khi chính quyền Minh Trị kiến thiết xa lộ quốc gia qua làng vào năm 1890, người ta xây những ngôi nhà hiện đại dọc theo xa lộ. Ngày nay, Ogimachi có 113 ngôi nhà theo phong cách Gasshō nằm lẫn với 329 ngôi nhà hiện đại, hai ngôi chùa Phật giáo, hai ngôi điện thờ Thần đạo và những ngồi nhà pha tạp khác. Những ngôi nhà hiện đai được điều chỉnh đúng kích cỡ và cấu trúc để không chỏi với kiến trúc truyền thống.

Khi kiến trúc sư người Đức nổi tiếng Bruno Taut sang thăm ngôi nhà của dòng họ Toyama ở Shirakawa-gō năm 1935, ông ta thấy ở đó có 36 người sinh sống. Vì thiếu mặt bằng và đất khả dụng, những ngôi nhà theo phong cách Gasshō được xây đủ rộng cho một gia đình đông người, chính thức gồm ông bà, cha mẹ, những người con chưa lập gia đình, vợ chồng người con cả và con cái của anh ta, những cô con gái đã lập gia đình và những người con của họ, những người con rể, chồng của những cô con gái vẫn còn lưu lại ở đây. Chỉ có anh con cả được phép đưa vợ về sống chung với cha mẹ.

Vào cuối thời phong kiến, dân làng chế thuốc súng theo lối cổ truyền, họ tưới nước tiểu lên các thành phần khoáng chất được ủ dưới các hàng hiên. Khi có thuốc súng thương phẩm, dân làng chuyển sang nghề nuôi tằm để tăng thu nhập, vì sản lượng lúa kém do đất đai của khu vực miền núi này cằn cỗi. Tằm được nuôi ở tầng trên nơi có nhiệt và khói giữ ấm.

Khi dòng sông Shōgawa bị ngăn lại, một số nhà đã bỏ làng Ogimachi. Ngày nay, làng có hội bảo tồn những ngôi nhà theo phong cách Gasshō còn tồn tại. Những nỗ lực của họ được UNESCO công nhận vào năm 1955 đã chọn Ogimachi là Khu Di sản Thế giới. Ngày nay, còn hơn 600 người dân sinh sống trong làng này. Mặc dù có một số *minshuku*

(dạng nhà cho khách tham quan), nhà cửa ở đây vẫn có chủ nên thường không tiếp đón khách tham quan.

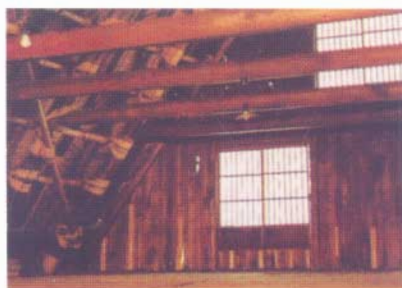
Những khó khăn việc bảo tồn

Việc bảo tồn những nhà nông trại lợp mái rơm lớn thì khó khăn vì tuyết dày và dễ bị cháy. Xưa kia, lớp tuyết dày chừng 1,5 mét tích trên mái nhà là chuyện bình thường, nên dù nay ít tuyết hơn, mái vẫn cần quét dọn để mái khỏi bị sập.

Các mái tranh còn dễ bị mục do côn trùng và loài gặm nhấm. Hai điều này có thể khắc phục bằng cách đun nấu ở tầng dưới để tạo nhiệt và khói tỏa khắp mái nhà.

Thay mái

Nếu làm đúng, mái có thể thọ được cả trăm năm. Nhiều ngôi nhà có tuổi thọ ít nhất đến 250 năm, qua nhiều thế hệ. Việc thay mái là một cố gắng chung của nhiều lao động được gọi là *yui*. *Yui* cung cấp lao động không những chỉ để tu sửa nhà cửa, mà còn cho các hoạt động khác như trồng trọt, thu hoạch, quét tuyết, v.v... Phải mất vài tháng thu gom rơm và phơi khô trước khi lợp. Phải mất khoảng ba ngày để dỡ bỏ lớp rơm cũ, và một ngày để thay những thanh gỗ hư. Trong quy trình lợp không sử dụng chiếc đinh nào mà buộc bằng dây rơm bện. Vì không sử dụng kim loại, rơm xem ra an toàn về mặt sinh thái, và rơm bỏ đi có thể dùng làm chất đốt. Vì phí tổn để thay mái rất tốn kém nên nhiều nhà đã lợp tôn thay vì rơm rạ.



Cấu trúc của tầng trên, nơi con tằm được các gia đình đông người nuôi theo truyền thống, cho phép thay đổi ánh sáng, không khí, và sức nóng ở những giai đoạn nuôi khác nhau.

Cấu trúc của ngôi nhà theo phong cách Gasshō

Gasshō có nghĩa là "đôi tay chắp lại cầu nguyện." Thuật ngữ này ý chỉ sườn dốc của mái được thiết kế để làm trút tuyết dày hoặc mưa. Nhà có năm tầng rộng lớn là để cả một đại gia đình sinh sống. Những cây gỗ được buộc với nhau bằng dây rơm và phần thấp hơn được chốt bằng chốt gỗ. Những ngôi nhà ở làng Ogimachi vẫn có người ở nên thường không tiếp khách tham quan. Thế nhưng, cạnh làng có bảo tàng viện ngoài trời nổi tiếng có 25 ngôi nhà theo phong cách Gasshō đã được dời từ làng bên cạnh. Hình thấy ở đây là những ngôi nhà khác nhau.



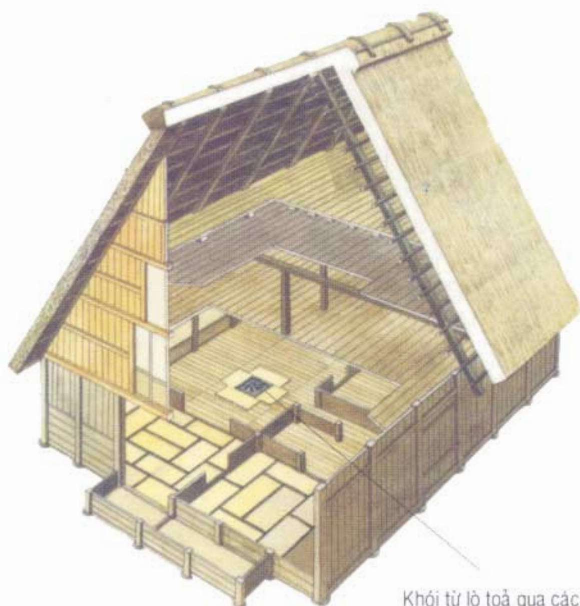
Các xà dùng ở mái được buộc với nhau bằng dây rơm giúp cả hai vừa chắc vừa dẻo dai khi có tuyết chất đầy trên đó hay khi có gió lớn hoặc động đất.



Cỏ miscanthus, loại cỏ đồng hoang, được trữ dưới mái hiên của cái chòi cho khô để lợp. Tranh mái có thể dày cả mét.



Những cây xà mái chìa qua đầu hồi chịu lực mái treo rộng. Độ dốc tiêu biểu của mái khoảng 60 độ.

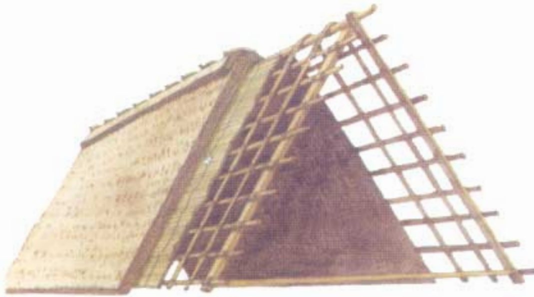


Lối vào chính thường nằm bên hơn là cuối đầu hồi.

Khói từ lò toả qua các thanh gỗ ở trần, bảo vệ rơm khỏi côn trùng và ẩm ướt.



Cấu trúc mái của ngôi nhà theo phong cách Gasshō





Mái đã lấy rơm cũ đi để chuẩn bị lợp rơm mới.

Trình tự lợp nhà theo phong cách Gasshō, làm việc từ bên trong ra bên ngoài:

1- Những cây xà lớn được buộc vào đòn dông.

2- Những cây xà ngang được đặt ngang những cây xà ở các góc phải.

3- Những cây xà nhỏ được dùng để tạo hệ thống kẻ ô giữa các xà lớn.

4- Mặt phẳng ngoài được phủ lợp bằng những tấm thảm bện rơm.

5- Các bó rơm được đặt chồng lên trên các tấm thảm bện rơm trước đó và được buộc cẩn thận vào dàn khung mái bằng cách xỏ dây mây xuyên qua các tấm thảm.

Cuối cùng, ở bên trong:

6- Những cây xà lớn để buộc nền tầng vào những cây xà lớn với nhau.

7- Những cây sào chéo được buộc vào những cây xà lớn ở bên trong của đường dốc mái.

8- Những cây xà ngang, song song với nền, nối hai đường dốc mái trên đỉnh nền.



Mái đang được lợp rơm lại. Khoảng 100 người đang ở trên mái nhà, với khoảng 300-400 người khác đang làm việc bên trong hay trên mặt đất.



Những ngôi nhà theo phong cách Gasshō ở Ogimachi

Minka: nhà cửa nông thôn



Nơi sinh sống của Yamashita trước đây ở Quận Fukui là nhà nông trang theo phong cách Ō-uragata có cột và xà dày để chống đỡ những trận mưa tuyết khắc nghiệt của khu vực. Ngôi nhà nầy đã được dời tới Bảo tàng lộ thiên về Nhà cửa Nông trang Xưa của Nhật.

Tương phản với nhà cửa phố thị (machiya), nhà của nông thôn được gọi là *minka*, từ bao hàm mọi thứ từ cơ ngơi của trưởng làng tới căn chòi của những người nông dân nghèo khổ. *Minka* cũng thay đổi theo vùng của miền quê và niên đại xây dựng của nó. Có một số *minka*, có từ Thời Edo, và qua năm tháng đã được tu sửa, tùy theo nhu cầu của chủ nhân.

Sơ đồ và cấu trúc nền của nhà nông trang

Những ngôi nhà nông trang có nguồn gốc của chúng là nhà hang (tateana) hoặc nhà làm trên đất phẳng (heichi jūkyo) của thời xa xưa. Nền nhà của loại nhà nông trang xưa nhất được ngăn đều nhau giữa khu nền đất và khu nền gỗ được nâng cao. Dần dần, tỉ lệ phân chia này đã dành cho khu sinh hoạt khoảng không gian rộng hơn là phòng riêng cho từng người. Tuy nhiên, cho đến gần đây hầu như người ta vẫn sinh sống chung ở khu nền đất.

Khu trung tâm của ngôi nhà nông trang được gọi là kamiya, tương ứng với moya của ngôi chùa Phật giáo. Trong những ngôi nhà nông trang cổ, người ta dùng nhiều cột để đỡ mái. Số cột được giảm dần nhờ sử dụng những cây xà lớn chịu lực trên những cây cột to để tạo cấu trúc cơ bản, trên đỉnh chằng chịt các đòn ngang dọc đan xen nhau được gọi là *koya-gumi*, để đỡ mái. Nói tóm lại, khu vực sinh sống bên dưới thông thoáng hơn trong khi phần trên phức tạp thêm nhưng được trang trí sao cho thật thẩm mỹ.

Khu rộng nhất để sinh hoạt (O-ie) có nền được nâng cao và có các phòng ở chung quanh cũng nằm trên mặt nền được nâng cao này. Giữa phần nền cao và thấp, nơi đặt bếp và làm việc, có những bậc thang để lên xuống. Sự phối hợp này tạo cảm giác dễ chịu về mặt thẩm mỹ, tương phản với dinh thự phố thị có những căn phòng thanh lịch theo phong cách Shoin.

Sự biến đổi theo vùng

Những ngôi nhà nông trang trên khắp nước Nhật đều có một cấu trúc cơ bản tương tự nhau. Tuy nhiên, những phong cách độc đáo đã phát triển trong những vùng khác nhau của Nhật, đôi khi là những thích ứng với điều kiện khí hậu và sinh sống của vùng. Tỉ như, những ngôi nhà nông trang theo phong cách Gasshō có mái thật dốc thích hợp cho những vùng có nhiều tuyết như ở Quận Gifu và Toyama.

Magariya là những ngôi nhà hình chữ L ở vùng Nambu thuộc phía đông bắc Nhật Bản (Quận Iwate), có nơi để gia đình sinh sống và chuồng nuôi gia súc. Vì khu vực này lạnh lẽo và lắm tuyết, hơi nóng tỏa ra từ khu sinh sống của gia đình giữ cho gia súc được ấm.

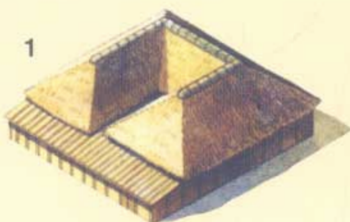
Những ngôi nhà hình chữ U theo phong ccáh Kudo ở Kyushu là để chống chọi với những trận cuồng phong thường xuyên thổi từ phía nam Nhật Bản. Nhờ "quay lưng lại hướng gió," mái hình chữ U có đặc điểm của khí động lực để lùa gió sang hai bên hông nhà. Còn có những laọi mái khác, như mái theo phong cách Honmune có những đồ trang trí hình "se sẻ múa" trên mái ở Quận Nagano, mà người ta không rõ chức năng của chúng.

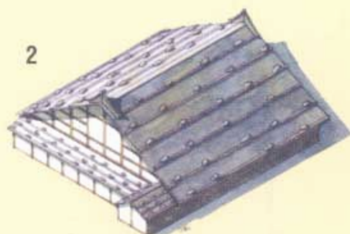


Mộc bản của họa sĩ Tamenobu Thời Edo mô tả cảnh phố thị với những cửa hiệu trên Đường Tōkaidō.

Bốn loại mái khác nữa

Những ngôi nhà nông trang có đặc điểm là sự biến đổi hình dáng cơ bản và loại mái, một số là do yêu cầu chức năng. Hai loại theo phong cách Gasshō và Ō-uragata đã được nói tới ở trên. Ở đây là bốn loại mái khác nữa:

1


2


3


4


1- Mái hình chữ U theo phong cách Kudo, Quận Saga.

2- Mái trang trí chim se sẻ múa theo phong cách Honmune, vùng Shinshū.

3- Phong cách Totsukawa, ở vùng biên giữa Wakayana và các quận của Nara, mái ván và những tấm chắn dưới mái hiên để bảo vệ ngôi nhà tránh những trận mưa tuyết nặng trong vùng.

4- Phong cách Saoya, Quận Miyasaki, có những căn phòng được sắp xếp theo hàng lối để tạo những khu hẹp thích hợp để xây nhà trên những rẻo đất ở sườn núi.

Các nóc mái lợp rơm

Mức dốc của các nhà trang trại Nhật truyền thống đều giống nhau trên cả nước., do yêu cầu bảo vệ tranh tránh những trận mưa và tuyết. Tuy nhiên, có nhiều sự biến đổi khi thiết kế và cấu trúc nóc mái. Nhìn chung, nóc mái của vùng phía bắc Nhật đơn giản hơn vùng phía nam.



1- Nóc rạ và những bó rơm bện dày hình yên ngựa có vỏ cây bọc ngoài dằn dưới những cây sào tre.

2- Những miếng ngói được gắn bằng lớp đất sét trộn rơm bằm. Các cây sào tre giữ những miếng ngói thấp hơn ở yên vị.

3- Những miếng ngói cong chụp hai bên nóc phủ xuống với cùng những miếng ngói được đặt ở đỉnh.

4- Nóc được phủ bằng những cây sào tre nhỏ, trên đỉnh là những dải vỏ cây uốn cong theo nóc và chạy dài theo những sào tre.

5- Nóc được phủ bằng tấm ván cứng mô phỏng kiến trúc đền chùa.

6- Nóc được phủ bằng những bó tre dằn dưới những cây sào tre.

7- Nóc được phủ bằng những dải vỏ cây, dằn dưới các sào tre và những bó rơm hình trụ.

8- Giống như loại nóc số 7, nhưng thay vì rơm lại là vỏ cây có những lỗ nhỏ để khói thoát ra.

Ngôi nhà Yoshimura.

Ngôi nhà Yoshimura ở thành phố Habikino, Quận Osaka, được xây vào khoảng năm 1615, là một trong những ngôi nhà nông trang cổ xưa nhất ở Nhật hiện còn. Năm 1937, được chọn là Vật Quý Quốc Gia, *minka* đầu tiên được nhận vinh dự này. Toàn bộ khu phức hợp lại được chọn là Tài sản Văn hóa Quan trọng. Tổ tiên của dòng họ Yoshimura đã định cư trong vùng này hồi đầu thời Liêm Thương. Họ là những trưởng làng quyền lực nhất trong quận, cai quản khoảng 18 ngôi làng trang trại.

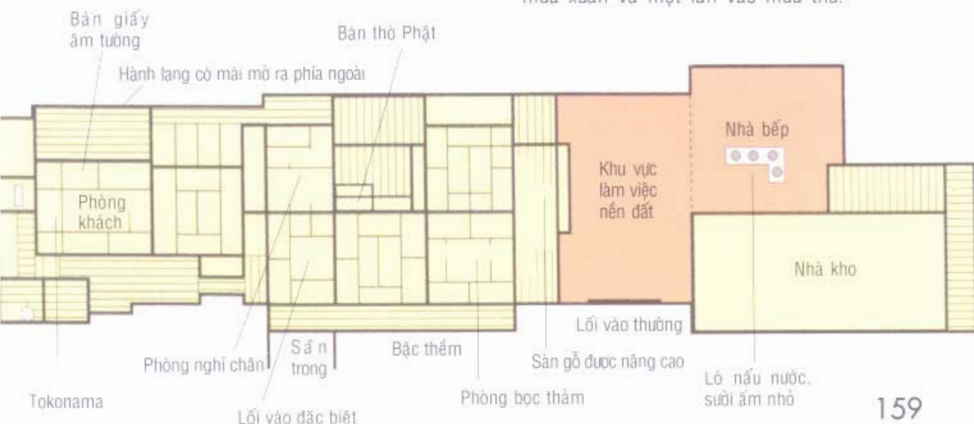
Khu này có tường đất được bao quanh, và nhà qua cổng lớn *nagayamon* kết hợp với những phòng của các gác dan, gia nhân, và nhà kho. Ngôi nhà rộng lớn này được lợp bằng rơm có cả mái hiên và đầu hồi. Tòa nhà chính, giống như phần lớn *minka*, được phân chia trên mặt nền đất, nơi làm việc và nấu nướng, và khu có nền cao được trải thảm. Khu nền cao có những phần được tách ra khỏi sân bằng dải hành lang, được chia thành vài phòng để ở, làm phòng ăn, phòng giải trí. Một phòng khách lớn nằm cuối theo phong cách Shoin mô phỏng các biệt thự ở đô thị. Nó có những góc lõm có bàn viết nhìn ra hành lang có mái che.

Cũng có hàng hiên cho khu nền gỗ được nâng cao được gọi là *hiroshiki*, nhô ra từ khu trải nệm tới khu nền đất, tạo thành chỗ chuyển tiếp giữa khu làm việc và khu nghỉ ngơi. Trên là dàn mái rộng được đỡ bằng dàn kết cấu *koya-gumi*, được che bằng trần nhà bằng tre, gác lên những cây xà thô. Khi ngôi nhà Yoshimura được nâng cấp khoảng 200 năm trước, dàn mái lợp đã thay đổi theo phong cách Yamatomune như ta thấy ngày nay. Dàn mái đầu hồi lợp bằng rơm với dàn mái nối thêm lợp ngói.

Người ta thường đi vào nhà qua các cửa ra vào mở ở khu nền đất. Nhưng những khách quan trọng vào nhà bằng lối đi riêng dẫn tới phòng nghỉ chân được mở ở khu nền nâng cao. Trong thời phong kiến, các samurai có lối đi riêng. Những chủ nhân ngày nay là những người được thừa kế từ người trưởng làng đã xây dựng ngôi nhà này. Khu phức hợp Yoshimura được mở ra cho dân chúng tham quan hai lần một năm, một lần vào mùa xuân và một lần vào mùa thu.

Ngôi nhà Yoshimura, được xây cất theo phong cách Yamtomune, với một dàn mái lợp rơm và phần mái nối thêm lợp ngói.





Tái thiết nhà trang trại

Những ngôi nhà trang trại Nhật truyền thống có các dàn mái lợp rơm dốc đứng, phơi ra các dàn cột và xà, có cửa lùa để có thể tháo ra khi muốn nhìn cảnh vật rất là thơ mộng. Những ngôi nhà trang trại từng bị chủ của chúng bỏ bê nhưng nay lại có nhiều người quan tâm. Họ là những người muốn quay về với cuộc sống thôn dã, trong đó có cả những người nước ngoài, những người yêu thiên nhiên và thích những ngôi nhà Nhật truyền thống.



Một ngôi nhà trang trại được phục chế lại cho thanh tú, có nét đặc trưng là bếp nổi. Ở căn phòng kề bên là cái tủ cổ có những ngăn kéo (*tansu*). Một cửa lùa để mở rộng không gian bên trong.

Việc phục chế

Trong một vài trường hợp, những ngôi nhà trang trại truyền thống đang được phục chế theo tình trạng gốc trong điều kiện cho phép. Nhưng không loại trừ có những thay đổi, như lợp mái tôn thay vì mái rạ, bỏ bếp lò để thay bằng những thiết bị hiện đại hơn, xây tường cố định thay cho cửa lùa.

Nhiều khi người ta còn phải thay những cây cột hay xà bị hư mục. Và nếu muốn lợp lại bằng rơm sẽ tốn công của rất nhiều, nhưng đó là điều thật giá trị.

Sự biến đổi

Trong một vài trường hợp, những ngôi nhà trang trại truyền thống đang được biến đổi để chúng tiện lợi hơn trong khi vẫn giữ được nét tao nhã thôn dã gốc. Chẳng hạn người ta lợp lại bằng tôn thay vì rơm rạ, nó vẫn giữ được hình dáng và độ dốc cũ nhưng dễ lợp và rẻ hơn. Bếp núc cũng được thay đổi và không còn đun nấu bằng củi nữa. Những đồ đạc khác, như bàn ghế, tủ đệm, ra thường được giữ lại. Nếu biết chọn lựa kỹ, những biến đổi này có thể hòa hợp với phong thái thôn dã của những ngôi nhà trang trại truyền thống.

Kurashiki: phố buôn gạo



Khi các quả cầu tròn bằng gỗ tuyết tùng ở các cửa hàng rượu saké biến sang màu nâu, khách hàng biết rằng đã có rượu saké mới.

Kurashiki đã phồn thịnh trong Thời Edo dưới sự kiểm soát trực tiếp của chế độ mạc phủ Tokugawa. Được xây trên đôi bờ con kênh, thành phố tấp nập thuyền bè chuyên chở lúa gạo và vải sợi đến Osaka. Sản phẩm địa phương này được thu gom từ những ngôi làng phụ cận và được chất vào kho quét vôi trắng, lợp ngói đen *kura*. Nhiều ngôi nhà này đã được biến thành các bảo tàng viện, cửa hàng, quán trà và nhà hàng ăn.

Thời kỳ Edo

Thuế má của Thời Edo được trả cho tướng quân dưới hình thức lúa gạo. Cuối thế kỷ XVI, Ukita Hideie, chủ Lâu đài Okayama, đã cải tạo vùng đất thấp ngập lụt vùng Nội Hải ở phía tây Honshu và



Ngôi nhà cổ Ōhara được xây theo phong cách Kurashiki đặc trưng có bức tường trát vữa trắng và lợp ngói.

thành lập Kurashiki kho thu gom lúa gạo cho vùng phía tây Nhật Bản. Kurashiki phồn thịnh không chỉ là kho thu gom các sản phẩm địa phương, mà còn là trung tâm bán sỉ và lẻ quan trọng, nơi các phú nông chọn làm nơi chế và bán rượu saké, chàm, và các sản phẩm khác. Tên gọi của thành phố (kura có nghĩa "nhà kho") đã phản ánh các hoạt động của một thời đã qua.

Lúc đầu, nhà cửa ở Kurashiki Thời Edo là nhà kho tường dày chung với nhà cửa của các thương nhân (machiya) được xây theo kiểu dáng nhà kho. Cả kura và machiya đều có tường quét vôi trắng, một số được trang trí bằng những viên gạch vuông đậm nhạt khác nhau. Mái được lợp bằng ngói đen *hongawara buki*.

Trong Thời Edo, phán quan Kurashiki không cho các công dân trung lưu xây nhà hai tầng, vì thế các phú thương xây những ngôi nhà trông như hai tầng. Trên thực tế, khu mặt tiền của ngôi nhà có một khoảng trống cao, thoáng mở ra bằng những cửa sổ lát đá ở phần trên của những bức tường để lấy ánh sáng. Trong nhiều trường hợp, khu vực sau nhà thêm một tầng gác có thể được dùng làm nhà kho, không được chia thành phòng để sinh sống. Các nguyên tắc cơ bản của kiến trúc nhà cửa này tiêu biểu của những ngôi nhà thuộc dòng họ Ohara và Ohashi trước đây. Cả hai loại nhà này còn tồn tại đến nay với đôi chút thay đổi.

Được xây cất năm 1795, tòa nhà chính của dòng ho Ohara rộng 7 gian và sâu 6,5 gian. Mái đầu hồi được lợp bằng ngói đen. Những chỗ nối thêm có mái riêng (hisashi) được nối với các đầu của đầu hồi. Tường của nhà chính bên hông nhà day mặt ra con đường được lát bằng gạch vuông. Được xây cùng thời với ngôi nhà Ohara, ngôi nhà Ohashi có cổng theo kiểu dáng samurai (nagayamon), cho biết địa vị của gia đình là hậu duệ dòng dõi chiến binh từng phục vụ tướng quân Toyotomi Hideyoshi. Nhà của Ohashi là nhà theo phong cách machiya tiêu biểu có một số phòng lót thảm *tatami* ở hai bên lối vào nền đất chạy từ lối vào trước tới cửa sau. Có hai phòng rộng khoảng sáu tấm thảm ngay mặt tiền làm cửa hàng. Những căn phòng lót thảm *tatami lớn* hơn trong nội thất là khu sinh sống thoải mái cho gia đình Ohashi.



Lúc đầu, những con đường lát đá giúp việc vận chuyển vải sợi dễ dàng. Nay thì phần lớn đã được tân trang lại bề mặt. Gạch đỏ được ốp lên tường là nét riêng của khu phố thị này.



Ngôi nhà hai tầng này được xây theo kiểu dáng *Kura*, trát vữa trắng, gạch đỏ trang trí và các cửa sổ có song gỗ (*Kurashiki-mado*), nét đặc trưng của khu vực. Ngôi nhà toạ lạc dọc theo những con kênh của Kurakishi có những hàng liễu rủ hấp dẫn.

Thời cận đại

Với sự chuyển nhượng của chế độ mạc phủ Tokugawa lúc diễn ra cuộc Khôi phục Minh Trị năm 1868, Kurashiki không còn được sự bảo trợ của tướng quân, và sự thịnh vượng của nó đã suy tàn. Một số quan chức và các công dân ưu tú quyết định khởi sự công nghiệp vải sợi. Nhờ sự ủng hộ của một phú thương, Ōhara Kōshirō, Công ty Vải sợi Kurashiki được thành lập năm 1888, dùng gạch nhập của Anh để tái tạo xưởng dệt ở Lancashire, cái nôi của ngành dệt hiện đại. Công xưởng này đã thành công và vị chủ tịch, Ōhara Magosaburō, dùng tiền của của ông để mua những tranh nổi tiếng của phương Tây đem trưng ở Bảo tàng Nghệ thuật Ōhara, được xây năm 1930, bảo tàng mỹ thuật phương Tây đầu tiên ở Nhật. Con trai của ông đã thành lập Bảo tàng

Mỹ nghệ Dân gian Kurashiki và Bảo tàng Khảo cổ *Kurashiki* lừng danh, cả hai là nhà kho được phục chế. Không như Bảo tàng Khảo cổ trước kia là kho cá, kho hàng lớn nhất còn tồn tại ở Kurashiki. Công xưởng cũ của Công ty dệt Kurashiki là kho chứa gạch phủ kín cây thường xuân, nay du khách thấy ở trong đó là một khách sạn được trao giải thưởng, các bảo tàng viện, và các cửa hàng.

Những tòa nhà đáng quan tâm khác gồm các quán ăn truyền thống như Ryokan Tsurugata, cất tại khu cư trú Koyama trước đây. Được xây năm 1744, đó là ngôi nhà thứ hai dạng *machiya* cổ xưa nhất còn tồn tại ở Kurashiki. Phòng tiệc chính của tòa nhà, lúc đầu là tầng hai của nhà kho, rộng khoảng 100 tấm thảm tatami. Một quán ăn khác, Ryokan Kurashiki, cất ở khu dân cư Thời Minh Trị, trước đó là tòa nhà của một nhà buôn đường. Kurashikikan, văn phòng thành phố trước đây, là tòa nhà hai tầng bằng gỗ. Mái được lợp ngói sangawara buki, hông nhà lót ván ngang. Được xây năm 1916, là một điển hình của kiến trúc giả-phương Tây.

Kurashiki đã thoát được những trận bom trong thời chiến tranh nên nó còn giữ được nhiều tòa nhà của vài thời lịch sử. Mỗi năm có hàng triệu du khách tới Kurashiki, tản bộ dọc theo những con kênh và nhìn ngắm thuật kiến trúc của nó.



Kurashikikan, văn phòng thành phố trước đây là một tòa nhà bằng gỗ theo phong cách giả-phương Tây. Giờ được sử dụng là văn phòng cung cấp thông tin.



Nhà kho ba tầng của một nhà hàng ăn truyền thống Nhật Bản ở Tây Kinh. Nhà kho này được che chung quanh bằng vỏ cây để bảo vệ bức tường trát vữa và là cách ly phụ. Ngày nay rất hiếm thấy loại nhà kho ba tầng thế này.

Vai trò quan trọng của nhà kho

Người Nhật ít quan tâm tới nhà kho dù nó có tầm quan trọng trong việc phát triển văn hóa và kiến trúc Nhận Bản. Nhà của kiểu dáng kura nền cao thời tiền sử đã phát triển thành những điện thờ Thần đạo và nơi sinh sống của ông chủ, có ảnh hưởng lớn đến thuật kiến trúc cung điện và nhà ở. Kura cũng đã tiến triển thành những hình thức đa dạng như những nhà kho hàng hóa, các nhà máy rượu bia, và những tòa nhà quý của các điện thờ và chùa chiền.

Các thí dụ về nhà kho đứng độc lập



Nhà kho được nâng cao ở Đảo Amami-Oshima mà lúc đầu người ta thấy ở khắp nước Nhật, được thiết kế để bảo vệ ngũ cốc tránh ẩm và chuột bọ.



Nhà kho của tư nhân ở Takayama. Lưu ý độ dày của cửa sổ được trát vữa mở ra để thông gió.

Những phát triển ban đầu

Một số trụ sở chính quyền thời kỳ đầu của nhà nước Yamato là những Nhà kho Thánh, nơi giữ những đồ thánh thiêng. Nhà kho Lớn trữ những thứ của nhà quốc gia gồm lúa gạo được thu như thuế, và những nhà kho kín đáo để cất giữ của cải riêng của hoàng đế. Cho đến gần đây, Bộ Tài chính còn được gọi là Bộ Nhà kho Lớn. Những nhà kho ban đầu của chính phủ có lẽ giống những nhà kho Thời Thằng Văn, Yayoi, và Kofun tiền sử. Nhà kho kiểu shōsō là nơi cất giữ những thứ quý giá, được phân biệt với shakusō (nhà kho tạm thời). Vì liên quan tới những thứ quý gia, nhà kho shōsō có nền cao, cung cấp nguyên mẫu cho các điện thờ Thần đạo, nhà cửa của các thủ lĩnh và cung điện. Khi Phật giáo có mặt ở Nhật hồi thế kỷ thứ VI, các chùa chiền xây những nhà kho để cất giữ những báu vật như kinh sách. Những nhà kho Phật giáo có hai loại: loại *azekura* là ngôi nhà nền cao truyền thống có tường buồng bằng gỗ súc hình tam giác để gặp mưa sẽ nở tránh ẩm ướt, còn khi khô hạn sẽ co lại để không khí lưu thông. Mái được lợp ngói hay vỏ bách. Một loại nhà kho khác là loại cột và xà với tường bằng gỗ dày dựng thẳng đứng từ mặt nền.

Những phát triển sau này

Khi Phật giáo Thiền được du nhập vào Nhật Bản trong Thời Liêm



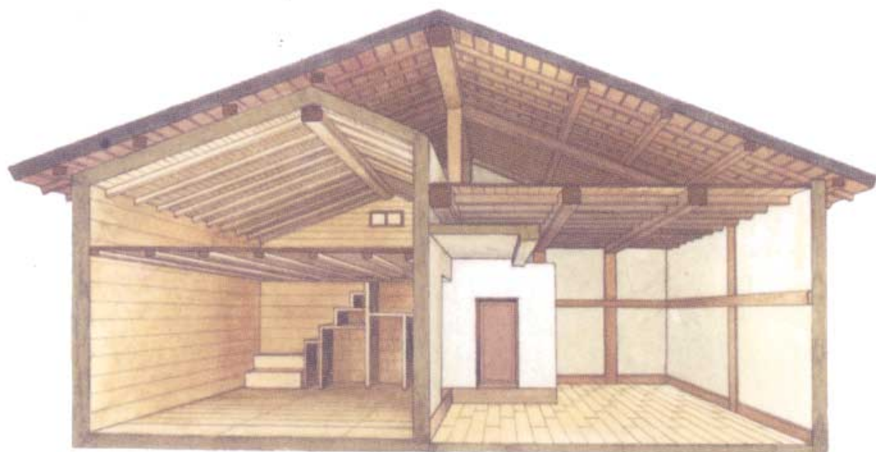
Nhà kho ở Chùa Nishi Honganji, Tây Kinh có vòm xoay tròn ở giữa đựng các bản kinh Phật.



Đáy của nhà kho ở Chùa Higashi Hongashi, Tây Kinh được bảo vệ bằng gạch hình thoi. Những chỗ nối được trát vữa để giữ gạch yên vị.

Thương đã giới thiệu một loại nhà kho hình bát giác có một thư phòng ở giữa để cất giữ kinh sách. Sau này kiểu dáng này được các tông phái khác chấp nhận. Họ tin rằng việc đi vòng các giá sách cho đến khi tìm ra được một cuốn sách thì cũng đã được phúc như là đọc. Với thời gian, các điện thờ, Thần đạo, các chùa chiền và nhà của những samurai giàu có đều có nhà kho để cất giữ những báu vật như tranh ảnh, thư pháp, v.v... giống như một viện bảo tàng. Ngày nay, các nhà kho truyền thống đang được thay thế bằng những tòa nhà bằng bê tông chịu được mưa gió và tránh hỏa hoạn tốt hơn.

Trong Thời Liêm Thương, những kho hàng được phát triển để cất giữ các loại hàng hóa. Những nhà kho này đã được xây tốt hơn, an toàn hơn, để có thể cho người khác thuê cất giữ những tài liệu quý hay các báu vật, chúng có chức năng của một loại ngân hàng. Cuối cùng, những kho hàng này trở thành nơi công cộng cho các cảng thị, và các thành phố lớn.



Các bức tường được trát vữa dày và trần làm bằng vật liệu chống cháy. Cửa khuất dẫn vào nhà kho bên trái, nơi có một gác thấp và thang để leo lên, bên dưới là một khoảng trống thông thoáng hơn để cất giữ các đồ đạc nhỏ hơn.

Lăng tẩm ở Nikkō



Vòi phun thiêng có bồn nước ở Taiyūin để rửa miệng và tay.

Theo yêu cầu của Tokugawa Ieyasu, sau khi ông mất đi một năm, bài vị lễ tang của ông ta được thờ trên núi Nikkō, nơi ông trở thành người bảo vệ khu Kanto. Những tòa nhà ban đầu ở Nikkō đơn giản, nhưng vài năm sau, cháu nội của Ieyasu sửa sang lại đẹp hơn nhằm phô trương sự giàu sang và thế lực của chế độ mạc phủ Tokugawa.



Cổng Yashamon (Peony) ở Taiyūin được khắc chạm phức tạp và loè loẹt. Cổng có mái đầu hồi bằng đồng có 12 cây cột đá granite chống đỡ.



Được xây bởi tướng quân Tokugawa thứ hai, Hidetada, vào năm 1619, chính điện của điện thờ Futarasan là tòa nhà xưa nhất hiện còn ở Nikkō.

Lịch sử

Đã từ lâu ngọn núi Nikkō đã là một thánh địa. Năm 766, một tăng sĩ Phật giáo, Shōdō-Shōnin, đã xây một tu viện trên đỉnh núi. Qua năm tháng, các đền chùa được những nhà quyền quý như Kōbō-daishi, người sáng lập ra Chân Ngôn tông, các tướng công của thị tộc Genji, và cả Yoritomo, tường quân thứ nhất, xây thêm vào. Trong Thời Liêm Thương, một thành viên của hoàng gia được bổ nhiệm là tu viện trưởng của khu phức hợp này, một truyền thống được tiếp nối qua suốt Thời Edo.

Khi tướng quân Tokugawa đầu tiên, Ieyasu, qua đời năm 1616, tro của ông ta được chôn cất ở Chùa Kunōsan thuộc Quận Shizuoka. Năm sau, Jigen-daishi, tu viện trưởng thứ 53 của Chùa Nikkō, và một người bạn của Ieyasu, đã di dời tro về Điện thờ Tōshōgū mới được xây cất trong một khu rừng rậm trên Núi Nikkō, và Ieyasu đã được thờ như một *gongen* - vị thần dung hợp vừa là thần vừa là hiện thân của Phật. Các tòa nhà ban đầu được xây theo phong cách Nhật đơn giản, hai

mươi năm sau đã bị cháu của Ieyasu, là Iemitsu tháo dỡ, và cho xây lại điện thờ theo phong cách Thiền Trung Hoa sắc sảo hơn. Phần lớn tòa nhà được dát vàng cả trong lẫn ngoài, các hình nhân và muông thú thần thoại, hoa lá được khắc chạm và sơn màu đen và đỏ.

Sau khi Iemitsu qua đời năm 1651, hoàng đế đã ban Phật danh là Taiyũnin, và năm 1653 tro của ông được an táng cạnh lăng tẩm của ông nội. Tuy nhỏ hơn nhưng thanh nhã hơn và cân đối về mặt thẩm mỹ. Giống như điện thờ Tōshōgū, đường dẫn đến tòa nhà chính có ba cổng và những tòa nhà phụ giống như nhà kho. Những tòa nhà chính-Honden, Ainoma và Haiden chủ yếu theo phong cách Thiền Trung Hoa và được nối kết nhau bằng các dãy hành lang có mái che. Các tòa nhà được dát vàng cả trong lẫn ngoài và sơn đen và đỏ, được trang trí bằng những bông hoa chạm khắc rực rỡ và những con rồng Trung Hoa.

Khu di sản thế giới

Năm 1999, cả hai lăng tẩm cùng những tòa nhà kế bên, như điện thờ Futarasan, tòa nhà xưa nhất hiện còn trong khu vực này, được công nhận là Khu Di sản Thế giới. Phúc hợp này gồm 103 tòa nhà, trong đó chín tòa nhà được xếp hạng Vốn Quý Quốc Gia, và 94 tòa nhà khác là Tài sản Văn hóa Quan trọng. Lý do cơ bản để chọn Nikko làm Khu Di sản Thế giới trước hết vì phần lớn tòa nhà là tác phẩm của các nghệ sĩ tài ba của thế kỷ XVII của Nhật; thứ nữa, các tòa nhà là những điển hình rõ nét nhất của phong cách Gongen, phong cách ảnh hưởng chính thuật kiến trúc lăng tẩm và điện thờ sau này; và thứ ba là, khu vực này đóng một vai trò chính trị chính yếu, được các công sứ triều đình, các tướng quân, và các nhà ngoại giao Triều Tiên, thường lui tới thăm viếng. Điều này nói lên sự thành công của Iemitsu biến Nikko thành nơi phô trương quyền lực của Tokugawa.

Tái thiết Toshogu

Hai lăng tẩm Toshogu và Taiyunin đều là những công trình lộng lẫy và tốn kém nhất ở Nhật. Khi Điện thờ Toshogu

được xây lại, Iemitsu đã rút khoảng 55.000 triệu yen từ tài sản gia tài riêng do ông nội Ieyasu để lại thuê hơn 15.000 nghệ sĩ và thợ thủ công giỏi nhất khắp nước Nhật. Sự xây dựng được bắt đầu vào tháng Mười Một 1634 dưới sự điều hành của Kora Munehiro, người đã điều động việc tháo dỡ ngôi nhà của Ieyasu từ Fushimi, và cung điện Katsura Rikyu ở Tây Kinh. Quả là một công trình có tầm cỡ như thế thì những thời trước đó không thể mường tượng nổi, nhờ vào những tiến bộ về kỹ thuật xây dựng gần đây.

Việc xây dựng lại Toshogu cũng chịu ảnh hưởng do sự phát triển truyền thống trang trí. Sau khi Phật giáo được du nhập vào, nhiều điện thờ Thần đạo đã bắt đầu sơn đỏ son mặt ngoài ngôi đền. Tuy nhiên, nội thất ngôi đền thường vẫn đơn giản. Cuối Thời Thất Điền, việc sử dụng màu ở các điện thờ còn nhiều hơn các chùa chiền Phật giáo. Thời Đào Sơn và Edo tiếp theo người ta sử dụng những tác phẩm điêu khắc ba chiều sơn màu sáng. Sự trang trí đạt đỉnh cao ở Nikkō Tōshōgk.



Điện thờ Tōshōgū ở Nikkō

Các tòa nhà của Tōshōgū được sắp xếp mà không quan tâm nhiều đến cân đối. Khu vực vươn cao lên theo các bậc thang bằng đá. Dọc theo lối đi, người ta gặp nhiều loại tòa nhà khác nhau khi đi qua Cổng Omotemon (Tiền Môn), Cổng Yōmeimon, Cổng Karamon, và tới Chính Điện. Sơ đồ toàn diện, hết sức phức tạp, được thiết kế để tạo hiệu ứng tâm lý đặc biệt. Thí dụ, Cổng Yōmeimon có đặc điểm là quá sặc sỡ trong những đền đài dinh thự dẫn đến Cổng. Việc tính toán để phối hợp màu sắc tài tình này do Kanō Tangū, một họa sĩ nổi tiếng nhất của Nhật đầu Thời Edo, nghĩ ra.

Một vài tòa nhà nổi tiếng nhất trong khu phức hợp là ba nhà kho thánh, những cái chuồng thánh được trang trí các hình chạm danh tiếng của "những chú khỉ không nghe, không nói và không nhìn điều xấu", một thư viện xoay chứa 7.000 bản kinh, tháp chuông và trống, Giảng Đường, Chính Sảnh. Băng qua những tòa nhà chính là dãy bậc thang đá dẫn lên tới mộ của Ieyasu.

Tương phản giữa sự câu thúc thẩm mỹ của các Điện thờ Lớn ở Ise và sự lộng lẫy của các lăng tẩm Tokugawa ở Nikkō khó có thể nói gì hơn. Tuy nhiên, cả hai đều trang nghiêm theo cách riêng của chúng. Chúng đều là những chiến công của tính năng động của nền văn hóa Nhật với sự coi trọng cả sự kiềm chế và sự khoáng đạt, tùy theo hoàn cảnh người bảo trợ.



Yōmeimon ở Tōshōgū là cổng có hai tầng, cao 11,1 mét và sâu 4.4 mét, có mái cong theo phong cách Trung Hoa. Nó được trang trí bằng 508 hình chạm khắc sặc sỡ.



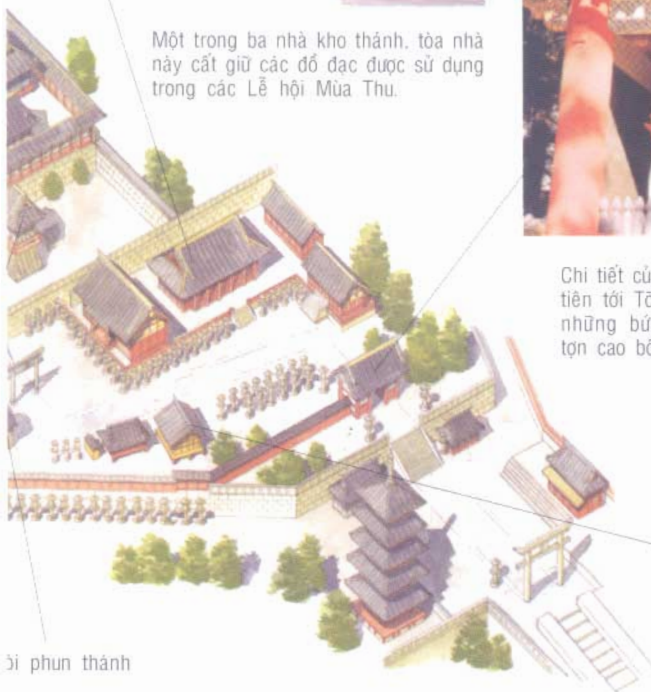
Chi tiết của tháp treo chuông, cho thấy hệ thống ngàm công phu và những trang trí sặc sỡ.



Một trong ba nhà kho thánh, tòa nhà này cất giữ các đồ đạc được sử dụng trong các Lễ hội Mùa Thu.



Chi tiết của Cổng Omotemon, lối vào đầu tiên tới Tōshōgū, những tòa nhà cao có những bức tượng thần giám hộ hung tợn cao bốn mét ở cả hai bên.



ồi phun thánh



Những chú khỉ "không nghe, không nói, và không nhìn điều xấu" nổi tiếng, phát xuất từ ba nguyên tắc chính của Thiên Thai tông, được khắc trên rầm đỡ của Chuồng Thánh ở Tōshōgū.

Các nhà thư viện giá sách xoay tám cạnh chứa toàn tập kinh sách.



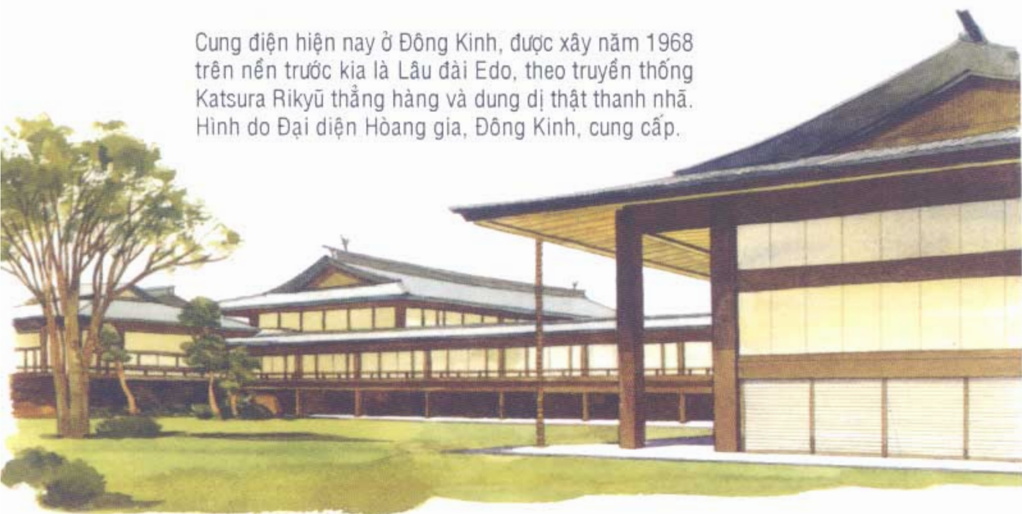
Biệt thự và Cung điện theo phong cách Sukiya



Hikite là các biển bằng kim loại có phần tâm lõm vào được dùng cho các cánh cửa lùa kéo và đẩy. Thường được tráng men, một mặt hàng tiêu biểu cho nghề thủ công kim loại của Nhật

Phong cách Sukiya là một phiên bản không chính thức của kiến trúc Shoin. Trong khi những tòa nhà phong cách Shoin nhắm vào tính hình thức qua việc sử dụng những bức tường được trang trí lộng lẫy, những gỗ súc vuông nặng, và trần được trang hoàng, phong cách Sukiya, phong cách vay mượn nhiều kỹ thuật từ trà thất, coi trọng việc sử dụng các vật liệu tự nhiên, như cột còn nguyên vỏ, để tạo bầu khí thoải mái. Một sự khác biệt nữa là mái hiên của nhà cửa theo phong cách Shoin hơi cong lên theo những điện thờ và chùa chiền truyền thống trong khi nhà cửa phong cách Sukiya lại hơi cong xuống.

Cung điện hiện nay ở Đông Kinh, được xây năm 1968 trên nền trước kia là Lâu đài Edo, theo truyền thống Katsura Rikyū thẳng hàng và dung dị thật thanh nhã. Hình do Đại diện Hòang gia, Đông Kinh, cung cấp.



Thị hiếu thẩm mỹ Sukiya

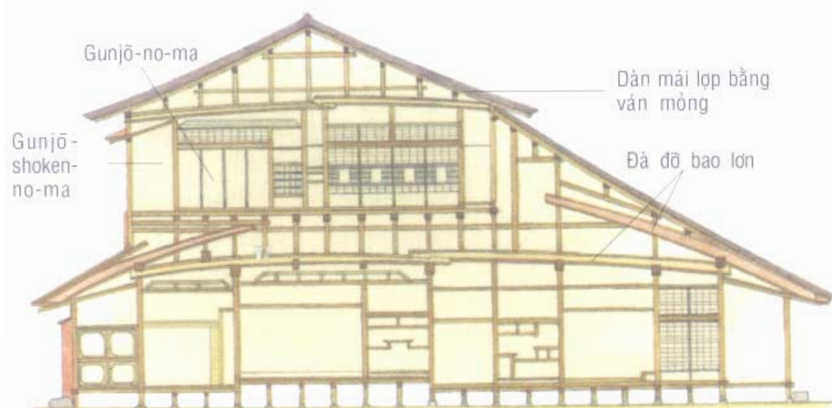
Kiến trúc Shoin, phong cách phát triển từ phong cách Shinden trong Thời Thất Điền, tiếp tục được sử dụng trong những thời kỳ sau đó ở những tòa nhà được thiết kế cho những dịp trang trọng. Nhưng bầu khí của kiến trúc Shoin quá cao sang cho những hoạt động thường nhật của những tầng lớp thượng lưu. Vì thế, phong cách Shoin được sửa đổi cho cuộc sống thường ngày bằng cách sử dụng các thành phần cấu trúc tinh tế hơn và nỗ lực sáng tạo bầu khí thôn dã hơn, được xác định bằng các tiêu chuẩn kiềm chế thẩm mỹ và sự tinh giản hòa hợp với các nghi thức uống trà. Đồng thời, những tỉ lệ chung và sự thanh nhã của phong cách Shoin vẫn được giữ lại. Kết quả là sự sáng tạo bậc thầy mà nhiều người tin rằng là tiêu biểu tinh chất của kiến trúc truyền thống Nhật Bản.

Kiến trúc sư người Đức uy tín Bruno Taut đã cho thấy rằng hai điểm mạnh của nền kiến trúc Nhật Bản là cung điện tách rời Katsura Rikyū theo phong cách Ise Jingū và Sukiya. Xác nhận này nêu bật sự thể là Ise Jingū, với sự thanh nhã dung dị của nó và sở thích các vật liệu tự nhiên, cung cấp nguyên mẫu cho thuật kiến trúc nhà ở của Nhật, kể cả cung điện, biệt thự, và kiến trúc nhà của hiện đại. Khi các nguyên tắc thẩm mỹ biểu lộ ở Ise được phối hợp với các nguyên tắc thẩm mỹ phát triển ở Trà đạo, kết quả là mức thị hiếu thật tinh tế và rất sành sõi, nói lên một trong những đóng góp của văn hóa Nhật Bản cho thế giới.

Biệt thự Seisonkaku

Tọa lạc ở một đầu của Khu vườn Kenrokuen nổi tiếng của Kanazawa, biệt thự Seisonkaku được Maeda Nartiyasu, tướng công thứ 13 của thị tộc Kaga, tạo dựng năm 1863 để dâng kính mẹ của ông. Seisonkaku là tòa nhà được lợp ván có diện tích khoảng 1.000 mét vuông. Hikaku-tei (Vườn Phi Hạc) là một trong ba khu vườn của Seisonkaku. Nó có bầu khí yên tịnh của một trà viên có những tảng đá, rong rêu và một dòng suối êm ả lượn quanh hàng hiên của biệt thự. Nó giúp ta vẫn thấy con suối cả vào mùa đông khi các cánh cửa chớp đóng lại để tránh tuyết.

Những căn phòng dưới tầng gác của biệt thự đều được hoàn thiện theo phong cách Shoin, trong khi những căn phòng trên tầng gác



sặc sỡ hơn theo phong cách Sukiya. Tầng gác có bảy phòng, trần nhà và tường được trang hoàng công phu. Mỗi phòng được đặt tên theo vật liệu được sử dụng cho căn phòng hoặc phong cách của trần phòng. Gunjō-no-ma (phòng màu xanh biếc) cho những mái dựa và những chỗ nối ván ô trên trần. Gunjō-shoken-no-ma kế bên là phòng đọc sách nhỏ có trần màu xanh lam, những bức tường màu tía, và một hốc tường màu đen, nền được nâng cao. Ở một bên của hốc tường là những cái kệ đặt so le, nét thiết kế đặc trưng này vừa thanh nhã vừa tiết kiệm không gian. Phía trước hốc là tấm thảm được nâng cao dành cho một người ngồi vào cái bàn được gắn liền (shoin). Adjiro-no-ma có trần nhà làm bằng gỗ tuyết tùng xẻ (ajiro). Cả ba phòng nổi bật lên nhờ những cửa sổ *shoji* được ráp những tấm kính nhập từ Hà Lan. Kính giúp người ngồi bên trong có thể ngắm cảnh tuyết mùa đông mà không cần mở cửa. Căn phòng thứ tư, Etchū-no-ma, có trần làm bằng những miếng gỗ tuyết tùng của tỉnh Etchū, nay được gọi là Toyama.

Những ngôi nhà theo phong cách Sukiya khác

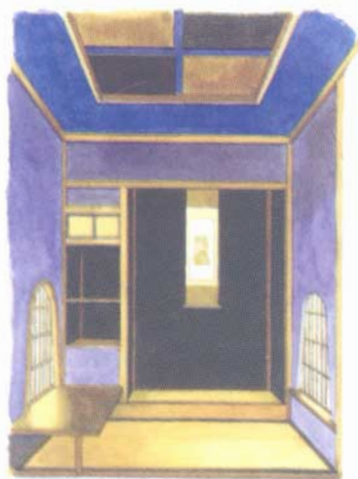
Vườn Sankeien ở Yokohama, được Hara Sankei, một thương nhân tơ tằm ở Yokohama, thành lập năm 1906, là công viên 18 hecta đầy cây, hoa cỏ, và ao hồ rất đẹp được tái tạo theo nhóm tòa nhà lịch sử

của Tây Kinh và Nara, kể cả biệt thự Rinshunkaku thế kỷ XVII, do Tướng công Kii xây năm 1649. Đấy là một điển hình tuyệt vời của thuật kiến trúc theo phong cách Sukiya với những ván ô được các họa sĩ thuộc trường phái Kanō họa lên.

Manshuin, ngôi chùa ở Tây Kinh thuộc Thiên Thai tông mà theo truyền thống thì tu viện trưởng là một thành viên được chọn từ hoàng gia. Đó là loại chùa, nơi hoàng tộc sinh sống, được gọi là *monzeki*. Manshuin có hai tòa nhà lớn và nhỏ theo phong cách Shoin. Tòa nhà nhỏ có hai phòng, Ảo phòng và Phú Sĩ Sơn phòng, thêm hai phòng trà và nhà bếp. Dù hai phòng chính có những nét cơ bản của phong cách Shoin, như một jodan (khu có nền nâng cao để tiếp khách hoặc các quản gia), hốc trang trí, giá kệ, và bàn gắn liền, những đặc trưng này được sắp xếp không theo phong cách truyền thống, phản ảnh tính cách và thị hiếu của người thiết kế, một thể hiện đặc trưng của phong cách Sukiya.

Được xây một năm sau khi xây Manshuin, Kuro Shoin (Shoin đen) của chùa Nishi Honganji ở Tây Kinh cũng là điển hình của kiến trúc theo phong cách Sukiya thời kỳ đầu. Nó được thiết kế là một khu riêng tư, có một vài phòng kế nhau để tu viện trưởng dùng làm nơi trò chuyện riêng hoặc nghỉ ngơi sau khi làm những nhiệm vụ chính thức của ông. Sở dĩ gọi nó là Shoin đen vì các cột và trần sơn toàn màu đen, những bức tranh phong cảnh được vẽ bằng mực tầu và gỗ tự nhiên tạo bầu khí tinh tế nhưng huyền ảo, tương phản với giảng đường chính trang trọng và Shiro Shoin (Shoin trắng) trong cùng ngôi chùa.

Ba điển hình khác của thị hiếu theo phong cách Sukiya Trà thất của Điện thờ Fushimi Inari ở Tây Kinh,



Gungō-shoken-no-ma, phòng đọc sách nhỏ theo phong cách Sukiya ở biệt thự Seisonkaku, nổi tiếng vì những màu sắc khác thường của nó.

được người ta cho là được di dời từ Cung điện năm 1641; Kokin Denju no Ma ở Thành phố Kumamoto, lúc đầu là nhà học ở lâu đài của Hoàng tử Hachijōnomiya Tōshihito; và Tōshintei của Điện thờ Minase ở Thành phố Osaka, được xây làm nơi lúc hưu trí của Hoàng đế Gomizunoo.

Cung điện độc lập Katsura Rikyū

Một điển hình nổi tiếng của kiến trúc theo phong cách Sukiya là Cung điện Katsura Rikyū, do Hoàng tử Hachijō-no-miya Toshihito, em của Hoàng đế Goyōzei xây năm 1615. Hoàng tử Hachijō-no-miya nhận lãnh địa Katsura từ tướng quân Tokugawa thứ hai, Hidetada, để trả công cho những việc làm nhằm thiết lập quan hệ giữa hoàng gia và chế độ mạc phủ Tokugawa. Lúc đầu, lãnh địa này là khu lâu đài Thời Bình An của Fujiwara-no-Michinaga, có thể là nơi mà nữ sĩ Murasaki Shikibu đã dùng làm bối cảnh cho cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của bà là cuốn *Chuyện kể về Genji (Genji Monogatari)*. Lúc Hoàng tử Hachijō-no-miya xây Katsura Rikyu hồi đầu thập niên 1660 thì tòa lâu đài đầu tiên ấy không còn. Các năm 1641 và 1662 người ta xây thêm nhiều tòa nhà nữa làm cho sự bài trí mất cân xứng, gồm bốn khu nối kết nhau là Ko-shoin, Chū-Shoin, Nhạc Phòng (Gakki-no-ma), và một cung điện mới (Shin-goten).



Cách bố trí đơn giản của Cung điện Katsura Rikyū biệt lập.Những tòa nhà chéo nhau của cung điện nằm ở phía tây của cái ao lớn tạo thành trung tâm của khu vườn để tản bộ có các ốc đảo, cầu, đá, và cây cối. Ba trà thất và ngôi chùa riêng nằm rải rác trên khu đất.

1- Cổng trước (Omotemon)

2- Các tòa nhà theo phong cách Shoin (cung điện)

3- Machiai (phòng chờ để uống trà)

4- Trà thất Geppa-rō

5- Trà thất Shōkin-tei

6- Niệm đường Onrin-dō

7- Trà thất Shōi-ken

Có một khu vườn để tản bộ thật đẹp với những ngọn đồi, ao hồ, sông suối nhân tạo trên một cơ ngơi rộng tới 56.000 mét vuông. Các tòa nhà của cung điện, nằm ở phía tây cái ao có mái mép bò-đầu hồi lợp bằng vỏ cây bách được bố trí như những con ngỗng đang bay tạo cảnh trí tươi mát cho khu vườn. Nền và các mái hiên của mỗi tòa nhà cao thấp khác nhau, tạo hiệu ứng tầng bậc. Nền cung điện được trải thảm tatami, không gian bên trong được phân chia bằng những cửa lùa được trang trí thật đẹp, và khoảng trống giữa các cột có thể để trống hoặc lấp kín bằng cửa lùa mà khung gỗ của chúng được phủ bằng giấy gạo trong suốt (*shōji*).



Những tòa nhà của cung điện độc lập Katsura Rikyū được xây trên các vị trí ở Ise Jingū và theo truyền thống cung điện.



Ichi-no-ma ở Shingoten của Katsura Rikyu, những cánh cửa lùa bên ngoài, được phủ bằng giấy gạo trong suốt, có thể mở ra để ngắm khu vườn.

Một trong những căn phòng trong Ko-shoin, phòng Tổ ấm (Irori-no-ma), có một lò âm dưới nền để tránh hỏa hoạn, tất cả cánh cửa được làm bằng những tấm gỗ thay vì bằng giấy như thường lệ. Những phòng khác trong Ko-shoin được dùng làm nơi tiếp khách, và các phòng ngủ của khách. Liền với căn phòng chính của Ko-shoin là Lầu Vọng Nguyệt trông ra ao, nơi thường tổ chức tiệc tùng vào những đêm trăng rằm. Lầu Vọng nguyệt không có mái và tường, nền được lát bằng những thanh tre mỏng, tạo cảm giác thoải mái.

Chu-shoin nhỏ hơn Ko-shoin nhưng theo phong cách shoin chuẩn. Nơi vua ngự là căn phòng được gọi là Đệ Nhất Phòng (Ichi-no-ma), rộng khoảng sáu tấm thảm tatami, có một hốc tường rộng được trang trí bằng những bức tranh khiến ta có cảm giác khoáng đạt. Ichi-no-ma nối liền với Nhạc Phòng bằng hàng hiên.

Nhạc Phòng có một hốc tường, nơi đặt cây đàn Koto (đàn Harp Nhật Bản) và một cửa sổ nhỏ trông ra sân. Liền với Nhạc Phòng là hàng hiên có rào chắn và ghế dài thụt vào nơi các khách ngồi xem các môn thể thao như bóng kiểu Nhật, bắn cung, đua ngựa, đang được trình diễn trên bãi cỏ rộng.

Thích nghi với hiện đại

Yoshida Sanso, hiện nay là quán duy nhất ở Tây Kinh, được xây năm 1932 như một dinh thự riêng dành cho Higashi Fushiminomiya, thành viên của hoàng gia đã sống ở đây trong khi đang theo học Đại học Đông Kinh. Theo tinh thần phóng khoáng theo phong cách Sukiya, biệt thự này phối hợp các nét đặc trưng Shoin truyền thống và những nét hiện đại được gợi hứng bởi phong trào Art Deco phổ biến ở Nhật vào lúc đó, được nhà xây dựng bậc thầy Nishioka Tsunekazu thiết kế, người đã từng giám sát công trình trùng tu một số ngôi chùa nổi tiếng nhất của Nara.



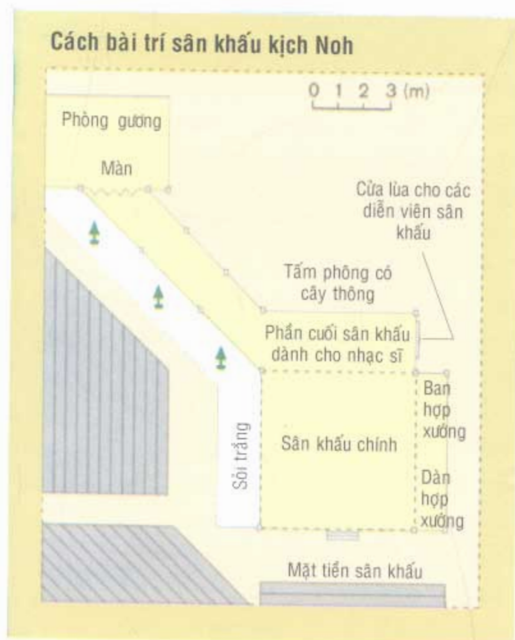
Phòng khách ở Yoshida Sanso, với những màu sắc dịu và gỗ tự nhiên, cho ta cảm giác cực kỳ an tịnh kết hợp với kiến trúc theo phong cách Sukiya.

Nhà hát và vòng đấu Sumo



Thời Edo là thời gian tương đối ổn định, hòa bình, và thịnh vượng. Nghệ thuật và nghề thủ công phát triển và văn hóa lan rộng khắp xã hội Nhật. Các hình thức giải trí truyền thống, như kịch Noh, vẫn lôi cuốn các tầng lớp quý tộc, nhưng những loại hình giải trí mới, như kịch nhạc Kabuki, kịch rối Bunraku và môn vật sumo đã phát triển để đáp ứng nhu cầu của thường dân.

Sân khấu kịch Noh tại Sảnh Công của Quận Nara. Con đường đắp cao để các diễn viên ra vào nối với sân khấu chính rộng 17 mét vuông làm bằng gỗ bách chỉ trang trí một cây thông làm hậu cảnh. Trước con đường này và sân khấu là bãi sỏi trắng và ba cây thông nhỏ, biểu tượng sự thể là lúc đầu các sân khấu kịch Noh ở ngoài trời, thường ở sân đền chùa. Ngày nay, khán giả ngồi thoải mái trong phòng điều hòa không khí, tránh được côn trùng, tiếng động và thời tiết.



Kịch Noh

Kịch Noh có nguồn gốc từ Sarugaku ("nhạc khỉ") Thời Bình An kết hợp với vài hình hình thức giải trí dân gian trước đó. Sarugaku dần dần phát triển thành những vở kịch tinh tế hơn được các đền chùa dùng để diễn giải các khái niệm tôn giáo cho quần chúng. Kannami, một tăng sĩ Thần đạo của Điện thờ Kasuga ở Nara, và con trai Zeami của ông đã làm cho Sarugaku trở thành một hình thức nghệ thuật hơn, lôi kéo sự chú ý của tướng quân triều Ashikaga là Yoshimitsu. Dưới sự bảo trợ của ông, và dưới ảnh hưởng Phật giáo Thiền, Kannami và Zeami đã phát triển kịch Noh, kết hợp động tác diễn, dàn hợp xướng và dàn nhạc để tạo ra một hình thức nghệ thuật thanh nhã và huyền bí mà một số người đã so sánh với kich cổ Hy Lạp. Ý tưởng thẩm mỹ ưu thế là *yugen*, mức sâu sắc của cái đẹp chỉ có thể được gợi ra nhờ những nét tinh tế của âm thanh và động tác. Vào lúc đầu, kịch Noh được diễn trên các sân khấu của những đền chùa hay sấu khấu tạm, nhân các dịp lễ. Kịch Noh trở thành phổ biến nơi các tầng lớp cai trị, mà kết quả là nhiều đại chủ có sân khấu kịch Noh trong khu vực thuộc cơ ngơi riêng. Mặc cho nguồn gốc khiêm tốn của nó, kịch Noh đã quá tinh tế khiến người trung bình có thể hiểu được và chẳng bao giờ trở thành phổ biến như nhạc kịch Kabuki và kịch rối Bunraku. Tuy nhiên, kịch Noh đã lôi cuốn một số người bình thường có học trong thời phong kiến. Ngày nay, kịch Noh thường được diễn trong nhà hát cố định có sân khấu có mái riêng. Trước khi vở kịch bắt đầu, các nhạc công và các thành viên của dàn hợp xướng ngồi sau cánh gà của sân khấu chính. Các diễn viên, một số mang mặt nạ, bước ra sân khấu theo lối đi đắp cao.

Kịch rối Bunraku

Đầu thế kỷ XVII, *jōruri* (thuật kể chuyện truyền thống) được phối hợp với nhạc đệm bằng loại đàn ba dây *shamisen* và kịch rối dân gian đảo Awaji. Một sự pha trộn để trở thành thứ được gọi là *ningyō jōruri* (kể chuyện với những con rối). Cuối cùng, một hình thức kịch mới được gọi là kịch rối Bunraku, dựa theo âm tiết đầu tên của Bunzaemon, ông bầu gánh hát từ

Đảo Awaji đến Osaka, nơi nó trở thành phổ biến. Năm 1983, nhà hát kịch rối Bunraku quốc gia đã được thành lập ở Osaka, nhà hát hiện đại này có bốn tầng bằng thép và bê tông gồm hội trường và một sảnh đường diễn tập, các phòng tập huấn, phòng diễn thuyết, các phòng hội thảo, các phòng hành chính, và những nhà hàng ăn. Tòa nhà đẹp đẽ này đã làm tăng tính đại chúng của kịch rối Bunraku.

Những con rối của kịch Bunraku được diễn bằng tay do hai hoặc ba nghệ nhân múa rối. Nghệ nhân múa rối chính, người không mang mặt nạ, điều khiển cái đầu và cánh tay phải của con rối, đồng thời những tứ chi khác được diễn động do những phụ tá khác mang mặt nạ.



Sân khấu Bunraku đặc biệt này được xây cất riêng cho vở diễn ba con rối. Những người điều khiển con rối đứng sau rào chắn chắc chắn được ráp vào trước sân khấu để che phần thân dưới của con rối. Có một cái bục cao được gọi là *yuka* trên một hoặc hai cánh sân khấu chính được dùng làm chỗ cho các nhạc công đàn *Shamisen* và các ca sĩ (một hoặc nhiều hơn), vừa chơi nhạc vừa ca hát để thuật lại câu chuyện của vở kịch.



Mộc bản của Okumura Masanobu khắc cảnh nhà hát kịch Kabuki Thời Edo (khoảng năm 1740). Dàn mái dốc trên sân khấu chính gợi nhớ sân khấu kịch Noh mà nhạc kịch Kabuki đã khởi diễn. Sau này cột và mái dốc được bỏ đi vì chúng làm khuất tầm nhìn của khán giả. Ghế được kê thêm ra hai bên sân khấu chính, và đôi khi người ta thêm các bao lơn phía sau sân khấu. Nếu như chỗ ngồi vẫn chưa đủ, những ông bầu được phép ngồi trên sân khấu xung quanh các kịch sĩ. Thái độ, đặt biệt trong những khoan riêng, thường không nghiêm túc nên thường phải chỉnh lý luôn để giữ trật tự.

Nhạc kịch Kabuki

Nhạc kịch Kabuki là hình thức kịch trong đó các diễn viên vẽ mặt và và trang phục dị hợm để diễn các chuyện xưa hòa cùng lời ca và nhạc của đàn *shamisen*. *Các động* tác thêm thắt cường điệu và những điệu bộ sân khấu thường thay đổi mang để tạo ra một hình thức sinh động với sự thể hiện phóng khoáng. Lúc đầu, loại hình giải trí Kabuki là của cánh phụ nữ, sau này mới có các vai diễn là nam. Thoạt đầu Kabuki được diễn trên sân khấu kịch Noh, nhưng vào thế kỷ XVII nó chọn sân khấu lớn, màn (để đổi cảnh) và lối đi đắp cao. Nhiều câu chuyện rất được ưa chuộng đã được Chikamatsu Monzaemon viết hồi cuối thế kỷ XVII. Kabuki là loại hình nghệ thuật mà cho đến nay vẫn có sức hấp dẫn.

1 Kureha-za, một nhà hát bình dân địa phương được xây trong thập niên 1870 ở thành phố Ikeda ngày nay, Quận Osaka, có những mái hiên rộng và một bao lơn cho người đánh trống trên tường đầu hồi. Thêm vào các vở kịch Kabuki, các vở kịch hiện đại và chính trị cũng được diễn ở nhà hát này. Năm 1971, nhà hát được dời tới Bảo tàng Minh Trị Mura gần Nagoya.

2 Minami-za, nhà hát Kabuki hiện đại ở Tây Kinh, được xây ở nơi mà Kabuki ra đời. Là hậu duệ của một nhà hát kịch nhỏ Thời Edo, Minami-Za là một nhà hát kịch cổ xưa nhất ở Nhật còn hoạt động. Phong cách kỳ dị ta thấy ở đây thường được dùng ở các nhà hát kịch Kabuki hiện nay. Mái dốc ta thấy ở bên trong thường có ở các mộc bản đã được dời ra ngoài Minami-Za.

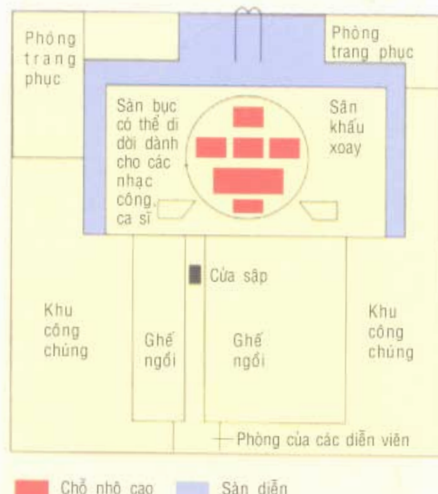
2



1

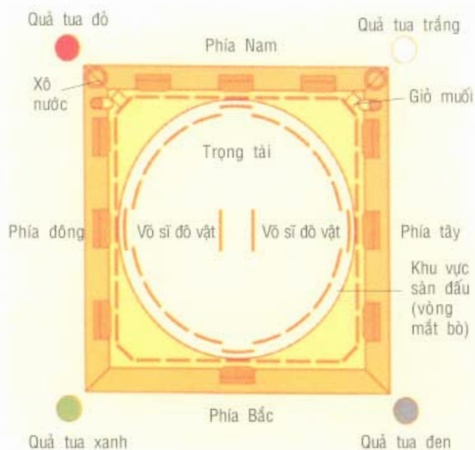


Cách bài trí sân khấu Kabuki



Vòng tròn Sumo được che bằng mái giống như các điện thờ Thần đạo được treo bằng những sợi cáp dày 22mm từ trần của sân vận động lớn. Dàn mái này có thể được thu hẹp lại khi vận động trường được sử dụng cho các mục đích khác. Vòng tròn Sumo được xây lại cho từng cuộc đấu loại.





Cách bài trí vòng Sumo cho thấy vị trí của các đô vật và trọng tài trước trận đấu

Môn vật Sumo

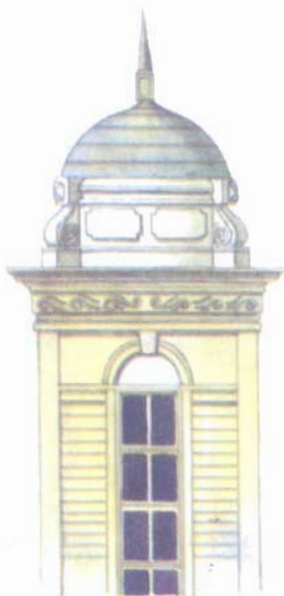
Lúc đầu, môn vật Sumo, một hình thức đấu vật của người Nhật Bản có niên đại từ Thời Gò Đống, được dùng để làm khuây khỏa các thần để được các thần che chở và được mùa. Vào Thời Nại Lương, môn vật này đã trở thành gần gũi với triều đình, nơi cung cấp những cuộc vui cho các tầng lớp quý tộc. Trong Thời Edo, môn vật này đã trở thành một hình thức giải trí đại chúng. Các cuộc đánh vật thường được diễn ở sân các điện thờ Thần đạo để lấy tiền sửa sang nhà cửa của đền.

Nhiều biểu tượng của Thần đạo nguyên thủy còn thấy được hiện nay. Cuộc đấu vật diễn ra trong một vòng tròn (dohyō)-một đài đấu được nâng cao có đường kính 5,4 mét. Thêm một khoanh tròn mới đắp bằng đất sét phủ cát sau mỗi một vòng đấu. Bên trên vòng tròn là mái che (tsuriyane) giống như mái điện thờ. Toàn bộ sàn đấu được dựng ở một khu đủ rộng để chứa khán giả. Lúc đầu, mái che được đỡ bằng bốn cây cột, nhưng vì chúng che tầm nhìn của khán giả nên cuối cùng nó được treo lên, còn bốn cây cột được thay bằng bốn quả tua, biểu tượng bốn mùa và các vị thần Trung Hoa truyền thống hòa hợp với bốn hướng chính. Trước khi đấu, các đô vật Sumo thực hiện nghi thức thanh tẩy theo Thần đạo bằng cách ném muối vào vòng tròn sau đó cuộc so tài được bắt đầu dưới sự điều hành của một trọng tài vận trang phục như một samurai Thời Liêm Thương, đội một cái mũ đen của triều đình bằng vải thưa tựa cái khăn trùm đầu truyền thống của tăng sĩ Thần đạo.

Đích của trận đấu là đẩy đối phương ra ngoài vòng hoặc làm cho đối phương té. Mặc dù các đô vật Sumo thường rất to lớn nên có sức đẩy thật mạnh, song họ cũng phải rất khéo léo.

Năm 1909 môn vật Sumo đã được thừa nhận là môn thể thao quốc gia của Nhật. Vì nó coi trọng sự trang trọng và truyền thống, môn vật Sumo là một nghệ thuật chiến đấu độc đáo đã lôi cuốn được sự quan tâm của nhiều quốc gia khác. Những vòng đấu loại xoay vòng ở Đông Kinh, Osaka, Nagoya và Fukuoka, được tổ chức sáu lần một năm. Sự tham dự tốt đẹp hẳn sẽ giúp nó tồn tại mãi.

Nhật Bản buổi giao thời



Tháp vuông này của bưu điện theo phong cách phương Tây đầu tiên ở Uji Yamada, được xây năm 1871. Nó có lớp ván khía nằm ngang và mái vòm được phủ đồng.

Cuộc Khôi phục Minh Trị năm 1868 là một vạch đường phân chia giữa Nhật Bản "Truyền thống" và "Hiện đại." Đầu thời hiện đại Nhật nằm ở giai đoạn giữa cuộc Khôi phục Minh Trị và sự chấm dứt của Thế chiến II. Trong suốt thời kỳ này, nền văn hóa phương Tây đã có một ảnh hưởng đáng kể trên các công thự, trong khi các truyền thống kiến trúc gắn với đời sống hàng ngày của thường dân vẫn tương đối như cũ.

Thời Minh Trị (1868-1912)

Sự bất mãn với chính quyền Tokugawa được kết hợp với sức ép quân sự từ phương Tây, dẫn đến cuộc Khôi phục Minh Trị năm 1868 xóa bỏ chế độ phong kiến và trao quyền lại cho hoàng đế.
Tiếp theo sự thất bại của chế độ mạc phủ



Các tòa nhà Thời Minh Trị thường thiên về phong cách baroque là trang trí bề mặt. Ở đây là bệnh viện bằng gỗ của Hội Chữ Thập Đỏ được xây cất ở Đông kinh năm 1877 và được xây dựng lại ở Meiji Mura năm 1974.



Nhà ở theo phong cách phương Tây được tầng lớp ưu tú thời Minh Trị rất chuộng. Ngôi nhà này được xây ở Đông Kinh năm 1880. Hiện nó tọa lạc ở Meiji Mura

Tokugawa, Nhật Bản đã trở thành nước quân chủ lập hiến nhất viện. Chương trình hiện đại hóa đầy tham vọng đã được kích thích bởi lý tưởng dân tộc của Thần đạo quốc giáo. Mục đích là để đạt được sự hiện đại hóa kinh tế và quân sự nhanh bao nhiêu có thể nhằm tránh sự thuộc địa hóa của phương Tây. Chính phủ đưa những người trẻ qua châu Âu và Mỹ để học hỏi về hoạt động ngân hàng, ngành đường sắt và việc kiến thiết đường sá, cùng nhiều kỹ năng cần thiết khác để điều hành một quốc gia hiện đại. Chính phủ xây và bảo trợ những công xưởng hiện đại. Nhiều dân quê đổ lên thành phố làm việc trong những nhà máy mới được xây dựng. Chương trình đào tạo quy mô đã động viên nhiều người ở mọi lứa tuổi và tầng lớp xã hội hy sinh quyền lợi để xây dựng đất nước vượt qua gần ba thế kỷ cô lập hòng cạnh tranh được với phương Tây.



Loại motra 1, trà thất (ở Công viên Nara, thành phố Nara) được xây cất trong thời kỳ hiện đại, với cấu trúc truyền thống và mái được lợp tranh.

Các cố vấn nước ngoài được mời đến Nhật và nền văn hóa phương Tây đã quét qua đất nước này. Mốt ăn mặc theo phương Tây đã trở thành thời trang. Người ta xây nhiều nhà cửa theo phong cách phương Tây. Một tân quốc hội được thành lập. Và quốc hội còn bàn tới chuyện dùng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức, cho phép quan hệ với các phụ nữ phương Tây để cải thiện dòng giống. Nền hội họa truyền thống được thay thế bằng những trường phái sơn dầu và màu nước theo phong cách phương Tây, và nhiều tu viện Phật giáo đã bị hủy bỏ, các ảnh tượng bị phế bỏ hoặc bán đi.

Chương trình hiện đại hóa quả là hết sức thành công để chỉ trong vòng vài năm Nhật Bản đã dấn mình vào một loạt phiêu lưu quân sự quốc tế, đánh bại Trung Hoa năm 1895, và Nga năm 1905, sau đó đã sát nhập Ryūkyūs, nam Sakhalin và Triều Tiên. Hầu như chỉ qua một đêm, Nhật Bản đã trở thành một cường quốc thế giới.

Những thời tiếp theo

Thời Minh Trị đã chấm dứt sau khi Hoàng đế Minh Trị băng hà. Thời Taisho tiếp theo (1912-26), những biện pháp độc tài của tập đoàn chính trị đầu sỏ Minh Trị nhường chỗ cho kỷ nguyên dân chủ có đặc điểm là chính quyền đảng phái thực sự, gia tăng sự tham gia chính trị của thường dân, phát triển các công đoàn, và bùng nổ kinh tế nhờ được Thế chiến I kích thích. Tầng lớp trung lưu có học đã đóng góp rất nhiều vào các lĩnh vực phát thanh, báo chí, và sách vở. Thế nhưng, nền dân chủ mới mẻ của Nhật đã mất vị thế quyền lực vào tay những nhà phiêu lưu quân sự.

Trong Thời Showa sau đó (1926-89) quân đội nắm quyền cai trị và bắt đầu chính sách bành

trướng quân sự mà đỉnh cao là Chiến tranh Trung-Nhật và Thế chiến II. Sau khi Nhật bại trận trong Thế chiến II, lần đầu tiên đất nước bị lực lượng ngoại bang chiếm đóng. Lực lượng chiếm đóng là quân đồng minh dưới sự kiểm soát của một nhà quân sự Mỹ, Tướng Douglas MacArthur. Nền dân chủ được tái lập và một hiến pháp mới ra đời. Quay sang hợp tác với lực lượng chiếm đóng, Hoàng đế Hirohito (đặt theo tên của vị vua đã quá vãng là Hoàng đế Showa) được đưa lên làm vua, quốc vương sống lâu nhất trong lịch sử Nhật Bản, nhà vua băng hà năm 1989. Thời Heisei hiện nay nằm dưới sự dẫn dắt của Hoàng đế Akihito.

Ảnh hưởng kiến trúc phương Tây

Chính phủ Nhật đã nỗ lực phát triển kỹ thuật hiện đại càng nhanh càng tốt bằng cách thuê các chuyên gia nước ngoài, gồm kỹ sư và kiến trúc sư. Sau trận hỏa hoạn ở khu Ginza-Tsukiji của Tây Kinh năm 1872, chính phủ Nhật đã thuê Thomas James Waters, kỹ sư người Anh, tái thiết khu này. Một điển hình đầu tiên của thiết kế đô thị hiện đại



Loại motra 1, một dạng nhà ở nông thôn được xây cất gần đây ở Quận Fukui mang dáng dấp truyền thống và hiện đại. Những khoảng không giữa các cột lộ ra được phủ bằng thanh tre hay gỗ, trong và ngoài bả bùn trộn rơm rồi quét vôi trắng.

ở Nhật. Năm 1877, con đường chính của Ginza dẫn thẳng tới những tòa nhà theo phong cách châu Âu. Một người nước ngoài khác có ảnh hưởng mạnh lên kiến trúc Nhật Bản là Josiah Condor (1852-1920), một người Anh khoảng 25 tuổi đã đến Nhật Bản năm 1877 với vai trò là một thầy dạy khoa kiến trúc tại trường Cao đẳng Xây dựng Hoàng gia và là cố vấn cho bộ Công trình Công cộng. Giữa năm 1878 và 1907, Condor đã thiết kế hơn 50 tòa nhà ở Đông Kinh, gồm Bảo tàng Hoàng gia Đông Kinh ở Ueno, một tòa nhà xây bằng gạch lớn nhất ở Nhật lúc bấy giờ.

Mặc dầu chẳng bao lâu sau Nhật Bản đã bắt đầu đào tạo các kiến trúc sư và kỹ sư của họ, những người nước ngoài vẫn tiếp tục đến Nhật trong những thời kỳ sau đó. Có hai trong những kiến trúc sư nổi tiếng: một là kiến trúc sư người Mỹ Frank Lloyd Wright (1869-1959), người đã thiết kế Khách sạn Hoàng gia ở Đông Kinh, và người kia là kiến trúc sư người Pháp Charles E.Jeanneret, thường được gọi là Le Corbusier (1887-1965), người thiết kế Bảo tàng Nghệ thuật phương Tây của Quốc gia ở Đông kinh.

Danh pháp

Theo thói quen phổ biến của Nhật về việc đặt ra những từ mới bằng cách phối hợp và rút gọn hai hoặc hơn hai từ nước ngoài, thuật ngữ "motra" (modern-traditional) sẽ được sử dụng trong những trang sau đây để chỉ những tòa nhà theo phong cách truyền thống được xây cất trong thời hiện đại, đó là giai đoạn tính từ sau năm 1868.

Có ba loại motra. Loại 1 là những tòa nhà có cấu trúc cơ bản và dáng vẻ đều là truyền thống, như các dinh thự, nhà hàng ăn, cửa hàng và các điện thờ phụ cận đưa các phong cách của Thời Edo vào thời hiện đại. Loại 2 là những tòa nhà có cấu trúc cơ bản là truyền thống nhưng dáng vẻ thì không, như những ngôi nhà hiện đại với lớp ván nhân tạo và những ván lợp nhựa đường dùng trong kỹ thuật tạo khung cột-xà truyền thống. Loại 3 là những tòa nhà có dáng vẻ truyền thống nhưng cấu trúc cơ bản thì không, như những nhà kho, cửa hàng ăn nhằm lôi cuốn khách hàng bằng việc tạo bầu khí truyền thống.

Các phong cách giả-phương Tây và pha trộn



Nhiều tòa nhà được xây dựng lúc đầu sau cuộc Khôi phục Minh Trị được các kiến trúc sư phương Tây thiết kế theo nhiều phong cách nước ngoài khác nhau. Cũng có một số cấu trúc "giả-phương Tây" bao hàm sự giải thích của người Nhật về các phong cách nước ngoài. Cuối cùng, các kiến trúc sư Nhật đã thành thạo các kỹ thuật và phong cách phương Tây để có thể sáng tạo những tòa nhà "pha trộn" rất thành công các yếu tố truyền thống và phương Tây.

Phong cách giả-phương Tây. Chi tiết của một trụ sở cảnh sát được xây trước nhà ga xe lửa Tokyo, hoàn tất năm 1914. Bản thân nhà ga cũng được xây dựng bằng một dàn khung thép với gạch đỏ và đá trắng. Tuy nhiên, trụ sở cảnh sát là một tòa nhà bằng bê tông được phủ mặt bằng gạch gốm tiệp với gạch của nhà ga. Loại gạch lót tường thường bằng gốm chịu lạnh và nóng và để che cấu trúc bên dưới.



Thạch bản của Motoharu mô tả Bộ Tài chính, Đông kinh, tòa nhà theo phong cách giả-phương Tây.

Kiến trúc giả-phương Tây

Từ cuối Thời Edo tới đầu Thời Minh Trị, nhiều dinh thự nhà nước, các công sở tư, và các nhà máy, công xưởng được xây dựng bằng



Phong cách giả-phương Tây. Trường phái Kaichi xa xưa, do Tateishi Seijū thiết kế và xây dựng năm 1873, là một trong những trường phái cộng đồng cổ xưa nhất ở Nhật. Trường phái này dựa trên những phác thảo Tateishi được thực hiện trong khi quan sát các tòa nhà theo phong cách phương Tây ở Tokyo và Yokohama. Tòa nhà hai tầng có mái mép bờ lợp ngói ống. Nó nổi tiếng nhờ vòm bát giác và một bao lơn được trang trí hình đục chạm các thiên thần, hoa mẫu đơn, và những con rồng. Năm 1961 tòa nhà đã được công nhận là Tài sản Văn hóa Quan trọng.

đá, gạch. Vì người Nhật thiếu kinh nghiệm về các vật liệu như thế. Những nhà cửa mới này được các kiến trúc sư nước ngoài hoặc những thợ mộc Nhật Bản dưới sự hướng dẫn của các chuyên viên nước ngoài xây dựng. Sau khi đã học hỏi được kỹ thuật và phong cách kiến trúc phương Tây, nhiều thợ mộc Nhật đã tự nhận hợp đồng, thường là ở vùng nông thôn. Từ đó đã có những ngôi nhà phối hợp phong cách "giả-phương Tây" với các yếu tố truyền thống Nhật Bản. Điển hình đầu tiên là Khách sạn Tsukiji do Shimizu Kisuke xây cất ở Đông Kinh năm 1868, dựa vào bản thiết kế của kiến trúc sư người Mỹ Richard P. Bridges. Sau vài năm, khách sạn này bị cháy. Nó là một tòa nhà bằng gỗ mang tính chiết trung, có tháp, những bức tường trát vữa, mái mép bờ với một chong chóng gió.

Đạo luật dành cho trường công năm 1873 khuyến khích học hỏi kiến thức phương Tây. Chỉ trong một thời kỳ ngắn, các ngôi trường theo phong cách giả-phương Tây đã mọc lên khắp nơi. Hầu hết chúng có cấu trúc hình chữ nhật đơn giản có tiền sảnh ngay giữa, cái tháp nhỏ có đồng hồ hoặc cái trống ngay giữa mái che, và một



Phong cách pha trộn. Thư viện Nghệ thuật Phật giáo của Bảo tàng Quốc gia Nara lúc đầu, năm 1902, được xây cất để làm nơi trưng bày các sản phẩm của quận. Kiến trúc sư Sekino Tadashi (1867-1935), nhờ cảm hứng Sảnh Phượng hoàng của Chùa Byōdōin gần Tây Kinh. Năm 1983, tòa nhà đã được công nhận là Tài sản Văn hóa Quan trọng.

hàng hiên gỗ. Kiến trúc giả-phương Tây tiếp tục được xây cất qua các Thời Taisho và Showa.

Các thiết kế của những kiến trúc sư Nhật

Không muốn lệ thuộc mãi vào các chuyên viên nước ngoài, chính phủ thiết lập các trường nghề, như trường Cao đẳng Xây dựng Hoàng gia. Mục tiêu để đào tạo các kiến trúc sư bản địa có thể giúp xác định bản sắc dân tộc qua việc thiết kế các tòa nhà theo phong cách phương Tây cho chính phủ và các khu công thương nghiệp. Hai trong số sinh viên đầu tiên của Josiah Condor, giáo sư của trường Cao đẳng Xây dựng Hoàng gia, là Katayama Tokuma (1853-1917) và Tatsuno Kingo (1854-1919). Dòng dõi kiến trúc sư mới này của Nhật đã sử dụng đá trong hầu hết các công trình xây dựng quan trọng, như Cung điện độc lập Akasaka là nơi Hoàng Thái Tử sinh sống. Các tòa nhà ít quan trọng



Phong cách phương Tây do kiến trúc sư Nhật thiết kế. Tòa nhà bằng gạch đỏ này, Marunouchi dẫn vào nhà ga Tokyo, được hoàn tất vào năm 1914. Được Tatsuno Kingo (1854-1919) thiết kế, nó được xây cất theo phong cách thời Phục hưng.

hơn được kết cấu bằng gạch đỏ, khung thép hoặc gỗ.

Những phong cách pha trộn

Đầu thập niên 1880 đã chứng kiến phản ứng chung chống lại tình trạng đổ xô theo trào lưu Tây phương hóa khiến cho phải đánh giá lại các kỹ thuật bản xứ. Vào thập niên 1930, chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quân phiệt xuất hiện, đòi hỏi các công thự phải nói lên những cảm nhận Nhật Bản. Tỉ như, khi Bảo tàng Hoàng gia do Josiah Condor thiết kế bị trận động đất lớn Kanto năm 1923 tàn phá, người ta tổ chức cuộc thi để chọn kiến trúc sư thiết kế lại. Ban giám khảo đã chọn bản thiết kế của Watanabe Hitoshi (1887-1973), người đã sáng tạo nguyên mẫu cái được gọi là phong cách Ngai Vua, trong đó những mái ngói đồ sộ và những hoa văn trang trí Nhật Bản được thêm thắt vào cho các chính diện mang dáng dấp cân đối phương Tây. Sau Thế chiến II, nỗ lực hòa hợp này vẫn tiếp tục, với những kết quả tốt hơn, dưới tay các kiến trúc sư được đào tạo ở

tầm quốc tế như Tange Kenzō (1913-), người đã cố gắng phối hợp các yếu tố truyền thống với những tiến bộ công nghệ hiện đại.

Điển hình của "kiến trúc pha trộn" tiền-Thế chiến II là Nhà Ga Nara, được xây cất năm 1934 và do Shibata Shirō và Masuda Seiichi thiết kế để thay thế tòa nhà ban đầu bằng gỗ. Tòa nhà có mái gỗ với hình chóp mang dáng dấp đền chùa là tòa nhà bằng bê tông hình chữ nhật. Cả hai yếu tố truyền thống và hiện đại được sử dụng cho bên trong và bên ngoài tạo ra một cấu trúc hài hòa đến ngỡ ngàng.



Phong cách chiết trung. Sự phối hợp dàn cột thành Corinth với mái ngói được hòa vào cửa hàng bán thịt Ohi, nhà hàng ăn sukiyaki, được mở ở Kobe năm 1887 phục vụ các thủy thủ nước ngoài. Tòa nhà này được dời tới Meiji Mura năm 1968. Nó được cho là "chiết trung" hơn là "pha trộn" vì các yếu tố cơ bản của phương Đông và phương Tây vẫn riêng biệt hơn là hòa nhập vào phong cách mới.

Sự trưởng thành của nền kiến trúc Nhật

Các loại ở trên có chút gì là độc đoán nhưng cứng nhắc. Điểm cơ bản là kiến trúc Nhật Bản đã trải qua một quá trình trưởng thành sau khi du nhập các phong cách phương Tây. Những nhà xây dựng Nhật Bản đầu tiên đi theo phong cách phương Tây là những thợ mộc thường xuyên làm việc dưới sự giám sát của các kiến trúc sư nước ngoài. Họ đã tạo ra những thích ứng khác nhau về mặt vật liệu và kỹ thuật, nhưng thiết kế cơ bản vẫn là phương Tây. Cuối cùng, một thế hệ kiến trúc sư bản xứ mới có được các kỹ năng cần thiết để thiết kế nhà cửa theo phong cách phương Tây nhưng vượt qua sự mô phỏng để sáng tạo các hình thức trưởng thành, cho thấy rằng Nhật Bản sẵn sàng cạnh tranh với châu Âu và Mỹ về mặt kiến trúc. Một số kiến trúc sư còn tiến xa hơn để thiết kế những hình thức "pha trộn" không gò bó theo phương Tây cũng không theo Nhật Bản, nhưng là những tổng hợp độc đáo. Ngày nay, nhiều kiến trúc sư Nhật tiếp tục lấy cảm hứng từ cả các truyền thống phương Tây và phương Đông và đang nổi danh trên trường quốc tế.

Kiến trúc nhà cửa theo phong cách truyền thống



Mặt ngoài của ngôi nhà một tầng cho thuê của Natsume Sōseki (1867-1916), một trong những nhà văn nổi tiếng nhất của Nhật Bản. Lúc đầu được xây ở Đông Kinh khoảng năm 1887 (thời kỳ Minh Trị), tòa nhà là một nơi sinh sống dạng motra tiêu biểu của thành phố có cấu trúc cột và xà và nền được nâng cao, mái ngói, hàng hiên, cửa ở bên, và nhà bếp ở cuối.

Các nhà cửa dạng motra, mang tính truyền thống về cấu trúc và dáng vẻ, là kết quả của một lịch sử lâu dài trong đó các yếu tố mới được thêm vào và các yếu tố cũ được biến đổi để tạo một phong cách có đặc điểm là thanh lịch, dung dị và "nhìn" ra khu vườn bên ngoài. Những nhà ở dạng motra thường thấy trước Thế chiến II và nay có khi vẫn được xây dựng, mặc dù tính phổ biến của chúng đã giảm.

Bối cảnh lịch sử

Những gì thường được gọi là "nhà truyền thống" là hậu duệ của phong cách Shoin và Sukiya đã được giới quý tộc phát triển thời cổ điển và phong kiế ı, đã được những thị dân giàu có Thời Edo chấp nhận. Thêm vào cho truyền thống Shoin-Sukiya quý tộc còn có những nhà trang trại (*minka*) và những ngôi nhà phố thị (machiya). Nhưng vào Thời Edo sau này, những gia đình giàu có, bất kể nghề nghiệp và sinh sống ở thành phố, tỉnh thành, hay làng quê, sống trong những ngôi nhà có những nét tựa như truyền thống của quan quyền.

Những ngôi nhà truyền thông vẫn được xây cất vào đầu thời cận đại và cả hiện nay nữa. Như đã được đề cập ở trên, nhà cửa motra có thể là truyền thống cả về cấu trúc lẫn dáng vẻ (loại 1), chỉ có cấu trúc là theo truyền thống (loại 2), hoặc chỉ có dáng vẻ là truyền thống (loại 3). Loại thứ nhất là tiêu biểu của thời đầu cận đại, nhưng không hẳn là bản sao trung thực của Thời Edo vì những thay đổi nhỏ thích hợp với những tiến bộ công nghệ của thời đại.

Những đặc trưng cơ bản

Đặc trưng của nhà cửa dạng motra là dàn khung cột-xà bằng gỗ đỡ dàn mái. Các kết cấu thẳng đứng tựa lên những tảng đá, và khu vực giữa các cột là những cửa lùa hay những tấm phên bằng tre hay gỗ rồi được trát đất sét và quét vôi trắng.

Mái có thể lợp bằng những vật liệu khác nhau–tranh, vỏ cây, tre, hay ngói đen. Nhưng thường thì bằng ngói để tránh hỏa hoạn ở những khu dân cư đông đúc. Những khu ngoại vi (hisashi) có mái riêng của nó.

Cửa sổ và cửa ra vào được che bằng những ván ô có thể lùa trên những rãnh nằm sát cạnh để đóng mở tùy theo tiết trời. Những cửa lùa bên trong nhà được làm bằng khung gỗ phủ giấy cứng, thường được trang hoàng bằng những tranh vẽ cảnh thiên nhiên, người hoặc chim muông, hay những phác họa trừu tượng. Những cửa này có thể tháo ra để tạo khoảng trống rộng sử dụng vào những dịp đặc biệt.

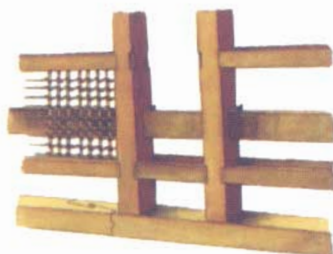
Những ngôi nhà theo phong cách truyền thống thường có các hàng hiên cao (*engawa*), làm lối đi từ nhà ra các khu vườn xung quanh, trên có mái để che nắng mưa. Cửa ra vào được che bằng những tấm mành tre có thể hạ thấp để tránh nắng và mưa tạt nhưng vẫn thông thoáng.

Lối vào chính thức (genkan) gồm có các cửa lùa, bên trong đó là khu nền phẳng để giày dép và ô dù. Xa xa khu nền cao có hàng rào làm lối vào nhà. Genkan được coi là lối vào chung cho khách mà khi vào không cần gõ cửa hoặc rung chuông.

Tokonoma là hốc lõm có nền cao được lót thảm tatami hoặc gỗ. Nơi này có những đồ nghệ thuật hoặc bình hoa và bức tranh treo tường phù hợp theo mùa. Kế bên



Nội thất của ngôi nhà Sōseiki. Các nét đặc trưng của dạng nhà motra là thảm *tatami*, *tokonoma* được các cột lột vỏ tự nhiên bao quanh, các cửa lùa (*Shōji* và *Fusuma*), sử dụng các vật liệu tự nhiên và các màu mờ nhạt. Ngày nay tòa nhà này toạ lạc ở Meiji Mura.



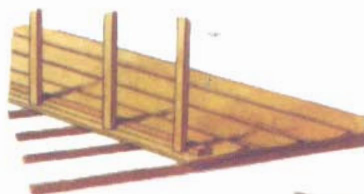
Kỹ thuật xây dựng

Kiến trúc truyền thống Nhật Bản dùng phương pháp trụ cột-xà để xây dựng, mái được các xà nằm trên những cây cộ đỡ lấy chứ không phải trên tường. Những tòa nhà như các đền chùa thường dùng những súc gỗ nặng trong khi những ngôi nhà dạng motra thường dùng gỗ vuông nhỏ. Hình này minh họa những xả ngang gác trên những cây cột vươn thẳng từ đáy tới mái. Những xà ngang này được gắn vào các cột đứng dài ngắn khác nhau được buộc vào xà đỡ nằm ngang, kể cả đòn dông. Cuối cùng, các rui xà này được gắn vào những xà đỡ để tạo mái dốc.

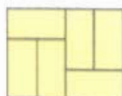


1 Chi tiết dàn khung của ngôi nhà truyền thống cho thấy nhiều cột gỗ được ráp lại và đan xen với nhau.

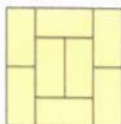
2 3 Cấu trúc của trần nhà treo. Các xà của trần được chịu lực tạm thời do một cây xà và dây thừng. Những miếng ván trần được đóng vào các xà.







Phòng 6 tấm thảm

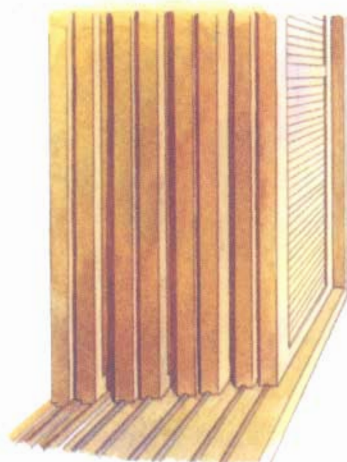


Phòng 8 tấm thảm



Phòng 18 tấm thảm

Cách sắp xếp thảm *tatami* tùy theo căn phòng.



Dàn cửa lùa có nhiều rãnh kéo trong một ngôi nhà dạng motra. Những cánh cửa không sử dụng đến được lùa cuối rãnh.

Kết cấu tấm thảm *tatami*.





Giường ngủ (*futon*) được trải lên thảm vào ban đêm. Phía sau là cửa lùa và hốc lõm.

hốc lõm là một hốc thứ hai (tokowaki) được phân cách bằng một vách ngăn mỏng, nơi có một tủ nhỏ với những cửa lùa ở đáy, giữa có một hay hai cái kệ, và một tủ tách ở trên đỉnh. Có khi lõm này có cái tủ lớn (oshiire) để đựng chăn màn hay vật dụng trong nhà.

Buồng tắm và nhà vệ sinh nằm trong các căn phòng khác và thường ở cuối, đối diện với hàng hiên, cách xa chỗ chỉ dùng để rửa. Ở cả buồng

tắm và nhà vệ sinh đều có riêng những đôi giày vải, không được mang ở những khu vực khác. Nhà vệ sinh truyền thống là loại "ngồi xổm" và hầm cầu nằm ngay bên dưới. Cuối cùng là hệ thống cống rãnh. Nhà bếp thường được thiết kế một bên hay ở góc của ngôi nhà để tạo thành hình chữ L, có mái riêng.

Tương phản với những ngôi nhà trang trại và các nhà phố là những khu để làm việc nền đất. Nền của những ngôi nhà dạng motra là dàn khung bằng gỗ được nâng cao và được trải thảm *tatami,* hoặc vừa thảm vừa gỗ. Kích thước của một căn phòng được xác định bằng số thảm trải trong đó thường là từ 4 tấm rưỡi tới 12 tấm. Căn phòng 6 tấm thảm là căn phòng trung bình. Xung quanh thảm được viền vải thường là màu đen nhưng cũng có thể sử dụng loại màu khác.

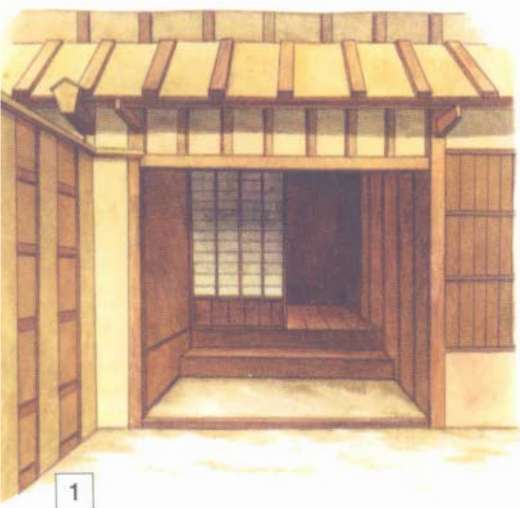
Trần nhà có thể được làm bằng những vật liệu khác nhau. Một trong những loại thường thấy nhất gồm những tấm ván mỏng rộng, có những thớ thật đẹp, được đóng vào dàn khung treo lên phía trên. Lối dẫn lên tầng trên là những cái thang hay các bậc thang , đôi khi có những ngăn kéo bên dưới để tận dụng không gian.

Khu vực xung quanh

Không gian chung quanh ngôi nhà truyền thống cũng quan trọng như khu nội thất. Sự riêng biệt là nhờ hàng rào hay bức tường phân cách vây quanh cơ ngơi. Lối vào đi qua cái cổng, có thể khiêm tốn nhưng cũng có khi là một công trình chính yếu có mái che, tùy theo sự giàu có và địa vị của người chủ. Các cấu thành cơ bản để chuẩn bị cho lối đi này gồm nước, đá, cây cối, các lùm cây, các thạch đăng và lối đi.

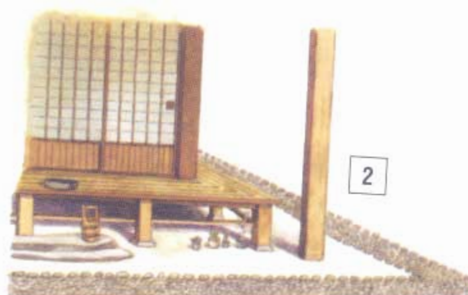
Bí quyết khích lệ một người tập trung ngay vào khu vực xung quanh là mang lại một môi trường hấp dẫn trong một khoảng không gian giới hạn. Có nhiều cách để thực hiện điều này. Thí dụ, một lối đi quanh co đem lại cảm nhận về khoảng cách hơn là một lối đi thẳng, và những tảng đá để bước lên không đều hấp dẫn hơn một lối đi lót sỏi hoặc lát đá. Còn có những nét tiêu biểu khác gây hứng thú như cá chép đủ màu bơi trong ao, hay nước từ ống tre nhỏ giọt vào bồn đá.

Khu vườn thường riêng biệt khỏi lối vào. Lý tưởng là nếu nó nằm sao để khi đứng ở những khu vực quan trọng có thể thấy được, như phòng



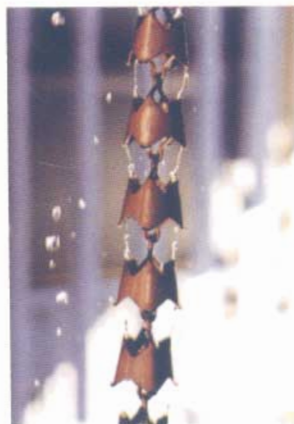
1 Lối vào truyền thống. Khách tháo giày ra ở bậc thứ nhất và bước lên khu có rào chung quanh để vào bên trong nhà.

2 Khu trải sỏi dưới mái hiên đặc biệt quan trọng đối với những ngôi nhà không có các máng xối vì nó giúp làm bớt tung toé nước.



khách. Sân vườn cũng nên tạo cảnh núi non giao hòa với thiên nhiên, và nếu có thể nó được thể hiện nét khác nhau theo mùa, như cây cỏ đặc trưng của mùa hè, những chiếc lá sắc màu khi vào thu, tuyết phủ trên những cái đèn lồng lúc đông về, và hoa lá khi xuân sang.

Trong nhiều trường hợp, sân vườn cần nhỏ và có tường bao quanh, hàng rào và các tòa nhà trên khu đất kế cận. Được bài trí khéo léo thì ngay cả một không gian nhỏ cũng có thể tôn tạo sự riêng tư và tĩnh lặng-những chuẩn mực của ngôi nhà truyền thống Nhật Bản.



Máng nước truyền thống gồm những cái tách nhỏ bằng kim loại kết với nhau, khi tách này đầy sẽ tràn qua cái tách bên dưới tạo một mô hình động, thú vị.

Các quán trọ theo phong cách truyền thống



Mộc bản của Hiroshige mô tả một quán trọ ở Shimosuwa, thành phố Thời Edo. Những người đàn ông trong căn phòng lớn đã tắm rửa xong và đang ăn bữa cơm thanh đạm. Ở căn phòng nhỏ hơn, một người đang tắm trong cái thùng gỗ.

Người ta nói rằng quán trọ đầu tiên được xây vào thế kỷ thứ VIII làm nơi nghỉ chân cho các tăng sĩ. Vào Thời Edo, các khách hành hương nghỉ ngơi trong các quán trọ kết hợp với các đền chùa nổi tiếng, và các đại chủ dừng chân tại các quán trọ ở các phố thị trên đường đến Edo. Trong thời hiện đại, các quán trọ theo phong cách mới đã tiến hóa để đáp ứng nhu cầu của du khách.



Nội thất của Tanabe Ryokan, trình bày một "phòng chuyện trò," nơi khách nghỉ ngơi và uống trà vì có sẵn nước nóng trong bình trà treo trên bếp. Phòng hội đủ các yếu tố của một căn phòng theo phong cách Shoin truyền thống, như có bàn gắn liền.



Bên ngoài ngôi nhà Tanabe Ryokan ở thành phố Takayama. Tòa nhà là tiêu biểu của khu vực, với các cửa sổ đan lưới và các cánh cửa lùa. Phong cách kiến trúc này được những người chạy trốn những cuộc chiến tranh thị tộc vào cuối Thời Bình An đưa tới từ Kyoto.

Ryokan

Các quán trọ truyền thống không có phong cách kiến trúc độc đáo vì bất cứ một ngôi nhà lớn rộng nào cũng có thể biến thành một quán trọ, nhất là nhà phố thị có sẵn nội thất hoặc các sảnh lớn để ngăn phòng. Một số các quán trọ truyền thống đẹp nhất ngày nay trước đây là các nhà phố của các thương nhân giàu có. Một quán trọ là truyền thống về cả cấu trúc và dáng vẻ, hoặc vì nó đã tồn tại từ thời trước, hay được xây theo cách truyền thống (loại motra 1), được gọi là *Ryokan*.

Ryokan thường là các cấu trúc bằng gỗ nhỏ với một hoặc hai sàn gác, nhưng một số lại có một vài cái chái. Sau khi bước vào *genkan* qua cửa lùa, khách bỏ giày dép ở bậc thềm rồi bước lên hành lang nhận một loại dép nhẹ, gặp chủ nhà hay người quản lý để đăng ký phòng. Sau đó khách được đưa tới phòng. Mỗi phòng đều có một tên riêng, như tên của loài cây hay hoa. Các phòng đều có dáng dấp của một phòng ở thật đẹp, có thảm lót, hốc lõm có bình hoa, giá kệ và tủ, đối diện với cửa lùa nơi có giường ngủ.

Đồ đạc duy nhất của *ryokan* trước chiến tranh là chiếc bàn thấp và một vài gối đệm (zabuton), đôi khi có cái lỗ dưới bàn để đút chân vào cho ấm, hoặc một lò than để sưởi vào mùa đông. Ngày nay, các nhà trọ được trang bị máy điều hòa để sưởi ấm vào mùa đông và làm mát vào mùa hè. Gần đây có thêm một khoảng nhỏ làm phòng khách, có ghế và bàn theo kiểu phương Tây. Giữa chỗ ngủ nghỉ và phòng khách có cửa lùa phân cách. Phòng khách có cửa sổ nhìn ra ngoài để ngắm cảnh thiên nhiên. Ngoài ra, trong phòng còn có máy truyền hình, tủ lạnh để cất đồ ăn thức uống.



Một quán trọ miền quê Thời Edo ở Rikuzen, Quận Iwate. Mái lợp tranh có lỗ thông khói ở bên phải. Mái phụ trên lối vào được lợp bằng ván và có đá dằn bên trên.

Tắm rửa và ăn uống

Sau khi khách đã vào phòng riêng và ngồi nghỉ ở cái bàn thấp, nữ tiếp viên trình bày sự sắp xếp của căn phòng và thông báo giờ giấc ăn và khi nào phòng tắm mở cửa. Cô ta chuẩn bị trà để khách dùng với bánh kẹo được dọn sẵn trên bàn và sau đó để khách được tự do nghỉ ngơi.

Đôi khi trước bữa ăn, khách cởi bộ quần áo đi đường và khoác lên bộ kimono do nhà trọ cung cấp để đến nhà tắm, thường được sắp xếp riêng cho hai giới. Nhà tắm có khu vực thay quần áo và lau người sau khi tắm. Trước khi vào bồn tắm, khách tắm rửa trước bằng xà bông. Một số nhà trọ còn có một nhà tắm ngoài trời (rotenburo), nơi người ta có thể ngồi trong bồn nước ấm và nhìn ngắm quang cảnh chung quanh. Thường nước ấm ấy chứa khoáng cao, được pha thêm nước



Tiền sảnh Yūzansō của khách sạn ryokan ở Ogoto Onsen, Quận Shiga. Trong hình này là một tiền sảnh lớn, cửa hàng bán đồ lưu niệm, và một quán cà phê. Khách sạn này có 121 phòng, phòng đãi tiệc lớn, phòng hội họp lớn và một vài khu vực giải trí, kể cả khu chơi bowling.

suối thiên nhiên và các chất trị bệnh khác nhau. Sau khi tắm, khách ăn bữa chính với nhiều món ăn đa dạng. Ăn xong, khách ra ngoài tản bộ để người hầu phòng dọn dẹp bàn ăn và chuẩn bị giường ngủ.

Các khách sạn Ryokan

Sau Thế chiến II, Nhật Bản đã nhanh phục hồi kinh tế và dân khấm khá lên đã bắt đầu đi du lịch. Thông thường theo từng nhóm. Thí dụ, các công ty thuê bao những chiếc xe buýt lớn để đưa công nhân của họ tới những khu nghỉ ấm áp để nghỉ ngơi và tăng cường tình đoàn kết, nhờ đó cải thiện năng suất. Những lúc thế này, các nhà trọ phải gia tăng chỗ và chuẩn bị những căn phòng lớn để các nhóm ăn uống và sinh hoạt.

Các khách sạn ryokan thường được xây cất bằng bê tông cốt sắt nên khác xa với các ryokan truyền thống cả về cấu trúc lẫn dáng vẻ. Sảnh lớn của khách sạn thường được lót thảm, các nhà tắm nước nóng đôi khi rất rộng (dài 12-15 thước) và có những khu đặc biệt với những tiện ích, như các nhà đánh bạc có mái vòm, khu xoa bóp, máy bán nước và thuốc lá tự động. Các phòng khách thường khác với phòng khách của ryokan truyền thống, bữa ăn và các dịch vụ khác thật tuyệt vời.

Chùa chiền và điện thờ theo phong cách truyền thống



Tiêu ngữ trên cánh cửa nặng nề ở Điện thờ Minh Trị.

Hầu như Đông Kinh đã bị tàn phá do động đất, hỏa hoạn và chiến tranh. Và vì thế rất ít tòa nhà Thời Edo còn tồn tại. Phần lớn đền chùa đều là các cấu trúc motra, nghĩa là chúng được xây dựng trong Thời Hiện đại nhưng theo phong cách truyền thống. Đôi khi chúng là truyền thống cả về cấu trúc lẫn dáng vẻ, trong khi những trường hợp khác các vật liệu và kỹ thuật mới đã được phối hợp với những thiết kế truyền thống.

Điện thờ Minh trị

Điện thờ Minh Trị được cung hiến cho Hoàng đế Minh Trị (1852-1912), người được coi là "Người Cha của nước Nhật Hiện đại" trong vai trò là người mở đường cho Nhật Bản vào thế giới bên ngoài, cùng với vợ của ông là Hoàng hậu Shōken. Được đặt trong khu phức hợp rộng lớn bằng gỗ với hơn 100.000 cây gỗ được đưa về từ khắp nước, ngôi đền hoàng gia này do kiến trúc sư Ito Chūta (1867-1954) thiết kế, là một trong những ngôi đền ấn tượng nhất ở Nhật. Được xây cất năm 1920 bằng ngân quỹ quốc gia, Meiji Jingū bị tàn phá vào năm 1945 do một cuộc không kích nhưng được xây lại bằng những dâng cúng của tư nhân vào năm 1958 theo phong cách truyền thống. Cổng *torii* được cất lên bằng



Sảnh Thờ (Haiden) ở Điện thờ Minh Trị.

những cây bách Đài Loan 1.500 năm tuổi, một trong những cổng đền lớn nhất ở Nhật. Cao 12 mét và rộng 9,1 mét từ cột này qua cột kia. Chính Điện được xây cất theo phong cách Nagare không trang trí, bao gồm một Chính sảnh và Sảnh Thờ. Vật liệu chủ yếu là cây bách Nhật với những tấm đồng để lợp mái.

Những tòa nhà quan trọng khác là Nhà Kho Báu (Shinko), ngôi nhà bằng bê tông được xây cất theo phong cách Azekura (nhà kho chứa củi); Sảnh Võ thuật (Shiseikan), tòa nhà hiện đại được xây dựng năm 1973; và Sảnh Âm nhạc và Khiêu vũ Thần đạo (Kaguraden), được xây cất năm 1993 theo phong cách đền Nagare truyền thống.

Gyoen (hoặc Naien) là công viên được dâng cúng cho hoàng hậu. Lúc đầu là những khu vườn của các dinh thự ở Edo của hai gia đình đại chủ, công viên nằm giữa lối vào cổng *torii* và Chính Điện được coi là đẹp nhất ở Nhật, nơi có tới khoảng 365 giống cây khác nhau, và chừng 100 loại cây Iris khác nhau. Vào ngày đầu năm mới, trên ba triệu người tới cúng lễ để cầu xin được trường thọ và sự thịnh vượng trong năm mới.

Chùa Zōjōji

Được thành lập năm 1393, Zōjōji là chùa chính của tông phái Jōdo (Phật giáo). Nó được cung hiến cho Jizō, thần bảo trợ các du khách và những đứa trẻ bị bỏ rơi. Năm 1590 được Tokugawa leyasu chọn là chùa để chôn cất; con trai của leyasu là Hidetada và sáu tướng quân sau đó được chôn cất trong các lăng tẩm lộng lẫy này. Cổng chính (Sanmon), được xây năm 1605 theo phong cách Trung Hoa đời nhà Đường, một điển hình đáng quý của kiến trúc đầu Thời Edo. Tất cả tòa nhà khác trong khu này đã bị tàn phá trong Thế chiến II. Tòa nhà chính là công trình xây dựng năm 1974. Trong ngôi vườn có hai cây-một được Tướng Grant,



Cổng chính ở Chùa Zōjōji, theo phong cách Trung Hoa đời nhà Đường. Điển hình quý hiếm của nền kiến trúc đầu Thời Edo

Tổng thống thứ 18 của Hoa Kỳ, còn một do Tổng thống George Bush Bố trồng năm 1982.

Điện thờ Yasukuni

Yasukuni Jinja từng là chủ đề của một cuộc tranh cãi lớn ở Nhật từ cuối Thế chiến II. Đó là nhà mồ của hơn 2,5 triệu tử sĩ Nhật, kể cả 14 người bị kết án là tội phạm chiến tranh Loại A. Tên nguyên thủy của ngôi đền này là Shōkonsha, có nghĩa là "đền cầu hồn." Được thành lập năm 1869, tòa nhà chính là cấu trúc Shimmei đường bệ (phong cách Điện thờ Ise) với cái cổng *torii* hùng vĩ bằng đồng cao 15 mét ngay lối vào, được xây năm 1887. Tọa lạc trên khu đất là bảo tàng quân sự hiện đại duy nhất dành cho công chúng ở Nhật, đã mở cửa vào năm 1872.



Chính sảnh theo phong cách Shimmei ở Điện thờ Yasukuni được xây cất năm 1869.



Tòa nhà chính ở Chùa Sengakuji, bị tàn phá năm 1945, và được xây lại theo phong cách Thiền, Thời Liêm Thương.

Chùa Sengakuji

Trên con dốc nhìn ra Vịnh Đông Kinh là một trong những cột mốc nổi tiếng nhất của Edo, các ngôi mộ của 47 rōnin (47 samurai vô chủ), nằm ở ngôi chùa nhỏ Sengakuji. Câu truyện về lòng trung thành và dũng cảm của họ là chủ đề của nhiều chuyện kể, phim ảnh, và kịch nghệ, kể cả vở Kabuki nổi tiếng Chūshingura.

Lúc đầu Sengakuji là ngôi chùa của Thiền tông Soto do Tokugawa Ieyasu xây gần Lâu đài Edo. Trong Thời Edo, Cổng chính của nó đã là một trong ba cổng nổi tiếng nhất trong thành phố. Sau một trận hỏa hoạn thảm khốc, chùa được dời đến vị trí hiện nay hồi thế kỷ XVIII. Chính sảnh đã bị bom tàn phá năm 1945 và năm 1953 được xây lại theo phong cách Thiền, Thời Liêm Thương.

Chùa Sensōji

Theo truyền thuyết thì vào năm 628, hai anh em nọ đã đánh lưới được tượng Kannon, nữ thần của lòng khoan dung, ngoài sông Sumida, và dù họ đã thả lại bức tượng vào dòng sông, nó cứ luôn quay lại với họ, vì thế năm 645 ngôi chùa Sensoji, thường được gọi là Chùa Asakusa Kannon, được xây lên để thờ pho tượng bằng vàng nhỏ bé đó, và là ngôi chùa xưa nhất của Đông Kinh. Trong Thời Edo, Chùa Sensōji là nơi tụ tập của những người bán hàng rong và những tiếp viên. Danh tiếng của nó gia tăng khi vào thập niên 1840 vị tướng quân đã trục xuất nhà hát Kabuki tới Quận Asakusa. Phần lớn tòa nhà hiện nay ở Sensōji đều là những tòa nhà được xây lại bằng bê tông sau chiến tranh theo phong cách truyền thống.


Tháp chuông ở ngôi chùa nhỏ Sengakuji.

Điện thờ Asakusa

Nằm trên khu nền của Chùa Sensōji là Điện thờ Asakusa, được dâng cúng cho hai anh em đã chài được pho tượng thần Kannon. Ngôi đền nguyên thủy này, được Tokugawa Iemitsu thành lập hồi giữa thế kỷ XVII, đã thoát khỏi sự tàn phá của hỏa hoạn và thời chiến tranh một cách kỳ diệu. Nó được công nhận là Tài sản Văn hóa Quan trọng của Quốc gia. Tòa nhà chính là tiêu biểu của phong cách Gongen công phu, nổi tiếng vào Thời Edo. Cũng giống như các điện thờ khác ở Nikkō, những tòa nhà theo phong cách Gongen là nơi thờ những con người được phong thần.

Nổi tiếng hơn là Sanja-sama, "điện thờ ba vị giám binh," điện thờ Asakusa là điểm tập trung của Sanja Matsuri, một trong những lễ hội lớn nhất của Đông Kinh. Lễ hội diễn ra vào cuối tuần thứ ba của tháng Năm hàng năm. Đỉnh cao của lễ hội diễn ra vào ngày thứ hai khi hàng trăm người mang tới một trăm kiệu đền (mikoshi) nặng cả ngàn ký một kiệu, diễu hành qua các đường phố của khu Asakusa, gần điện thờ.

Chùa Sensõji

Khi tiến về Chùa Sensõji từ phía nam, du khách đi qua cổng ngoài (Kaminarimon) hoặc còn được gọi là Cổng Sấm sét, cấu trúc được sơn đỏ thật ấn tượng được đặt theo tên hai vị thần canh giữ là sấm và gió (Raijin và Fũjin). Treo ở cổng vào là cái đèn lồng to bằng giấy, một trong những cảnh quan nổi tiếng nhất ở Đông Kinh. Con đường dài 200 mét, Nakamise, hai đường có nhiều cửa hàng bán đồ lưu niệm và đồ ăn, dẫn từ cổng ngoài vào cổng chính hai tầng của ngôi chùa, nơi cất giữ các bản kinh Trung Hoa thế kỷ XIV ở tầng trên. Những đôi giày rơm lớn của hai vị được phong là thần bảo vệ của Hõzõmon được treo

Sảnh Awashimadõ được cung hiến cho vị thần chăm sóc phụ nữ

Dembõin, khu sinh sống của vị Tu viện trưởng của ngôi chùa



Chi tiết tháp cho thấy hệ thống ngàm phức tạp

Nakamisedõri, con đường dẫn từ lối vào chính tới khu chùa, có những cửa hàng bán các đồ thủ công và đồ ăn truyền thống

Cổng Kaminarimon có tượng của các vị thần canh giữ Fũjin (thần gió) và Raijin (thần sấm)



Tháp năm tầng được xây năm 1973 sau khi công trình ban đầu của Tokugawa Iemitsu bị tàn phá năm 1945. Cao trên 53 mét, nó là tháp cao thứ nhì ở Nhật, chỉ sau Chùa Tõji ở Đông Kinh.



Cổng Hõzõmon ban đầu bị hỏa hoạn thiêu rụi năm 1631, được Tokugawa Iemitsu xây lại năm 1636, nhưng năm 1945 lại bị tàn phá. Cấu trúc bê tông hai tầng hiện nay có từ năm 1964. Những bản kinh vô giá được cất giữ ở tầng trên.

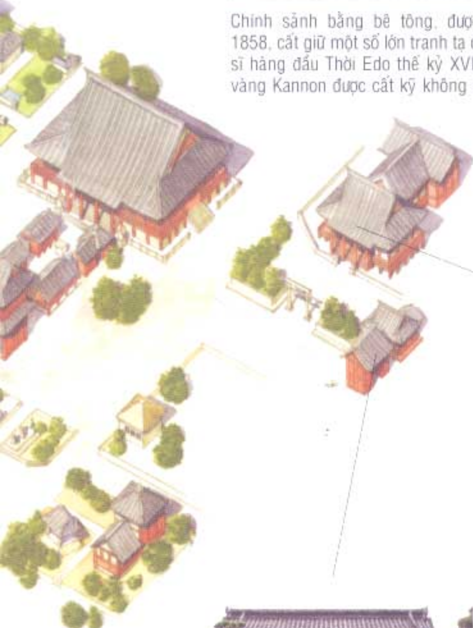
Sảnh Yagodō nơi cất giữ các tượng Phật hiện nay



Chính sảnh bằng bê tông, được hoàn tất năm 1858, cất giữ một số lớn tranh tạ ơn của những họa sĩ hàng đầu Thời Edo thế kỷ XVIII và XIX. Tượng vàng Kannon được cất kỹ không cho ai thấy.



Những cái đèn lồng lớn bằng giấy treo ở Chính sảnh do hội kỹ nữ địa phương dâng cúng.





Điện thờ Asakusa lộng lẫy, được xây năm 1649 theo phong cách Gogen, được cung hiến cho hai anh em đã vớt được pho tượng Kannon dưới sông, và cũng là chủ của họ.



Lối vào phía tây của Sensōj Cổng Nitenmon, cấu trúc xưa nhất ở khu này. Lần đầu tiên được xây năm 1618 và vẫn tồn tại sau những trận oanh kích năm 1945, được cung hiến để tôn vinh Tokugawa Ieyasu. Nó được định vị lại ở chỗ hiện nay hồi năm 1651.

ở tường sau của cổng. Phía xa Hōzōmon và đằng trước Chính sảnh là cái lư hương đồng lớn để du khách thắp hương. Các tòa nhà ở khu chính bị hoả hoạn và những tai họa khác tàn phá nhiều lần từ những ngày đầu hồi thế kỷ thứ VII, và gần đây nhất là vào năm 1945. Việc tái thiết Chính sảnh đã hoàn tất năm 1958, ngọn tháp năm 1973, và các các sảnh Yagodō và Awashimadō năm 1994.



Sự sắp xếp tiêu biểu căn phòng cho căn hộ a 2LDK.

Nền kiến trúc hiện đại

Nhật Bản là một xã hội cổ và truyền thống. Đồng thời, đó là một xã hội hiện đại đã kinh qua nhanh sự công nghiệp hóa và đô thị hóa trong Thời Minh Trị và một lần nữa vào cuối Thế chiến II. Ngày nay, đối diện với vấn đề nhân mãn và giá đất cao, Nhật Bản đang thử nghiệm nhiều phương thức mới để đem lại cuộc sống và môi trường làm việc an toàn, thuận lợi cho người dân.





Ngôi nhà mẫu do công ty Sumitomo Ringyō phối hợp các nét truyền thống và hiện đại.



Phía ngoài của trung tâm buôn bán ngầm Diamor. Ánh sáng tự nhiên, trần hầm rất cao và các lối đi rộng, đánh tan suy nghĩ cho rằng đó là nơi tối tăm và tù túng. Mặt kia của những lối lưu thông là các cổng ra vào dẫn tới các cửa hàng quần áo thời trang. Những hành trang này minh họa việc sử dụng rộng rãi không gian đi lại ở nơi công cộng.

Kiến trúc nhà ở

Ở Nhật Bản thời đầu cận đại, đa số dân Nhật sinh sống ở các vùng nông thôn, trong làng trang trại hay ở khu đất riêng. Trong cả hai trường hợp, những ngôi nhà nông thôn (minka hay *motra*) thường rất rộng rãi, lý tưởng cho một đại gia đình. Tiến trình đô thị hóa, đã bắt đầu rất sớm, tuy vẫn tiếp diễn khi người dân lên các thành phố lớn để tìm việc làm và một lối sống dễ chịu hơn, nhất là giai đạn sau chiến tranh, khi Nhật đã tái thiết nhanh cơ sở hạ tầng để tiếp tục hiện đại hóa. Ngày nay, đa số người dân Nhật sống trong các khu đô thị đã có nhà riêng đắt tiền. Vì thế, sự sắp xếp nhà ở thường thấy nhất là theo chuẩn "2LDK," nghĩa là khu ăn ở và hai phòng ngủ (a living-dining area plus two bedrooms, one for the parents and one for the children), và thường là ở chung cư (*danchi*). Nói cách khác, gia đình Nhật trung lưu hiện nay là một tiểu gia đình (nuclear family) thay vì một đại gia đình (extended family). Ông bà thường phải tự lo liệu và không ở với con cái.

Kiến trúc tầng hầm

Nạn nhân mãn và tình trạng nhà cửa đắt đỏ ở các khu đô thị có những hệ quả của nó. Đã có lúc, những tòa nhà cao tầng đã bị giới hạn, chỉ xây khoảng ba hoặc bốn tầng vì những nguy cơ của động đất và cuồng phong. Tuy nhiên, kỹ thuật thiết kế và xây dựng hiện đại cho phép xây những tòa nhà chọc trời. Một kỹ thuật tiết kiệm không gian khác nữa là thiết kế tầng hầm. Nhật Bản đã có một thế giới rộng rãi với những khu buôn bán và sinh sống ngầm dưới đất. Những xa lộ tầng



Điều quan trọng để có được sự thành công ở các khu vực cửa hàng dưới tầng hầm là khả năng tạo sự hấp dẫn và một môi trường kích thích thị giác. Điều này được thực hiện bằng cách sử dụng thật nhiều tượng, những đường nét nghệ thuật và các kỹ thuật trang trí.

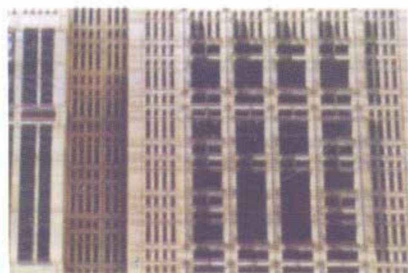
cũng tạo thêm không gian để mở các khu thương mại nằm bên dưới.

Mục tiêu ban đầu của hệ thống tầng hầm ở Nhật là tạo những tuyến lưu thông phân cách khách bộ hành và xe cộ nhằm bảo đảm sự an toàn cho người đi bộ và giảm thiểu sự tắc nghẽn lưu thông. Các lối đi lại dưới tầng hầm chủ yếu được xây dựng bên dưới các khu công cộng, như dưới các con lộ và các công viên. Các đường xe lửa và xe điện ngầm được xây dựng bên dưới các lối lưu thông này. Dần dần, các khu hầm ngầm này được khuếch trương rộng thêm bao gồm các khu mua sắm và nhiều dịch vụ tiện ích khác. Vào cuối năm 1995, Nhật Bản đã có khoảng 79 khu phức hợp như thế, riêng Osaka có tám khu.

Thêm vào những con đường lưu thông ngầm dành cho bộ hành là những con đường công cộng và các công viên. Những đường lưu thông phụ trợ được thêm vào bên dưới và xuyên qua các khu vực nền hầm của các tòa cao ốc tư nhân. Trong khu phức hợp Diamor, các lối đi công cộng dành cho khách bộ hành thường rộng rãi và sáng rực. Toàn bộ khu vực tầng hầm được chia thành tám phần phân cách bằng các vách ngăn để tránh sự lan tỏa của khói và khi xảy ra hỏa hoạn. Ngoài ra còn có hệ thống đèn lưu thông và còi báo động, lối thoát hiểm. Một Trung tâm Điều phối Thông tin theo dõi thông tin trong các điều kiện của tầng hầm và nối với các trung tâm phòng tránh tai họa của các tòa nhà liên thông. Khu vực chính của trung tâm có một mái vòm có thể tự động chuyển dịch làm lỗ thông thoáng trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn cùng các trang thiết chữa cháy có thể điều khiển từ xa ngay tại Trung tâm Điều phối Thông tin.

Các toà nhà dân sự và thương mại

Khi Đông Kinh rơi vào sai lầm lớn đã vực dậy từ đống tro tàn của



Chi tiết trích từ sảnh đường thành phố Tokyo của Kenzo cho thấy sự tập trung cao vào chi tiết và mô hình gợi nhớ bảng vi mạch điện tử.

Thế chiến II, sự thúc ép kiến trúc duy nhất là nhu cầu phát triển các cấu trúc chịu được những trận động đất. Kết quả của thái độ thử nghiệm, phối hợp với sự thịnh vượng hậu chiến, đã làm phát sinh nhiều kỹ thuật kiến trúc hiện đại cho những tòa nhà dân sự và thương mại.

Để đương đầu với những nguy cơ liên tục của những trận động đất, nhiều kiến trúc sư Nhật và nước ngoài nỗ lực tìm cách giải quyết. Những phát triển kỹ thuật về cả thiết kế và xây dựng đã cho phép các kiến trúc sư thử nghiệm các khái niệm mới theo hướng phù hợp với suy nghĩ và trải nghiệm cá nhân thực hiện đã từng có mặt tại nước Nhật sau chiến tranh.

Vì Đông Kinh là trung tâm quyền lực, thương mại, và văn hóa đương đại ở Nhật, nó thu hút một số kiến trúc sư giỏi nhất và sáng tạo nhất của thế giới, như Tange Kenzō, Isozaki Arata, Maki Fumihiko, Kurokawa Kishō, và Andō Tadao. Phần lớn kiến trúc sư đương đại nhất của Nhật được đào tạo ở tầm quốc



Nhà mái vòm Osaka, một tòa nhà đa mục tiêu với một mái vòm có thể co vào.

tế và cho thấy sự ảnh hưởng của kiến trúc sư Thụy Sĩ Le Corbusier và kiến trúc sư Đức Walter Gropius.

Tòa nhà chọc trời đầu tiên ở Nhật, Kasumigaseki, được hoàn tất năm 1968, kết hợp với công nghệ chống động đất hiện đại nhất. Một số các tòa nhà chọc trời khác được xây dựng ngay sau đó. Tòa Thị sảnh Đông Kinh là tòa nhà cao nhất ở Đông Kinh khi nó được hoàn tất năm 1990. Đó là đứa con đẻ của Tange Kenzō, người đã thiết kế khu phức hợp cung thể thao cho Thế vận hội Đông Kinh năm 1964. Một trong những tòa cao ốc cách tân nhất trên thế giới lúc bấy giờ. Tange đã là quán quân của những gì được gọi là Phong cách Quốc tế hoặc Phong trào Hiện đại. Tòa nhà chính của Thị sảnh Đông Kinh, với tòa tháp đôi, cao 48 tầng. Trên đỉnh của cả hai tòa tháp được xoay 45 độ, tạo cho tòa nhà một sự xoắn vặn phá vỡ sự cân đối và tạo ra một cảm nhận về động lực. Bề mặt được làm bằng kính, đá granite và cẩm thạch, quyện thành một mô hình phong phú và phức tạp. Tòa tháp đôi là một phần của trung tâm thương mại "hậu-hiện đại" bề thế được xây dựng theo cùng bản thiết kế và các vật liệu tương tự. Hàng ngày có trung bình khoảng 6.000 người, phần lớn là du khách tới thăm tòa Thị sảnh.

Tòa nhà Diễn đàn Quốc tế Đông Kinh nằm ở trung tâm của khu tài chính Marunouchi, có 144.000 thước vuông các tiện ích văn hóa, bao gồm các viện bảo tàng, nhà hát, và phòng trưng bày nghệ thuật. Được hoàn tất năm 1996, đó là một sự phối hợp hiện đại các tòa nhà vuông phản ảnh kiến trúc truyền thống của khu vực xung quanh và sảnh đường có đường nét cong, hình lá của các đường xe lửa kề cận nhau. Tòa nhà ấy cao 57 mét, rộng 30 mét và dài 210 mét. Ở hai đầu là những cột đỡ các dây cáp tạo nên cấu trúc cơ bản cho một không gian nội thất rộng lớn có những tầng bậc khác nhau của những con đường dành cho người bộ hành. Ảnh hưởng toàn bộ là một mái vòm bằng kiếng loại nhẹ và duyên dáng.

Nhiều thành phố khác ở Nhật Bản cũng là những điển hình hấp dẫn của lối kiến trúc hiện đại. Ở đây ta chỉ đề cập một số ít. Tòa nhà Solar Ark, hoàn tất ở thành phố Gifu năm 2002, là một tòa nhà của trạm năng lượng mặt trời đồ sộ do công ty điện lực Sanyo xây dựng, tòa nhà lớn nhất thế giới của loại này. Tòa







1-Tòa nhà Solar Ark của Sony ở thành phố Gifu, là trạm phát điện mặt trời lớn nhất thế giới.

2-Tòa nhà Diễn đàn Quốc tế Đông Kinh là một sảnh đường có hình chiếc lá uốn cong với một nội thất rất thoáng và một mái vòm kiếng phía trên thật ấn tượng.

3-Tòa tháp đôi của Thị sảnh thành phố Tokyo được phủ mặt ngoài bằng kính, đá granite và cẩm thạch quyện lại thành một mô hình phức tạp.

4-Cung Thể thao Thành phố Akita được tạo hình theo vận động trường Olympiad ở Hy Lạp.



nhà này dài 315 mét được thiết kế giống như một chiếc tàu thời Đại Hồng Thủy đang hướng tới tương lai. Kết cấu của nó chỉ được chống chịu trên bốn cột lớn, cho ta có cảm giác như nó đang nổi trong không gian. Hơn 5.000 tổ hợp năng lượng mặt trời được treo móc trên bức tường phía nam sản xuất gần 530.000 kilowatt điện mặt trời mỗi năm và cũng chiếu sáng 77.200 tấm đỏ, xanh lục và xanh lam đèn chiếu LED được điều khiển bằng vi tính tạo ra những hình ảnh thị giác khác nhau đáng ngạc nhiên.

Hai tiện ích công cộng có giá trị được ghi nhận là nhà vòm Osaka Cung Thể thao Thành phố Akita. Tòa nhà vòm Osaka khai trương năm 1997, một cấu trúc đa mục tiêu với một mái vòm có thể xếp lại, bao gồm một sân bóng chày, một sân khấu hòa nhạc, các hành lang trưng bày nghệ thuật, các khu vực giải trí và nhà hàng ăn, và các khu tiện ích



Tòa tháp đôi của tòa nhà chọc trời Umeda ở Osaka được nối kết nhau bởi một đài quan sát thiên văn "vườn treo."

dùng cho triển lãm và hội họp. Tòa nhà cũng có một tầng hầm với chín tầng ngầm dưới đất. Hình thức gợn sóng xung quanh dàn mái với ngụ ý hòa quyện cùng mây trời. Cung Thể thao Thành phố Akita khai trương năm 1994, được tạo hình theo vận động trường thế vận hội Olympiad Hy Lạp. Nó cao 40 mét, cung thể thao lớn nhất vùng Tohoku.

Một trong những tòa nhà hiện đại ngoạn mục nhất ở Nhật là tòa cao ốc **Umeda** ở Osaka, hoàn tất năm 1993, bao gồm các tháp cao chọc trời 40 tầng được nối kết nhau bằng đài quan sát "vườn treo," đem lại một cảnh quan ngoạn mục của thành phố. Ngụ ý ban đầu của kiến trúc sư trưởng, Hara Hiroshi, là tạo một thành phố rộng lớn trong không trung, được sự phối hợp của các tháp chọc trời nối kết lại do các thang máy, các cầu nối, và các vườn treo. Mặc dù cấu trúc hiện nay chưa thỏa giấc mơ về sự hùng vĩ, nó vẫn trở thành điểm đến đầu tiên của du lịch Osaka.

Mục lục



NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC NHẬT BẢN
David & Michiko Young



NHÀ XUẤT BẢN MỸ THUẬT
44B Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT : 8.225473 - 9.436126 - Fax : 9.436133



Chịu trách nhiệm xuất bản : **CỒ THANH ĐẠM**
Biên tập : **Hà Nguyên Thạch**
Trình bày: **Ngọc Tú**
Vẽ bìa : **Hs. Nguyễn Hùng**
Sửa bản in : **Hà Nguyên Thạch**



CÔNG TY VĂN HÓA VĂN LANG - NS. VĂN LANG
25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.I, TP HCM
DT . 8.242157 - 8.233022 - Fax : 84.8.235079



In 1000 cuốn khổ 14,5x20.5cm tại Xưởng in CN Trung Tâm Hội Chợ Triển Lãm Việt Nam.
Số đăng ký QĐ-66/2007/CXB/17-04/MT ngày 24/01/2007.
In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2007.

Nghệ thuật kiến trúc NHẬT BẢN

Nhiều phong cách kiến trúc đã phát triển suốt chiều dài lịch sử Nhật Bản. Nội dung sách cung cấp một cái nhìn tổng quát về nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản trong bối cảnh văn hoá và lịch sử từ cổ đại đến ngày nay.

Tác giả trình bày, dẫn chứng và lý giải kèm theo những hình ảnh, biểu đồ, minh hoạ từ chỗ ở buổi đầu là hầm hố đến lâu đài, nhà ở, phòng trà; từ đền chùa Phật giáo, các điện thờ Thần đạo, các nhà hát và thành quách... những cấu trúc có từ thời tiền sử cho đến những biệt thự, cao ốc đầy đủ tiện nghi tân kỳ và hiện đại vào cuối thế kỷ 20.



CTY VH VĂN LANG
Nhà Sách VĂN LANG
25 Ng. T. Minh Khai, Q.1 * ĐT: 8233022 * Fax: 8235079
01 Quang Trung, Q. Gò Vấp * ĐT: 9894523 * Fax: 9894522
9 Phan Đăng Lưu, Q.BT, TP. HCM * ĐT: 8413306
E-mail: vanlangmt@yahoo.com



Giá: 90.000 đ